

ĐÔNG A SÁNG

47

quy
kể

SACHHOC.COM



BỐN MƯƠI BẢY QUỶ KẾ

By Đông A Sáng.

Copyring Đông A Sáng.

Smashwords Edition.



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Chương một CON NGƯỜI VÀ CUỐN SÁCH KỶ LẠ XƯA NAY

Chương hai : BỐN MƯƠI BẢY QUỶ KẾ

Tiết 1 : Thuật mở đóng (Bãi hạp chi thuật)

Tiết 2: Phản ứng (Phản ứng chi thuật)

Tiết 3 : Kế sách vẹn toàn (Nội kiện chi sách)

Tiết 4: Sách lược tìm kẻ hở (Hư khích chi sách)

Tiết 5: Tự do và kiềm chế (Phi kiềm chi thuật)

Tiết 6:Theo hay bỏ (Phản hợp chi thuật)

Tiết 7 : Phán đoán, cân nhắc (Suy tình chi thuật)

Tiết 8: Xung kích (Ma ý chi thuật)

Tiết 9:Cân nhắc nặng nhẹ (Quyền hành chi thuật)

Tiết 10: Mưu lược (Mưu lược chi đạo)

Tiết 11: Quyết định (Quyết sách chi thuật)

Tiết 12:Lời nói và sự thực(Phù ngôn chi thuật)

Tiết13 : Cứu nguy (Đảo nguy chi sách)

AUTHOR :

mailto:<http://blog,%20smahwords.com>

LỜI NÓI ĐẦU

Quỷ Cốc tử là tên của một nhân vật kỳ lạ, đồng thời là tên một cuốn sách lạ kì nhất xưa nay trong lịch sử Trung Quốc. Gọi là "thiên cổ kì nhân, thiên cổ kì thư". Đây là lời đánh giá khen ngợi, hiếm hoi đối với người và tác phẩm.

1. Quỷ Cốc tử là nhân vật kỳ lạ !

Tên tuổi, thân thế, hành tung của Quỷ Cốc được bao phủ bởi những truyền thuyết đậm màu sắc thần thoại, hư ảo.

Ông là một người đa tài, môn gì cũng hay, đứng đầu nhiều môn học thuật: Âm dương gia; tung hoành gia; một nhà thần toán giang hồ; một chính trị gia lỗi lạc, lục thao tam lược gồm tài và cũng là một thần y nổi tiếng.

Một cao sĩ ẩn dật ở cùng cốc, thâm u như hang quỷ nhưng việc gì cũng biết, rất gần gũi với nhân dân làng chợ, đường quê; thu nhận nhiều đệ tử và dạy dỗ rất tận tâm.

Có bốn đệ tử nổi danh kim cổ: Võ là Tôn Tần, Bàng Quyên; văn là Tô Tần, Trương Nghi, đã tung hoành ngang dọc, tham dự cuộc tranh hùng dữ dội của bảy nước, thời Chiến Quốc.

2. "Quỷ Cốc tử "là một cuốn sách lạ kì !

Chứa đầy mưu kế kì lạ, quỷ khốc thần kinh, dành cho các bậc đế vương tu thân, cai trị đất nước một cách thông minh. Các biện sĩ, kì sĩ, mưu sĩ thuyết phục thiên hạ để tiến thân.

Các nhà quân sự, tướng lĩnh quyết thắng trên chiến trường. Những người lãnh đạo thành công trong việc hiểu người, dùng người để gây dựng sự nghiệp.

Những người bình thường dùng để phòng thân, sắp xếp việc nhà, đối nhân xử thế, làm ăn, kinh doanh, buôn bán.

Có trăm mưu ngàn kế nhưng cuốn sách này quy về một nguyên lý là đánh vào lòng người, có người gọi mưu kế của Quỷ Cốc là tâm thuật đấu pháp, thuật hoặc phương pháp đánh vào lòng người. Là dùng mưu kế chống lại 36 mưu kế lưu hành xưa nay trong thiên hạ.

"Quỷ Cốc tử" còn chứa đựng nhiều tư tưởng sâu xa, ảo diệu càng đọc kỹ càng phát hiện ra những điều mới mẻ. Một từ là một chuỗi mưu kế xảo diệu, dùng hoài không hết. Một câu ngắn gọn là phương pháp rèn luyện tư tưởng, ý chí và dũng khí. Khi đã thủ đắc được thì rất tự tin.

Trải qua 2000 năm, cuốn sách đã được nhiều học giả chuyên tâm chú giải, trong đó có 4 người nổi tiếng là Nhạc Phong, Hoàng Phủ Thụ, Doãn Tri và Đào Hoảng Cảnh.

Quỷ Cốc tử và cuốn sách của ông đã gây nhiều tranh luận sôi nổi bất tận của nhiều nhà nghiên cứu xưa và nay. Đại văn hào Liễn Tông Nguyên cũng rất hăng hái nhập cuộc. Đại thi hào Lý Bạch ngày xưa cũng từng làm thơ ca ngợi Tô Tần đệ tử của Quỷ Cốc.

Quỷ Cốc tử, con người và tác phẩm đã trở thành huyền thoại là đề tài hấp dẫn của tiểu thuyết, phim ảnh Trung Quốc và Hồng Kông.

Gần đây, một nhà xuất bản Trung Quốc đã chọn lọc, hệ thống các công trình nghiên cứu thành sách gọi là "Quỷ Cốc tử toàn thư". Cuốn sách đã nêu ra 47 mưu kế, khai thác trong sách của Quỷ Cốc, áp dụng thành công trong nhiều lĩnh vực như tâm lý học, ngôn ngữ học, thuật hùng biện, khoa học quân sự...

Mỗi mưu kế có dẫn chứng, minh họa bằng những tiểu truyện hấp dẫn, thú vị trong các tác phẩm nổi tiếng như "Sử kí" Tư Mã Thiên, "Tả truyện", "Chiến Quốc sách", "Đông Châu liệt quốc", "Tam Quốc chí" .

Là một quyển sách công phu, hay và mới lạ nên chúng tôi biên dịch, sắp xếp, để công hiến bạn đọc.

Chương một: QUỶ CỐC TỬ – CON NGƯỜI VÀ CUỐN SÁCH KÌ LẠ XƯA NAY

A. QUỶ CỐC TỬ CON NGƯỜI KÌ LẠ NHẤT XƯA NAY:

Các nhà nghiên cứu văn hoá Trung Quốc cho rằng Quỷ Cốc là con người kì lạ bậc nhất xưa nay trong lịch sử (thiên cổ kì nhân).

Chữ kì hàm nghĩa là kì lạ, đặc sắc, độc đáo, độc sáng và cũng có thể là kì quái, có một không hai.

1. Kì lạ là tên ông được nhiều sách vở nhắc đến nhưng rất ngắn gọn, nhiều giả thiết rất thú vị:

Nhiều cuốn sách như : "Sử kí", "Tô Tần liệt truyện", "Trương Nghi liệt truyện", "Phong tục thông nghĩa"...đều đề cập đến tên Quỷ Cốc, nhưng rất ngắn gọn.

Ví dụ: Tô Tần người Lạc Dương học với Quỷ Cốc hoặc Trương Nghi người nước Ngụy cùng với Tô Tần học với Quỷ Cốc

Tên Quỷ Cốc cũng được các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều giả thuyết:

Theo "Đông Châu liệt quốc", Quỷ Cốc là tên của cái hang ở đất Dương Thành thuộc địa phận nhà Chu. Chỗ ấy núi cao rừng rậm, âm khí nặng nề, không có người ở. Trong núi ấy có người ẩn sĩ đặt hiệu cho mình là Quỷ Cốc.

chữ Quỷ, "Hán thư nghệ văn chí" giải thích: Quỷ là u hiển, u là ẩn, hiển là lộ.

Có sách giải thích là Quy, dựa vào câu Quỷ Cốc trả lời Trương Nghi và Tô Tần: "Ngô tử vu sơn cốc. Thế luận vị dư Quỷ Cốc dã".

Theo truyền thuyết dân gian, mẹ của Quỷ Cốc ăn nhầm thức ăn đựng trong cái chén làm bằng xương quỷ nên gọi là Quỷ Cốt.

Thường thì người ta gọi Quỷ Cốc là Quỷ Cốc tử. Tử là thầy, chữ này xuất hiện đời Tần, tỏ ý kính trọng.

Có thuyết thì nêu danh tính đầy đủ hơn một chút: Quỷ Cốc tử là một tung hoành gia thời đại Chiến Quốc. Ông họ Vương, tên Hủ, tự là Danh Lợi, dân gian gọi là Vương Thiên lão tổ.

Hầu như nhiều nhà nghiên cứu đồng ý với thuyết này và thường dùng để dẫn khi viết về Quỷ Cốc

2. Thân thể Quỷ Cốc có nhiều truyền thuyết, đậm màu sắc thần thoại:

Truyền thuyết dân gian cho rằng, mẹ Quỷ Cốc ăn nhầm thức ăn đựng trong cái bát bằng xương quỷ, thụ thai và mang thai đến ba năm sáu tháng mới sinh ra ông. Bà mẹ sinh xong thì mất.

Ông được con cạp già cho bú mớm nuôi nấng. Ngày đêm theo cạp đi kiếm ăn, nên rất tinh ma quỷ quái, chuyên dạy cho người ăn nói khoa trương và mưu kế.

Ban đầu ông không biết chữ nhưng đã sáng tạo ra được 60 giáp tí để đoán vận mệnh và thuật bói toán, gọi là "Vô tự đại thư", quyển sách lớn không chữ. Nên người đời rất khâm phục kính trọng gọi ông là Quỷ Cốc thần sinh.

Phùng Mộng Long, tác giả Đông Châu liệt quốc cho rằng: Quỷ Cốc tiên sinh là một ẩn sĩ thông hiểu mọi lẽ trong trời đất, có mấy môn học vấn, không mấy người theo kịp. Đó là:

1) Số học, nhật nguyệt tượng vĩ đều thu ở bàn tay, xem việc trước, đoán việc sau, nói gì cũng linh nghiệm.

2) Binh học, lục thao, tam lược biến hóa vô cùng, bày trận hành binh, quỷ thần không biết.

3) Du thuyết học, nhớ rộng nghe nhiều, hiểu rõ lý thế, buông lời hùng biện, muôn miệng khôn đương.

4) Xuất thế học, giữ toàn chân tính, luyện thuốc nuôi mình, không ốm không chết, đắc đạo thành tiên.

Có thuyết cho rằng Quỷ Cốc là bạn thân của Mặc Dịch, một lý thuyết gia của chủ nghĩa kiêm ái, tức là yêu thương tất cả mọi người.

Quỷ Cốc cũng từng gặp Lão tử, người đời tôn là Thái Thượng lão quân, ở Hàm Cốc. Mặc dù học thuyết có khác nhau nhưng đàm luận với nhau rất tương đắc và cùng nhau du sơn, ngoạn thủy nhiều nơi.

3. Sinh ở thời đại cá lớn nuốt cá bé quyết liệt:

Các nhà nghiên cứu xác định Quỷ Cốc sống trong khoảng cuối thời Xuân thu Chiến quốc và đầu Chiến quốc thời đại.

a. Xuân Thu thời đại (770 – 476 TCN): thời kì nhà Chu suy yếu, các chư hầu, các địa phương cát cứ mỗi nơi. Lúc này có khoảng 140 nước. Các nước lớn thôn tính dần các nước nhỏ.

b. Chiến Quốc thời đại (475–221 TCN): thời kì chỉ còn 7 nước, 3 nước mới thành lập là: Hàn, Ngụy, Triệu ; bốn nước cũ là Tần, Tề, Sở và Yên.

Ngay thống kê trên cũng đủ thấy một thời đại nhiễu nhương, chiến tranh ác liệt, cá lớn nuốt cá bé, trên 100 nước nhỏ bị tiêu diệt, còn lại bảy nước tranh hùng, để rồi còn một nước. Đó là nước Tần.

4. Có bốn đệ tử lớn tung hoành, ngang dọc một thời:

Cũng theo truyền thuyết, Quỷ Cốc đã thu nhận rất nhiều học trò. Học trò rất đông, ai đến học thì học, ai muốn bỏ đi thì bỏ đi. Tùy theo tư chất từng người để dạy, ai muốn học thuật gì thì truyền thụ thuật ấy.

Chắc vì thế, những học trò sau khi xuống núi hành nghề, truyền đạo, viết sách, phong ông làm tổ sư hoặc là người sáng lập ra các học phái: Âm dương gia, Tung hoành gia, Chính trị gia, Du thuyết gia.

Trong số học trò của Quỷ Cốc có 4 người nổi tiếng là Tôn Tẫn, người nước Tề ; Bàng Quyên, Trương Nghi, người nước Ngụy ; Tô Tần, người Lạc Dương.

Tôn Tẫn, Bàng Quyên học binh pháp. Trương Nghi, Tô Tần học nghề du thuyết. So sức học thì Tôn Tẫn giỏi

hơn Bàng Quyên; Tô Tần tự cho sức học của mình không bằng Trương Nghi.

a. Bàng Quyên được cử làm nguyên soái nước Ngụy, lấn các nước nhỏ như Vệ, Tống, đánh bại được quân Tề. Vua các nước Tống, Lỗ, Trịnh, Vệ, thường phải đến châu vua nước Ngụy.

Xét cho cùng Bàng Quyên là người tài giỏi nhưng vì ghen tài trở nên độc ác, chặt chân đày ải Tôn Tần. Lập được công lao sinh chủ quan, cho mình là thiên hạ vô địch nên bị bại dưới tay Tôn Tần .

b. Tôn Tần, sau khi thoát nạn Bàng Quyên, theo Điền Kị, nước Tề. Tôn Tần giúp Tề Uy Vương đánh Ngụy để cứu Triệu, giết chết Bàng Quyên ở Mã Lăng, buộc nước Ngụy phải thần phục nước Tề.

c. Tô Tần, được ca ngợi là một mưu lược gia bậc nhất về hợp tung của thời Chiến Quốc.

Tô Tần không ngại xa xôi đến xin học Quỷ Cốc.

Học xong, Tô Tần đã đến các nước Châu, Tần, Triệu...nhưng không được dùng. đành phải quay về, quần áo rách bươm, người tiều tụy xơ xác. Thấy vậy vợ không thèm chào, chị dâu không nấu cơm cho ăn.

Tô Tần phải đem sách của Quỷ Cốc ra học, lấy dùi đâm vế để khỏi ngủ gật, thêm một năm nữa. Sau đó, lên đường đến nước Yên.

Theo sử sách nước Yên là một nước yếu nhất giữa các cường quốc. Tô Tần được vua Yên tin dùng, và đề xướng thuyết hợp tung, liên kết sáu nước (Tề, Sở, Triệu, Hàn, Ngụy và Yên) để chống Tần.

Tô Tần làm Tướng quốc ba nước Yên, Triệu, Tề. Tên tuổi Tô Tần nổi danh khắp chư hầu. Tài hùng biện của Tô Tần như nước chảy, có thể làm đổ cả thành cao ngàn trượng, làm gãy cả địa thế xung yếu dài hàng trăm xích. Lí Bạch làm thơ khen:

Lạc Dương, Tô Quý Tử,

Kiểm kích sâm từ phong.

Lục ẩn tuy vị bội.

Hiên xa nhược phi long.

Tạm dịch:

Thành Lạc Dương có Tô Quý Tử.

Lời nói sắc như như kiếm, kích,

Tuy chưa mang ẩn sáu nước.

Nhưng xe ngựa đi lại, khác gì rồng bay.

c. Trương Nghi cũng học với Quỷ Cốc.

Sau khi xuống núi đi du thuyết chư hầu. Có lần Trương Nghi uống rượu với Tướng quốc nước Sở, bị nghi ngờ trộm ngọc. Bọn thuộc hạ của Tướng quốc đánh cho 1 trận la lét, Trương Nghi không nhận tội.

Về đến nhà, vợ chửi chửi vì do học du thuyết mà mang họa vào thân. Trương Nghi chỉ hỏi lưỡi mình còn không. Vợ tức cười, đáp còn. Trương Nghi nói: Thế là đủ!

Chúng ta ông tin vào miệng lưỡi và tài hùng biện của mình như thế nào!

Trương Nghi đến cầu cạnh Tô Tần, bị Tô Tần lừa, buộc phải vào Tần dùng thuyết liên hoành để thuyết Tần Huệ Vương, và ông được tin dùng. Trương Nghi góp phần giúp nước Tần cường thịnh, mở mang đất đai, làm cho nước Sở suy yếu, dọn đường cho việc thống nhất Trung Quốc.

Giai thoại Trương Nghi rất nhiều: Những ngày hàn vi đã từng xoay tiền vua Sở và vàng bạc của người yêu vua Sở. Lúc thành danh cũng đã mấy lần lừa dối vua Sở. vua Sở tức giận muốn ăn thịt nhưng cuối cùng đành phải thả.

Tôn Tần, Bàng Quyên, Tô Tần, Trương Nghi được xem là tứ đại đệ tử của Quỷ Cốc. Bốn người đã từng làm mưa làm gió trong một thời Chiến quốc.

Bàng Quyên chết dưới tay Tôn Tần. Tô Tần bị hành thích, dấn vua Tề chặt đầu mình treo giữa chợ để tìm hung thủ. Thuyết khác cho rằng Tô Tần vì làm phản gián cho nước Yên nên bị vua Tề dùng xe xé xác.

Trương Nghi chết tại quê nhà. Tương truyền, chỉ có Tôn Tần theo thầy Quỷ Cốc tu tiên.

5. Nói chung, tên tuổi, thân thế của Quỷ Cốc chỉ là những giả thuyết, dã sử.

Nhưng chắc chắn rằng ông là một người rất uyên bác, sáng lập ra nhiều môn học, nhiều đệ tử ưu tú.

Ông được nhân dân mọi thời yêu mến, dựng nên truyền thuyết đậm nét thần thoại. Qua màn sương thần thoại, hình tượng Quỷ Cốc rất thực nhưng lại lung linh, kì ảo như thần tiên, tạo nên sức hấp dẫn lạ lùng.

Chính vì vậy, hình tượng Quỷ Cốc là một đề tài lôi cuốn các nhà viết sử, nghiên cứu văn học, các tiểu thuyết gia và gần đây là điện ảnh.

b. Quỷ Cốc Tử - cuốn sách lạ kỳ xưa nay

I. Chân và ngụy.

Quỷ Cốc tử vừa là hiệu của Quỷ Cốc, đồng thời cũng là tên gọi của một cuốn sách.

Con người kì lạ bao nhiêu thì cuốn sách cũng kì lạ bấy nhiêu ! Gọi là "thiên cổ kì thư".

Quỷ Cốc tử là một cuốn sách chân hay ngụy ? Thật hay giả?

Chân tức là chính tay Quỷ Cốc viết. Giả là người đời sau viết và gán cho Quỷ Cốc.

Cuộc tranh luận cũng đã tốn rất nhiều giấy mực và không ngừng nghỉ. Hàng trăm cuốn sách nghiên cứu, mỗi cuốn sách đều mang giả thuyết khác nhau nhưng quy về ba giả thuyết chính:

Cuốn Quỷ Cốc tử là do Quỷ Cốc viết (Trung hưng mục, Đàm thư chí...)

Cuốn Quỷ Cốc tử là do Tô Tần, đại đệ tử của Quỷ Cốc viết (Tân Đường Thư, Nghệ văn chí...)

Cuốn này do người đời Lục triều là Ngụy Trát viết và gán cho Quỷ Cốc (Cổ ngọc kim thư khảo). Gọi là ngọc thư.

Mỗi tác giả đều đưa ra nhiều chứng cứ để bênh vực cho giả thuyết của mình. Cuộc tranh luận chắc vẫn còn sôi nổi. Người ta chỉ chờ môn khảo cổ làm trọng tài, khi tìm ra được chứng liệu xác thực.

II. Tứ đại gia chú giải.

Cuốn Quỷ Cốc tử được nhiều học giả quan tâm và chú giải rất sớm. Nhưng có bốn người nổi tiếng, gọi tứ đại gia về chú giải.

1. Lạc Phong là người chú giải cuốn Quỷ Cốc tử sớm nhất trong lịch sử. Không rõ niên đại nhưng người ta ước tính vào thời Ngụy – Tấn.

2. Hoàng Phủ Thụ khoảng năm 215 – 282.

3. Doãn Tri, không rõ năm sinh.

4. Đào Hoảng Cảnh khoảng vào năm 452 – 536.

III. Quyền và mục:

Sự phân chia quyền và, thiên, mục cũng khá phức tạp.

Theo các nhà nghiên cứu thì cách phân chia của Đào Hoảng Cảnh là tương đối hợp lý. Gồm ba quyền, thượng, trung, và hạ.

1. Quyền thượng có 4 thiên: Bối hạp, Phản ứng, Nội kiện, Đê.

2. Quyền trung gồm 8 thiên: Phi kiềm, Ngổ hợp, Sủy, Ma, Quyền, Mưu, Quyết, Phù ngôn.

3. Quyền hạ gồm 2 phần: Bản kinh âm phù và Trung kinh (Trì khu).

Riêng trong sách này được chia làm 13 tiết gồm 47 mưu kế. Phần bản Kinh âm phù và Trung kinh gọi là Trì khu được tóm lược ở phần giới thiệu chung.

IV. Quỷ Cốc Tử, một cuốn sách giáo khoa đặc sắc của nhiều môn học:

Chữ ngụy, chỉ việc lấy tên người khác gán cho sách của mình, không phải nghĩa là phê phán chân giá trị bản thân cuốn sách đó.

Vì vậy, cuốn Quỷ Cốc tử dù của Quỷ Cốc hay không vẫn được các nhà nghiên cứu đánh giá rất cao. Là cuốn giáo khoa đặc sắc về tâm lý học, ngôn ngữ học, thuật hùng biện, khoa học quân sự...

1. Về tâm lý, sách cho rằng dù trăm phương ngàn kế cũng đều qui về tâm lý con người, đánh vào trúng tâm lý, sở thích, dục vọng của con người, thì thành công.

Ví dụ: Người giàu có thì thích địa vị. Kẻ dưng cảm, cương cường dọa dẫm họ là điều vô nghĩa, khích bác họ thì mới thành công. Người uyên bác thích lý luận, nói nhiều ... kẻ trí tuệ thấp thì hay bị lừa. Kẻ bần cùng thì dễ bị mê hoặc bởi lợi lộc.

2. Về ngôn ngữ, nghe người ta nói có thể hiểu được sự buồn, vui, giận, ghét của người đối thoại.

Nghe âm thanh, ngôn ngữ âm nhạc, có thể biết được nhân cách của người sáng tạo và sự hưng suy của một nước.

3. Về hùng biện, nếu sử dụng thành thạo, xảo diệu thuật đóng mở (bãi hạp), thì không chỉ thuyết phục được người, một nước, mà còn thuyết phục được cả thiên hạ.

Hai người giỏi nhất trong nghệ thuật hùng biện, miệng lưỡi sắc hơn đao kiếm, làm nghiên ngửa thiên hạ là Tô Tần, Trương Nghi.

4. Về quân sự, thì chính binh không bằng kỳ binh. Phải chế ngự được kẻ thù, phải ra tay trước. Lấy tám lạng để bẹp được ngàn cân. Có khi không cần đánh mà thắng. Lợi dụng địa hình để đánh địch. Dùng vàng bạc để làm tan

rã hàng ngũ địch. Cắt lực lượng địch, phân tán địch, làm cho địch mỗi một, dừng khí địch tiêu tan.

V. Cuốn sách lắm mưu nhiều kế:

Cái kỳ lạ nhất của cuốn sách Quỷ Cốc tử chứa lắm mưu nhiều kế, quỷ khốc thần kinh, thiên biến vạn hóa và dùng mãi không hết.

Thông thường người ta xa lánh những người mưu kế thủ đoạn. Các từ ngữ mưu kế, thủ đoạn bị lên án, ngộ nhận vì do những kẻ "ác tâm", gọi là "lang hổ chi tâm", lòng lang dạ sói, thi hành để đạt mục đích xấu.

1. Mưu kế là gì?

Thực chất mưu kế, thủ đoạn, kế hoạch sản sinh từ đời sống thực tiễn của con người:

Một người đi tìm ngọc trên núi, một người đi biển dò lường cá. Ngoài hành trang, người ta phải đem theo la bàn để định phương hướng. Đó là kế hoạch, mưu kế, thủ đoạn.

Một người thợ săn muốn bẫy thú phải đánh động, gõ vào vật liệu gì đó, đá chẳng hạn, để thú hoảng sợ chạy ra và tóm lấy. Đó là kế "Đầu thạch vấn lộ", đánh vào đá để hỏi đường.

Một người quan sát các hiện tượng thiên nhiên, khí trời nóng khi lạnh, Xuân qua Hè lại, Thu đi Đông đến. Đó là nguyên lý của kế Âm dương tương tế.

Cây gãy vì côn trùng đục khoét, bức tường đổ là do rạn nứt lâu ngày. Đó là nguyên tắc của sách "hư khích", kẻ hở; sản sinh ra kế ly gián, phản gián.

Con hổ trước khi vồ mồi thì thu mình lại để lấy thế và nhảy ra. Đó là kế "Dĩ khuất cầu thân", co để duỗi.

Con thỏ thấy hổ quá mạnh, co chân chạy. Là kế "Bất tiến nhi thoái", không tiến thì lùi. Chạy để bảo toàn tính mạng là thượng sách (Tam thập lục kế tẩu vi thượng sách).

Trong đời sống có bao nhiêu hiện tượng thì có bấy nhiêu mưu kế, người ta gọi là "trăm phương nghìn kế" không phải không có căn cứ.

"Quy Cốc tử" là cuốn sách đã hệ thống những hiện tượng, những quy luật trong đời sống thực tiễn thành mưu kế độc đáo, thông minh và cô đọng nhất.

2. Có căm ghét mưu kế, thủ đoạn cũng không thể bỏ được. Vì sao?

Vì nguồn gốc của mưu kế sản sinh từ đời sống, do đó, người ta căm ghét xa lánh nó cũng không thể được, nó vẫn tồn tại một cách khách quan trong cuộc sống hàng ngày.

Nhiều mưu kế trở thành bản năng, phản ứng tự nhiên, mà đôi khi người ta cũng không nghĩ đó là mưu kế nữa.

Một chàng trai muốn tán tỉnh một cô gái, hé mở cho cô ta biết mình là con nhà gia thế, thông minh học giỏi, sẽ chung tình trước sau như một. Tức là anh chàng đang sử dụng một lúc hai thủ đoạn: "Bãi hạp" (úp úp mở mở) và "Hư trương thanh thế" (phô trương).

Muốn giúp một người sa cơ lỡ vận có công ăn việc làm, bạn đã giới thiệu với người khác là người này rất tài giỏi, trung thành, tận tâm. Tức là bạn đang sử dụng chiêu "Vô trung sinh hữu" (từ không sinh có).

Bạn không thích nghe tiết mục quảng cáo nhưng vẫn thuộc lòng lời giới thiệu một cách rành rẽ. Bạn đang vướng vào kế "Chúng khẩu luyện kim" (nói mãi phải tin) của các nhà kinh doanh.

Bạn quyết định một chuyến đi xa nhưng nghe người khác nói ra nói vào, không đi nữa. Cuối cùng đã mất một cơ hội quan hệ làm ăn. Bạn đã phạm sai lầm của kế "Đương đoán bất đoán" (do dự, thiếu quyết đoán).

Thậm chí, bạn hảo tâm cho người hành khất một đồng tiền, chén gạo... Dưới cặp mắt của nhà mưu kế, đó là kế "Tử nhi hậu sinh" (chết để sống), phòng khí hoạn nạn có người giúp mình.

Trong tục ngữ Việt Nam cũng lưu truyền nhiều câu đậm màu sắc mưu kế: "Đèo cày giữa đường". Tức là không tự chủ, thiếu quyết đoán. Đồng dạng với kế "Đương đoán bất đoán".

"Nói dối như Cuội". Đồng dạng với kế "Dĩ giả cầu chân" (lấy giả làm thật).

"Anh hùng khi gặp khúc lươn. Khi cuộn thì ngắn, khi vươn thì dài".

Người anh hùng gặp gian nan phải biết co lại để dấu mình, che mắt đối phương.

Đồng dạng với các kế: "Dĩ khuất cầu thân" (co để duỗi), "Giả si bất điên" (giả ngu si nhưng không điên).

Truyện Kiều, Hoạn Thư ghen lạ đời đã sử dụng hai thủ đoạn: Bên ngoài thon thót nói cười. mà trong nham hiểm giết người không dao. Đồng dạng với kế "Tiểu lí tàng đao" (nụ cười chứa đao kiếm). Làm cho đũa ở chủ nhà đôi nơi. Đồng dạng với kế "Xảo bố nghi vấn" (lì gián).

Thúc Sinh không dùng kế "Chính ngôn bất hủ" (không ngại nói thẳng) như Kiều đã dặn, lại dùng kế "Sơ nhi bất tậu" (tuyệt đối bí mật). Họ Thúc cho rằng: bung bít miệng bình, nào ai có khảo mà mình không xung, nên thất bại cay đắng.

Nếu Thúc Sinh thú thật, chưa chắc Hoạn Thư đã mở đòn ghen độc hiểm:

"Vĩ bằng thú thật cùng ta. Cũng dong kẻ dưới, mới là lượng trên".

Chỉ khổ thân nàng Kiều là người chịu trận !

Bạn không thích mưu kế nhưng bạn cũng phải dùng. Không ưa nhưng cũng phải ứng phó. Không muốn nhưng vẫn bị vây bởi giữa muôn trùng mưu kế.

Mưu kế, thủ đoạn, kế hoạch là một trong những vũ khí lợi hại, sắc bén nhất của con người. Dùng để phòng thân, hiểu người, dùng người: khi cần thiết thì dùng để trị những kẻ gian tà, trá trở; tìm phúc, tránh họa.

Mưu kế, thủ đoạn là con dao hai lưỡi, phụ thuộc vào cái tâm và mục đích của người sử dụng. Nếu sử dụng vào mục đích cao thượng thì gặt hái được

nhiều điều lớn lao.

Nếu sử dụng vào mục đích ti tiện, thấp hèn thì hậu quả khó lường cho người khác và bản thân người sử dụng.

VI. "Quỷ Cốc tử", được viết rất cô đọng súc tích, uyên thâm phải thực hành mới thấy hết cái huyền diệu và sức mạnh của mưu kế.

Nếu đúng như tương truyền, thông minh như Tô Tần cũng phải đóng cửa, lấy đèn đêm để học ròng rã cả năm trời mới hiểu được quyền "Âm phù". Sau khi học xong đi du thuyết mới thành công.

Trương Nghi học giỏi hơn Tô Tần nên rất tự tin, bị đánh đập đến thập tử nhất sinh, mới hiểu được lẽ huyền diệu của sách, sức mạnh của mưu kế.

Từ xưa đến nay, nhiều học giả đã dày công chú giải, giải thích từng chữ từng câu trong sách. Một từ là mỗi mưu kế, gọi là sách. Ví dụ: Quyết (Quyết định, quyết đoán). Hoặc, một câu ngắn là một mưu kế. Ví dụ: Sơ nhi bất lậu (Tuyệt đối bí mật).

Các học giả cho rằng Quỷ Cốc tử là một kho vô tận về mưu kế, thủ đoạn. khai thác hoài không hết.

Riêng quyển sách chúng ta đang đọc đã hệ thống thành 13, 13 chuỗi mưu kế, gọi là thuật, sách, đạo. Và có 47 mưu kế, có thể áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau (quân sự, chính trị, ngoại giao...).

Có người hệ thống quyền sách Quỷ Cốc thành 72 kế, gọi là "72 đấu pháp tâm thuật", thuật đánh vào lòng người, chống lại 36 mưu kế thông dụng của người đời.

VII. Cuốn sách chứa vạn tâm linh và chìa khóa vàng.

1. Đáng quý là cái tâm của tác giả đối với nhân dân.

Tác giả khuyên các vua chúa phải dùng con mắt của nhân dân (thiên hạ) để nhìn, dùng tai của nhân dân để nghe, lấy cái tâm của mình để che chở cho nhân dân và lấy cái tâm của nhân dân để mưu cầu hạnh phúc cho mọi người.

Mắt như vậy được gọi là "thiên lí nhãn". Tai như vậy gọi là "thuận phong nhĩ". Tâm được như vậy gọi là "vạn linh tâm". Trong sách nhắc nhở nhiều lần, thông qua các kế mưu giáo hóa nhân dân.

Chúng tỏ tác giả rất khổ công và dùng cả cái tâm của mình để viết sách, gửi gắm ước mơ vào từng trang sách. Đó là mong nhân dân được hạnh phúc, no ấm và được giáo hóa thành những người văn minh.

2. Cái quý nữa là luôn cầu tiến bộ.

Sách Quỷ Cốc Tử cho rằng phản là hiểu quá khứ, ứng là hiểu hiện tại. Có biết quá khứ mới hiểu hiện tại, có hiểu hiện tại mới biết tương lai. Cái gì không còn thích hợp thì bỏ, cái gì còn thích hợp thì gìn giữ và áp dụng.

Hiểu mình là trí, hiểu người là sáng suốt. Có sáng suốt mới có trí, có trí mới có sự sáng suốt.

"Ôn cố tri tân", ôn cũ biết mới; "tri kỉ tri bỉ", biết người biết ta; đây là chìa khóa vàng mở cánh cửa đời sống của người thông minh.

Hai ngàn năm, biết bao người khôn ngoan đã áp dụng thành công. Nhưng chiếc chìa khóa vàng vẫn còn nguyên vẹn giá trị, dành cho những người sáng suốt. Đó cũng là nét độc đáo của Quỷ Cốc tử.

C. BẢN KINH ÂM PHÙ

Bản kinh, ám chỉ bản văn.

"Âm phù" là chỉ riêng ở bên trong, ứng với vật ở bên ngoài thì thành "phù khế" (khế nghĩa là phù hợp).

Bản kinh âm phù đề cập đến sáu phương pháp:

1. Thịnh thân: làm cho tinh thần sung mãn.
2. Dưỡng khí: bồi dưỡng tâm trí.
3. Thực ý: giữ ý chí kiên định.

4. Phân uy: làm tăng thêm uy lực.
5. Tán thế: phân tán thế lực.
6. Chuyển viên: biến hóa trong việc sử dụng mưu kế.
7. Tồn đoái: phân tích tồn hại và ích lợi trong việc quyết định thi hành mưu kế.

I. Thịnh thần ngũ long pháp.

Thịnh là đầy đủ, sung mãn. Thần là tinh khí, hồn phách. Ngũ long là năm con rồng, là ngũ khí. Pháp là phương pháp.

Nói chung là nuôi dưỡng đầy đủ tinh thần theo phương pháp ngũ long, ngũ khí.

Người xưa lập luận rằng: Vũ trụ, vạn vật do năm yếu tố Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy hình thành.

Năm yếu tố này được gọi là ngũ long (năm con rồng, tượng sự thần thông, biến hóa) hoặc ngũ khí.

Vũ trụ vạn vật có năm khí thì con người có năm tạng là tim (Hỏa), gan (Mộc), tì (Thổ), phế (Kim), thận (Thủy).

Năm tạng do năm khí làm chủ tể, thống soái. Do người ta không thấy được nên gọi là thần minh.

Cơ sở để nuôi dưỡng ngũ khí là phẩm đức và tài năng. Trong đó cái tâm là kỉ cương giềng mối.

Cái tâm nắm kỉ cương giềng mối, đạo đức tài năng nuôi dưỡng, năm khí sung mãn thì tất nhiên sẽ sản sinh ra đạo thuật.

Đạo thuật và tâm sẽ làm cho người ta tinh tường trong lúc: mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, miệng nếm mùi vị, thân thể lúc tiếp xúc; ý khi tạo ý tưởng.

Năm khí được nuôi dưỡng cũng biến hóa thành chí, tưởng, thần và đức. Lấy thanh tĩnh để dưỡng khí thì chí (ý chí), tưởng (tư tưởng), thần (thần thái), đức (phẩm đức) không suy suyển. Đã không suy suyển thì tạo nên oai thế.

II. Dưỡng khí linh quy pháp.

Dưỡng khí là bồi dưỡng tâm chí, Linh quy là loài rùa linh, tượng cho sống lâu, sự kiên nhẫn. Có nghĩa nữa là ngày xưa người ta dùng mai rùa để bói toán, phán đoán việc tốt, xấu sau đó đi đến quyết định.

Nói chung, luôn bồi dưỡng tâm trí theo phương pháp linh quy.

Sở dĩ phải bồi dưỡng tâm chí vì lo tâm và khí không đạt.

Tâm và khí không đạt là do dục vọng. Dục vọng càng nhiều thì tâm thần càng phân tán. Tâm phân tán thì ý chí không tiêu trầm. Chí khí không tiêu trầm thì tư tưởng thông đạt. Tư tưởng thông đạt thì năm khí tương thông.

Muốn dùng người: trước hết phải xem công phu dưỡng chí. Xét tâm trí thịnh hay suy, an định hoặc bất ổn. Năng lực thật sự xuất phát từ nuôi dưỡng ngũ khí và tâm chí thịnh hay suy, ổn định, hoặc không ổn định. Sau đó mới xem xét đến tài năng.

Tâm, khí bất ổn định thì dòng suy nghĩ và tư tưởng không thông đạt. Tư tưởng không thông đạt thì ý chí không khớp với thực tại.

Ý chí không khớp với thực tại thì thiếu chu đáo. Thiếu chu đáo thì dẫn đến nguy cơ thất bại. Thất bại thì ý chí và tâm khí chỉ còn là cái vô dụng, vô ích.

Đã là thất bại thì hồn phách, tinh thần ẩn trong người sẽ lâm vào trạng thái hoảng hốt.

Dưỡng khí là làm cho tâm và thần hợp nhất, an định. Làm cho ý chí kiên định, oai thế không bị phân tán. Tượng như có thần minh trấn thủ, trông coi cho tài năng và kế hoạch, mưu kế.

III. Thực ý đăng xà pháp.

Thực ý là kiên định ý chí. Đẳng xà là con rắn thần có thể co duỗi, biết đẳng vân giá vũ.

Nói chung, là kiên định ý chí theo phương pháp đẳng xà.

Tâm an tĩnh thì tinh thần sáng láng, tinh thần sáng láng thì tâm và chí không bị tán loạn. Tâm chí không bị tán loạn thì suy nghĩ sâu xa. Suy nghĩ sâu xa thì mưu kế thành công.

Tâm an tĩnh thì ngũ khí theo đó mà vào, gian tà không thể thừa cơ đột nhập, không bị mưu kế đối phương mê hoặc.

Mưu kế là liên hệ đến sự mất còn, được mất, họa phúc, nên không thể không an tĩnh để suy nghĩ sâu xa và không thể kiên định với mưu kế, kế hoạch của mình đã suy nghĩ.

IV. Phân uy phục hùng pháp.

Phân là ảnh hưởng rất xa. Uy là uy thế lớn lao. Phục là nằm, là nép. Hùng là con gấu, là sự mạnh mẽ.

Nói chung, là phương pháp làm cho uy thế của mình lớn lao mạnh mẽ.

Uy thế mạnh mẽ là do tinh thần biểu hiện ra bên ngoài, do ý chí cố định, kiên cố, do sự kiên định của bên trong. Bên trong kiên định thì có sức mạnh vô địch. Có sức mạnh vô địch khi phân thì uy, khi động thì có thế.

Lấy thực thủ hư, lấy hư thủ thực, liên miên bất tận. Khi động thì tùy, khi xướng thì họa.

Sở dĩ có được uy phong này là do nuôi dưỡng chí và ý chí kiên định.

V. Tản thế chí đảo pháp.

Tản thế là phân tán thế lực. Chí là con chim chí, rất hung hãn dũng mãnh, bắt mồi nhanh gọn, ở ngoài đảo.

Tản thế chí đảo pháp là làm phân tán thế lực theo tác phong của loài chim chí ở đảo.

Sở dĩ đối phương oai phong nghiêm túc là do bên trong cương mạnh. Do đó, phải làm cho đối phương mất đi uy lực oai phong và như đang ở trong sương mờ.

Muốn phân tán thể lực của đối phương phải quan sát ý chí, mưu kế của đối phương, phải tiếp cận để biết rõ cụ thể tròn vuông, âm mưu hay dương mưu; dài hay ngắn; sở trường sở đoản; của đối phương.

Khi thời cơ đã đến thì nhanh chóng quyết định hành động.

Về phía mình thì bên trong phải tinh thông ngũ khí, bên ngoài phải quan sát thực hay hư và luôn biết tự làm cho mình mạnh mẽ thêm lên.

VI. Chuyển viên mãnh thú pháp.

Viên là viên châu. Viên ngọc tròn trịa hoặc là sự chuyển động tròn trịa. Trí tuệ của các bậc thánh nhân tượng như viên ngọc tròn trịa, động như viên ngọc tròn trịa. Mãnh thú là động tác của các loài mãnh thú.

Nói chung, trí tuệ của các bậc thánh nhân chuyển viên không ngừng, dừng mãnh vô tận. Nên gọi là chuyển viên mãnh thú pháp.

Chuyển động được như viên ngọc là do trong lòng thánh nhân có tâm thuật, trí mưu, mưu kế dài lâu, vĩnh hằng, không thể đo lường được.

Trong sự hỗn độn vạn vật, các bậc thánh nhân đã hình thành được một nền tảng vững chắc. Từ đó, có thể giảng luận đạo lý của vạn vật cho đến vô cùng vô tận.

Dù trí lược và mưu lược đều có hình thái và nội dung: có viên (hình tròn) lược, phương (hình vuông) lược. Có âm (thuộc khí âm) mưu, dương (thuộc khí dương). Có cát (tốt, phúc) lược, hung (xấu, họa) lược.

Mỗi loại trí lược, mưu lược không tương đồng với nhau nhưng thánh nhân sử dụng sự chuyển viên là biết được sự bắt đầu của tạo hóa và hiểu được trong mỗi động tác bao quát nội dung ở bên trong, quan sát rõ ràng được từng lãnh vực.

Trời đất rộng lớn vô cùng, việc người cũng rất phức tạp, do đó cần phân biệt ra từng loại một để quan sát.

Nếu quan sát được bên trong âm mưu một cách rõ ràng thì có thể chuyển xấu thành tốt.

Đạo lý của thánh nhân là muốn giải quyết sự mất còn, hợp với lẽ, nên phải chuyển tròn thành vuông. Vuông là tứ giác, tượng cho sự an định.

Chuyển tròn thành vuông là chuyển từ xấu sang tốt. Muốn chuyển hóa thì phải quan sát mưu kế; tiến thoái của sự vật, rút được kết luận sau đó mới hành động.

VII. Tôn đoái linh thi pháp.

Tôn đoái hoặc là tôn ích. Sự tổn hại và sự lợi ích.

Đoái có nghĩa là lấy tâm nhãn, con mắt của tâm, để quan sát thì biết được sự được và mất.

Thi là cỏ thi: lá nhỏ dài lại có từng kẽ, hoa trắng hay đỏ phớt, hơi giống hoa cúc, mỗi gốc đâm ra nhiều rò, có khi một cụm có năm mươi rò. Ngày xưa dùng rò cỏ này để bói gọi là bói thi.

Nói chung, dùng nhãn tâm quan sát để biết được sự tổn hại hay ích lợi. Tượng như thành tâm bói cỏ thi để phán đoán và đi đến quyết định.

Sự vật, sự việc có thành có bại cho nên không thể để tâm (tâm nhãn) quan sát, nhận thức sâu xa được cái ích cái tổn để quyết tâm hành động.

Ích là nhận thức sâu sắc thêm. Tổn là quyết tâm hành động.

Thánh nhân thường không biện luận nhiều, người thông minh thì ít nói những điều vụn vặt. Bởi vì trong lòng họ không bị chen những tạp niệm, ý chí của họ không bị hỗn loạn vì không có tà niệm sản sinh.

Sự việc khó hoặc dễ hiểu đều do dùng đạo tự nhiên để hình thành nội dung mưu kế mà tiến hành.

Tuy không tiến hành viên (hình tròn) kế, nhưng phương (vuông) kế không dừng lại. Nếu được như vậy thì được gọi là công lớn.

D. TRÌ KHU

Trì khu là quan sát, thấy rõ sự hình thành, phát triển theo quy luật, từ đó quyết định hành động, thực hành mưu kế.

Ví dụ: Mùa Xuân thì gieo hạt, mùa Hạ thì cây sinh trưởng, mùa Thu thì thu hoạch, mùa Đông thì cất giữ.

Đó là quy luật tự nhiên của vạn vật. Mọi sự trên đời đều có quy luật, hành động theo quy luật thì thành công trái lại thì thất bại.

Chương hai: BỐN MƯƠI BẢY QUỲ KẾ

Tiết 1: THUẬT MỞ ĐÓNG (bãi hạp chi thuật)

1. Bãi là mở, hạp là đóng. Thuật bãi hạp là thuật đóng mở, mở đóng, đóng mở.

Bãi là hành động tích cực. Hạp là hành động tiêu cực.

2. Thuật bãi hạp căn bản dựa trên nguyên lý Âm dương.

Người xưa quan sát sự vận hành, đóng mở, của hai khí âm dương.

Hai khí này là chủ thể của vạn vật, có khi khí Âm mạnh, có khi khí Dương mạnh; có khi mềm yếu, nhu nhược, có lúc cứng rắn, cương cường; có lúc duỗi ra, có lúc co lại; có khi bộc lộ, khai mở, có lúc ẩn tàng, che dấu; có khi nhanh chóng, khẩn trương, có lúc chậm chạp, ung dung.

Dương khí truy cầu Âm khí và Âm khí truy cầu Dương khí. Âm khí phát triển đến cực điểm thì phản thành Dương khí. Dương khí phát triển cực điểm thì phản thành Âm khí.

3. Người hành động thuận theo dương khí, quân đạo, thì được dương khí hỗ trợ, đạo đức ngày càng tăng trưởng; thuận theo âm khí (thần đạo) mà hành động thì an tĩnh, được âm khí hỗ trợ, ngày càng thêm trưởng thành.

Khi gặp Dương khí (thời cơ, thuận lợi) thì tiến lên; gặp Âm khí (bất lợi) thì thu tàng, ẩn dấu, ngưng lại.

4. Xét về mưu lược, theo khí dương, quân đạo là thiên, cao thượng, là tốt; theo khí âm, thần đạo, là ti tiện, nhỏ nhen, thấp kém, là xấu.

Tất nhiên, mưu lược cao thượng sẽ gặt hái được kết quả lớn lao; mưu kế thấp kém thì chỉ hái lượm được những điều ti tiện.

Người hiểu rõ đạo lý âm dương của trời đất vạn vật, thủ đắc được thuật bãi hạp thì được lợi ích và thành tựu. Nếu sử dụng thuật này thành thạo, ảo diệu, thì trở thành bậc tiên tri, tiên giác.

Người cao minh vận dụng ảo diệu thuật bãi hạp trong lĩnh vực du thuyết không chỉ thuyết phục được một người, một nhà mà còn thuyết phục được cả một nước, cả một thiên hạ.

5. Từ những lý luận trên, thuật bãi hạp, đóng mở, còn bao hàm nhiều ý nghĩa:

- 1) Về sự vật sự việc là âm dương, cương nhu, co duỗi, dài ngắn.
- 2) Về con người, tính cách là bậc hiền nhân và hạng bất tiểu; người cao quý, kẻ bần tiện; người trí, kẻ ngu; người dũng cảm, kẻ khiếp sợ.
- 3) Về hành động là tiến, thoái; tấn công, phòng thủ.

Thuật bãi hạp được thực hiện qua bốn kế:

- 1) Trong nhu có cương, trong cương có nhu (Cương, nhu tương tế).
- 2) Tuyệt đối bí mật (Sơ nhi bất lậu).
- 3) Co để duỗi (Dĩ khuất cầu thân).
- 4) Trước đánh sau bắt (Tiên đả hậu ma).

Kế thứ nhất: TRONG NHU CÓ CƯƠNG, TRONG CƯƠNG CÓ NHU
(Cương, nhu tương tế)

Cương nhu tương tế, là trong cương có nhu, trong nhu có cương; trong dương (mở) có âm (đóng), trong âm (đóng) có dương (mở); đóng mở, mở đóng...biến hóa vô cùng.

Muốn thực hiện kế này phải thâm định đối phương: Có hay không, hư hay thực, lợi và hại trước sau? Hiểu rõ ý chí của đối phương, tùy tâm lý, dự vọng của đối phương mà thuyết phục.

A. Ưu nói khích không ưa thuyết phục

Sau khi Tào Tháo lấy được Kinh Châu, Tuân Du hiến kế là huy động đại quân ra oai để làm cho Tôn Quyền sợ phải đầu hàng.

Tháo nghe theo kế, lập tức hịch sai sứ sang Giang Đông, một mặt điểm quân mã, quân bộ và quân thủy, cả thảy 83 vạn, lại nói thăng lên những 100 vạn quân: Thủy lục đều tiến, quân thuyền quân kỵ cùng đi ; theo dọc bờ sông Trường Giang kéo đến. Phía Tây nối liền với đất Kinh Giáp, phía Đông tiếp giáp Kì Hoàng, doanh trại nối nhau dài hơn 300 dặm.

Nói về Giang Đông, Tôn Quyền đang đóng quân ở Sài Tang, được tin đại quân Tào Tháo đến Tương Dương: Lưu Tôn đã ra hàng, mà quân Tào sớm khuya đi gấp đường lấy Giang Lăng. Quyền bèn họp các mưu sĩ lại bàn kế phòng thủ.

Lỗ Túc nói:

– Kinh Châu tiếp giáp nước ta, giang sơn hiểm trở, nhân dân giàu có, nếu chiếm được đất ấy thì đủ để xây nghiệp đế vương. Nay Lưu Biểu mới chết, Lưu Bị mới thua, tôi xin phụng mạng sang Giang Hạ viếng tang, nhân tiện bảo Lưu Bị phủ dụ các tướng của Lưu Biểu, đồng tâm hiệp lực với ta để phá Tào Tháo, nếu Bị vui lòng nghe theo thì việc lớn phải xong.

Quyền đồng ý, lập tức sai Lỗ Túc đem lễ vật sang Giang Hạ viếng tang.

Huyền Đức đến Giang Hạ cùng Khổng Minh và Lưu Kì bàn việc.

Khổng Minh nói:

– Tào Tháo thế to lắm, khó lòng địch nổi, không bằng ta sang nhờ Tôn Quyền ở Giang Đông làm ứng viện. Nam Bắc giữ miếng với nhau, ta ở giữa kiếm lợi, có gì mà chẳng được.

Huyền Đức nói:

– Giang Đông lắm mưu thần giỏi, nhìn xa thấy rộng, sao họ chịu dung nạp ta?

Khổng Minh cười đáp rằng:

– Nay Tào Tháo dàn quân trăm vạn, chiếm cứ Giang Hán; tất nhiên Giang Đông phải cho người lại đây dò hư thực thế nào. Nhược bằng có sứ đến, tôi

xin mượn một cánh buồm thuận gió đến thẳng Giang Đông chỉ ba tấc lưỡi làm cho hai quân Nam Bắc thôn tính lẫn nhau.

Nếu quân Nam được ta cùng đánh Tào Tháo, lấy đất Kinh Châu. Nếu quân Bắc được, ta thừa thế tính lấy Giang Nam cũng nên.

Huyền Đức nói:

– Kê ấy rất hay, nhưng làm thế nào khiến cho Giang Đông sai người đến đây được?

Vừa nói dứt lời, có tin báo rằng:

– Tôn Quyền ở Giang Đông sai người lại viếng tang, thuyền đã ghé bờ.

Khổng Minh cười nói:

– Việc to chắc xong.

Biết Lỗ Túc sắp đến Khổng Minh dặn Huyền Đức rằng:

– Hễ Lỗ Túc hỏi việc động tĩnh của Tào Tháo thì Chúa công nói một mực không biết.

Hễ nói đến hai ba lần thì Chúa công bảo hấn hỏi Gia Cát Lượng.

Bàn định xong xuôi bèn sai người đón Lỗ Túc vào.

Lỗ Túc vào viếng tang xong, Lưu Kỳ nhận đồ phúng rồi mời Túc đến gặp Huyền Đức.

Huyền Đức rước vào nhà trong uống rượu.

Túc nói:

– Lâu nay, nghe thấy đại danh Hoàng thúc nhưng chưa có dịp nào được bái kiến, nay được gặp thực là hân hạnh.

Mới đây Hoàng thúc đánh nhau với Tào Tháo, tất biết rõ tình hình. Dám hỏi quân Tào Tháo ước độ bao nhiêu ?

Huyền Đức đáp:

– Tôi binh mọn tướng ít, Tháo đến là chạy, có biết gì đến tình hình bên ấy thế nào.

Túc nói:

– Tôi nghe Hoàng thúc dùng mưu của Khổng Minh hai phen đánh hỏa công làm cho Tào Tháo kinh hồn lạc phách, sao Hoàng thúc lại bảo là không biết ?

Huyền Đức nói:

– Họa chẳng hỏi Khổng Minh thì biết được rõ.

Túc nói:

– Khổng Minh đâu, xin cho được gặp một chút ?

Huyền Đức sai mời Khổng Minh ra.

Túc vái chào rồi hỏi:

– Xưa nay vẫn mộ tài đức tiên sinh, chưa được bái kiến bao giờ. Nay may mắn được gặp, xin cho biết việc an nguy ngày nay.

Khổng Minh nói:

– Mưu gian của Tào Tháo tôi đã biết cả, chỉ giận sức mình chưa đủ, nên còn tạm lánh đó thôi.

Túc lại hỏi:

– Hoàng thúc nay định ở đây hay đi đâu?

Khổng Minh đáp:

– Sứ quân tôi có quen Thái thú Ngô Thần ở Thương Ngô, nay sắp đến đó nhờ.

Túc nói:

– Ngô Thần lương khan, binh ít, giữ mình còn chẳng nổi, cho ai nhờ được!

Khổng Minh nói:

– Chỗ ấy tôi cũng biết không ở lâu được. Nay hãy nương tạm, rồi sẽ liệu kế khác.

Túc nói:

– Tôn tướng quân tôi hùng cứ sáu quận, binh giỏi lương nhiều, lại kính hiền trọng sĩ, anh hùng miền Giang Đông nhiều người quy phục. Nay xin hiến ông một kế. Chi bằng tiên sinh sai người tâm phúc sang liên kết với Đông Ngô để cùng mưu toan việc lớn.

Khổng Minh nói:

– Lưu sứ quân và Tôn tướng quân xưa nay không quen nhau, sợ uổng mất lời. Vả lại, không có ai tâm phúc có thể sai đi được.

Túc nói:

– Lệnh huynh Gia Cát Cẩn hiện đương làm tham mưu ở Giang Đông, đêm ngày mong được gặp lệnh tiên sinh. Tuy tôi không có tài, xin cùng tiên sinh vào ra mắt Tôn tướng quân để bàn việc lớn.

Huyền Đức nói:

– Khổng Minh là thầy ta, rồi ta một lúc không xong, đi thế nào được? Túc cố nài ba bốn lần, Huyền Đức cứ giả vờ không nghe, Khổng Minh nói:

– Việc đã cấp rồi, tôi xin phụng mệnh đi một chuyến.

Huyền Đức bấy giờ mới đồng ý.

Sau khi dùng miệng lưỡi bẻ bộn mưu sĩ Giang Đông, Khổng Minh mới được gặp Tôn Quyền.

Thi lễ xong, Quyền mời Khổng Minh ngồi. Các quan văn võ sắp hàng hai bên.

Lỗ Túc đứng bên cạnh chỉ đợi xem Khổng Minh nói với Quyền thế nào.

Khổng Minh giải bày ý kiến của Lưu Bị, rồi liếc mắt nhìn Tôn Quyền, thấy Quyền mắt biếc râu đỏ, tướng mạo đường bệ, liền nghĩ thầm rằng:

– Người này tướng mạo khác thường, chỉ ưa nói khích không ưa thuyết phục; đợi khi nào hỏi, bấy giờ ta sẽ khích cho mấy câu là hơn.

Khi tả hữu dâng trà xong, Tôn Quyền nói:

– Tôi thường nghe Lỗ Tử Kính nói đến tài của túc hạ, nay may được gặp, xin túc hạ có điều gì hay chỉ bảo cho.

Khổng Minh đáp:

– Tôi vô tài ít học. Không dám đề ngài hỏi.

Quyền nói:

– Túc hạ mới rời Tân Dã, giúp Lưu Dự Châu đánh nhau với Tào Tháo, tất biết tình hình bên Tháo thế nào?

Khổng Minh đáp:

– Lưu Dự Châu binh đơn, tướng ít, thành Tân Dã nhỏ lại không có lương, đâu dám chống nhau với Tào Tháo?

Quyền lại hỏi:

– Quân Tháo nhiều hay ít ?

Khổng Minh nói:

– Cả quân mã, quân bộ và quân thủy, ước được hơn trăm vạn.

Quyền trở mặt ngạc nhiên hỏi:

– Ông nói dối ta chăng ?

Khổng Minh đáp:

– Không dám dối đâu: Tào Tháo ở Duyện Châu đã có hai mươi vạn; bình xong Viên Thiệu, lại thêm được năm sáu mươi vạn; quân mới mộ ở Trung Nguyên được ba bốn mươi vạn.

Tính ra có kém gì một trăm năm mươi vạn. Thế mà Lượng nói có một trăm vạn là vì sợ người Giang Đông mất vía đó thôi !

Lỗ Túc đứng cạnh, nghe nói tái mặt lại, đưa mắt cho Khổng Minh. Khổng Minh cứ lờ đi.

Quyền lại hỏi:

– Chiến tướng của Tào Tháo nhiều hay ít ?

Khổng Minh nói:

– Những mưu sĩ lắm mưu nhiều trí và những tướng đầu tài đánh giỏi ít ra cũng được vài nghìn.

Quyền lại hỏi:

– Nay Tào Tháo đã bình được Kinh, Sở còn tham vọng gì nữa không?

Khổng Minh đáp:

– Tào Tháo hiện nay hạ trại kín ven sông, sắm sửa thuyền bè, chẳng lấy Giang Đông thì lấy đâu.

Quyền lại hỏi:

– Đối với âm mưu của Tào Tháo, nên đánh hay không, xin túc hạ quyết định giúp ta một lời.

Khổng Minh nói:

– Lượng tôi có một lời, nhưng chỉ sợ tướng quân không chịu nghe thôi.

Quyền nói:

– Xin cho nghe lời cao kiến.

Khổng Minh nói:

– Trước kia thiên hạ đại loạn, nên tướng quân phải dấy binh ở Giang Đông, Lưu Dữ Châu tụ quân ở Hán Nam, để cùng tranh giành với Tào Tháo.

Nay Tháo đã dẹp xong nạn lớn, tình hình sắp ổn định xong. Vừa đây Tháo lại phá được Kinh Châu, uy danh lừng bốn bể. Bây giờ, đâu có anh hùng cũng không có đất dụng võ, cho nên Lưu Dữ Châu phải trốn tránh đến đây.

Vậy xin tướng công liệu mà tính toán công việc. Nếu tướng quân có thể lấy quân Ngô, Việt mà chống Tào được, thì nên sớm cự tuyệt nó đi.

Nếu không muốn thế, sao không theo ngay lời các mưu sĩ đã bàn, thu quân mã, xếp áo giáp lại, rồi ngoảnh mặt về Bắc mà hàng?

Tôn Quyền chưa kịp đáp, Khổng Minh lại nói rằng:

– Tướng quân ngoài mặt thì giả tiếng phục tùng, nhưng trong bụng vẫn còn ngờ vực. Việc kíp rồi mà không quyết đoán thì vạ đến nơi rồi đó !

Tôn Quyền lại hỏi:

– Nếu quả như lời ông, thì sao Lưu Dữ Châu không hàng Tào đi ?

Khổng Minh đáp:

– Ngày xưa Điền Hoành là một tráng sĩ nước Tề còn biết giữ lễ nghĩa không chịu nhục, huống chi Lưu Dữ Châu là tôn thân nhà Hán, anh hùng

lùng lấy trên đời, kẻ sĩ đều trông mong. Việc không xong là bởi trời, có đâu lại chịu luôn cúi người ta.

Tôn Quyền nghe Khổng Minh nói xong, nét mặt hằm hằm, rũ áo đứng dậy, lui vào nhà sau.

Các quan cũng tùm tùm cười và giải tán.

Lỗ Túc trách Khổng Minh rằng:

– Sao tiên sinh lại nói thế ? May mà chủ tôi rộng lượng, không nổi trách ngay, chứ như lời tiên sinh vừa nói là khinh miệt chủ tôi lắm đấy!

Khổng Minh ngẩng mặt cười, nói:

– Sao không có lượng bao dung thế ? Ta đã có được mẹo phá Tào Tháo, vì không hỏi tới, nên tôi không nói đó thôi.

Túc nói:

– Nếu quả tiên sinh có mẹo hay, tôi xin mời chủ tôi ra để tiên sinh dạy cho.

Khổng Minh nói:

– Quân trăm vạn Tào Tháo, ta coi như đàn kiến, chỉ giơ tay một cái là tan ra như cám cả!

Túc nghe nói, liền vào nhà sau gặp Tôn Quyền. Quyền lúc ấy còn bực, ngoảnh lại bảo Lỗ Túc rằng:

–Khổng Minh khinh ta quá chừng!

Túc nói:

– Tôi cũng đã trách Khổng Minh, Khổng Minh cười và trách lại rằng Chúa công không có lượng dung người, cho nên Khổng Minh có mẹo phá Tào cũng không muốn nói ra cho biết. Xin Chúa công thử hỏi Khổng Minh xem thế nào?

Quyền bèn lập tức ngồi giân làm vui nói:

– À, thế ra Không Minh vẫn có mẹo hay, nên nói khích ta. Ta một lúc nghĩ nông cạn, tí nữa làm lỡ mất việc to.

Lập tức cùng Lỗ Túc lại ra triều đường, mời Không Minh vào nói chuyện.

Quyền xin lỗi Không Minh rằng:

– Vừa rồi tôi trót lỡ lời, xin tiên sinh tha lỗi cho.

Không Minh cũng tạ lại rằng:

– Lượng tôi nói năng lỗ mãng, xin tướng quân cũng thứ tội cho.

Quyền mời ngay Không Minh vào nhà sau, làm tiệc khoản đãi.

Được vài tuần rượu, Quyền hỏi rằng:

– Tào Tháo vốn chỉ ghét Lã Bố, Lưu Biểu, Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Dục Châu với tôi mà thôi.

Nay đã trừ được cả, duy chỉ còn Dục Châu với tôi. Tôi không thể đem cả nước Ngô dâng cho người ta được.

Kế của tôi đã quyết, nhưng phi Lưu Dục Châu giúp cho thì không ai đương nổi Tào Tháo bây giờ. Mà Lưu Dục Châu vừa mới thua trận, làm thế nào mà chống lại nạn này?

Không Minh nói:

– Dục Châu mới thua nhưng Quan Vân Trường còn thống lĩnh hàng vạn tinh binh, Lưu Kỳ ở Giang Hạ cũng có chừng vạn quân sĩ.

Quân Tào từ xa đến, tất cũng mỏi mệt; mới đây lại đuổi Dục Châu, quân khinh kị đi 300 dặm một ngày, khác nào nỏ cứng đã giương lên đuổi sức, chưa chắc đã bắn thủng được mảnh lụa mỏng.

Vả lại, người phương Bắc không quen đánh thủy; quân dân ở Kinh Châu gặp thế bí phải phục Tào, chứ không phải tự nguyện. Nay tướng quân thật muốn đồng tâm hiệp lực với Dữ Châu, thì làm gì không phá được Tào Tháo?

Quân Tào mà bị phá, tất phải kéo về Bắc, thì thế Kinh, Ngô lại mạnh mà hình thành thế chân vạc được. Cơ hội được thua lúc này, xin tướng quân hãy nghĩ cho kỹ mà quyết đi!

Quyền mừng lắm, nói:

– Mấy lời của tiên sinh thật đã làm sáng mắt cho tôi. Ý tôi đã quyết, không còn hồ nghi gì nữa.

Ngay hôm ấy, Quyền bàn bạc cất quân để cùng đi phá Tào Tháo.

LẠM BÀN:

1. Ba thế lực ba mưu kế:

Xem các trích đoạn trên, ba thế lực có ba mưu kế chính:

1. Tào Tháo dùng kế "hư trương thanh thế", dàn quân 83 vạn còn nói thăng, nói quá lên, buộc Tôn Quyền sợ hãi mà hàng.

2. Tôn Quyền chưa biết rõ thực lực của Tào Tháo, một mặt phòng bị, một mặt muốn nhờ Lưu Bị liên kết với tướng tá của Lưu Biểu. Nội bộ Tôn Quyền chia làm hai phe chủ chiến và chủ hòa đang bàn luận sôi nổi, nên Quyền chưa dám đưa ra chính kiến.

3. Lưu Bị, Khổng Minh dùng cách "tọa sơn quan hổ đấu", nhìn hai con cọp đánh nhau để hưởng lợi hoặc cò traí tranh nhau ngư ông đắc lợi.

Khổng Minh nói rõ ý đồ đó với Lưu Bị: Nếu quân Nam được, cùng đánh Tào Tháo lấy Kinh Châu. Nếu quân Bắc được, thừa thế lấy Giang Nam.

4. Khổng Minh và thuật cương nhu tương tế:

Khổng Minh muốn gặp Lỗ Túc để sang Giang Nam, dặn Lưu Bị nếu Túc hỏi quân tình Tào Tháo thì nói không biết để Túc gặp Khổng Minh (đóng để mở).

Lưu Bị, Khổng Minh đóng rất giỏi võ kịch này. Lưu Bị thực tình muốn Khổng Minh sang Giang Đông liên quân với Tôn Quyền nhưng vẫn giả vờ là không muốn rời Khổng Minh (lại đóng để mở).

Sang đến Giang Đông, thấy tướng Tôn Quyền là người cương cường, không khuất phục, Khổng Minh khiêu khích, hư trương thanh thế, nói Tào Tháo là quân nhiều tướng giỏi, thuyết Tôn Quyền đầu hàng nhục nhã (lại là đóng) để đối phương bộc lộ tính khí.

Khi Tôn Quyền tức giận là bộc lộ ý chí không muốn hàng Tào, Khổng Minh lại hé mẹo diệt trăm vạn quân Tào như diệt kiến với Lỗ Túc (là cách mở) để Tôn Quyền lọt vào.

Gặp Tôn Quyền lần này, Khổng Minh mới (mở) bộc lộ hết kế sách đánh Tào với Tôn Quyền.

Tôn Quyền vững tâm liên minh với Lưu Bị.

Lỗ Túc chỉ là quân cờ trong tay Khổng Minh trong ván cờ liên minh.

5. Nói chung, Khổng Minh thực hiện kế cương nhu tương tế thành công: Vì nắm rõ tình hình và thời thế. Phân tích lợi hại cho đối phương thấy cái hại của việc đầu hàng, cái lợi của việc liên minh đánh Tào. Đáp ứng được ý chí, dục vọng và sở thích của đối phương.

Tùy cơ ứng biến, khi cần úp thì úp, nhu thì nhu; khi cần mở thì mở, cương thì cương. Khi úp để mở, khi mở để úp. Trong úp có mở, trong mở có úp, biến hóa vô cùng.

Khổng Minh thuyết phục được Tôn Quyền làm cho thế chân vạc chia ba thiên hạ hình thành, mở đầu cho trận Xích Bích nổi danh kim cổ và là cho tám mươi ba vạn quân Tào Tháo chìm trong biển lửa.

6. Đời sau có người không ưa Khổng Minh, cho rằng Khổng Minh là tên lái buôn chiến tranh (kinh kị chiến tranh) kiếm lời khá giỏi.

Kế thứ hai: TUYÊN ĐỐI BÍ MẬT (Sơ nhi bất lậu)

Sơ nhi bất lậu tựa như bình rượu đầy kín, không để giọt nào chảy ra ngoài. Có nghĩa là giữ tuyệt đối bí mật.

Một trong những kế sách lớn của thuật bài hạp, đóng mở, ứng dụng vào quân sự. Khi mở thì kỹ càng, toàn vẹn, khi đóng thì giữ gìn tuyệt đối bí mật.

Việc dùng binh phải giữ bí mật, nếu lộ bí mật thì đối phương đề phòng hoặc tương kế tựu kế tìm cách phản công.

Khi nội bộ tướng lĩnh có người làm phản, đem bí mật quân sự tiết lộ cho đối phương biết, lúc đó phải tùy cơ ứng biến thật giỏi mới bảo toàn được lực lượng và thủ thắng.

A. Mượn tiếng

Quản Di Ngô nói với Tề Hoàn Công:

—Mấy năm nay ta cứu nước Yên, giúp nước Lỗ, đắp thành cho nước Hình và Vệ, chực hầu một lòng tin phục chính là lúc có thể dùng quân chực hầu; để cứu Trịnh thì không gì bằng đánh Sở, nếu ta đánh Sở tất phải hội quân chực hầu lại.

Tề Hoàn Công nói:

—Ta hội quân chực hầu thì nước Sở tất biết mà phòng bị, ta khó mà đánh được.

Quản Di Ngô nói:

—Nước Sái có lỗi với Chư công, ta muốn đánh đã lâu, mà Sở tiếp giáp với Sái. Nay ta mượn tiếng đi đánh Sái, nhân tiện đem quân đánh Sở thì Sở không biết mà phòng bị.

Đề tiên đánh nước Sở, một mặt Tề Hoàn công mật ước với các nước Giang, Hoàng, Lỗ; một mặt muốn cắt vây cánh nước Sở nên viết thư sai vua nước Tề đem quân đánh nước Thục. Nước Tề đánh Thục xong, Tề Hoàn

công bảo vua Tề đóng quân ở kinh đô nước Thục phòng sự nguy cấp.

Bấy giờ Sở đem quân đánh nước Trịnh.

Trịnh Văn Công xin giảng hòa cho dân khỏi khổ. Quan đại phu Khổng Thúc can:

—Tề sắp đánh Sở là vì nước ta đó, nên gắng đợi.

Trịnh Văn Công sai người cáo cấp với Tề Hoàn công. Tề Hoàn công cho Trịnh phao tin quân Tề sang cứu Trịnh khiến cho Sở không dám tiến binh, rồi cho một toán quân hội với chư hầu đánh Sở, cho Quản Di Ngô làm đại tướng. Lại sai Thụ Điều đem quân đánh nước Sái.

Nước Sái vẫn cậy thế Sở không phòng bị. Khi quân Tề đến mới chống giữ. Thụ Điều điều quân dưới chân

thành nước Sái.

Sái hầu biết rõ Thụ Điều là kẻ tiểu nhân, sai đem vàng lụa lễ Thụ Điều.

Thụ Điều nhận lễ và cho biết Tề Hoàn công sẽ còn đánh Sở và các nước sẽ phá hủy kinh thành nước Sái.

Sái hầu sợ hãi trốn sang Sở, dân Sái bỏ chạy cả.

Sái hầu đến Sở gặp Sở Thành vương, biết rõ mưu kế Tề Hoàn công, sai quân sĩ phòng giữ các nơi, triệu Đâu ở Trịnh về.

Khi Tề Hoàn công cử đại binh sang Sở. Đến biên giới nước Sở thấy một người mũ áo chỉnh tề, đứng ở bên

đường, khúm núm cúi chào:

– Chẳng hay có phải tôi được tiếp kiến Tề hầu không ạ ? Tôi là sứ thần nước Sở chờ ngài đã lâu lắm rồi.

Nguyên người ấy tên là Khuất Hoàn, là một quý tộc nước Sở, làm quan Đại phu, bấy giờ phụng mệnh Sở Thành Vương ra thương thuyết với quân nước Tề.

Tề Hoàn công hỏi Quản Di Ngô rằng:

– Sao người nước Sở lại biết trước là ta đem quân tới đây ?

Quản Di Ngô nói:

– Tất là có người nào đem mưu kế của ta tiết lộ cho người Sở biết. Nhưng nay họ đã sai sứ đến đây, là có ý muốn bày tỏ điều gì đó, tôi xin lấy đại nghĩa mà trách quở người ấy khiến cho hấn xấu hổ, thì có lẽ không cần phải đánh mà tự khắc họ phải phục.

Nói xong, Quản Di Ngô ra tiếp kiến Khuất Hoàn. Hai người chấp tay vái chào nhau. Khuất Hoàn nói:

– Chúa công tôi nghe tin quý quốc đem quân tới đây, vậy có sai tôi ra để thưa với quý quốc rằng, Tề và Sở nước nào làm chủ nước ấy, nước Tề ở Bắc Hải, nước Sở ở Nam Hải, trâu ngựa không đánh hơi nhau được. Chẳng hay vì có gì mà quý quốc lại đi vào đất nước chúng tôi, xin quý quốc ngỏ lời cho biết.

Quản Di Ngô nói:

– Ngày xưa, vua Thành vương nhà Chu phong cho tiên quân là Thái Công ở nước Tề, có dặn một câu rằng: Các nước chư hầu, nước nào không theo mệnh thiên tử nhà Chu, thì tiên quân ta được quyền đem quân đi đánh dẹp.

Từ khi nhà Chu thiên sang Đông Đô, các nước chư hầu tiếm quyền Chúa công ta lại phụng mệnh làm bá chủ.

Nước Sở nhà người theo lệ mỗi năm phải cống cho thiên tử nhà Chu một bó cỏ mao để dùng về việc cúng tế, thế mà dám bỏ liều không cống, bởi vậy ta phải đến đây để đòi.

Vả lại vua Chiêu Vương nhà Chu ngày trước đi sang địa giới nước Sở mà không thấy trở về, ấy cũng là bởi có nước Sở; người còn nói gì ?

Khuất Hoàn nói:

– Từ khi nhà Chu suy yếu, các nước chư hầu đều bỏ lễ triều cống, chẳng riêng gì nước Sở tôi.

Tuy vậy, về việc cống cỏ bao mao, thì Chúa công tôi cũng xin chịu lỗi; còn về việc vua Chiêu Vương không trở về, là vì bị đắm thuyền.

Xin quý quốc cứ hỏi người ở ngoài bờ sông thì khắc biết. Chúa công tôi không dám nhận lỗi ấy.

Vậy tôi xin về nói lại với Chúa công tôi.

Nói xong liền quay xe trở về.

Quản Di Ngô bảo Tề Hoàn công rằng:

– Người nước Sở còn quật cường lắm, chưa có thể lấy miệng lưỡi mà khuất phục được, ta phải tiến quân lên để ra uy mới được.

Nói xong, truyền cho các nước đều tiến quân đến đóng ở đất Kinh Địa.

Sở Thành vương cho Tử Văn làm đại tướng, đem quân ra đóng ở đất Hán Nam.

Tử Văn nói với Sở Thành vương rằng:

– Quản Di Ngô là một người giỏi binh pháp, nay đem quân các nước đến đây, tất là đã có mưu kế vạn toàn rồi, ta nên sai sứ đi một lần nữa để dò xem mạnh yếu thế nào, bây giờ hoặc đánh hoặc hòa, ta sẽ tùy liệu.

Sở Thành vương nói:

– Bây giờ biết sai ai được ?

Tử Văn nói:

– Khuất Hoàn đã biết mặt Quản Di Ngô thì nên sai đi lần nữa.

Khuất Hoàn nói:

– Lần trước tôi đã nhận cái lỗi không cống cỏ bao mao. Nếu đại vương muốn giảng hòa thì tôi xin gắng đi, để gỡ mối lồi thoi cho hai nước. Còn như muốn đánh, thì xin sai người nào hơn tôi mới đi được.

Sở Thành vương nói:

– Hoặc đánh hoặc hòa, ta cho người được tùy thương thuyết.

Khuất Hoàn phụng mệnh Sở Thành vương, lại đến chỗ quân Tề đóng, xin vào yết kiến Tề Hoàn công.

Quản Di Ngô nói với Tề Hoàn công rằng:

– Nước Sở lại cho sứ đến, tất là xin giảng hòa, Chúa Công nên tiếp đãi cho tử tế.

Khuất Hoàn vào yết kiến Tề Hoàn công, sụp lạy hai lạy. Tề Hoàn công đáp lễ lại rất tử tế, rồi hỏi xem ý muốn thế nào?

Khuất Hoàn nói:

– Chúa Công tôi vì cứ không cống cỏ bao mao, để quý quốc phải đem quân tới đây, Chúa công tôi biết tội lắm rồi; nếu quý quốc chịu rút quân khỏi một xá, thì Chúa công tôi há dám không vâng mệnh.

Tề Hoàn công nói:

– Nếu đại phu biết khuyên quốc quân giữ trọn chức phận, khiến cho ta có thể tau lại với thiên tử được, thì ta còn đợi gì nữa mà chẳng rút quân.

Khuất Hoàn về nói với Sở Thành vương rằng:

– Tôi nói với Tề hầu, Tề hầu đã chịu rút quân rồi. Tôi lại có hẹn với Tề hầu xin đem cống cỏ bao mao, vậy đại vương chớ có thất tín.

Sở Thành vương lại sai người đi do thám xem chư hầu đã rút quân về chưa.

Quân sĩ về báo rằng:

– Quân các nước rút ra ngoài 30 dặm, đóng tại đất Thiệu Lăng.

Sở Thành vương nói:

– Tề hầu đã chịu rút quân, thế là có ý sợ ta !

Nói xong, lại toan bỏ không công cở bao mao nữa.

Tử Văn nói:

– Vua 8 nước chư hầu còn không nỡ thất tín với một kẻ thường dân, thế mà đại vương lại muốn cho một kẻ thường dân thất tín với vua các nước sao?

Sở Thành vương nín lặng, không nói gì cả, rồi sai Khuất Hoàn đem mấy xe vàng lụa đến đất Thiệu Lăng để khao quân chư hầu.

Lại sai sửa soạn sẵn một xe cở bao mao, đem đến trình với Tề Hoàn công để rồi sai sứ vào cống thiên tử.

LẠM BÀN:

1. Mục tiêu của Tề Hoàn công và Quản Di Ngô là đánh Sở nhưng mượn cớ là đánh Sái để Sở không phòng bị, thừa cơ đánh úp.

2. Việc chuẩn bị đánh nước Sái và nước Sở của Tề Hoàn công và Quản Di Ngô rất hoàn bị:

Giảng hòa, liên minh, mật ước với các nước Giang, Hoàng, Thục và Lỗ.

Chặt bớt vây cánh của Sở là nước Tề, đánh nước Sái.

Cầm chân quân Sở bằng cách phao tin cứu Trịnh.

3. Bí mật bị tiết lộ.

Thụ Điều đã tham vàng bạc và tiết lộ bí mật quân sự cho Sái biết, Sái báo với Sở và Sở đã phòng bị.

Quản Di Ngô nhanh chóng hiểu rằng mưu kế của Tề đánh Sở đã bại lộ, nên một mặt tiến quân để dọa dẫm, một mặt tiến hành thủ đoạn ngoại giao để cho Sở cầu hòa. Tùy cơ ứng biến rất tài tình.

4. Kết cục, một chuyến xuất quân của Tề Hoàn công và Quản Di Ngô: Nước Sái không phòng bị chỉ dựa dẫm vào nước Sở nên đã bại trận, nước Từ bị nước Thục thôn tính, nước Trịnh được cứu, nước Sở cầu hòa.

5. Vai trò của Khuất Hoàn cũng khá nổi bật, báo cho Tề biết là Sở đã biết mưu kế của Tề, ngăn Tề tiến công. Dùng ngoại giao để Sở khỏi lâm vào cuộc chiến. Cũng là cách tương kế tựu kế.

6. Tương tự với kế nhĩ sơ bất lậu là kế dương đông kích tây hoặc thanh đông kích tây. Kế này lợi dụng nội bộ của đối phương nổi loạn hoặc không phòng bị để tiến công.

Kế thứ ba: CO ĐỀ DUỖI (Dĩ khuất cầu thân)

Dĩ khuất cầu thân là co mình lại để lấy thế duỗi ra. Tượng như con rồng, "cuộn thì ngắn vươn thì dài", như con hổ thu mình để vươn ra chụp con mồi, như con cáo rút cổ lại để nhảy ra cắn người.

Là những thuật giả bệnh, giả sắp chết, giả điên...để lừa đối phương. Đối phương tưởng là vô hại, chủ quan không phòng bị, từ đó tung đòn ác hiểm để tiêu diệt.

Kế này dựa trên đạo lý có Âm dương, Dương động thì hành động, Âm ngưng thì thu tàng, Dương động thì xuất, tùy theo Âm mà nhập. Khi chưa gặp thời cơ, cơ hội, cần lui thì lui; khi gặp thời cơ, cơ hội, cần tiến thì tiến.

Lui thì thanh tĩnh nhẹ nhàng, tiến thì nhanh ô ạt. Lui như rồng ẩn vực sâu. Tiến như hổ lao xuống núi.

A. TƯỚNG ĐÃ CHẾT

Bàng Quyên và Tôn Tần là bạn đồng môn, cùng học với Quỷ Cốc. Bàng Quyên sợ Tôn Tần giỏi hơn mình, sẽ tranh giành ảnh hưởng và địa vị của mình ở Ngụy, bèn tìm cách hại Tôn Tần.

– Đại vương giận lắm, muốn xử cực hình, tiểu đệ phải kêu mãi và hết sức bảo đảm, mừng cho đại huynh được toàn tính mệnh, nhưng đại huynh phải chặt chân và thich chữ vào mặt, đó là theo pháp luật nhà Ngụy, không phải là tiểu đệ không hết sức kêu xin.

Tôn Tần nói:

– Tiên sinh đã nói đầu Tôn Tần này có bị tàn hại nhưng không phải là đại hung, nay được toàn mệnh như thế này là nhờ ơn đại huynh, Tần này không dám quên ơn báo.

Bàng Quyên bèn sai đao phủ trói Tôn Tần lại, chặt bỏ hai xương bánh chè ở đầu gối.

Tần kêu rú lên một tiếng rồi ngã lăn ra không biết gì, hồi lâu mới tỉnh; kẻ hành hình lại dùng kim châm vào mặt Tần 4 chữ: "tư thông ngoại quốc", rồi lấy mực bôi vào.

Bàng Quyên giả ý kêu khóc, lấy thuốc rịt đầu gối, dùng lụa quấn bọc, sai người kiệu ra thư quán, dùng lời nói ngon ngọt để yên ủi.

Chùng hơn 1 tháng vết đau đã liền, nhưng vì mất hai xương bánh chè, hai chân yếu đuối không đi lại được, chỉ xếp vòng tròn mà ngồi. Tôn Tần đã trở thành phế nhân, mỗi ngày chịu ơn Bàng Quyên cung phụng ba bữa, lấy làm buồn.

Bàng Quyên bèn nhờ Tôn Tần truyền bảo cho những bài của "Quỷ Cốc tiên sinh chú giải binh pháp Tôn Tử", Tần khẳng khái nhận lời. Quyên đưa thẻ tre nhờ Tần viết ra.

Tần viết mười phần chưa được một, Quyên sai một người hầu là Thành Nhi ở hầu hạ bên cạnh Tần. Tên này thấy Tần vô tội bị oan có ý thương xót.

Một hôm bỗng Quyên cho gọi nó đến hỏi Tần mỗi ngày viết được mấy bản, nó nói vì Tần bị chặt chân, ngồi rất khó khăn, nên mỗi ngày chỉ viết được hai đến ba bản.

Quyên nổi giận nói rằng:

– Viết chậm thế thì biết bao giờ cho xong, mày phải thúc giục luôn cho ta.

Thành Nhi lui ra hỏi tên hầu cận Bàng Quyên rằng:

– Quân sư nhờ Tôn Tần viết, sao thúc giục như thế?

Tên hầu cận nói:

– Mày không biết, quân sư đối với Tôn Tần bề ngoài thì làm ra thương xót nhưng trong lòng thực ghen ghét, sợ dĩ còn giữ toàn tính mệnh cho Tôn Tần là vì muốn Tôn quân truyền bảo binh thư cho, chờ khi viết xong, sẽ không cho ăn uống nữa để Tôn quân phải chết đói, đó là việc kín, mày chớ nên tiết lộ.

Thành Nhi biết thế, về mật báo cho Tôn Tần biết, Tần cả sợ, nghĩ thầm: Bàng Quyên đã bất nghĩa như thế, há có nên truyền bảo cho binh pháp? Lại nghĩ đến mình không chịu viết, tất nó sẽ nổi giận giết ngay.

Nghĩ mãi muốn cầu kế thoát thân, chợt nhớ khi ra đi Quỷ Cốc tiên sinh có trao cho một cái cảm nang, dặn khi nào nguy cấp quá thì mở ra xem, nay chính là lúc nên mở ra.

Bèn mở cái cảm nang ra xem, đó là một bức lụa vàng, ở trong đó viết ba chữ: "Cách giả điên".

Tần nghĩ bụng: Hóa ra là như vậy.

Chiều hôm ấy, khi mâm cơm mới bưng lên, Tần cầm đũa chực ăn, bỗng làm ra dáng mê man và nôn ọe hồi lâu rồi nổi giận, gương mặt hét to lên rằng:

– Mày sao dùng thuốc độc hại ta?

Rồi vứt chai lọ xuống đất, lấy những thẻ gỗ đã viết rồi ném vào lửa đốt bỏ, miệng cứ lảm nhảm chửi mắng mãi không thôi.

Thành Nhi không biết Tôn Tần giả cách, vội đi báo Bàng Quyên.

Ngày hôm sau, Quyên đến xem, thấy Tần đờm dãi đầy mặt, phục xuống đất cười khà khà, bỗng lại khóc òa lên. Quyên hỏi:

– Đại huynh làm sao mà cười, làm sao mà khóc như thế?

Tần nói:

Ta cười là cười vua Ngụy muốn hại mệnh ta, ta có mười vạn thiên binh giúp sức, làm gì được ta!

Ta khóc là khóc cho nước Ngụy không có Tôn Tần, không có ai làm đại tướng!

Nói rồi giương mắt nhìn Quyên, rồi cứ đập đầu mà lạy hoài, miệng nói xin Quý Cốc tiên sinh cứu mạng.

Quyên nói:

– Tôi là Bàng Quyên đây đại huynh chớ nhận lầm!

Tần cứ nắm chặt lấy áo Quyên không chịu buông, miệng cứ kêu tiên sinh cứu mệnh.

Quyên sai người giăng ra, hỏi Thành Nhi:

– Tôn tử phát bệnh bao lâu rồi?

Thành Nhi nói phát tự ban đêm.

Quyên lên xe về phủ, trong lòng nghi hoặc, sợ Tôn Tần giả cách điên, muốn thử xem thật giả, bèn sai người đặt vào trong chuồng lợn, đầy dẫy những phân.

Tần xoa tóc úp mặt mà nằm sấp xuống.

Quyên lại sai người mang cơm rượu đến nói dối rằng:

– Tôi thương tiên sinh bị chặt chân gọi là tỏ lòng kính mến, nguyên súp không biết đâu.

Tần biết mưu gian của Quyên, trợn mắt, mắng rằng:

–Mày lại đem thuốc độc hại ta à ?

Nói rồi đổ rượu vắt cơm xuống đất, tên kia lại nhặt đồng cơm cho chó ăn, và lấy phân chó và cục bùn đưa cho, Tần cầm lấy ăn ngay.

Tên kia về báo Quyên, Quyên chắc là Tần điên rồi thật, không lấy làm lo, từ đó thả lỏng Tôn Tần, mặc cho ra vào .

Tần hoặc sớm đi chiều về lại cứ nằm ở chuồng lợn, hoặc đi mà không về, nằm đất nằm cát ở đường chợ; hoặc cười nói hoặc kêu khóc.

Nhiều người biết Tôn là khách khanh, thương hại Tần bị tàn phế đều cho ăn uống.

Tần hoặc ăn hoặc không ăn, nói lảm nhảm luôn mồm, không ai biết là Tần giả cách điên cả.

Tuy vậy, Bàng Quyên vẫn còn lấy làm lo, hạ lệnh cho địa phương cứ mỗi sáng phải đến trình báo xem Tần ở đâu.

Bấy giờ, Mặc Dịch sang chơi nước Tề ở nhà Điền Kị.

Có người học trò là Cầm Hoạt mới ở nước Ngụy đến.

Mặc Dịch hỏi thăm Tôn Tần ở nước Ngụy có đặc ý hay không.

Cầm Hoạt đem việc Tôn Tần bị chặt chân thuật lại cho Mặc Dịch nghe.

Mặc Dịch nói:

–Ta vốn muốn tiến cử hần, ngờ đâu thành ra hại hần.

Mặc Định bèn đem tài học của Tôn Tần và việc Bàng Quyên ghen ghét nói với Điền Kị .

Điền Kị vào tâu ngay với Uy vương xin đem quân đón Tôn Tần về nước.

Điền Kị nói:

– Bàng Quyên đã không muốn cho Tần làm quan ở nước Ngụy thì khi nào lại muốn cho Tần làm quan ở nước Tề. Muốn đón phải như thế ... như thế...mới được.

Uy vương bèn sai Thuần Vu Khôn mượn tiếng sang Ngụy dâng trà, Cầm Hoạt giả làm người hầu đi theo.

Sang đến Ngụy, Thuần Vu Khôn vào chầu Huệ vương rồi ra ở ngoài nhà trạm.

Cầm Hoạt thấy Tần diện, không cùng nói chuyện, nửa đêm mới lén đến thăm.

Tần dựa lưng vào thành giếng mà ngồi.

Thấy Hoạt chỉ giương mắt nhìn mà không nói.

Cầm Hoạt ứa nước mắt nói rằng:

– Tôn Tần khổ đến thế ư ? Có biết Cầm Hoạt này không ? Thầy tôi có kẻ nổi oan cho vua Tề, vua Tề rất thương mến, nay sai ông Thuần Vu đến đây, không phải vì việc dâng trà mà thực là muốn đem Tôn khanh về Tề báo cái thù chặt chân đó thôi.

Tôn Tần chảy nước mắt như mưa, hồi lâu mới nói rằng:

–Tôi vẫn chắc chết rấp ở ngoài rãnh, không ngờ ngày nay lại có cơ hội này.

Nhưng Bàng Quyên vẫn ngờ vực lắm, không thể đem tôi đi lọt đâu.

Cầm Hoạt nói:

– Tôi đã có kế rồi, Tôn khanh không phải quá lo, chờ khi nào tôi đi, tôi sẽ đến đón nhưng xin cứ gặp nhau ở đây, chớ dời đi nơi khác.

Hôm sau, Huệ Vương khoản đãi Thần Vu Khôn, biết Khôn là người biện luận giỏi, nên tặng vàng lụa rất nhiều, Khôn từ tạ Huệ Vương chực đi.

Bàng Quyên lại đặt rượu ở Trường Đình để tiễn hành.

Đêm trước, Cầm Hoạt đã đem Tôn Tần giấu trong một cái xe phủ kín.

Đem quần áo của Tần mặc cho đầy tớ là Vương Nghĩa mặc, bù đầu xoa tóc, lấy bùn đất bôi vào mặt giả làm Tôn Tần, địa phương cứ thế mà báo, nên Bàng Quyên không ngờ.

Thuần Vu Khôn từ biệt Bàng Quyên, bảo Cầm Hoạt cho xe đi trước và giục đi cho thật nhanh, còn mình thì đi áp hậu.

Mấy ngày sau Vương Nghĩa cũng tìm được sách thoát thân, chạy theo.

Quan địa phương thấy những quần áo bẩn thỉu quăng bỏ trên mặt đất, không thấy Tôn Tần đâu, liền đi báo Bàng Quyên.

Quyên nghi là Tần nhảy xuống giếng tự tử, sai người mò vớt không thấy, lại cho đi dò hỏi khắp nơi cũng không thấy tung tích Tần đâu, nhưng sợ Ngụy vương trách hỏi, bèn tâu Tôn Tần chết đuối, cũng không ngờ Tôn Tần đã về nước Tề rồi.

Sau này Tôn Tần làm tướng quốc nước Tề, đã phục binh giết Bàng Quyên tại Mã Lăng.

B. Con ngựa hèn tham năm đau

Từ Mã Ý, Tào Sảng phò thái tử Tào Phương lên ngôi hoàng đế. Tào Phương tự là Lan Khanh, nguyên là con nuôi Tào Tuấn, chuyện bí mật ở trong cung, không ai biết do đâu mà đến.

Tào Phương lên ngôi, tôn tên thụy cha là Minh Đế, táng ở Cao Bình; tôn Quách hoàng hậu làm thái hậu; đổi niên hiệu là Chính thủy.

Sảng rất trọng vọng Tư Mã Ý, phạm việc gì to đều hỏi Ý trước.

Sảng tên tự là Bá Chiêu, tự thuở nhỏ ra vào trong cung. Minh Đế thấy người cẩn thận, đem lòng yêu mến lắm.

Sảng có 500 khách môn hạ; trong đó có 5 người ưa chuộng thói phù hoa là Hà Yến, Đặng Dương, Lý Thắng, Đinh Bất, Tất Phạm.

Lại có quan đại tư nông là Hoàn Phạm, tự Nguyên Tắc, có nhiều mưu trí, người ta khen là "trí nang" (túi khôn). Mấy người ấy đều được Tào Sảng tin dùng.

Hà Yến nói với Tào Sảng rằng:

– Đại Quyền của chủ công, chớ cho người khác được can thiệp đến mà để lo về sau.

Sảng nói:

– Tư Mã công cùng với ta chịu lời tiên đế thác cô, nữ nào ta bỏ nghĩa ấy.

Yến nói:

– Khi xưa tiên công cùng với Trọng Đạt đánh Thục, nhiều khi bị hấn lần át, nhân thế mà chết. Chủ công sao không xét việc đó?

Sảng nghĩ ra, cùng với các quan thương nghị, rồi vào tâu với Ngụy Chủ rằng:

– Tư Mã Ý công cao đức nặng, nên gia chức làm thái phó.

Phương nghe lời. Từ đó binh Quyền về cả tay Tào Sảng. Sảng sai em là Tào Hi làm Trung lĩnh quân, Tào Huấn làm Võ vệ tướng quân, Tào Ngạn làm Tán kỵ thường thị. Mỗi người ba ngàn ngũ lâm quân, tùy tiện ra vào chốn cung cấm.

Lại dùng Hà Yến, Đặng Dương, Đinh Bất làm thượng thư, Tất Phạm làm Tư lệ hiệu úy, Lý Thắng làm Hà Nam doãn. Năm người ấy ngày đêm bàn việc với Tào Sảng. Bởi thế tân khách nhà Tào Sảng mỗi ngày một nhiều.

Tư Mã Ý thấy vậy, thác có bệnh không ra đến ngoài. Hai con cũng từ chức về nhà.

Tào Sảng mỗi ngày cùng với bọn Hà Yến uống rượu làm vui. Phàm các đồ dùng, áo sống, không khác gì của triều đình.

Những đồ quý báu các nơi tiền cống, trước hết chọn đồ quý nhất lấy làm của riêng, còn thừa mới nộp vào cung.

Trong phủ chứa rất nhiều con gái đẹp. Quan hoàng môn là Trương Đương xiêm nịnh Tào Sảng, kén lấy mười tám nàng hầu của Tiên đế, đưa vào trong phủ.

Sảng lại kén ba bốn chục con gái nhà tử tế, biết hát múa lập ra một đội nữ nhạc trong phủ. Lại dựng lên lầu cao gác chạm; đúc các đồ vàng bạc; dùng hơn 100 thợ khéo, ngày đêm chế tạo đồ dùng.

Tào Sảng thường hay cùng với bọn Hà Yến, Đặng Dương ra ngoài săn bắn.

Em là Tào Hi can rằng:

– Uy quyền của anh to lắm, mà cứ hay đi chơi săn bắn, nếu có người mưu hại thì làm thế nào?

Sảng mắng rằng:

– Binh quyền ở trong tay ta, còn sợ gì ai nữa?

Tư nông là Hoàn Phạm cũng can, nhưng Sảng cũng không nghe.

Bấy giờ Ngụy chủ Tào Phương đổi năm Chính Thủy thứ mười là năm Gia Bình thứ nhất. Tào Sảng một mực chuyên quyền. không biết bệnh Trọng Đạt hư thực ra làm sao.

Bữa ấy, nhân Ngụy Chủ cho Lý Thắng ra làm Thứ sử ở Kinh Châu. Sảng cho Lý Thắng đến từ Trọng Đạt, nhân để dò xem ý tứ thế nào.

Lý Thắng đến phủ Thái Phó, có lính canh cửa vào báo với Tư Mã Ý. Ý bảo với hai con rằng:

– Đây là Tào Sảng sai đến dò xem bệnh ta thực hay giả đây.

Lập tức bỏ mũ, để tóc rũ rượi, trèo lên giường ngồi dựa vào cái chăn và sai 2 nàng hầu nâng đỡ; rồi mới sai mời Lý Thắng vào phủ.

Lý Thắng đến trước giường, lạy nói rằng:

– Lâu nay không được hầu Thái phó, không ngờ ngài yếu đau thế này!

Nay thiên tử sai tôi làm thứ sử Kinh Châu, xin đến đây kẹ từ Thái phó.

Ý giả điếc, đáp rằng:

– Tinh châu gần phương bắc, ra đó giữ gìn cho khéo.

Thắng nói:

– Tôi được cử làm Thứ sử Kinh Châu, không phải Tinh Châu.

Ý cười nói:

– Người ở Tinh Châu lại à ?

Thắng nói:

– Kinh Châu ở Hán Thượng.

Ý lại cười ha hả mà rằng:

– Người ở Kinh Châu lại đây à ?

Thắng nói:

– Thái Phó sao ngài yếu đến thế ?

Tả hữu nói:

– Thái Phó điếc đấy!

Thắng mượn bút giấy viết mấy chữ đệ lên.

Ý xem xong cười rằng:

– Ta lâu nay mệt lắm, tai điếc nghe không rõ. Chuyến này có đi thì phải giữ gìn!

Nói đoạn, lấy tay trở vào mồm, ra hiệu muốn uống nước. Thị tỳ dâng chén nước nóng. Ý hớp miệng vào chén nước, nước đổ ra ướt cả vạt áo. Ý ậm ự trong cổ, làm ra tiếng nghẹn, rồi nói rằng:

– Ta suy nhược lắm, sớm tối chưa biết chết lúc nào. Ta có hai con chẳng ra gì, nhờ người dạy bảo đỡ cho ta. Người có về ra mắt đại tướng quân, nhờ nói giùm với tướng quân trông nom đỡ hai con cho ta, thì may lắm.

Nói đoạn, nằm lăn ra bên giường, thở hồng hộc một lúc.

Lý Thắng cáo từ Trọng Đạt, về ra mắt Tào Sảng, thuật hết cả tình hình như thế.

Sảng mừng, nói:

– Lão này chết thì ta không lo gì nữa!

Tư Mã Ý thấy Lý Thắng đi rồi, đứng dậy bảo với hai con rằng:

– Lý Thắng chuyến này về báo tin, Tào Sảng tất không nghi ta nữa; đợi khi nào y ra thành sẵn sẵn, thì mới thực hiện ý đồ được.

Không mấy bữa. Tào Sảng mời Ngụy Chủ Tào Phương ra yết lãng Cao Bình, tế tự Tiên đế. Quan viên lớn nhỏ theo cả ra.

Sảng dẫn ba anh em và bọn tâm phúc Hà Yển cùng quân ngự lâm, hộ giá ra thành.

Tư nông là Hoàn Phạm can rằng:

– Chủ công coi giữ quân cấm binh, không nên anh em cùng đi cả; phỏng trong thành có biến, thì làm thế nào?

Sảng cầm roi ngựa quật vào Hoàn Phạm, mắng rằng:

– Ai dám làm loạn, chớ có nói càn ?

□

Đây nói Tư Mã Ý, nghe tin Tào Sảng dẫn ba anh em và bọn tâm phúc, cùng quân ngự lâm theo cả Ngụy chủ ra thành, yết lãng vua Minh Đế, nhân thể đi sẵn.

Ý mừng lắm, lập tức vào nơi công đường, sai Tư Đồ là Cao Như lĩnh chức đại tướng quân, trước hết đến giữ dinh Tào Sảng.

Lại sai Thái Bộc là Vương Quan, quyền chức trung lĩnh quân, giữ dinh Tào Hi.

Ý dẫn các quan vào hậu cung tâu với Quách thái hậu việc Tào Sảng bỏ lời tiên đế thác cô, gian tà loạn nước, xin trị tội.

Quách thái hậu thất kinh, nói:

– Thiên tử ra ngoài chưa về, thì làm thế nào?

Ý tâu rằng:

– Tôi đã dâng biểu tâu với thiên tử, có mẹo giết được gian thần, thái hậu chớ ngại.

Thái hậu sợ hãi, phải theo lời. Ý sai Thái Úy là Tưởng Tế, thượng thư lệnh là Tư Mã Phu cùng với mình viết biểu, phái hoàng môn mang ra ngoài thành tâu với Ngụy chủ.

Ý tự dẫn đại quân giữ kho khí giới.

Hoàn Phạm được xem như là mưu sĩ, "túi khôn" của Tào Sảng, nghe có biến tìm cách chạy ra cửa thành. Có người báo với Tư Mã Ý.

Ý giật mình nói:

– "Túi khôn" lọt ra mất rồi thì làm thế nào?

Tướng Tế nói:

– Ngựa hèn tham nắm đầu trong chuồng, dù có "túi khôn", cũng không dùng được.

Ý gọi Hứa Doãn, Trần Thái đến bảo rằng:

– Hai người ra gặp Tào Sảng, nói Thái phó không có bụng nào hại đâu, chỉ muốn tước bớt binh quyền của anh em họ đây thôi.

Hứa, Trần hai người đi liền.

Lại đòi quan Điện trung hiệu úy là Doãn Đại Mục đến, sai Tướng Tế viết thư, cho Đại Mục cầm ra đưa cho Tào Sảng.

Ý dặn rằng:

– Người thân thiết với Tào Sảng, nên giúp việc này.

Người có ra mắt Tào Sảng, thì nói rằng ta với Tướng Tế trở sông Lạc Thủy ăn thề, chỉ vì việc binh quyền, chớ không có bụng nào cả.

Doãn Đại Mục vâng lệnh đi ra.

Nói về Tào Sảng đang mãi sẵn bắn, huyết chó thả chim. Chợt có tin báo trong thành nổi loạn, Thái phó có biểu văn đưa đến. Sảng giật nảy mình, suýt nữa ngã ngựa. Quan hoàng môn dâng biểu quỳ trước mặt thiên tử. Sảng tiếp lấy tờ biểu mở ra, sai cận thần được lên vua nghe.

Biểu rằng:

"Chinh tây đại tướng quân thái phó thân là Tư Mã Ý, rất sợ hãi, cúi đầu kính dâng biểu lên bệ hạ: Thần tự khi đánh Liêu Đông trở về, tiên đế giao phó bệ hạ cho Tần Vương và bọn thần, bên giường ngự, cầm tay thần, gần bó dận dò việc sau.

Nay đại tướng quân Tào Sảng bỏ lời cổ mệnh, loạn phép nhà nước, trong thì tiếm pháp, ngoài thì chuyên quyền, dung hoàng môn là Trương Đương làm

đô giám, cùng nhau tư thông, để ngấp nghé ngôi báu, làm cho lìa cách hai cung, tàn hại trong tình cốt nhục.

Thiên hạ nôn nao, mang lòng sợ hãi.

Đó không phải là ý của tiên đế bảo bệ hạ và dặn thần như thế. Thần tuy già yếu, dám đâu quên lời xưa. Thái úy thần là Tế, thượng thư thần là Phu cũng nghĩ rằng Tào Sảng không có bụng tôn vua, không nên cho anh em y được giữ binh quyền túc vệ trong cung nữa.

Vì thế, thần tâu với Hoàng thái hậu, Thái hậu sai thần tâu biểu với bệ hạ đề ra lệnh.

Vậy thần dâng biểu này, xin bắt Sảng, Hi, Huân phải bãi binh đi mà về nhà, không được để xa giá bệ hạ ở lâu ngoài thành.

Nếu chậm trễ, xin án quân pháp mà trị tội.

Thần phải gượng bệnh đem quân ra đóng trên cầu Lạc Thủy, để coi xét việc bất thường.

Vì vậy bày tỏ, xin được soi xét".

Ngự chủ Tào Phương nghe xong, bảo với Tào Sảng rằng:

– Thái phó nói vậy, ngươi khu xử làm sao?

Tào Sảng cuống cả người lại, bảo với hai anh em rằng:

– Làm thế nào bây giờ?

Hi nói:

– Em đã can mãi anh, anh chẳng nghe cho, mới đến nỗi này. Tư Mã Ý quý quyết vô cùng, Khổng Minh còn không đánh nổi, huống chi anh em chúng ta! Chi bằng tự trói mình về chịu lỗi, cầu khỏi cái chết là hơn!

Một lát, tham quân Tân Tệ, Tư Mã Lỗ Chi đến. Sảng hỏi chuyện. Hai người nói:

– Trong thành vây kín như rào sắt, Thái phó đem quân đóng trên cầu sông Lạc, không tài nào mà về được đâu. Nên định kế lớn đi!

Đang nói thì tư nông là Hoàn Phạm tể ngựa chạy đến. Phạm nói:

– Thái phó đã khởi biến rồi, tướng quân sao không rước thiên tử ra Hứa Đô, cất quân ngoài mà đánh Tư Mã Ý ?

Sảng nói:

– Cả nhà ta ở trong thành, sao nên đi nơi khác mà cầu cứu ?

Phạm nói:

– Thất phu đương lúc nạn, còn muốn cầu sống. Nay chủ công theo với thiên tử, hiệu lệnh thiên hạ, đâu chẳng phải nghe, sao lại đâm đầu về đất chết làm chi ?

Sảng nghe nói phân vân chưa quyết, chỉ ứa nước mắt khóc.

Phạm lại nói:

– Tự đây ra Hứa Đô, chẳng qua nửa đêm thì đến nơi. Lương thảo trong thành, đủ chi được vài năm. Vả lại quân mã trại riêng của chủ công, ở ngay Quan Nam gần đây, gọi 1 tiếng là đến. Ấn đại tư mã tôi đã mang ra đây, chủ công nên làm cho kịp đi, nếu chậm thì việc hỏng mất.

Sảng nói:

– Các người chớ thôi thúc lắm, để ta nghĩ kỹ xem đã!

Được một lát, thị trung Hứa Doãn, thượng thư lệnh Trần Thái đến. Hai người nói:

– Thái phó chỉ vì việc tướng quân quyền to quá, muốn tước bớt binh quyền đi, chớ không có bụng gì đâu. Tướng quân nên về ngay trong thành cho sớm.

Sảng nín lặng chẳng nói gì, một lát, lại có Doãn Đại Mục đến nói:

– Thái phó trở sông Lạc phát lời thề, tình không có bụng nào. Có thư của Tướng thái úy ở đây. tướng quân nên bỏ binh quyền, về ngay tướng phủ cho.

Sảng tin là thực.

Hoàn Phạm lại nói:

– Việc đã cấp rồi, chớ nghe người ta nói mà đâm vào đất chết !

Đêm hôm ấy, Tào Sảng vẫn không quyết bề nào, tay cầm thanh gươm thờ ngấn thờ dài cho đến sáng, lúc nào cũng nước mắt chảy vòng quanh mà vẫn hồ nghi không biết nghĩ ra sao.

Hoàn Phạm vào trướng giục rằng:

– Chủ công nghĩ suốt cả đêm, mà vẫn chưa quyết ư ?

Sảng vát thanh gươm xuống than rằng:

– Bụng ta không muốn cất quân, ta tình nguyện bỏ quân, chỉ làm một tên phú ông là đủ.

Phạm khóc âm lên, ra trướng nói:

– Tào Tử Đan khoe mình trí mưu, nay được ba con đụt như chó lợn cả.

Hứa Doãn, Trần Thái xui Sảng nộp ấn thụ trước cho Tư Mã Ý.

Sảng sai đem ấn thụ đưa ra. Chủ bộ là Dương Tổng giăng lại ấn thụ, khóc rằng:

– Hôm nay chủ công bỏ binh quyền, tự trối xin hàng, không tránh khỏi chết ở chợ cửa đông đầu.

Sảng nói:

– Thái phó tất không thất tín với ta!

Bởi thế, Tào Sảng đem ấn thụ đưa cho Hứa, Trần hai người mang về trước, giao nộp Tư Mã Ý.

Quân sĩ thấy không có tướng ấn, lẻ tẻ tan mất cả.

Thủ hạ Tào Sảng chỉ còn mấy người, đi theo về đến Phù kiều.

Tư Mã Ý cho ba anh em Tào Sảng hãy về nhà riêng, còn các quan đi theo thì tổng giam chờ sắc chỉ.

Anh em Tào Sảng khi vào đến thành, không còn một người nào theo hầu.

Hoàn Phạm về đến cầu, Tư Mã Ý ngồi trên ngựa trở roi mà rằng:

– Hoàn đại phu có sao lại thế?

Hoàn Phạm cúi mặt xuống không nói gì, rồi đi vào thành.

Tư Mã Ý rước xa giá nhỏ trại về Lạc Dương.

Ba anh em Tào Sảng về đến nhà, Tư Mã Ý dùng khóa to khóa cửa lại, sai tám trăm dân phu vây giữ.

Tào Sảng trong bụng lo buồn. Hi nói:

– Trong nhà ta thiếu lương ăn, anh thử viết thư đưa cho Thái phó vay lương. Nếu y đem đỡ cho ta, thì tất không nỗi hại nhau.

Sảng liền viết thư sai người cầm đến. Tư Mã Ý xem thư, cho người vận một trăm斛 lương vào phủ Tào Sảng.

Sảng mừng, nói:

– Tư Mã Công hãn không bụng nào nỗi hại ta!

Từ đó không lo gì nữa.

Tư Mã Ý trước hết bắt Trương Dương tổng ngục tra hỏi.

Đương xưng ra bọn Hà Yến, Đặng Dương, Lý Thắng, Tất Phạm, Đinh Bật, năm người đồng mưu phản nghịch.

Ý lấy khẩu cung, rồi sai bắt bọn Hà Yến tra hỏi minh bạch, cả bọn cùng xưng là trong ba tháng nữa thì làm phản. Ý sai đóng gông rảo cả lại.

Tướng giữ cửa thành là Tư Phiên tố cáo Hoàn Phạm trá xưng phụng chiếu ra thành, nói là Thái phó làm phản.

Ý nói:

– Vu cho người làm phản, tội cũng như làm phản.

Liền sai bắt cả bọn Hoàn Phạm bỏ ngục.

Rồi bắt 3 anh em Tào Sảng và các người phạm tội, cùng cả ba họ điệu ra ngoài chợ chém sạch.

Bao nhiêu của cải tịch thu bỏ kho làm của công.

LẠM BÀN:

1. Ngay cả Không Minh cũng kiêng mặt Tư Mã Ý, rõ ràng Tào Sảng không phải là đối thủ của Ý

2. Tào Sảng danh vọng đã lên đến cực điểm: Nắm hết binh quyền, cao sang, xa hoa... chủ quan không hiểu được âm mưu Tư Mã Ý, thiếu phòng bị, lại còn cao hứng kéo quân ra khỏi hang ổ để săn bắn.

Khi gặp nguy biến, nhu nhược sợ chết, không nghe lời mưu sĩ, thiếu quyết đoán.

Đúng như lời Trương Tế: Con ngựa hèn tham nắm đậu trong chuồng, có túi khôn cũng không dùng được.

Khi đắc thế khoác lác la mắng cấp dưới, tiền hô hậu ủng, lúc thất bại run rẩy khóc lóc, bọn tay chân thuộc hạ lãng ra.

Chịu nhục xin gạo ăn để cầu sống, ảo tưởng kẻ thù sẽ tha mạng nhưng kết cục cũng bị chém giữa chợ.

3. Ngoạn mục là Tư Mã Ý cáo quan, giả bệnh, giả ngễnh ngãng, yếu đuối như sắp chết, còn trời trăng... nhưng khi có cơ hội thì sáng suốt sắp đặt đầu vào đây, cướp lại được binh quyền, địa vị.

Thủ đoạn chính trị thật ghê gớm. một màn kịch giả bệnh, giả sắp chết, thay đổi, khuynh đảo cả một thế lực của một triều đình.

4. Đáng buồn là Hoàng Phạm được gọi là "túi khôn" chẳng khôn chút nào, khi biết Sảng đụt như chó lợn thì quá muộn.

5. Quỷ Cốc còn cho rằng âm thì thối tàng, không hành động. Lễ thường thì Âm cực điểm sẽ chuyển hóa thành Dương, đó là thời cơ nhanh chóng hành động.

6. Bàn về kế này người ta cho rằng bắt chước một loài cá gọi là mê ngư, cá sống trong bùn. Khi mặt nước có biến động rúc nhanh xuống bùn bất động; nhìn ăn hàng năm, sáu tháng ; người ta không phát hiện được nên nó sống sót và sống rất lâu.

7. Kế này tương tự kế đóng vai lợn ăn thịt hổ, được áp dụng khá phổ biến trong lịch sử:

Việt Vương Câu Tiễn cúi đầu nếm phân Ngô Phù Sai, sau đó ngóc đầu lên ăn gan Ngô Vương, còn kết tội Ngô vương trong đó có một tội là nhẹ dạ tha chết cho Câu Tiễn.

Kế thứ tư: Trư Ồc đánh sau bẮt (Tiên đả hậu ma)

Tiên đả hậu ma là trước đánh sau bắt. Ví như muốn bắt cá, trước là khuấy lên cho đục nước làm cho cá mất phương hướng, sau đó là mò bắt cá.

Dựa vào nguyên lý Âm dương, đóng mở để quan sát, thẩm định; đo lường lực lượng, khả năng; kỹ năng, kỹ xảo; sở trường, sở đoản của đối phương.

Muốn đánh bại một đạo quân thì làm cho đạo quân ấy mệt mỏi, tiêu tan ý chí sau đó mới tiến quân.

Muốn thôn tính một nước thì phải làm cho nước đó rối loạn, vua không phân biệt được phải trái, chính tà, trung nịnh, quần thần và nhân dân mất niềm tin.

Muốn cho một nước thần phục mình phải cắt đứt chỗ dựa của nước đó.

A. DIỆT MÀM SỰ TRÁO TRỞ

Nước Trịnh khi theo Sở lúc theo Tần, lúc theo Sở. Tần Diêu Công giận lắm, hỏi các quan đại phu rằng:

– Người nước Trịnh phản phúc, quân ta đến thì theo, quân ta về lại phản, nay muốn cho người nước Trịnh một lòng theo ta thì nên dùng kế gì ?

Tuân Dinh hiến kế rằng:

– Nước Tần ta không thu phục được nước Trịnh là vì người nước Sở cố sức mà tranh nước Trịnh với ta.

Nay muốn thu phục được nước Trịnh thì tất phải đối địch với Sở, mà muốn làm cho Sở khốn đốn thì nên tìm kế "dĩ dật đãi lao", lấy khoẻ mà đánh mỏi mệt.

Tần Diêu Công nói:

– Thế nào là "dĩ dật đãi lao" ?

Tuân Dinh nói:

– Quân nước mình không nên dùng luôn, dùng luôn thì người mình nhọc; quân chư hầu không nên điều động luôn, điều động luôn thì chư hầu oán. Trong nhọc mà ngoài oán, cứ như thế thì không bao giờ thắng được Sở.

Tôi xin đem quân ta chia ra làm ba đạo, mỗi đạo quân có mấy nước chư hầu phụ thuộc vào, thay đổi nhau mà đối địch với quân Sở.

Sở tiến thì ta lui, Sở lui thì ta tiến, đem một đạo quân của nước ta mà làm cho cả nước Sở không lúc nào được yên, như thế thì nước Sở khốn quẫn, bấy giờ nước Trịnh tất phải một lòng theo ta.

Khi xuất quân Tuân Dinh truyền lệnh rằng:

– Ba đạo quân cứ thay phiên nhau đánh Trịnh, hễ Trịnh chịu giảng hòa, thì lại rút về ngay, nhất thiết không được giao chiến với quân Sở.

Quả nhiên sau này, Trịnh không dám phản bội nước Tấn.

LẠM BÀN:

1. Sở dĩ nước Trịnh tại sao sớm đầu tối đánh là do nước Sở ủng hộ, lôi kéo. Sở là chỗ dựa của Trịnh, Sở biến loạn thì không bảo vệ được Trịnh, buộc Trịnh phải cầu hòa với Tấn.

2. Trước đánh Sở (tiên đả) làm cho nước Sở mỗi mệt. Sau mới bắt (hậu ma) Trịnh chui vào rọ cầu hòa.

3. Kế này còn có tên gọi khác là "dĩ dật đãi lao", lấy sự nghỉ ngơi, khỏe mạnh đánh người mỗi mệt. Làm tiêu hao nhuệ khí, sức lực của đối phương, đợi đối phương tinh thần sa sút, rồi loạn thì tiến đánh.

Với kế này, thời Đông Tấn Tạ Huyền, tướng nước Tấn, đã đánh tan tác 90 vạn quân của Bồ Kiên, tướng nước Tần tại sông Phì Thủy.

B. TIÊU TAN DỪNG KHÍ

Trang Công và Tào Quệ đi trên một chiếc binh xa ra trận đánh nhau với quân Tề tại Trường Thục.

Trang Công chuẩn bị đánh trống trận ra lệnh công kích, Tào Quệ nói:

– Chưa đến lúc, chưa được hạ lệnh xuất kích.

Quân Tề đánh ba lần trống trận, Tào Quệ nói:

– Có thể đánh trống trận và phát lệnh công kích rồi!

Quân Tề thua trận tan rã, Trang Công chuẩn bị truy kích, Tào Quệ nói:

– Chậm một chút.

Tào Quệ xuống xe kiểm tra dấu vết binh xa của quân Tề, leo lên thành xe nhìn ra nơi xa xa, rồi nói rằng:

– Được rồi!

Thế là Trang Công hạ lệnh truy kích quân Tề.

LỜI BÀN CỦA TÀO QUỆ :

Sau khi đánh thắng trận. Trang Công hỏi Tào Quệ vì sao làm như vậy, Tào Quệ trả lời:

– Về việc đánh nhau cần phải có dũng khí. Lần thứ nhất đánh trống trận để lấy dũng khí quân đội. Đánh trống trận lần thứ hai, thì dũng khí đang hăng sẽ tàn lụi dần.

Đến lần trống trận thứ ba, thì dũng khí quân đội sẽ mất hết.

Dũng khí của quân Tề xuống hết, trái lại, dũng khí của quân ta tràn đầy cho nên chúng ta đánh bại được quân Tề.

Nước lớn là khó dự liệu; e rằng họ giả vờ tháo chạy rồi nằm lại mai phục. Tôi xuống xe xem thấy vết xe của quân Tề rất lộn xộn, leo lên cao thấy quân kỳ của họ cái nằm ngang cái nằm dọc, nên tôi phán đoán rằng không phải quân Tề giả bộ tháo chạy để dụ chúng ta, nên mới bắt đầu hạ lệnh truy đuổi chúng.

Tiết 2: SÁCH PHẢN ỨNG (Phản ứng chi sách)

1. Ngày xưa, người ta săn muông thú trước là giăng bẫy, bủa lưới, sau đó người ta ném đá hay đánh vào đá hoặc một vật gì đó, làm cho muông thú hoảng sợ, phản ứng, chạy ra khỏi hang ổ, nơi ẩn nấp và sa vào lưới.

Do đó, có thành ngữ "đầu thạch vắn lộ", ném đá hỏi đường. Là đánh động sau đó quan sát phản ứng, thăm dò động tĩnh của đối phương và từ đó ra tay hành động.

2. Thuật phản ứng dựa trên cơ sở động và tĩnh của Âm dương; trên quy luật "đồng thanh thì hô ứng"; cùng một đạo, cùng một đường lối thì đồng quy

với nhau, cùng quy về một mối (đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu).

3. Thuật phản ứng được áp dụng trên nhiều lĩnh vực:

a. Dùng để ôn chuyện cũ hiểu chuyện mới, ôn cố tri tân:

Phản là biết quá khứ, Ứng là biết hiện tại.

Những gì hợp với hiện tại thì giữ gìn và ứng dụng; cái gì không còn thích hợp với hiện tại thì loại trừ.

Phải tìm hiểu quá khứ mới hiểu được hiện tại, hiểu được hiện tại mới biết được tương lai.

b. Dùng để hiểu mình, hiểu người:

Muốn hiểu rõ người khác thì trước hết phải tự hiểu chính mình. Hiểu người là trí, hiểu mình là sáng suốt. Có sáng suốt mới sinh ra trí, và có trí mới sinh ra sự sáng suốt.

c. Về phương diện ngoại giao, du thuyết và hành động:

Muốn đối phương nói thì ta phải im lặng, muốn đối phương đuổi thì ta phải co, muốn đối phương cao thì ta phải thấp, muốn đối phương thu lại thì ta phải phóng ra.

d. Trong đối thoại:

Khi đối phương phát ngôn ta nên lắng nghe và lưu ý, xét kỹ về thái độ, sự tình, đạo lý, sách lược. Thái độ là vui, buồn, giận, ghét.

Lý luận là chỗ nào hợp lý, chỗ nào không hợp lý.

Sự tình chỗ nào là thật, chỗ nào là giả.

Đạo lý, sách lược thì đâu là sự tương đồng, đâu là sự không tương đồng.

e. Về hùng biện và tranh luận:

Dựa vào quy luật đồng thanh hô ứng, tạo sự hô ứng giữa ta với người đối thoại. Thu hút đối phương vào cuộc tranh luận, đối thoại như nam châm thu hút sắt, như móc nối cho cá cắn câu, giăng lưới để săn bắt muông thú.

Mục đích dẫn dụ đối phương nói lên sự thật, bộc lộ ý chí, xu hướng và cuối cùng đối phương phải theo sách lược đường lối do ta đề xướng.

4. Khi sử dụng thuật phản ứng:

Phải cực kỳ thuần thục, chính xác như Hậu Nghệ bắn tên; tự nhiên, linh động như cá bơi lội trong nước thì mới thành công.

(Hậu Nghệ là người bắn tên giỏi, bắn rớt chín mặt trời; có người vợ một người cá rất tình tứ ngọt ngào quấn quýt nhau không rời như một phản ứng tự nhiên)

Như đã nói: Dương gọi là quân đạo hoặc là thiên đạo, tượng hình tròn. Âm gọi là thần đạo hoặc quân đạo hoặc địa đạo (đạo của đất), tượng hình vuông.

Sau khi dùng thiên đạo để phát hiện, dẫn dụ đối phương thì dùng địa đạo để phụng sự cho thiên đạo.

5. Thuật phản ứng gồm có các mưu kế:

- 1) Lấy giả làm thật (Dĩ giả cầu chân)
- 2) Ném đá hỏi đường (Đầu thạch vấn lộ)
- 3) Lấy tĩnh chế động (Dĩ tĩnh chế động)
- 4) Giả ngu nhưng không điên (Giả si bất điên)

Kế thứ nhất: Lấy giả làm thật (Dĩ giả cầu chân)

Dĩ giả cầu chân là lấy chuyện giả làm chuyện thật để đánh vào tâm lý của đối phương kích động đối phương.

Kế này dựa trên nguyên tắc đồng thanh tương ứng hoặc còn gọi là "đồng thanh tương hô" (cùng loại với nhau thì hô ứng nhau) "thực lí đồng quy" (cùng một lí thì quy về với nhau).

Xét cho cùng ai cũng có danh dự, quyền lợi, cuộc sống riêng. Khi quyền lợi, danh dự, cuộc sống riêng bị xúc phạm, hoặc đe dọa nặng nề thì dễ dàng phản ứng bộc lộ cá tính, quyết tâm bảo vệ danh dự, quyền lợi và cuộc sống của mình.

A. MỘT NỀN ĐỒNG TƯỚC

Trong việc liên kết với Lưu Bị để đánh Tào, Ngô Quốc thái thấy Tôn Quyền nghi hoặc không quyết, mới bảo:

– Khi hấp hối mẹ con dặn phải theo lời di chúc của Bá Phù, là phạm công việc trong nước không quyết định thì hỏi Trương Chiêu, việc bên ngoài không quyết định được thì hỏi Chu Du. Nay sao không cho mời Chu Du về mà hỏi ?

Quyền mừng lắm, lập tức sai sứ ra Phiên Dương mời Chu Du về bàn việc.

□

Chiều hôm ấy, được tin Lỗ Túc đưa Khổng Minh đến, Du ra tận cửa đón vào. Thi lễ xong, chia ngôi chủ khách ngồi chơi, Túc hỏi Chu Du rằng:

– Nay Tào Tháo huy động lực lượng lần chiếm miền Nam, hòa với đánh chỉ có hai con đường. Chúa công chưa quyết định, cốt đợi tướng quân. Ý kiến tướng quân thế nào ?

Du nói:

– Tào Tháo mượn tiếng thiên tử, thì không nên kháng cự; vả lại thế Tào to lắm, chưa dễ địch nổi. Đánh thì tất thua, mà hàng thì dễ yên. Ý ta đã quyết, ngày mai ta vào hầu chúa công xin sai sứ đi hàng Tào.

Lỗ Túc ngạc nhiên nói:

– Ông nói làm rồi! Cơ nghiệp Giang Đông đã trải qua 3 đời rồi, sao một chốc đề vào tay người khác? Tôn Bá Phù trước đã dận phàm công việc ngoài phó thác cho tướng quân.

Chính lúc này phải trông cậy vào tướng quân giữ sao cho cơ nghiệp Đông Ngô vững như núi Thái Sơn. Chẳng dè tướng quân cũng theo lời mấy đứa... hèn nhất đó sao ?

Du nói:

– Sáu quận Giang Đông, nhân dân đông đúc biết bao. Nay nếu bị nạn binh đao tất quy oán cho ta, nên ta nhất định xin hàng.

Lỗ Túc nói:

– Không thể được. Tướng quân là bậc đại anh hùng, Đông Ngô là nơi hiểm trở, vị tất Tào Tháo đã làm mưa làm gió gì được ?

Hai người cùng tranh luận, Khổng Minh chỉ thu tay cười mát.

Du hỏi:

– Tiên sinh có việc gì mà phải cười ?

Khổng Minh đáp:

– Tôi có cười gì đâu, chỉ cười Tử Kính không thức thời.

Túc hỏi:

– Sao tiên sinh bảo tôi không thức thời?

Khổng Minh đáp:

– Công Căn hàng Tào rất hợp lẽ.

Du nói:

–Khổng Minh là người thức thời, tất một lòng như ta.

Túc nói:

– Không Minh! Sao ông lại nói thế ?

Không Minh đáp:

– Tháo rất giỏi việc dùng binh, thiên hạ không ai địch nổi. Trước chỉ có Lã Bố, Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Biểu là dám chống cự. Mấy người ấy đều bị giết cả rồi, thiên hạ không còn ai nữa ?

Chỉ có Lưu Dự Châu là không thức thời, mới dám gượng gạo chống lại, nay thân cô thế cô ở đất Giang Hạ, mắt còn chưa hiểu ra sao ?

Tướng quân quyết kế hàng Tào, để bảo toàn vợ con, phú quý; còn như vận nước đổi thay, phó mặc trời có chi đáng tiếc!

Lỗ Túc giận lắm nói:

– Người muốn cho chủ ta uốn gối chịu nhục với lũ giặc nước à?

Không Minh nói:

– Ta có một kế không cần đến khiên dè gánh rệu, không phải nộp nước dâng ấn; không cần phải thân sang sông; chỉ sai sứ với chiếc thuyền nhẹ đưa hai người sang sông mà thôi. Tào Tháo mà được hai người ấy, thì lập tức trăm vạn quân cũng cõng giáp, cuốn cờ rút lui ngay.

Du hỏi:

– Dùng hai người nào mà lui được quân Tào ?

Không Minh nói:

– Đất Giang Đông mà bỏ hai người ấy bất quá như cây to rụng cái lá, kho lớn mất một hạt thóc. Nhưng Tào Tháo được hai người ấy, lập tức sẽ cuốn cờ cõng giáp, vui mừng rút lui ngay.

Du lại hỏi:

– Hai người nào?

Không Minh nói:

– Khi tôi còn ở Long Trung, nghe tin Tào Tháo mới dựng cái đài ở trên sông Hà, gọi là đài Đồng Tước, trang hoàng lịch sự, rồi kén những con gái đẹp trong thiên hạ nhốt đầy trong đó .

Tháo vốn là đồ hiếu sắc, biết bên Giang Đông ông Kiều Công có hai người con gái, con lớn là Đại Kiều, con nhỏ là Tiểu Kiều. Hai người đều nhan sắc chim sa cá lặn, hoa nhường nguyệt thẹn.

Tháo từng thề rằng: Một là ta thề đập bằng bốn bể, dựng nên nghiệp hoàng đế; Hai là lấy được hai chị em nàng Kiều ở Giang Đông, đem về đài Đồng Tước để vui tuổi già, thì dầu chết cũng không tiếc gì đời nữa !

Nay sao không tìm Kiều Công, đem nghìn vàng mua lấy hai người con gái rồi sai người mang dâng cho Tào Tháo.

Tháo mãi nguyện tắt rút quân về. Đó cũng là kẻ Phạm Lãi dâng Tây Thi cho Ngô Vương, sao không kíp làm đi ?

Du hỏi:

– Có gì làm chứng về việc Tào Tháo muốn được hai nàng Kiều không?

Không Minh nói:

– Con nhỏ Tào Tháo là Tào Thực, tự là Tử Kiến, có tài đặt bút thành văn. Tháo sai làm một bài phú, gọi là phú đài Đồng Tước. Ý chính trong bài phú ấy, chỉ nói về nhà Tào nếu làm thiên tử thì sẽ lấy cho kỳ được hai nàng Kiều.

Du hỏi:

– Ông có nhớ bài phú ấy không?

Không Minh nói:

– Tôi thích lời văn hoa mỹ của bài ấy, nên cũng thuộc .

Du hỏi:

– Xin thử đọc cho nghe.

Không Minh đọc luôn bài phú, trong bài có mấy câu:

Lập song đài ư tả hữu hê!

Hữu Ngọc Long dữ Kim Phụng;

Lâm nhị Kiều ư Đông Nam hê!

Lạc chiêu tịch chí dữ cộng.

Tạm dịch:

Dựng hai đài bên trái bên phải

Có đài Ngọc Long, có đài Kim Phụng

Nhót hai nàng Kiều bên Đông Nam

Đề sớm chiều cùng vui vầy.

Chu Du nghe xong mấy câu ấy, đỏ mặt tía tai, đứng phắt dậy trở tay về phương Bắc mà mắng rằng:

– Thằng giặc Tào này khinh ta quá chừng !

Không Minh vội ngăn lại:

– Ngày xưa chúa rợ Hung Nô hay xâm lấn bờ cõi, thiên tử nhà Hán còn phải đem công chúa gả cho nó, để cầu hòa, nay tướng quân tiếc làm chi hai con gái thường dân ấy?

Du nói:

– Ông chưa rõ:Đại Kiều là vợ Tôn Bá Phù,Tiểu Kiều là vợ Du đó.

Không Minh giả vờ sợ sệt nói:

– Tôi thật vô tình, nói năng lỗ mỗ, tội thật đáng chết ! Đáng chết !

Chu Du nói:

– Ta thề cùng thẳng giặc già một còn một mất !

Không Minh nói:

– Tướng quân nên nghĩ cho chín, kéo hồi về sau .

Du nói:

– Ta đã vâng lời Tôn Bá Phù ủy thác, có lẽ đâu hạ mình mà hàng Tào.Vừa rồi ta nói như thế, là thử lòng nhau đó thôi. Từ khi ta ở Phiên Dương về đây, vẫn có chủ trương đánh miền Bắc. Dù dao kề đầu cũng không lay được. Xin Không Minh giúp ta một tay, cùng phá giặc Tào.

Không Minh nói:

– Nếu ngài không bỏ Lượng, thì Lượng xin đem hết lòng khuyến mã, sớm tối vâng lời sai khiến .

Du nói:

– Ngày mai ta vào yết kiến Chúa công, sẽ bàn ngay việc cất quân.

Không Minh và Lỗ Túc từ biệt Chu Du ra về.

LẠM BÀN:

Đây là cuộc gặp gỡ lần đầu hai kì tài thời Tam Quốc:Gia Cát Lượng và Chu Du.

1. Du định muốn đánh nhưng chưa rõ lực lượng của Tào Tháo, dấu ý nghĩ của mình nói hàng Tào để thăm dò ý kiến của Không Minh (thuật đóng

mở).

Không Minh tương kế tựu kế, dùng thuật đóng mở, khuyên Chu Du hàng, cố ý xem thường Chu Du không bằng những anh hùng hào kiệt của thời ấy, Du không phải là địch thủ của Tào.

2. Lòng trong thuật úp mở là thuật lấy giả làm thật, để đánh vào tâm lý Chu Du qua những bước khá rõ:

Cố tình đổi "nhị kiều" ("kiều" nghĩa là "cầu") ra "nhị Kiều" (Đại Kiều, Tiểu Kiều)

Cố tình không biết Đại Kiều là vợ Tôn Bá Phù, Tiểu Kiều là vợ Chu Du.

Là một đại anh hùng tất nhiên Chu Du không thể bị xem thường, khinh miệt khi nghe Tào Tháo muốn bắt vợ mình về nhốt ở Đồng Tước để hưởng lạc.

Danh dự bị xúc phạm, đời sống riêng tư bị đe dọa cho nên tức khí xung thiên, vô hình trung lọt vào bẫy của Không Minh.

Không Minh còn bồi thêm một đòn tâm lý nữa bằng cách hỏi Chu Du: Tướng quân nghĩ cho chín để hỏi về sau.

Thế là Du bày tỏ luôn ý định của mình, không còn úp mở: Vừa rồi ta nói thế, là thử lòng nhau đó thôi.

3. Từ những bậc anh hùng đến những người bình thường ai cũng có lòng tự trọng, tự tôn, và tự ái cá nhân, có gia đình vợ con, quyền lợi riêng tư.

Khi lòng tự trọng, tự ái, tự tôn bị chà đạp, vợ con gia đình bị xâm phạm, quyền lợi bị tước đoạt, tất nhiên có sự phản ứng, căm giận. Từ đó tìm cách chống lại hoặc trả thù.

4. Sự giả dối, lừa dối của Không Minh được che đậy dưới lớp vỏ khôn khéo thật lợi hại, cộng với cơn giận của Chu Du thì ngọn lửa chiến tranh Nam Bắc bắt đầu bùng cháy.

5. Kế "dĩ giả cầu chân" tương kế tựu kế "khích tướng". Khích động lòng người, chọc giận, chọc tức làm cho người ta tự ái đem hết sức lực ra để giành đua

hoặc tìm cách trả thù.

Ví dụ: Tô Tần chọc tức Trương Nghi để Trương Nghi tìm cách vào đất Tần. Độ Thượng đời Hán tự đốt trại mình để khích động lòng quân sĩ.

B. KHI VÀNG BẠC THÀNH TRO

Độ Thượng muốn dẹp hai tên cướp, thế lực khá mạnh, ẩn trong rừng sâu là Phan Hồng và Phốc Dương, nhưng lâu ngày không thể nào đánh dẹp được.

Quân lính của Độ Thượng trong thời gian hành quân, ai nấy cũng vơ vét được một số vàng bạc của cải cất dấu trong trại; lương thực khá dồi dào, lại thêm hàng ngày săn bắn kiếm được nhiều muông thú nên đời sống đầy đủ, ít ai nghĩ đến chuyện đánh giặc.

Một hôm quân sĩ theo lệ vào rừng săn bắn, Độ Thượng lên tự đốt sạch cả doanh trại và phao tin là quân của hai tên cướp Phan Hồng và Phốc Dương đột nhập tấn công.

Quân lính Độ Thượng săn về thấy của cải, vàng bạc lương thực thành đồng tro, ai nấy đều tức giận.

Biết là lòng căm giận của binh sĩ lên cao, Độ Thượng ra lệnh xuất kích.

Quân Độ Thượng hăng hái sục sạo truy lùng.

Bị tấn công bất ngờ và táo bạo, bọn cướp không kịp trở tay, bị đánh tan tác. Phan Hồng và Phốc Dương chết trong đám loạn quân.

Kể thứ hai: ném đá hỏi đường (Đầu thạch vấn lộ)

Đầu thạch vấn lộ tượng như là ném đá hỏi đường. Trước là ném đá, sau đó là nghe ngóng sự động tĩnh, và cuối cùng là đi đến quyết định hành động cho thích hợp với hoàn cảnh.

A. GIÁ CÁI ĐÀU GIỮA CHỢ

Từ đời Tề Tuyên Vương, Tô Tần được trọng dụng nên bọn tả hữu quý thích có nhiều người ghen ghét, đến đời Mân Vương vẫn tin yêu Tô Tần.

Nhưng từ lúc Mân Vương không nghe kể Tô Tần nữa, mà nghe kể của Mạnh Thường quân, đã có lòng ghen ghét Tô Tần, một tráng sĩ giắt đồ nhọn sắc lên vào đâm Tô Tần ở trong triều.

Tô Tần bị đâm thủng bụng, lấy tay bịt lại chạy tới kêu với Mân Vương. Mân Vương sai bắt hung thủ đã chạy thoát. Tô Tần nói:

– Sau khi hạ thân đã chết, xin đại vương chém đầu hạ thân, cho người rao lên ở ngoài chợ rằng Tô Tần vì nước Yên đến làm phản gián Tề, nay may đã giết chết được Tô Tần rồi, có người nào biết được việc kín của Tô Tần đến tố cáo, sẽ thưởng cho ngàn vàng, như vậy có thể bắt được hung thủ. Nói xong, rút mũi nhọn ở trong bụng ra, máu chảy đầy đất mà chết.

Mân Vương nghe theo lời Tô Tần chém đầu Tô Tần đem hiệu lệnh ở trong chợ, bỗng có người đi qua dưới cái đầu, thấy có treo thưởng, liền khoe với mọi người rằng:

– Kẻ giết Tô Tần là tôi đây!

Thị lại bèn bắt trời lại, dẫn vào nộp Mân Vương, vua sai đem tra tấn, quả nhiên ra được người chủ mưu, trị tội tru diệt mất vài nhà.

LẠM BÀN:

1. Tô Tần biết sau khi mình chết không dùng kế chặt đầu treo giữa chợ với tội phản gián cho Tề, thì sẽ không bao giờ tìm ra hung thủ. Là thủ đoạn "đầu thạch". Khi có người tự khoe mình giết Tô Tần để lãnh thưởng thì thủ phạm đã lộ ra, tượng như hỏi ra đường.

2. Tương tự kế này là kế "Đả thảo kinh xà", đập vào cỏ làm cho rắn sợ phải bò từ trong hang ra. Là cách dẫn dụ cho rắn ra khỏi động. Trong khi nghi hoặc không thấy rõ đối phương, thì đánh vào cỏ, tức là hành động do thám trinh sát, đe dọa, dẫn dụ...buộc đối phương kinh sợ phải lộ diện.

B. TÁM LẠNG GẤP NỬA CÂN

Chu Du muốn lấy lại Kinh Châu nẩy ra một kế, nói với Lỗ Túc:

– Lưu Bị chết vợ tất nhiên phải lấy vợ khác. Chúa công có cô em gái can trường lắm, luôn có vài trăm thị tì cấp gươm hầu bên cạnh. Trong phòng bày la liệt đủ thứ vũ khí, ngay đàn ông cũng không giỏi bằng.

Ta dâng thư lên chúa công xin cho người sang Kinh Châu làm mối, dụ Lưu Bị sang đính hôn rồi lừa hắn đến Nam Từ, không gả người cho mà bắt giam lại.

Đoạn sai người đến đòi Kinh Châu đánh đổi Lưu Bị. Khi nào lấy được kinh Châu ta lại liệu. Như thế Tử Kính không phải lo gì nữa !

Lỗ Túc bái tạ.

Chu Du viết thư, chọn thuyền tốc hành đưa Lỗ Túc sang Nam Từ ra mắt Tôn Quyền.

Đến nơi, trước hết Túc trình bày việc Kinh Châu, và đưa tờ văn tự lên.

Quyền nói:

– Sao ngươi hồ đồ thế ? Cái thứ văn tự này dùng được việc gì ?

Túc nói:

– Đô đốc có thư đệ trình, bảo dùng kẻ đó thì sẽ lấy lại được Kinh Châu.

Quyền xem xong, gật đầu mừng thầm, nghĩ bụng:

– Ai có thể đi được nhỉ?

Rồi chợt nhớ ra, Quyền nói:

– Chỉ có Lã Phạm mới làm nổi việc này.

Liền cho gọi Lã Phạm vào, bảo rằng:

– Ta nghe Lưu Huyền Đức mới góa vợ, ta có người em gái, muốn kén y làm rể, kết thân với nhau, đồng tâm phá Tào, để giúp nhà Hán.

Ngoài Tử Hành ra, không ai có thể làm mỗi được, mong người sang ngay Kinh Châu cho ta!

Lã Phạm vâng mệnh, thu xếp thuyền bè mang theo mấy tên tùy tùng thẳng tới Kinh Châu.

Lại nói, Huyền Đức từ khi mất Cam phu nhân, ngày đêm buồn rầu.

Một hôm, đang ngồi nói chuyện với Khổng Minh, chợt có tin báo Đông Ngô sai Lã Phạm đến.

Khổng Minh cười nói:

– Đây lại là mưu mô gì của Chu Du về chuyện Kinh Châu thôi! Tôi ngồi nghe ở sau bình phong. Sứ giả có nói việc gì, Chúa công cứ việc nhận lời và giữ họ nghỉ ngơi ở nhà khách, rồi sau sẽ hay.

Huyền Đức cho mời Lã Phạm vào.

Chào hỏi xong, trà nước đâu đấy, Huyền Đức hỏi:

– Tử Hành lại đây chắc có việc gì dạy bảo?

Phạm nói:

– Tôi nghe Hoàng thúc thất ngẫu, nay có một nơi xứng đáng lắm, nên mạnh dạn sang đây làm mỗi, chưa biết ý Hoàng thúc thế nào?

Huyền Đức nói:

– Nửa đời góa vợ là một sự rất không may, nay nắm mồ còn chưa xanh cỏ, sao dám vội bàn chuyện lấy vợ khác?

Phạm nói:

– Người ta có vợ, như nhà có kèo, không nên nửa chừng bỏ đạo nhân luân.

Chúa công tôi có một cô em gái có nhan sắc, lại hiền hậu, có thể nâng khăn sửa túi đỡ ngài được.

Nếu hai nhà kết thân Tần, Tấn với nhau, thì giặc Tào chắc không dám nhìn ngó đến phía Đông Nam này nữa.

Việc này công tư đều vẹn cả, xin Hoàng thúc chớ ngại !

Song Ngô Quốc Thái tôi yêu thương cô gái út lắm, không muốn gả chồng xa, chỉ muốn mời Hoàng thúc sang Đông Ngô làm lễ thành thân.

Huyền Đức hỏi:

– Việc này Ngô hầu có biết không ?

Phạm đáp:

– Chưa bầm với Ngô hầu, có đâu tôi dám đến đây.

Huyền Đức nói:

– Ta đã nửa đời người, đầu tóc hoa râu, em gái Ngô hầu đang độ son trẻ, e không xứng đôi phải lứa.

– Em Ngô hầu tuy là con gái, nhưng chí khí hơn cả nam nhi. Cô ấy thường nói: "Không phải người anh hùng nhất thiên hạ, ta không thèm lấy ". Hoàng thúc tiếng tăm lừng lẫy cả bốn bể, chính là thực nữ sánh với người quân tử, có ngại gì tuổi nhiều hay ít ?

Huyền Đức nói:

– Vậy ông hãy ở chơi đây, đến mai sẽ xin nói lại.

Hôm ấy, Huyền Đức mở tiệc khoản đãi Lã Phạm, rồi lưu lại nhà khách. Đến tối Huyền Đức bàn với Khổng Minh. Khổng Minh nói:

– Ý tứ của họ thế nào, tôi đã biết cả rồi. Tôi vừa bói Dịch được một quẻ đại cát. Chúa công cứ nhận lời đi. Mai nên sai Tôn Can đi theo Lã Phạm sang thưa chuyện với Ngô Hầu; hứa hẹn xong rồi ta sẽ chọn ngày sang cưới.

Huyền Đức nói:

– Chu Du lập mưu muốn hại ta, sao ta lại đem mình vào nơi nguy hiểm?

Khổng Minh cười, nói:

– Chu Du tuy giỏi dùng mưu, nhưng che sao được mắt tôi. Tôi chỉ dùng một chút mẹo nhỏ, khiến Chu Du không thò được ngón gì, mà em gái Ngô Hầu lại về tay Chúa công, Kinh Châu cũng vững như bàn thạch.

Huyền Đức vẫn còn hoài nghi ; Khổng Minh sai ngay Tôn Can cứ việc sang Giang Nam nói việc hôn nhân, Tôn Can vâng mệnh cùng đi với Lã Phạm sang ra mắt Tôn Quyền nói:

– Ta muốn gả em gái cho Huyền Đức, chớ không có bụng dạ nào khác.

Tôn Can lay tạ, về thưa chuyện lại với Huyền Đức, nói Ngô hầu chỉ mong Chúa công sang làm lễ thành hôn, Huyền Đức ngại ngần không muốn đi.

Khổng Minh nói:

– Tôi đã định sẵn 3 kế, việc này phi Tử Long đi không xong !

Bèn gọi Tử Long đến cạnh, ghé tai dặn rằng:

– Người bảo vệ Chúa công sang Đông Ngô, nên nhận lấy 3 cầm nang này, trong đó có 3 kế rất hay, cứ theo thứ tự mà làm.

Nói đoạn, đưa 3 cầm nang cho Vân giấu kỹ trong người.

Đoạn Khổng Minh sai người sang Đông Ngô dâng lễ cưới trước, lễ vật đầy đủ không thiếu gì.

Tháng 10 mùa Đông, năm Kiến An thứ 14, Huyền Đức cùng với Triệu Vân, Tôn Can thu xếp chục chiếc thuyền tốc hành, mang theo 500 quân sĩ, dời Kinh Châu sang Nam Từ.

Mọi việc ở Kinh Châu đều giao cho Khổng Minh trông coi.

Huyền Đức trong lòng áy náy không yên.

Khi thuyền đã đến Nam Từ, Vân tự nhủ:

– Quân sư trao cho 3 kế hay, dặn cứ thứ tự làm theo, nay đã đến đây, phải mở túi thứ nhất ra xem mới được!

Vân bèn mở túi thứ nhất ra xem. Xem xong, Vân gọi 500 quân sĩ, dặn bảo các việc. Lại nói với Huyền Đức vào ra mắt Kiều Quốc lão trước. Cụ này nguyên là cha 2 nàng Kiều, nhà ở Nam Từ.

Huyền Đức mang dê và rượu vào bái kiến Quốc lão, thuật lại việc Lã Phạm sang làm mối Tôn phu nhân. 500 quân sĩ, người áo thắm, kẻ quần điều, tấp nập ra phố mua bán đồ vật, nói toáng lên rằng Huyền Đức vào làm rể Đông Ngô. Mọi người trong thành đều biết chuyện cả.

Tôn Quyền thấy Huyền Đức đã đến, sai Lã Phạm ra đón tiếp, mời đến nhà khách nghỉ ngơi.

Đây nói Kiều quốc lão gặp Huyền Đức xong, vào ngay trong cung chúc mừng Ngô Quốc Thái.

Quốc Thái hỏi:

– Có việc gì mà mừng?

Kiều Quốc lão đáp:

– Cô em đã gả cho Huyền Đức làm phu nhân, nay chàng rể đã sang đây rồi, sao còn giấu tôi?

Quốc Thái ngạc nhiên nói:

– Quả thật tôi không biết gì hết !

Lập tức một mặt Quốc Thái cho gọi Ngô Hầu lại hỏi xem hư thực ra sao; một mặt cho người ra phố xá nghe ngóng tình hình. Mọi người đều nói rằng:

– Quả có việc ấy thực ! Chàng rể mới đã nghỉ ở nhà khách, 500 quân sĩ đi theo đang tíu tít mua sắm dê lợn, hoa quả để sửa lễ kết hôn.

Bên nhà gái là Lã Phạm, bên nhà trai thì Tôn Càn, hai người làm mối, hiện đã ở cả nơi nhà khách tiếp đãi nhau.

Quốc Thái giật mình.

Một lát, Tôn Quyền vào, Quốc Thái cứ đăm bụng khóc âm lên.

Quyền hỏi:

– Sao thân mẫu phiền não thế?

Quốc Thái nói:

– Mày thật không coi tao ra gì nữa rồi ! Khi chị ta lâm chung, dặn mày những câu gì?

Quyền thất kinh, hỏi:

– Mẫu thân có điều gì cứ cho con biết, sao lại khổ sở như vậy?

Quốc Thái nói:

– Trai khôn dựng vợ, gái lớn gả chồng, vẫn là lẽ thường xưa nay. Tao là mẹ mày, có việc gì cũng phải nói với tao trước mới phải chứ ! Nay mày đem em gả cho Lưu Huyền Đức, sao mày lại giấu tao ? Con gái phải quyền ở tao chứ ?

Quyền giật mình, hỏi:

– Mẫu thân nghe chuyện ấy ở đâu vậy?

– Trừ khi không làm thì mới không biết thôi. Nay trăm họ trong thành, ai ai cũng biết cả, mày lại còn giấu diếm gì ?

Kiều Quốc lão nói:

– Lão biết việc này đã mấy hôm nay rồi, nay vào mừng đấy !

Quyền nói:

– Không phải đâu ! Đó là kế của Chu Du, vì muốn lấy Kinh Châu, cho nên mượn tiếng như thế, cốt lừa Lưu Bị đến đây, bắt giam lại, đổi lấy Kinh Châu, nếu không nghe thì giết đi. Đó là mưu kế chứ không phải là sự thật !

Quốc Thái nổi giận, mắng Chu Du rằng:

– Người làm đại đô đốc 6 quận, 81 châu, không nghĩ được một mưu gì để lấy Kinh Châu mà phải mượn tiếng con gái bà, dùng kế mỹ nhân ?

Lưu Bị bị giết, con bà chưa chồng, mà té ra mang tiếng góa bụa, còn ai lấy nữa, có phải lỡ cả một đời con gái bà không? Thế cũng đòi lập mưu với mẹo ?

Kiều quốc lão nói:

– Nếu dùng kế ấy, dù có lấy lại được Kinh Châu, cũng bị thiên hạ chê cười !

Tôn Quyền ngồi im thín thít.

Quốc Thái thì cứ chửi mắng Chu Du không ngớt miệng.

Kiều Quốc lão can rằng:

– Việc đã lỡ thế này rồi, nhưng xét Lưu Huyền Đức cũng là tôn thân nhà Hán, chi bằng gả đi, kéo mang tiếng xấu.

Quyền nói:

– E không vừa đôi phải lứa.

Kiều Quốc lão nói:

– Lưu Hoàng thúc là hào kiệt đời nay, nếu kén được người rể ấy cũng xứng đáng, không nhục gì cô em đâu !

Quốc Thái nói:

– Ta chưa biết mặt Lưu Hoàng thúc ra sao, ngày mai mời đến chùa Cam Lộ cho ta xem mặt.

Nếu không vừa ý ta thì mặc cho bọn người muốn làm thế nào thì làm.

Nếu vừa ý thì ta gả quách con ta cho Hoàng thúc cũng được.

Tôn Quyền vốn là người chí hiếu, thấy mẹ nói thế, liền vâng lời, trở ra gọi Lã Phạm bảo:

– Ngày mai mở một yến tiệc ở nhà phương trượng chùa Cam Lộ, để Quốc Thái xem mặt Lưu Bị.

Lã Phạm nói:

– Sao không sai Gia Hoa phục sẵn 300 quân đao phủ ở 2 bên hành lang.

Hễ thấy Quốc Thái có ý không bằng lòng, thì nổi 1 tiếng hiệu cho quân phục đồ ra mà trói Lưu Bị lại.

Quyền y lời, bảo Gia Hoa sắp sẵn mọi việc đâu vào đấy, chỉ chờ xem ý Quốc Thái ra sao thôi.

Lại nói, Kiêu quốc lão từ biệt Quốc Thái trở về, sai người báo tin cho Huyền Đức:

– Ngày mai, Ngô Hâu và Quốc Thái thân đến gặp mặt vậy phải để ý cẩn thận !

Huyền Đức bàn với Tôn Càn và Kiêu quốc lão, đến trước chùa Cam Lộ, vào nhà phương trượng ngồi chơi.

Tôn Quyền dẫn một ban mưu sĩ cùng đến, sai Lã Phạm ra nhà khách mời Huyền Đức.

Huyền Đức mặc áo giáp nhỏ ở trong, ngoài khoác cẩm bào. Các tùy tùng đeo kiếm đi theo, lên ngựa thẳng tới chùa Cam Lộ. Triệu Vân mặc áo giáp, nai nịt gọn ghẽ, dẫn 500 quân bảo vệ.

Huyền Đức đến cửa chùa xuống ngựa vào ra mắt Tôn Quyền trước.

Quyền thấy Huyền Đức diện mạo phi thường đã có ý sợ.

Hai bên chào hỏi nhau rồi, vào nhà phương trượng ra mắt Quốc Thái.

Quốc Thái thấy Huyền Đức mừng lắm, nói với Kiều Quốc lão:

– Người này thật đáng rể ta lắm !

Quốc Lão nói:

– Huyền Đức có dáng như rồng như phượng, uy nghi đường bệ. Vả lại nhân nghĩa dội khắp thiên hạ. Quốc Thái được rể hiền như thế, thật đáng chúc mừng !

Huyền Đức lạy tạ, cùng ăn yên ở trong nhà phương trượng.

Một lát, Tử Long đeo gươm đi vào, đứng bên cạnh Huyền Đức.

Quốc Thái hỏi người nào?

Huyền Đức bẩm:

– Đó là Triệu Vân ở Thường Sơn.

Quốc Thái nói:

– Có phải là tướng cứu được A Đầu ở trận Đương Dương Trường Bản đó không?

Huyền Đức nói:

– Bẩm chính phải !

Quốc Thái khen:

– Thế mới thực là tướng quân !

Nói rồi ban cho Triệu Vân một cốc rượu. Vân bảo Huyền Đức rằng:

– Tôi vừa đi xem xét ngoài hành lang, thấy có quân đao phủ mai phục trong phòng, tất nhiên có chuyện chẳng lành ; Chúa công nên kêu với Quốc Thái.

Huyền Đức liền đến quỳ trước mặt Quốc Thái, khóc mà nói rằng:

– Quốc Thái nhược bằng muốn giết Lưu Bị, thì Bị xin ra đây để chịu chết !

Quốc Thái hỏi:

– Sao lại thế?

Huyền Đức thưa:

– Quân đao phủ mai phục hai bên hành lang, không có ý giết Bị thì để làm gì?

Quốc Thái nổi giận mắng Tôn Quyền rằng:

– Nay Huyền Đức đã là rể ta, thì cũng như con ta, sao dám phục quân để mưu hại?

Quyền chối không biết, gọi Lã Phạm ra hỏi.

Phạm lại đổ lỗi cho Giả Hoa. Hoa cũng nín lặng. Quốc Thái sai tả hữu lôi ra chém.

Huyền Đức can rằng:

– Trong việc vui mừng không nên chém đại tướng. Nếu chém thì việc kết thân sẽ bất lợi. Bị này khó ở đây hầu hạ Quốc Thái.

Kiều Quốc lão cũng khuyên can.

Quốc Thái mới mắng đuổi Giả Hoa. Quân đao phủ tên nào tên nấy ôm đầu lui thủ đi ra.

LẠM BÀN:

Chu Du dùng các kế chính:

1. "Mỹ nhân kế", gả em Tôn Quyền cho Lưu Bị.

2. "Điều hổ ly sơn", dụ Lưu Bị rời Kinh Châu, sang Đông Ngô, nhân đó bắt giam làm con tin để đòi lại Kinh Châu.

3. "Đánh rắn đập đầu", quyết giết tên đầu não là Lưu Bị.

Khổng Minh áp dụng các kế chính:

1. "Đầu thạch vấn lộ" hoặc "đả thảo kinh xà", cho người mang dê và rượu vào bái kiến Quốc lão để Kiều quốc lão báo cho Quốc Thái biết, là hang ổ của Tôn Quyền, Chu Du. Đưa Quốc Thái và Kiều quốc lão vào cuộc.

2. "Phô trương thanh thế" cho 500 quân lính, kẻ áo thấm, người quần điều tấp nập mua sắm để mọi người trong thành đều biết việc Lưu Bị làm rở Đông Ngô.

3. Từ hai kế trên dẫn đến kế thứ ba là giả thành thật, "Dĩ giả cầu chân". Biến chuyện đám cưới giả thành đám cưới thật.

Người quyết định sự sống chết của Lưu Bị và cuộc hôn nhân là Quốc Thái, làm Tôn Quyền phải đành bó tay.

Rốt cuộc Lưu Bị vừa không mất Kinh Châu lại còn được thêm cô vợ trẻ.

C. KHÔNG SỢ QUÂN HÙNG THẾ MẠNH CHỈ SỢ CON ĐƯỜNG

Thời Chiến quốc, Tần Huệ vương chinh phạt nước Thục. Thục dựa vào núi cao hiểm trở và các tướng mạnh nên không chịu thần phục.

Quân Tần chế ra loại trâu sắt đục núi, mở con đường xuyên vào đất Thục. Thục thấy thế sợ hãi phải quy phục.

Kế thứ ba: Lấy tĩnh chế động (Dĩ tĩnh chế động)

Dĩ tĩnh chế động là lấy cái tĩnh không chế cái động.

Nguyên tắc của kế lấy tĩnh chế động là muốn đuổi thì phải co, muốn cao thì phải thấp, muốn người khác nói thì phải im lặng, muốn bắt thì thả ra. Lạt có mềm thì buộc mới chặt.

Tĩnh là Âm, là con mái, là ở dưới ; động là Dương, là con trống, là ở trên.
Âm có thể chế được Dương.

Kẻ cương cường hành động thường bộc lộ yếu điểm.

Bình tĩnh quan sát đợi cho đối phương hành động và lộ ra yếu điểm thì có thể chế ngự được.

Tĩnh cũng có nghĩa là bình tĩnh thì mới tỉnh táo, không bị mê hoặc tâm trí bởi sự náo động, tranh chấp.

A. TÔI ĐÃ TRÚNG KẾ RỒI !

Tô Tần lúc đó đã thuyết phục được vua Triệu và 5 nước kia (Tề, Sở, Yên, Hàn, Ngụy), đã kết thành khối hợp tung. Nhưng sợ Tần đánh các nước này, dùng võ lực làm hỏng mất tung ước. Tô Tần muốn đặt một người bên cạnh vua Tần để ghìm lái vua Tần; nhưng thấy không ai làm nổi việc ấy, bèn cho người mớm ý cho Trương Nghi rằng:

– Xưa, ông thân với Tô Tần lắm. Hiện Tô Tần đã có địa vị, nắm quyền binh trong tay, sao ông không đến nhờ ông ấy giúp đỡ, kiếm đường cho ông thực hiện ý nguyện?

Trương Nghi bèn sang Triệu, dâng thư xin yết kiến Tô Tần. Tô Tần dặn người canh cửa không cho Trương Nghi vào và cũng không để cho đi, bắt chờ đợi cả mấy ngày rồi mới tiếp.

Lúc tiếp lại bắt ngồi dưới thềm và cho ăn như cho lũ con đòi đầy tớ. Còn trách móc, bảo:

– Tài năng như anh mà chịu nước ấy ! Làm gì tôi chả giúp anh nên giàu nên sang, song thật ra anh không đáng cho tôi giúp.

Rồi thoái thác và để mặc cho Trương Nghi đi.

Trương Nghi đến thăm Tô Tần, lòng vẫn chắc mẫm rằng mình là chỗ bạn cũ thì thế nào cũng được giúp đỡ. Ai ngờ giúp đỡ đâu chưa thấy, chỉ thấy bị làm nhục. Nghi nghĩ bụng: Chư hầu chả có nước nào mình thờ được, chỉ có

mỗi nước Tần là có thể làm cho Triệu khốn đốn mà thôi. Trương Nghi bèn đến nước Tần.

Tô Tần làm nhục Trương Nghi rồi nói với viên xá nhân của mình:

– Trương Nghi là bậc hiền sĩ trong thiên hạ, ta có phần không bằng ông ấy. Ta đắc dụng trước chẳng qua là nhờ may đó thôi. Cái người có thể cầm quyền ở Tần được là Trương Nghi, chỉ có mỗi Trương Nghi thôi. Có điều là ông ấy nghèo quá, không có tiền lo lót để giới thiệu (cho vào yết kiến Tần Vương). Ta sợ ông ấy hám cái lợi nhỏ mà lỡ việc, cho nên mới tìm cách cho ông ấy đến gặp ta để ta làm cho ông ấy nhục mà phần chí. Ông hãy ngầm giúp ông ấy hộ ta.

Rồi Tô Tần tâu Triệu Vương, xin xuất vàng lụa, ngựa xe và cho người ngầm theo Trương Nghi, trợ cùng với Trương Nghi một quán.

Dần dà, người này lần la làm thân với Trương Nghi, giúp Trương Nghi ngựa xe, tiền bạc, cần cái gì, giúp cái đó, mà không cho biết những cái đó từ đâu ra.

Nhờ vậy, Trương Nghi được yết kiến Tần Huệ Vương. Huệ Vương dùng Trương Nghi làm khách khanh, cùng Trương Nghi bàn định kế hoạch đánh các nước chư hầu. Bấy giờ viên xá nhân của Tô Tần cho theo giúp Trương Nghi mới cáo biệt Trương Nghi. Trương Nghi nói:

– Nhờ ông, tôi mới được hiển đạt. Tôi sắp sửa đền ơn ông, tại sao ông lại đi?

Viên xá nhân nói:

– Tôi không biết ông. Người biết ông là Ngài Tô. Ngài Tô sợ Tần đánh Triệu làm hỏng kế hoạch hợp tung, và cho rằng trừ ông ra, không ai nắm nổi quyền hành ở Tần, cho nên mới chọc tức ông, rồi sai tôi ngầm giúp ông tiền bạc, tất cả đều là kế hoạch của ngài Tô. Nay ông đã đắc dụng, tôi xin được về báo tin cho ngài Tô rõ.

Trương Nghi nói:

– Trời ơi ! Thì ra tôi trúng kế Tô Tần mà không biết. Rõ ràng tôi không bằng Tô Tần. Và lại tôi vừa mới cầm quyền, làm sao tính chuyện đánh Triệu được ? Ông hãy cảm ơn ngài Tô hộ tôi.

Ngài Tô còn sống ngày nào thì tôi chẳng dám nói năng gì đâu.

Vả chẳng, ngài Tô còn thì Trương Nghi này còn có tài chi !

LẠM BÀN:

1. Tô Tần muốn Tần không đánh các nước phá thế hợp tung, phải có người kèm giữ bên cạnh vua Tần, tức là tinh chế động. Là "lạt mềm buộc chặt".

Tô Tần tìm cách kích bác, hạ nhục Trương Nghi, để Trương Nghi tức giận vào đất Tần tìm cơ hội trả thù Tô Tần. Là muốn bắt thì phải thả cũng là kế "khích tướng".

2. Có người cho rằng Tô Tần và Trương Nghi là hai tay lái buôn chính trị giỏi của thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Cùng học với Quỷ Cốc, nhưng xét ra tình đồng học của Tô Tần đối với Trương Nghi tốt hơn Bàng Quyên đối với Tôn Tẫn .

B. ĐƯỢC VOI ĐÒI TIÊN

Đầu đời nhà Hán, Mạo Đôn, nước Hung Nô, vừa xưng vương. Vua nước Đông Hồ muốn thăm dò thực lực, bèn sai sứ thần đến đòi Mạo Đôn dâng ngựa thiên lý.

Mạo Đôn họp quần thần thương nghị. Có người tâu:

– Cả nước chỉ có con ngựa thiên lý, không thể dâng cho người khác.

Mạo Đôn nói:

– Ta với nước Đông Hồ là nước láng giềng, vì một con ngựa mà mất đi tình nghĩa là không nên.

Nói xong giao ngựa cho sứ giả đem về.

Mười ngày sau, Đông Hồ sai sứ giả đến đòi Mạo Đồn dâng hoàng hậu.

Mạo Đồn lại hỏi quần thần. Ai nấy đều tức giận nói:

– Vua Đông Hồ thật là láo xược, muốn lấy cả hoàng hậu nước ta. Trước là chém đầu sứ giả, sau là cất quân đi trị tội.

Mạo Đồn từ tốn nói:

– Vua Đông Hồ đã thích vợ ta, thì dâng cho ông ấy. Không vì một người đàn bà mà mất tình nghĩa lân bang.

Nói xong lại giao hoàng hậu đưa về Đông Hồ.

Chưa được mấy tháng, sứ thần lại sang đòi Mạo Đồn phần đất biên giới của hai nước.

Mạo Đồn lại họp triều thần. Mọi người tranh cãi, kẻ thì bảo cắt đất, người thì bảo là không nên.

Mạo Đồn đứng dậy đồng dục phán:

– Đất đai là gốc của một nước, làm sao có thể cho được?

Nói xong thét tả hữu lôi sứ thần ra chém đầu.

Sáng hôm sau, Mạo Đồn khoác chiến bào, gióng trống, tiến quân ào ạt vào Đông Hồ, quân Đông Hồ không kịp trở tay, đại bại.

Mạo Đồn xông thẳng vào điện giết chết vua Đông Hồ, tiêu diệt nước này.

LẠM BÀN:

1. Vua Đông Hồ "được voi đòi tiên", được ngựa thiên lý, đòi hoàng hậu, được hoàng hậu nước người lại còn đòi đất đai. Láo xược, hiếp người, gây chiến quá đáng.

Cái dở là gây chiến nhưng không phòng bị người phản công. Cuối cùng, ngựa không được cưỡi, người đẹp không được sống chung, thân bị giết,

nước bị tiêu diệt.

2. Mạo Đồn là người bình tĩnh, kiên nhẫn và nhịn nhục hiem có.

Mạo Đồn thỏa mãn những đòi hỏi của đối phương, kể cả những đòi hỏi vô lý là bắt dâng cả vợ, làm cho đối phương chủ quan, không phòng bị.

Khi đối phương thỏa mãn được những đòi hỏi, sinh ra kiêu mạn chủ quan, bộc lộ yếu điểm thì Mạo Đồn nhanh chóng hành động, ào ạt xuất quân, thanh toán kẻ thù nhanh gọn. Như hổ đói thu mình rồi lao xuống núi vồ mồi.

Kể thứ tư: giả ngu si nhưng không điên (Giả si bất điên)

Giả si bất điên là giả kẻ tầm thường, ngu dại, hồ đồ để che dấu mưu mô, mục đích của mình, qua mắt đối phương. Ẩn kín sâu xa, im lặng như sấm sét tự dấu mình trong mây những ngày Đông giá rét.

Người muốn thực hiện kế này phải hết sức bình tĩnh, tự hạ thấp mình, nghe ngóng, quan sát lời nói, sự việc của đối phương và biết lợi dụng những điều kiện hoàn cảnh khách quan để che giấu ý tưởng.

A. TÔI LÀ NGƯỜI TRẦN MẮT THỊT

Huyền Đức sau khi nhận chiếu chỉ trừ Tào Tháo, sợ Tháo nghi mình mưu đồ gì, bèn làm một vườn rau ở sau nhà ngày ngày vun xới tưới tẩm, để làm cách che mắt cho Tháo khỏi ngờ.

Quan, Trương thấy vậy hỏi rằng:

– Anh không lưu tâm đến việc lớn thiên hạ, học làm chi cái việc của kẻ tiểu nhân này?

Huyền Đức nói:

– Hai em đâu biết ý anh !

Hai người từ đó không dám nói gì nữa.

Một hôm, Quan Vũ, Trương Phi cùng đi chơi vắng, Huyền Đức đang lom khom tưới rau, bỗng thấy Hứa Chử và Trương Liêu dẫn vài chục người vào vườn, nói rằng:

– Thừa tướng sai chúng tôi đến mời Sứ quân đến ngay phủ.

Huyền Đức giật mình, hỏi:

– Việc gì khẩn cấp thế hai ông?

Hứa Chử thưa:

– Hai chúng tôi thấy sai thì vâng mệnh đi mời, chớ không được biết chuyện chi.

Huyền Đức theo hai người vào phủ yết kiến Tào Tháo.

Tháo cười nói rằng:

– Huyền Đức độ rày làm việc lớn lao đây nhỉ !

Huyền Đức sợ tái mặt, Tháo cầm tay Huyền Đức dắt vào vườn ở sau nhà, nói rằng:

– Huyền Đức học làm vườn, chắc không phải là việc dễ dàng?

Huyền Đức bấy giờ mới vững dạ, đáp rằng:

– Không có việc gì, làm để tiêu khiển đó thôi.

Tháo nói:

– Vừa rồi thấy trên cành mai có quả xanh, sức nhớ khi đánh Trương Tú, đi đường không có nước, tướng sĩ khát rất cả cuống họng.

Bấy giờ ta nghĩ ra một kế, cầm roi trở hảo nói rằng: trước mắt có rừng mơ.

Quân sĩ nghe nói đến mơ, ai cũng ứa nước dãi, đỡ được khát nước.

Nay có mơ thật, nay hái xuống mà thưởng.

Vả lại, rượu nấu vừa chín, cho nên mời Sứ quân đến tiểu đình uống rượu.

Huyền Đức bấy giờ trấn tĩnh lại được, theo đến tiểu đình, đã thấy bày mâm bát, giữa bàn bày một đĩa mơ xanh, một bình rượu nóng.

Hai người đối diện, ăn uống vui vẻ.

Lúc rượu ngà say, chợt thấy mây đen mù mịt, cơn mưa to sắp kéo đến.

Quân hầu trở lên trời bẩm:

– Có vòi rồng lấy nước.

Tháo và Huyền Đức cùng dựa bao lơn ngắm xem, Tháo hỏi:

– Sứ quân có biết rồng biến hóa thế nào không?

Huyền Đức nói:

– Tôi chưa được tường.

Tháo nói:

– Rồng lúc thì to, lúc thì nhỏ, lúc thì bay, lúc thì nấp. Lúc to thì nổi mây phun mù, lúc nhỏ thì thu hình ẩn bóng, khi bay ra thì liệng trong trời đất, khi ẩn thì lẩn núp ở dưới sóng.

Nay đang mùa Xuân, rồng gặp thời biến hóa, cũng như người ta lúc đắc chí, tung hoành trong bốn bể. Rồng ví như anh hùng trong đời vậy. Huyền Đức nay đã đi khắp bốn phương, bao nhiêu anh hùng đời nay hẳn đã biết cả, xin thử nói cho nghe ?

Huyền Đức thưa:

– Bị này người trần mắt thịt, biết đâu được anh hùng .

Tháo nói:

– Huyền Đức không nên nhún mình quá !

Huyền Đức nói:

– Bị nay nhờ ơn Thừa tướng làm quan trong triều, anh hùng trong thiên hạ thực không được biết.

Tháo nói:

– Đã đành không biết mặt, nhưng cũng có nghe tiếng chứ?

Huyền Đức nói:

– Viên Thuật ở Hoài Nam, binh lương nhiều, có thể cho là anh hùng được chăng?

Tháo cười nói:

– Xương khô trong mả, chỉ nay mai là ta bắt được !

Huyền Đức lại nói:

– Anh Viên Thuật là Viên Thiệu ở Hà Bắc, bốn làm tam công, có nhiều đầy tớ cũ ; hiện nay như con hổ dữ hùng cứ Quý Châu ; bộ hạ nhiều tay tài giỏi, có thể là anh hùng

được chăng?

Tháo lại cười nói:

– Viên Thiệu ngoài mặt mạnh bạo, trong bụng nhút nhát, thích mưu mẹo mà không quyết đoán, làm việc lớn mà lo đến bản thân, thấy lợi nhỏ thì lại quên mình, không thể gọi là anh hùng được!

Huyền Đức nói ;

– Có một người nổi tiếng trong đám kẻ tuần kiệt, uy danh khắp cả chín châu là Lưu Cảnh Thăng, có thể cho là anh hùng được chăng?

Tháo lại cười nói:

– Lưu Biểu có hư danh nhưng không có thực tài, không phải là anh hùng.

Huyền Đức lại nói:

– Có một người sức lực đương khỏe, đứng đầu xứ Giang Đông là Tôn Bá Phù, hẳn là anh hùng.

Tháo nói:

– Sách nhờ danh tiếng của bố, không phải là anh hùng.

Huyền Đức lại hỏi:

– Lưu Quý Ngọc ở Ích Châu có phải là anh hùng không?

Tháo nói:

– Lưu tuy là tôn thất, nhưng chỉ là con chó giữ nhà, sao gọi là anh hùng được?

Huyền Đức lại nói:

– Như bọn Trương Tú, Trương Lỗ và Hàn Toại thì thế nào?

Tháo vỗ tay cười to:

– Lũ tiểu nhân nhưng nhúc ấy thì nói làm gì !

Huyền Đức nói:

– Ngoài những người ấy ra, Bị thực không còn biết ai nữa.

Tháo nói:

– Anh hùng là người trong bụng có chí lớn, có mưu cao, có tài bao trùm được cả vũ trụ có chí nuốt cả trời đất kia.

Huyền Đức mới hỏi:

– Ai có thể xứng đáng được như thế?

Tào Tháo lấy tay trở vào Huyền Đức, rồi lại trở vào mình nói rằng:

– Anh hùng thiên hạ bây giờ chỉ có sứ quân và Tháo mà thôi.

Huyền Đức nghe nói, giật nảy mình ! Thìa, đôi đũa đương cầm ở tay, rơi xuống đất.

Giữa lúc bấy giờ, cơn mưa u ám, có một tiếng sét thực dữ.

Lưu Bị từ từ cúi xuống nhặt đũa và thìa, nói tăng rằng:

– Gớm ghê ! Tiếng sét dữ quá !

Tháo cười hỏi rằng:

– Trượng phu cũng sợ sấm à?

Huyền Đức nói:

– Đức Thánh ngày xưa lúc gặp sấm dữ, gió to, cũng đổi sắc mặt, hướng chỉ là tôi đây sao lại không sợ ?

Huyền Đức đã che đậy được hết cả việc giật mình đánh rơi cả thìa đũa khi nghe Tháo gọi mình là anh hùng.

Tháo thấy thế không ngờ gì Huyền Đức nữa.

LẠM BÀN:

1. Tháo muốn khơi gợi bàn về thời thế luận anh hùng để cho Lưu Bị bộc lộ quan điểm và chí hướng của mình. Lưu Bị thì cố gắng che đậy, né tránh.

Khi Tào Tháo chỉ thẳng vào Lưu Bị, cho Lưu Bị là anh hùng thời nay, thì Lưu Bị rất lúng túng, may nhờ tiếng sét mà trấn tĩnh lại được. Lưu Bị còn

giả làm vườn tưới rau làm cho Tháo lầm Bì là kẻ tầm thường không có mưu đồ sâu xa.

2. Hai mưu kế đối chọi nhau, Tào Tháo ứng dụng "đầu thạch vấn lộ"; Lưu Bị dụng kế "giả si bất điên" nhưng xem ra Lưu Bị đóng kịch khéo hơn vì ở trong hoàn cảnh thập tử nhất sinh. Một con đường sống chín con đường chết. Đóng kịch không tỉnh táo, không nhập vai, không khéo thì bị trừ khử ngay.

3. Nếu theo hình tượng thì Lưu Bị như con rồng lẩn khuất dưới vực sâu, ẩn náu chờ thời

4. Lão Tử dạy người ta: Biết như con trống mà như con mái. Thông thường, khoe thông minh, khoe tài thì dễ; giấu tài, giấu sự thông minh thì rất khó.

B. CON CHIM BA NĂM KHÔNG BAY, KHÔNG HÓT

Thời Tề Uy vương, nhà vua thích câu đố, tiếng lóng, ham mê khoái lạc, rượu uống thâu đêm, chẳng còn để ý chính sự, nhất thiết phó thác cho các quan khanh, đại phu.

Trong thì bách quan hoang loạn, ngoài thì chư hầu cùng xâm lấn, quốc gia nguy vong trong vòng sớm tối.

Các quan thân cận chẳng ai dám can. Thuần Vu Khôn dùng lời bóng gió tâu rằng:

– Trong nước có một con chim lớn, đậu ở sân nhà Đại vương ba năm cũng chẳng bay, cũng chẳng hót. Đại vương có biết con chim đó là chim gì không?

vua nói:

– Con chim đó không bay thì thôi, đã bay thì bay vút tận trời, không hót thì thôi, đã hót thì mọi người phải kinh ngạc.

Và cho triệu 72 viên huyện trưởng về triều, thưởng một viên (Tức Mặc đại phu), giết một viên (A đại phu), ào ạt xuất quân. Chư hầu hoảng sợ, đều trả lại hết đất đai đã lấn của Tề. Uy danh Tề uy Vương lừng lẫy trong 36 năm.

LẠM BÀN:

1. Có sách dẫn là Sở Trang vương, khi lên ngôi còn quá trẻ, ông để cho triều thần nắm quyền.
2. Trong 3 năm giả bộ ăn chơi, hư hỏng nhưng thực chất để quan sát tình hình, đợi thời cơ chín muồi mới hành động, lấy lại những gì đã mất.

Tiết 3: KẾ SÁCH VẬN TOÀN (Nội kiện chi sách)

Nội là tự trình bày ý kiến, kế hoạch, mưu kế của mình. Kiện là bao quát kế hoạch, mưu kế của mình cho thuộc hạ, cho bạn đồng僚 hoặc với một người nào đó.

Nói chung, nội kiện là một kế hoạch, một kế mưu được suy nghĩ trước, chuẩn bị chu đáo trong một hoàn cảnh nhất định. Kiện cũng có nghĩa là kiên định với sách lược của mình (Ví dụ: Khổng Minh chưa ra khỏi lều tranh đã nêu ra quyết sách chia ba thiên hạ, theo thể chân vạc, cả đời thực hiện kế sách này).

Muốn thực hiện sách nội kiện phải biết mối quan hệ và phương thức kết hợp giữa người với người, giữa nhà vua với bề tôi.

1. Xét mối quan hệ giữa người với người hoặc giữa vua với bề tôi rất phức tạp, không chỉ xét phạm vi bên ngoài để xét đoán.

Đôi khi tuy bề ngoài có vẻ xa cách nhưng thật sự là thân mật, bên ngoài có vẻ thân mật nhưng thật sự lại xa xôi nhạt nhẽo.

Bề tôi ở cạnh vua nhưng mưu kế sách lược không hợp thì không được dùng. Dù xa xôi vạn dặm nhưng mưu kế tương hợp với nhau vẫn được tin dùng.

Xa mà thân với vua là do Âm đức (đạo đức, tài năng), gần mà không được tin dùng là do chí hướng khác nhau, đạo lý không hợp nhau.

Thân hoặc sơ, gần hoặc xa, mưu kế được tin dùng hoặc không được tin dùng phần nhiều là do ở phương thức kết hợp.

2. Trong mối quan hệ vua tôi có nhiều phương thức kết hợp: Do đạo đức mà kết hợp; do bề đẳng mà kết hợp; do địa vị, tiền tài, vật chất, nữ sắc mà kết hợp.

Do đạo đức mà kết hợp, thì tuy là thần tử nhưng là thầy của vua. Do bề đẳng kết hợp, tuy phận thần tử nhưng lại là bạn bè của vua. Do địa vị, tiền tài, vật chất, nữ sắc... kết hợp là sự kết hợp của vua bất minh, bạo ngược với bọn bề tôi xu nịnh.

3. Khi đã hiểu rõ được mối quan hệ và phương thức kết hợp của đối tượng thì dễ dàng trong việc thuyết phục đối phương.

Như muốn vào thì vào, muốn ra thì ra, muốn thân thì thân muốn sơ thì sơ, muốn thành tựu thì thành tựu.

Tương tự, loài nhện, loại này rất yêu con, nhưng muốn đi thì đi muốn đến thì đến. Khi đi không hẹn ngày giờ, khi về không báo trước, một mình đi một mình đến, độc vãn độc lai, tùy theo lòng mình mong muốn, tùy tâm sở dục.

4. Người du thuyết không được trọng dụng cũng có nhiều nguyên nhân: Do chí hướng bất đồng và đạo lý khác nhau giữa người du thuyết với người được du thuyết. Do chính sách, biện pháp của người du thuyết không thích hợp với tình hình của nước đó.

Do không tìm hiểu đối phương nên không thuyết phục không chế được đối phương. Vì thế người ta nói: Không đồng loại với nhau chỉ thấy cái nghịch lại với nhau. Không chiếm được cảm tình của đối phương thì không thu lượm được gì cả.

5. An định nhân dân tinh thành hợp tác: Đạo lý của việc trị dân là giúp dân lập nghiệp, sống trong an bình. Muốn vậy vua tôi phải có hợp tác tinh thành. Có tinh thành hợp tác, thì mới an định được dân sinh.

Bản thân mưu sĩ phải củng cố đạo đức, lễ nghĩa, nghiên cứu và khảo chứng mưu kế, tìm hiểu sự thành tựu và không thành tựu, sự ích lợi và sự tổn hại của đất nước, của nhân dân.

6. Cách trị loạn: Một nước nếu vua hôn ám, không lo quốc gia chính sự, thần dân phân tán mà không hay biết. Đối nội theo ý chủ quan của mình, đối ngoại không chú ý đến thời cuộc. Không chiêu nạp trọng dụng nhân tài, không lắng nghe ý kiến của mưu sĩ. Tất yếu là loạn lạc sẽ xảy ra.

Nếu trong lúc đất nước nguy nan, mưu sĩ được trọng dụng trước hết là phải đối phó, bài trừ sự hư ngụy, giả dối, đồng thời chăm lo đến việc giáo hóa nhân dân và nuôi dưỡng vạn vật.

7. Sách nọ kiện có 3 kế:

1) Người tài của Tấn dùng ở Sở (Tấn tài, Sở dụng)

2) Bí quyết hiền kế (Tiên ngôn mật quyết)

3) Tùy tâm lý và dục vọng (Tùy tâm sở dục)

Kế thứ nhất: NGƯỜI TÀI NƯỚC TẤN DÙNG Ở NƯỚC SỞ (Tấn tài Sở dụng)

Tấn tài Sở dụng là chỉ người tài nước này được nước khác nể trọng, hoặc đem tài của mình ra áp dụng ở nước khác.

Xa mà được nể trọng, thân mật là do Âm đức (tài năng, đức độ), gần mà không thân là do chí hướng không hợp nhau.

Muốn thực hiện kế này phải hiểu rõ các nhân tài, mưu sĩ của nước đối phương. Đối đáp phải linh hoạt tài tình, ngẩng cao đầu, nâng cao uy tín của mình.

ĐI SỨ NƯỚC CHÓ CHUI LỖ CHÓ.

Chư hầu thấy nước Sở cường thịnh đều có ý sợ hãi, sai sứ đến triều cống.

Quan đại phu nước Tề là Ân Anh (tên tự là Bình Trọng) phụng mệnh Tề Cảnh Công sang sứ nước Sở.

Sở Linh Vương bảo triều thần rằng:

– Ân Anh mình không đầy 5 thước mà chư hầu đều khen là người giỏi. Nay các nước chỉ có Sở ta là cường thịnh hơn cả, ta muốn là cho Ân Anh sĩ nhục để nâng cao uy nước Sở, các người nghĩ xem có kế gì?

Quan thái tử là Viên Khải Cương mật tâu rằng:

– Ân Anh là người có tài ứng đối, tất phải dùng nhiều cách mới sĩ nhục được hẳn.

Viên Khải Cương liền đem mưu kế nói với Sở Linh Vương.

Sở Linh Vương nghe lời.

Đêm hôm ấy, Viên Khải Cương đem quân ra khoét một cái lỗ nhỏ ở bên cửa Đông vừa vắn độ 5 thước, rồi truyền cho quân canh cửa đợi khi nào sứ nước Tề đến thì đóng chặt cửa lại rồi bảo chui qua cái lỗ nhỏ ấy mà vào.

Được một lúc, Ân Anh mặc áo cừu rách, đi cái xe xấu và con ngựa gầy đến.

Đến cửa Đông, thấy cổng thành đóng liền dừng xe lại, sai người gọi cửa, quân canh cửa trở vào cái lỗ nhỏ ở bên cạnh mà bảo Ân Anh rằng:

– Ngài đi qua cái chỗ ấy, cũng rộng rãi chán, cần gì phải mở cửa!

Ân Anh nói:

– Đó là chỗ chó chui, chứ không phải chỗ người đi. Có sang sứ nước chó thì mới vào cửa chó, chứ sang sứ nước người thì tất phải đi cửa người.

Quân canh cửa đem lời nói ấy phi báo với Sở Linh Vương.

Sở Linh Vương nói:

– Ta tính bốn hấn, ai ngờ lại bị hấn bốn lại !

Nói xong, truyền mở cửa thành cho Ân Anh vào.

Ân Anh vào trong thành, thấy có 1 toán xa kị, người nào cũng to lớn lực lưỡng và rậm râu, tay cầm một ngọn giáo thật dài, trông như vị thiên thần,

đến đón Ân Anh, có ý muốn tỏ rõ Ân Anh là người thấp lùn bé nhỏ.

Ân Anh nói:

– Ta sang sứ hôm nay là vì việc giao hiếu, chứ không phải là muốn gây chiến tranh, dùng làm chi những kẻ vũ sĩ ấy !

Ân Anh nói xong bảo vũ sĩ đứng ra một bên, rồi giục xe thẳng tới cửa triều.

Ngoài cửa triều có hơn 10 viên quan, đều mũ cao áo dài, đứng sắp hàng 2 dãy.

Ân Anh xuống xe, chấp tay vái chào. Trong hàng các quan, có một viên trẻ tuổi hỏi Ân Anh rằng:

– Ngài có phải là Ân Bình Trọng, người ở đất Di Duy đó không?

Ân Anh nhìn xem ai thì tức là Đấu Vi Quý, tên gọi Đấu Thành Nhiên, hiện đang làm quan giáo doãn.

Ân Anh đáp rằng:

– Phải, chính tôi đó ! Chẳng hay ngài định dạy điều gì ?

Đấu Thành Nhiên nói:

– Nước Tề, kể từ đời Thái Công thuở xưa, vốn là một nước cường thịnh, sao từ khi Hoàn Công mất đi rồi, trong nước nhiều loạn, tranh cướp lẫn nhau, hết bị Tấn đánh, lại bị Tống đánh.

Vua Tề ngày nay cũng chẳng kém gì Hoàn Công, mà cái hiền đức của ngài phỏng có thua gì Quản Trọng, sao ngài không biết giúp vua Tề để chấn hưng cơ nghiệp cũ, mà chịu cúi đầu thờ nước lớn như nô bộc, thật tôi không hiểu ra làm sao !

Ân Anh đáp rằng:

– Có biết thời thế mới gọi là tuấn kiệt, có thông cơ biến mới gọi là anh hào. Từ khi nhà Chu suy, Tề và Tấn làm chủ ở Nam Man, dẫu bởi có nhân tài,

nhưng chẳng qua cũng là do khí vận.

Kìa như Tấn Tương Công và Tần Mục Công cường thịnh biết bao mà sau cũng phải hèn yếu; nước Sở từ khi vua Trang Vương mất đi, cũng thường bị quân Tấn và quân Ngô đến đánh, cứ gì một nước Tề!

Chúa Công tôi hiểu lẽ ấy, cho nên vẫn luyện tập quân mã để đợi thời; nay sai tôi sang đây là theo lễ giao hiếu với lân quốc, sao gọi là nô bộc được?

Ngài có phải dòng dõi Tử Văn đó không ? Tử Văn khi xưa là một bậc danh thần nước Sở, biết thời thế, thông cơ biến, mà sao lời nói của ngài nghe trái với Tử Văn nhiều lắm !

Đầu Thành Nhiên then đỏ mặt lên, cúi đầu lui ra.

Được một lúc, trong hàng bên tả lại có người hỏi Ân Anh rằng:

– Ân Bình Trọng tự phụ là người biết thời thế, thông cơ biến, nhưng trong khi Thôi Trữ và Khánh Phong nổi loạn, thì triều thần nước Tề từ Giải Cử trở xuống, bao nhiêu người tử tiết, Trần Văn Tử cũng bỏ cả cơ nghiệp mà đi. Ngài là thế gia nước Tề, đã không dám đánh giặc, cũng không biết tử tiết, còn bo bo giữ lấy danh vị làm chi !

Ân Anh nhìn xem ai thì tức là quan thượng đại phu nước Sở, tên gọi Dương Mang, tên tự là Tử Hà.

Ân Anh đáp rằng:

– Người có tiết lớn thì không cần những điều nhỏ mọn, người biết lo xa thì không nghĩ đến những sự tầm thường. Ông vua vì nước mà chết thì bề tôi nên chết theo, nay vua Trang Công tôi không phải vì nước mà chết, những người chết theo toàn là vì tình riêng, tôi dẫu hèn mạt có đâu dám liều chết để mua lấy cái hư danh ấy!

Vả, bề tôi gặp lúc trong nước có nạn không thể làm gì được thì mới nên bỏ đi, tôi không đi là để lập vua mới mà giữ lấy nước, chứ có phải là vì tham danh vị đâu?

Huống chi là việc biến loạn, nước nào chẳng có, ngài chắc các quan triều thần nước Sở đều là những người 1 lòng tử tiết cả hay sao? Sao ngài chỉ biết trách người mà không biết trách mình?

Dương Mang nín lặng không đáp lại được nữa.

Bỗng thấy trong hàng bên hữu lại có 1 người ra hỏi Ân Anh rằng:

– Ngài muốn nói là ngài muốn lập vua mới để giữ lấy nước, câu nói ấy có ý khoe khoang quá! Trong khi họ Thôi và họ Khanh giết lẫn nhau, họ Trần và họ Bào tranh quyền nhau, chẳng thấy ngài có mưu kế gì lạ cả, nếu quả ngài có lòng báo quốc thì sao lại như thế ?

Ân Anh cười mà nói rằng:

– Ngài biết điều ấy, nhưng chưa biết điều khác! Lúc bấy giờ, tôi ở liền bên cạnh Chúa công, tôi bày mưu kế để giữ yên nước nhà, những kẻ bàng quang tài nào biết rõ được ?

Trong hàng bên tả lại có một người ra bảo Ân Anh rằng:

– Đại trượng phu gặp thời, đã có đại tài lược, tất có đại quy mô! Tôi xem ra thì ngài khó mà tránh khỏi được cái tiếng bỉ lận!

Ân Anh nhìn xem ai thì là quan thái tử nước Sở tên gọi Viên Khải Cương.

Ân Anh nói:

– Tại sao ngài lại biết là tôi bỉ lận?

Viên Khải Cương nói:

– Thân danh ngài làm tướng quốc thì mũ áo và xe ngựa, tướng cũng nên trang sức để tỏ cái ân huệ của vua, cứ sao lại mặc áo cừu rách, cưỡi con ngựa gầy mà đi sứ nước ngoài như vậy, chẳng lẽ lương ăn không đủ hay sao? Tôi nghe nói cái áo cừu của ngài may từ thuở bé, đã 30 năm nay không thay; mà mỗi khi tế lễ, ngài dùng con lợn nhỏ quá, đến nỗi vai lợn không chập mâm, như thế không phải bỉ lận là gì?

Án Anh vỗ tay cười rầm lên mà nói rằng:

– Sao kiến thức của ngài thiên cận như vậy? Tôi từ khi làm tướng quốc đến giờ, suốt trong họ hàng nhà tôi đều được mặc áo đẹp, ăn miếng ngon, không ai phải đói rét ; những người hàn sĩ nhờ tôi mà được ấm no, cả thầy đến hơn 70 nhà, thế thì muốn tỏ cái ân huệ của vua, còn gì bằng điều ấy !

Án Anh nói chưa dứt lời thì trong hàng bên hữu lại thấy có một người trở tay vào mặt Án Anh mà vừa cười vừa nói:

– Tôi nghe nói vua Thành Thang mình cao 9 thước là bậc hiền vương, Tử Tang sức địch muôn người là bậc danh tướng.

Nay, ngài mình thấp không đầy 5 thước, sức yếu không trói nổi 1 con gà, chỉ nghề béo lẻo mồm miệng, tự phụ là tài giỏi, tôi tưởng nên lấy làm xấu hổ lắm mới phải !

Án Anh nhìn xem ai thì tức là cháu công tử Chân, tên gọi Nang Ngõa, tên tự là Tử Thường, hiện đang làm chức xa hữu.

Án Anh tủm tỉm cười, đáp rằng:

– Tôi nghe nói cái quả cân dẫu nhỏ, bao giờ cũng đè được nghìn cân; cái chèo dẫu dài, bao giờ cũng ngâm ở dưới nước. Trương Định người cao mà bị giết ở Lỗ, Nam Cung Trường vạn sức khoẻ mà bị giết ở Tống; tức hạ mình dài sức khoẻ, có lẽ cũng giống hai người ấy. Tôi biết thân không có tài cán gì, nhưng hỏi gì thì phải nói, sao ngài lại chê là béo lẻo mồm miệng ?

Nang Ngõa không biết nói thế nào nữa.

Bỗng nghe báo có quan lệnh doãn và Viễn Bãi đến. Các quan đều sắp hàng đứng đợi. Ngũ Cử mời Án Anh vào triều, rồi bảo các quan đại phu rằng:

– Án Bình Trọng là hiền sĩ nước Tề, sao các ngài lại nói quá như vậy?

Được một lúc Sở Linh Vương ra ngự triều. Ngũ Cử đưa Án Anh vào yết kiến.

Sở Linh Vương trông thấy Án Anh liền hỏi rằng:

– Nước Tề quả thật không có người hay sao ?

Án Anh nói:

– Người nước Tề tôi, hà hơi thì thành ra mây, vẩy mồ hôi thì thành ra mưa, đi thì phải chen vai, đứng thì phải chen chân, sao gọi là thiếu người ?

Sở Linh Vương nói:

– Thế thì sao lại sai tiểu nhân sang sứ nước ta ?

Án Anh nói:

– Nước tôi vẫn có lệ: Người hiền sang sứ nước hiền, người ngu sang sứ nước Ngu, đại nhân sang sứ đại quốc, tiểu nhân sang sứ tiểu quốc. Tôi là tiểu nhân, bất tài bất lực, vậy mới phụng mệnh sang sứ nước Sở.

Sở Linh Vương nghe nói có ý hổ thẹn, nhưng trong lòng lấy làm lạ. Gặp bây giờ có người ở ngoại thành đem dâng hợp hoan quýt (quýt).

Sở Linh Vương cầm đưa một quả, Án Anh cầm ăn cả vỏ.

Sở Linh Vương vỗ tay cười rầm lên mà bảo rằng:

– Người nước Tề dễ thường không ăn quýt bao giờ ! Cớ sao lại không bóc vỏ?

Án Anh nói:

– Cứ theo trong lễ thì vua đưa cho quả gì, bề tôi cũng không được bóc vỏ mà quẳng đi. Nay đại vương không truyền cho bóc vỏ, nên tôi phải ăn cả vỏ.

Sở Linh Vương bất giác kính phục, mời ngồi uống rượu.

Được một lúc, có ba bốn vũ sĩ giải một tên tù đi qua dưới thềm. Sở Linh Vương nói:

– Tên tù ấy người ở đâu?

Vũ sĩ tâu:

– Người nước Tề.

Sở Linh Vương hỏi:

– Phạm tội gì?

Vũ sĩ tâu:

– Tội ăn trộm.

Sở Linh Vương ngoảnh lại bảo Ân Anh rằng:

– Người nước Tề dễ thường quen tính ăn trộm hay sao ?

Ân Anh biết là Sở Linh Vương cố ý bày ra chuyện ấy để chế nhạo mình, mới đáp lại rằng:

– Tôi nghe nói giống quýt ở xứ Giang Nam vốn ngọt, đem sang trồng ở xứ Giang Bắc thì hóa ra chua, là tại thổ nghi không giống nhau.

Nay người nước Tề, khi ở nước Tề thì không ăn trộm, khi sang Sở thì hóa ra ăn trộm, thế là tại thổ nghi nước Sở, chứ có tại gì người nước Tề!

Sở Linh Vương nín lặng hồi lâu rồi nói rằng:

– Ta định chế nhạo nhà ngươi, chẳng ngờ lại bị nhà ngươi chế nhạo!

Bèn tiếp đãi Ân Anh rất trọng thể cho đến khi về nước Tề.

LẠM BÀN:

1. Sở Vương ý mình là nước lớn, cường thịnh, cố ý bày mưu sĩ nhục Ân Anh, sứ nước Tề.

Ân Anh biết rõ gốc gác từng mưu sĩ của nước Sở, kiến thức lại rộng rãi, ứng đối như nước chảy phá được các mưu kế và sự chế nhạo của vua Sở, làm cho vua Sở kính nể.

2. Tư Mã Thiên hết lời khen ngợi Ân Tử:

Giả sử Ân Tử mà còn, tôi tuy cầm roi ngựa cho ông, xin cũng vui lòng.

Kế thứ hai: **BÍ QUYẾT CỦA VIỆC HIỀN KẾ** (Tiến ngôn mật quyết)

Tiến ngôn mật quyết là bí quyết của việc du thuyết, thuyết phục hoặc can gián nhà vua.

Nhiều người du thuyết, can gián thất bại thậm chí thiệt thân, do một phần không nắm vững bí quyết.

Quan hệ vua tôi là quan hệ trên và dưới, có thân và có sơ. Gần mà không thân thì mưu kế chưa chắc được dùng, lời can gián không được nghe, có khi đưa ra mưu kế hoặc lời can gián còn hại cho bản thân.

Theo quy luật vật cùng loại thì hô ứng, không đồng loại thì không hô ứng với nhau.

Tương tự, con người thường chủ quan, cảm tính và thiên kiến. Không đồng tình với ý mình thì cho là trái. Không hợp với tâm lý tình cảm của mình thì cho là nghịch. Người can gián, du thuyết hiểu đạo lý này thì thành công không nắm vững thì thất bại.

A. LƯỢC CHO ĐỦ SỐ 28

Vua Tần (Tần Thủy Hoàng) ghét và giam thái hậu, ai can ngăn thì giết.

Có người ở Thương Châu tên là Mao Tiêu, nhân đến chơi Hàm Dương, ở nhà trọ, nghe người ta nói đến việc ấy.

Mao Tiêu căm tức nói rằng:

– Con mà giam mẹ thì còn Trời Đất nào nữa !

Rồi bảo chủ trọ cho nước nóng để tắm gội, sớm hôm sau sẽ vào can vua Tần. Người trong nhà trọ can rằng:

– Hai mươi bảy người kia là bề tôi thân tín của nhà vua thế mà can không được còn bị giết liền tay, huống gì nhà ngươi !

Mao Tiêu nói:

– Chỉ có 27 người nhà vua không nghe, nếu có người can nữa thì vua Tần nghe cũng không biết chừng !

Những người cùng ở nhà trọ cười và cho là ngu.

Sáng hôm sau, vào trống canh năm Mao Tiêu gọi chủ trọ lấy cơm ăn thật no để đi.

Chủ trọ nắm áo giữ lại không được. Ai nấy cho rằng Mao Tiêu sẽ chết nên lấy hành lý của Mao Tiêu chia nhau.

Mao Tiêu đi đến cửa khuyết, phục vào đồng cây kêu to:

– Tôi là khách nước Tề tên là Mao Tiêu xin dâng lời can Đại vương.

Vua Tần sai nội thị ra hỏi là can việc gì, có dính dáng đến việc của Thái hậu không?

Mao Tiêu nói:

– Tôi chính vì việc ấy mà đến !

Nội thị vào tâu. Vua Tần nói:

– Ngươi nên chỉ đồng cây ở dưới cửa cho người ấy biết !

Nội thị ra báo với Mao Tiêu:

– Ông có thấy cây chông chát không? Sao không sợ chết ư ?

Mao Tiêu nói:

– Tôi nghe trên trời có 28 sao giáng xuống đất thì làm chính nhân. Nay số chết đã 27 người rồi, còn thiếu 1. Tôi đến đây muốn chết cho đủ số. Xưa

nay, ai là không chết, tôi đây lại sợ chết ư?

Nội thị vào tâu. Vua Tần cả giận nói:

– Tên cuồng này dám trái lệnh cấm của ta !

Rồi sai đặt chảo nước sôi để sẵn, nói rằng:

– Ta sẽ luộc sống tên này, để hắn không được chết vào đông cây cho đủ số 28.

Nói xong vua Tần chống gươm ngồi, lông mày trợn ngược, giận sôi bọt mép, chỉ đợi Mao Tiêu vào là luộc.

Mao Tiêu cố tình đi rón rén. Nội thị giục. Mao Tiêu nói:

– Tôi đến trước mặt vua thì phải chết ngay, hoãn cho tôi chốc lát thì có hại gì ?

Nội thị thương tình dắt vào trong.

Mao Tiêu đi đến dưới thềm đập đầu lạy 2 lạy, nói:

– Tôi nghe nói: Kẻ sống không kiêng nói đến cái chết, kẻ có nước không kiêng nói chuyện mất nước. Kiêng nói cái chết cũng không làm cho mình sống lại được, kiêng nói mất nước cũng không làm cho nước còn.

Cái kẻ sách mất còn, sống chết đức mình chủ cần phải biết. Chẳng hay Đại vương có muốn nghe không?

Vua Tần hơi dịu:

– Người có kế gì cứ nói ta nghe !

Mao Tiêu nói:

– Kẻ trung thần không tiến lời nói a dua thì đáng minh chủ không làm việc cường bạo.

Vua làm việc cường bạo mà bề tôi không nói là bề tôi bất trung.

Bề tôi có lời ngay thẳng mà vua không nghe là phụ lòng bề tôi.

Đại Vương có việc làm trái đạo trời mà không tự biết, kẻ bề tôi hèn mọn này có lời ngay thẳng trái tai mà vua lại không muốn nghe.

Cho nên, tôi e rằng nước Tần từ nay nguy mất !

Vua Tần dụi mắt, hỏi:

– Nhà ngươi định nói việc gì, ta bằng lòng nghe.

Mao Tiêu hỏi:

– Có phải ngày nay Đại vương đang quan tâm đến việc khắp thiên hạ đó không ?

Vua Tần nói:

– Phải !

Mao Tiêu nói:

– Thiên hạ sở dĩ tôn Tần không phải chỉ vì sợ oai lực Đại vương, mà vì cho rằng Đại vương là hùng chủ cả thiên hạ và cả trung thần, hiền sĩ đều hợp ở triều đình vậy.

Nay Đại Vương phan thây giả phụ là bất nhân, đập chết hai em là bất nghĩa, đầy mẹ ở cung Hoắc Dương là bất hiếu. Giết hại người can ngăn bỏ thây dưới cửa khuyết, thực không khác gì vua Kiệt, vua Trụ !

Quan tâm đến việc toàn thiên hạ mà làm những việc như thế thì làm sao thiên hạ phục?

Xưa kia vua Thuần hết lòng thờ bà mẹ cay nghiệt hết đạo, mà được làm vua.

Vua Kiệt giết Bàn Long, vua Trụ giết Tỷ Can mà thiên hạ đều làm phản cả.

Tôi tự biết là tất chết nhưng e rằng sau khi tôi chết sẽ không còn ai dám nói nữa, lời nguyện rửa ngày càng thêm, những người trung mưu không dám bày tỏ, lúc ấy trong ngoài lìa tan, chừ hầu làm phản.

Tiếc thay đế nghiệp Tần gần thành mà tự Đại vương làm cho hỏng đi.

Tôi nói hết rồi xin chịu luộc.

Mao Tiêu nói xong lập tức đứng dậy, cởi áo chực nhảy vào chảo nước sôi.

Vua Tần vội chạy xuống, tay trái nắm lấy Mao Tiêu, tay phải truyền tả hữu cắt chảo nước.

Mao Tiêu nói:

– Đại vương đã yết bằng cấm người can, không luộc tôi thì ai sợ?

Vua Tần lại sai cắt bằng, sai tả hữu đưa áo cho Mao Tiêu mặc, mời ngồi và nói:

– Những người can trước chỉ kể tội quả nhân, chưa hề nói rõ cái lẽ còn mất.

Nay Trời sai tiên sinh đến, mở sự ngu tối cho quả nhân. Quả nhân xin theo đúng như lời.

B. MỘT CHỖ KHÔNG THỂ DUNG 2 CON CHIM

Nước Hàn có công tử Phi giỏi về môn học hình danh (pháp luật), thấy nước Hàn suy thoái, mấy lần dâng thư lên vua Hàn, vua đều không dùng.

Đến lúc quân Tần đánh Hàn, vua Hàn sợ. Nhân đó công tử Phi muốn sang Tần mong được vua Tần dùng, xin vua Hàn cho mình đi sứ để cầu hòa.

Phi đến Hàm Dương yết kiến vua Tần, nói Hàn xin nộp đất làm phiên thuộc. Vua Tần vui mừng. Phi nhân đó nói rằng:

– Tôi có kế phá được tung ước các nước, hoàn thành được mưu kiêm tính của Tần. Đại vương dùng kế của tôi, nếu không thu phục được các nước thì xin chém tôi, đem rao khắp nơi để làm gương cho những kẻ bề tôi bất trung.

Rồi đem dâng những bộ sách của mình như "Thuyết nan", "Cô phần", "Ngũ đồ", "Thuyết lâm", tất cả hơn 10 vạn chữ.

Vua Tần xem xong lấy là hay, muốn dùng Phi làm khách khanh cùng bàn việc nước.

Lý Tư ghen tài, gièm rằng:

– Các công tử chư hầu đều thân với người thân của mình, có đâu lại đề cho người khác lợi dụng.

Tần đánh Hàn, vua Hàn sợ sai Phi và Tần, biết đâu Hàn chẳng dùng kế phản gián, vậy không nên dùng.

Vua Tần nói:

– Vậy thì đuổi đi hay sao?

Lý Tư nói:

– Xưa công tử Vô Kỵ nước Ngụy, công tử Bình Nguyên nước Triệu đã từng ở Tần. Tần không dùng thả cho về nước, sau lại hại Tần. Phi có tài chi bằng giết đi để cắt vây cánh nước Hàn.

Vua Tần bèn giam Hàn Phi ở Hàm Dương.

Khi sắp bị đem đi giết, Hàn Phi hỏi:

– Ta có tội gì?

Tên coi ngục nói:

– Một chỗ không thể dung được 2 con chim.

Đời bây giờ người có tài nếu không dùng thì tất đem giết chết, cứ gì phải có tội ?

Hàn Phi bèn khăng khái ngâm thơ, đêm ấy lấy giải mũ tự thắt cổ.

C. CÁCH ĐỐI ĐÃI VỚI NGƯỜI SẼ LÀM THỊT MÌNH

Một hôm, vua Tần cùng Lý Tư bàn việc, khen tài Hàn Phi, ngỏ ý tiếc Hàn Phi đã chết.

Lý Tư nói:

– Tôi xin tiến cử một người họ Úy tên Liêu, người ở Đại Lương, tinh thông binh pháp, tài gấp 10 Hàn Phi.

Vua Tần hỏi:

– Người ấy ở đâu ?

Lý Tư nói:

– Hiện nay người ấy ở Hàm Dương, nhưng người này rất tự phụ, không thể lấy lễ bẻ tôi mà dùng được.

Vua Tần bèn cho đi mời theo lễ tân khách.

Úy Liêu đến, thấy vua Tần chỉ vãi dài không lạy. Vua Tần đáp lễ gọi là Tiên sinh.

Úy Liêu nói:

– Đối với một nước mạnh như Tần, hễ các nước lìa nhau thì dễ lấy hết, hợp lại với nhau thì khó đánh. Đại Vương cần nghĩ đến điều này.

Vua Tần hỏi:

– Muốn cho các nước lìa nhau thì Tiên sinh có kế gì không?

Úy Liêu nói:

– Nay việc cá nước đều do bọn hào thần quyết định, mà bọn này không phải là người trung trí cả, chẳng qua cốt để có nhiều tiền của để vui chơi.

Nếu Đại vương không tiếc tiền của trong kho, đem đút lót cho bọn hào thần các nước ấy, làm rối cái mưu của họ, thì chỉ mất ước 30 vạn cân vàng có thể lấy được hết các nước.

Vua Tần bằng lòng lắm, tôn Úy Liêu làm thượng khách, cho ăn mặc như mình và thường đến quán xá quỳ xin dạy bảo.

Úy Liêu nghĩ: Xét kỹ vua Tần mũi to, mắt dài, ngực ưỡn, tiếng như gâm. Là người tàn khắc ít ân. Lúc có việc thì chịu khuất với người, lúc xong việc thì khinh bỏ người.

Nay thiên hạ chưa thống nhất nên chịu khuất thân với bọn áo vải, nếu đắc chí thì người trong thiên hạ đều sẽ bị làm thịt cả thôi !

Một đêm Úy Liêu bỗng bỏ đi.

Kẻ coi quán vôi báo với vua Tần.

Vua Tần tưởng như mất cánh tay, vội vã sai người đuổi theo mời lại.

Rồi cùng Úy Liêu lập lời thề, bái làm Thái úy, chủ việc binh, các đệ tử của Úy Liêu đều được làm Đại phu.

Vua Tần trích nhiều tiền kho sai các sứ giả đi đến các nước xem bề tôi hiện cầm quyền, được nhà vua yêu mến, đút lót nhiều tiền để nắm tình hình.

Vua Tần lại hỏi Úy Liêu nên kiêm tính nước nào trước, nước nào sau.

Úy Liêu đáp:

– Hàn yếu dễ đánh, nên đánh trước. Thử đến Triệu và Ngụy. Đã thôn tính được ba nước ấy thì đem quân đánh Sở. Sở mất thì Tề không còn.

LẠM BÀN:

Ba người du thuyết vua Tần, Mao Tiêu và úy Liêu thì thành công, còn Hàn Phi thì thất bại và bị giết.

1. Mao Tiêu giả muốn chết cho đủ số nhưng lại sống và được trọng vọng.

Bí quyết can gián của Mao Tiêu như vua Tần đã nhận định “những người can trước chỉ kể tội quả nhân chưa hề nói cái lẽ còn mất”.

Người ta có lỗi, kể lỗi để cho người ta sửa đổi chưa phải là thượng sách, còn chuốc họa vào thân như 27 người can gián vua Tần. Cho người ta thấy sự lợi hại của việc nhận lỗi và tìm cách chuộc lỗi là điều quan trọng.

Làm cho người có lỗi thấy: khi chuộc lỗi thì tăng thêm uy tín, thu phục được những người khác trong thiên hạ. Tất nhiên người ta phải nghe theo.

2. Úy Liêu thì rất mực khôn khéo, mới gặp vua Tần đã đánh trúng tâm lý, ước muốn của nhà vua là làm sao đánh bại thôn tính các nước, nên được vua Tần trọng vọng ngay.

Nhưng sợ vua Tần không thi hành kế sách của mình, nếu có thi hành thì sau khi các nước bị đánh bại cũng sẽ chết dưới tay vua Tần. Do đó tìm cách bỏ đi.

Vua Tần mời lại, lập lời thề, tức là mưu kế mình sẽ được dùng, mạng sống được bảo đảm, lúc ấy mới tung thêm các sách lược còn lại.

3. Hàn Phi du thuyết thất bại do nhiều lẽ:

– Thứ nhất là người nước Hàn, nước đang thù địch với Tần.

– Thứ hai, mặc dù rất giỏi nhưng đưa ra một mớ sách vở, phải đọc nghiên ngẫm mới thấy cái hay cái dở.

Thực chất vua Tần chỉ cần kế sách được trình bày ngắn gọn, có thể thực hiện được ngay như kiểu Úy Liêu.

Nếu Hàn Phi nói ngay sách lược thì chưa chắc Lý Tư đã có thì giờ gièm pha và hãm hại được.

Bệnh giấy tờ, sách vở cũng đã tham gia vào tội sát thân của Hàn Phi.

– Thứ ba, như người coi ngục đã nói: Một chỗ không dung được 2 con chim. Đòi bây giờ, người tài không dung được thì đem giết, cứ gì phải có tội !

Chắc trước khi vào Tần, Hàn Phi không lường bên cạnh vua Tần không còn chỗ cho mình, vì đã có Lý Tư.

Ưu điểm của người tài là làm những việc ích quốc lợi dân, nhưng khuyết điểm của người tài là khi đã ghen ghét thì gièm pha nhau, giết hại nhau bằng lý luận, dẫn chứng chặt chẽ, độc địa, giết người như không:

Cho về thì thêm vây cánh cho kẻ thù, dùng thì sợ phản gián; người bị gièm chỉ có một con đường duy nhất là... đi về phía nắm mồ!

Thường người tài hay muốn độc tôn, một mình một chợ, một mình một cõi, tha hồ thao túng chính trường chọc trời khuấy nước thiên hạ.

Chính vì vậy, Chu Du đã từng học máu và than thở: “Trời đã sinh Du sao còn sinh ra Lượng”.

4. Người ta vì nghề can gián, du thuyết vua chúa hoặc là nghề làm tham mưu, quân sư, như vuốt vẩy rồng.

Tương truyền, ai vuốt thuận theo chiều vẩy rồng thì sống, nếu vuốt theo chiều nghịch vẩy rồng thì bị cắt chảy máu mà chết.

5. Có người cho rằng, xưa nay kẻ sĩ, mưu sĩ, thường là kẻ làm thuê cho vua chúa. Nghề làm thuê này rất bấp bênh nguy hiểm. Khi đã thôn tính xong nước địch, sẵn hết thở thì chó săn bị thịt thôi.

Tương tự, câu chuyện sau:

D. CÒN THỪA BỐN THUẬT ĐEM XUỐNG ÂM PHỦ.

Văn Chung tâu với Việt Vương Câu Tiễn:

– Tôi nghe nói: Con chim bay ở trên mây cao chỉ chết vì miếng ăn ngon. Con cá lặn ở vực sâu chỉ chết vì mồi thơm.

Nay Chúa công muốn báo thù nước Ngô thì phải tìm xem Ngô thích cái gì thì mới có thể trị nổi.

Câu Tiễn nói:

– Dẫu tìm được điều họ thích nhưng làm thế nào để trị nổi họ?

Văn Chủng nói:

– Tôi nghĩ cách phá Ngô có 7 kế:

1. Chịu tổn của cải làm cho vua tôi nước Ngô bằng lòng.
2. Lấy giá đắt mua thóc để làm nước Ngô thiếu lương thực.
3. Đem mỹ nữ sang dâng nước Ngô làm vua Ngô bị mê hoặc.
4. Đem thợ khéo, gỗ tốt sang dâng để Ngô làm cung thất tổn hại tiền của.
5. Dùng kẻ mưu thần để làm cho nước Ngô loạn.
6. Hại kẻ trung thức làm cho nước Ngô thế cô.
7. Tích của, luyện quân để đợi địch suy yếu.

Sau khi thôn tính được nước Ngô, Câu Tiễn lo Văn Chủng có tài làm phản.

Một hôm, Ngô Phù Sai đến thăm Văn Chủng. Văn Chủng giả bệnh.

Câu Tiễn cởi thanh kiếm ra, ngồi xuống và hỏi Văn Chủng:

– Ta nghe người chí sĩ không lo cái thân mình chết mà lo cái đạo của mình không thi hành được. Nhà ngươi có bảy thuật ta mới thi hành có ba đã diệt được nước Ngô; còn thừa bốn thuật nhà ngươi định dùng để làm gì?

Văn Chủng nói:

– Tôi cũng không biết dùng để làm gì !

Câu Tiễn nói:

– Hay nhà ngươi đem bốn thuật ấy mà mưu hãm cho tiền nhân nước Việt ở dưới âm phủ, phỏng có nên chăng?

Câu Tiễn nói xong lên xe về, bỏ lại thanh kiếm.

Văn Chung lấy xem chính là thanh kiếm của Ngô Phù Sai đưa cho Ngũ Viên tự tử khi trước Văn Chung vừa than thở vừa cười, rồi rút gươm tự vẫn.

Câu Tiễn nghe tin mừng lắm đem chôn Văn Chung ở Ngọa Long Sơn.

LẠM BÀN:

1. Hai người phò tá Câu Tiễn lúc hoạn nạn là Phạm Lãi và Văn Chung.

Thôn tính xong nước Ngô, Phạm Lãi xin từ quan và viết thư khuyên Văn Chung:

“Vua Ngô có nói giống thỏ hết thì chó săn tất bị giết mổ, địch quốc đã diệt thì mưu thần chẳng còn. Ngài không nhớ hay sao? Vua Việt môi dài, mỏ quạ là người nhẩn tâm mà ghét kẻ có công. Cùng ở lúc hoạn nạn thì được chứ cùng lúc an lạc thì không được. Nếu Ngài không đi tất có tai vạ.”

Phạm Lãi cao bay xa chạy nên không gặp tai họa, Văn Chung chần chừ không quyết nên mang họa vào thân.

2. Biết người và rút lui đúng lúc cũng là mưu kế phòng thân, bảo toàn thân danh và mạng sống của nghề mưu sĩ.

Kẻ thứ ba: TÙY LÒNG HAM MUỐN (Tùy tâm sở dục)

Tùy tâm sở dục tức là tùy theo lòng ham muốn, không nên đem cái ham muốn của mình áp đặt cho người.

Tùy theo sở thích ham muốn của người thì thành công. Áp đặt sở thích ham muốn của mình cho người thì không thành công.

Muốn thực hiện kế này, phải biết rõ sự kết hợp giữa người với người: Vì đạo đức, vì chí hướng, vì của cải...

Biết được sự kết hợp này thì muốn vào thì vào, muốn ra thì ra, muốn gần thì gần, muốn xa thì xa, muốn được thì được, muốn mất thì mất... nói cách khác là thực hiện mưu kế một cách dễ dàng.

A. GIÁ NGƯỜI THẤP HAY CAO.

Tô Tần, Trương Nghi từ khi từ tạ Quý Cốc tiên sinh xuống núi, Trương Nghi thì về nước Ngụy, Tô Tần thì về Lộc Dương.

Ở nhà Tần còn có mẹ già, một anh hai em, anh mất sớm, chỉ còn người chị dâu ở góa, hai em là Tô Đại, Tô Lệ.

Mấy năm cách mặt, ngày nay gặp lại, cả nhà ai nấy đều vui mừng.

Vài ngày sau, Tô Tần muốn đi chơi các nước, mới xin mẹ già cho bán gia tài để làm hành phí, mẹ già, chị dâu hết sức can ngăn, nói rằng:

– Quý Tử không chịu cày cấy, buôn bán làm ăn, chỉ muốn đem mấy tác lưỡi để kiếm giàu sang, bỏ cái nghiệp đã thành cầu cái lợi chưa được, sau này nghèo túng còn hỏi sao được?

Tô Đại, Tô Lệ cũng nói rằng:

– Anh nếu giỏi thuật du thuyết, sao không đến thuyết ngay Chu Vương, cũng có thể thành danh được ở bản hương, cần gì phải đi đâu xa?

Tô Tần bị cả nhà ngăn trở, bèn đến xin yết kiến Chu Hiến Vương, bày tỏ cái thuật tự cường.

Vương mời lại ở quán xá. Tả hữu đều biết Tô Tần vốn con nhà làm ruộng, ngờ chỉ là người nói hảo huyền, không có thực dụng, không chịu cất nhắc với Chu Hiến Vương.

Tô Tần lưu lại quán xá đến hơn một năm trời không thể tiến thân được, bực tức bỏ về nhà, bán hết gia sản được 100 dật hoàng kim, may được một cái áo lông điều màu đen, sắm sửa xe ngựa, có đủ kẻ hầu người hạ, rồi du lịch các nước, xem hình thể núi sông và phong tục nhân dân, rõ hết các điều lợi hại trong thiên hạ.

Như thế đến vài năm, mà vẫn chưa gặp vua nào biết dùng; Tô Tần nghe nói Vệ Ưởng được phong làm Thương quân, được Tần Hiếu Công tin dùng lắm, bèn đi sang Hàm Dương, nhưng đến nơi thì Tần Hiếu Công đã mất, Thương Quân cũng chết, bèn xin vào yết kiến Huệ Văn Vương.

Huệ Văn Vương cho triệu Tần vào trong điện hỏi rằng:

– Tiên sinh không quản ngàn dặm xa xôi mà đến tể ấp, chẳng hay có điều gì dạy bảo quả nhân?

Tô Tần thưa rằng:

– Tôi nghe nói Đại Vương đòi chư hầu cắt đất để hiến cho nước Tần, ấy có phải muốn ngồi yên mà kiểm chế thiên hạ chăng?

Huệ Vương nói:

– Phải !

Tần nói:

– Đại Vương Đông có Hàm Cốc, Hoàng Hà ; Tây có Hán Trung ; Nam có Ba Thục ; Bắc có Hồ Lạc ; bốn mặt đều thiên hiểm ; đồng ruộng tốt có ngàn dặm, quân lính giỏi có trăm vạn. Trên có cái Đức của Đại Vương, dưới có ức triệu sĩ dân, dựa vào đó, tôi xin hiến mưu ra sức làm cho Đại Vương kiểm tính được chư hầu, thống nhất thiên hạ thay nhà Chu mà xưng Đế để như trở bàn tay. Có lẽ nào cứ khoanh tay ngồi yên mà thành sự được?

Huệ Văn Vương vừa mới giết Thương Ưởng xong, trong lòng vẫn ghét những tay du thuyết, bèn từ chối rằng:

– Quả nhân nghe nói lông cánh chưa đủ thì không thể bay cao. Những lời nói của tiên sinh, tiếc rằng quả nhân ngày nay chưa đủ sức làm, vậy xin đợi vài năm nữa, binh lực đủ, bây giờ sẽ bàn đến việc ấy.

Tô Tần lui ra, lại đem cái thuật của tam vương, ngũ bá dùng công mà chiếm được thiên hạ chép thành một cuốn sách dày, cộng hơn 10 vạn chữ, hôm sau đem dâng Tần Vương.

Tần Vương cũng có xem, nhưng tuyệt nhiên không có ý lưu Tô Tần lại.

Tô Tần lại đến yết kiến Tướng quốc Công Tôn Diễn, ông này có lòng ghen tài, không chịu dẫn tiến.

Tô Tần ở lại nước Tần hơn một năm, trăm dật hoàng kim đều đã dùng hết, chiếc áo lông điều màu đen cũng rách mướp, không còn biết xoay vào đâu, phải bán xe ngựa và đầy tớ lấy tiền làm lộ phí, rồi quây khăn gói đi bộ về nhà.

Mẹ già thấy bộ Tô Tần lúng túng thì đem lời mắng nhiếc; vợ đang dệt cửi trông thấy cứ ngồi yên, chẳng chạy ra chào hỏi; Tần đói quá, xin chị dâu cho cơm ăn, chị dâu chối là nhà không có củi, không chịu nấu cơm cho ăn.

Tần chảy nước mắt nói rằng:

– Người ta mà nghèo hèn thì vợ không coi là chồng, chị dâu không còn coi là em, mẹ không còn coi là con nữa. Đó là cái tội của ta !

Rồi lục tìm trong hòm sách, được quyển "Thái Công Âm Phù", sực nhớ rằng Quỷ Cốc có nói du thuyết không gặp, chỉ nên đọc cuốn sách này, tự khắc có tiền ích.

Bèn đóng cửa xem sách, suy tìm nghĩa kín cho bằng được, ngày đêm không nghỉ; đêm mỗi một quá muốn ngủ, thì tự cầm dùi đâm vào đùi máu chảy khắp chân.

Khi hiểu hết nghĩa lý tinh vi trong sách, lại xem hình thế các nước, xem xét kỹ càng, như thế trong một năm, đại thế thiên hạ như được nắm trong bàn tay, liền tự an ủi rằng:

– Tần này với sức học như thế, nay đem ra mà du thuyết với vua các nước, há lại chẳng thấy được ngôi khanh tướng, làm nên giàu sang ư?

Tần bèn bảo hai em là Đại, Lệ rằng:

– Sự học của ta đã thành, có thể lấy giàu sang như bốn, các em nên giúp ta món tiền hành lý để ta du thuyết các nước, nếu có ngày xuất thân ta sẽ đất các em.

Lại lấy quyển "Âm Phù" giảng giải cho hai em. Đại, Lệ cũng đều hiểu biết, nên giúp cho Tần món tiền hành lý.

Tần từ biệt mẹ, vợ và chị dâu, muốn đi sang nước Tần nhưng lại nghĩ rằng:

Ngày nay trong bảy nước chỉ có nước Tần là mạnh hơn cả, có thể giúp nên đế nghiệp, nhưng trước kia Vua Tần đã không chịu dùng ta, nay lại đến, nếu lại như trước, thì còn mặt mũi nào trở về làng cũ nữa?

Bèn nghĩ một kế làm cho các nước đồng lòng hợp sức với nhau để nước Tần trở nên cô thế.

Nghĩ vậy bèn sang nước Triệu.

Bấy giờ Triệu Túc Hầu ở ngôi, em trai là Công Tử Thành là Tướng Quốc, gọi là Phụng Dương, Phụng Dương quân không thích nghe.

Tần bèn bỏ Triệu sang Yên, xin vào yết kiến Yên Văn Công, nhưng những người tả hữu chẳng ai giúp:

Ở hơn 1 năm tiền lương đã cạn, phải nhịn đói ở nhà trọ, người trong nhà trọ động lòng thương, cho vay 100 đồng tiền, Tần nhờ đó mà có cái ăn.

Bỗng gặp lúc Yên Văn Công đi chơi, Tần phủ phục bên đường. Văn Công hỏi họ tên, biết là Tô Tần, mừng mà nói rằng:

– Nghe nói tiên sinh năm trước dâng một tập thư 10 vạn chữ cho vua Tần, quả nhân lòng hâm mộ, tiếc vì không được tập thư ấy, nay tiên sinh hạ cố đến, thực là may cho nước Yên lắm !

Nói rồi quay xe về triều, cho triệu Tần vào, cúi đầu mà xin lời dạy bảo.

Tô Tần tâu rằng:

– Đại Vương ở trong hàng Chiến quốc, đất vuông hai nghìn dặm, binh giáp vài mươi vạn, xe 600 cỗ, ngựa 6000 con, nhưng so với Trung Nguyên thì không bằng một nửa.

Vậy mà, tai không nghe tiếng ngựa sắt giáo vàng, mắt không thấy cái nguy đồ xe chém tướng, được yên ổn như thế này Đại vương có biết vì có gì không?

Yên Văn Công nói:

– Quả nhân không biết.

Tô Tần lại nói:

– Nước Yên sở dĩ không bị binh đao là nhờ có nước Triệu đứng che, Đại vương không biết kết giao với nước Triệu gần mà lại cắt đất để nịnh nước Tần xa chẳng là dại lắm ư !

Yên Văn Công nói:

– Vậy thì làm thế nào?

Tần thưa rằng:

– Cứ như ý ngu này, chi bằng kết thân với Triệu rồi kết liên với các nước, cùng nhau hợp sức chống Tần, đó là cái yên trăm đời đó !

Yên Văn Công nói:

– Tiên sinh muốn dùng kế hợp tung để yên nước Yên, đó là sở nguyện của quả nhân nhưng sợ chư hầu không cùng lòng thì sao?

Tần nói:

– Tôi dầu bất tài, xin diện kiến chư hầu để định tung ước.

Yên Văn Công cả mừng, giúp vàng bạc và xe ngựa, sai tráng sĩ đưa Tần sang Triệu.

Bấy giờ Phụng Dương quân Triệu Thành đã mất, Triệu Túc hầu nghe nước Yên đưa khách đến, bèn xuống thêm đón, nói rằng:

– Thượng khách hạ cố đến đây, có điều gì dạy bảo quả nhân?

Tô Tần tâu rằng:

– Tôi nghe nói hiền sĩ trong thiên hạ đều ngưỡng mộ cái đức của quân hầu và muốn bày tỏ tâm phúc, chỉ vì Phụng Dương quân là người ghen ghét tài

năng, cho nên những du sĩ đều dừng chân không tiến, cuốn lưỡi không nói, nay Phụng Dương quân đã mất, nên tôi mới đến dâng tấu ngu trung.

Tôi nghe: Giữ nước không gì bằng yên dân, yên dân không gì bằng chọn nước mà giao hiếu. Nay các nước ở Sơn Đông chỉ có Triệu là mạnh, đất rộng hơn hai nghìn dặm, quân lính có vài mươi vạn, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc đủ dùng trong vài năm, Tần ghét nhất là Triệu, vậy mà không dám đánh Triệu là sợ có Hàn, Ngụy đánh úp ở đằng sau.

Cho nên làm phen giậu phía Nam cho nước Triệu là Hàn, Ngụy; nhưng hai nước ấy không có núi sông hiểm trở, một ngày kia quân Tần đánh lần 2 nước, hai nước đầu hàng thì họa sẽ đến nước Triệu ngay

. Tôi thường xem xét địa đồ thấy đất đai các nước hơn Tần ngàn dặm, quân sĩ các nước cũng nhiều gấp 10 Tần, nếu 6 nước cùng hợp làm một, cùng nhằm về phía tây, thì phá Tần chẳng khó gì.

Nay nước Tần hiệp bách các nước, bắt các nước cắt đất để cầu hòa.

Không vì có gì mà cắt đất đó là tự mình phá mình? Mình phá người và mình bị phá, trong hai điều đó, điều nào là hơn?

Theo như ý tôi, chỉ bằng ước với vua các nước đến họp ở Hằng Thủy, cùng nhau ăn thề, kết làm anh em, Tần đánh 1 nước thì 5 nước cùng cứu ;nếu nước nào trái lời thề, thì các nước cùng đánh. Tần dẫu cường bạo, khi nào dám đem một nước cô thế để tranh được, thua với cả thiên hạ?

Triệu Túc hầu nói:

– Quả nhân tuổi trẻ, nhận việc nước chưa được mấy năm, chưa hề được nghe diệu kế, nay thượng khách muốn hợp chư hầu để cự Tần, quả nhân xin một lòng nghe theo .

Rồi giao ngay Tướng ấn cho Tô Tần, ban cho một tòa nhà lớn, lại cho trăm cỗ xe, nghìn dật hoàng kim, trăm đôi bạch bích, gấm vóc nghìn tấm, cử là Tung Ước trưởng.

Tô Tần đi sang nước Hàn, vào yết kiến Tuyên Huệ Công nói rằng:

– Nước Hàn rộng hơn 900 dặm, có vài mươi vạn quân, những cung nỏ cứng ở trong thiên hạ, đều ở nước Hàn mà ra cả.

Nay Đại vương thờ Tần, tất Tần đòi cắt đất làm tin, sang năm sẽ lại đòi nữa, đất cát của Hàn có hạn mà lòng tham của Tần vô cùng ; hai ba lần Hàn phải cắt đất thì đất Hàn hết mất.

Tục ngữ có nói: "Thà làm đầu gà chớ làm đuôi trâu". Đại vương có đức hiền, lại có quân mạnh mà chịu cái tiếng đuôi trâu, tôi lấy làm xấu hổ lắm !

Tuyên Huệ Vương nói:

– Quả nhân xin đem cả nước mà nghe lời dạy của tiên sinh, theo thư ước của Triệu đã định.

Rồi cũng tặng Tô Tần trăm dật hoàng kim. Tô Tần lại lần lượt đi đến các nước Ngụy, Sở, Tề, đến nước nào cũng nói các lẽ lợi hại của nước ấy, kết cục bảo nên cùng liên hợp cho mạnh sức để chống lại Tần.

Vua nước nào cũng lấy làm phải và xin theo như kế hợp tung của Tô Tần. Tần liền về báo với Triệu Túc Hầu.

Khi Tần đi qua Lạc Dương, các nước đều sai sứ đi tiễn, nghi trượng cờ quạt, tiền hô hậu ủng, xe ngựa và xe chở đồ nặng liên tiếp đến 20 dặm không hết, uy nghi không khác gì đáng vương giả; đi dọc đường, các quan viên đều ra lạy chào.

Chu Hiến Vương nghe Tô Tần sắp đến, sai người quét dọn đường sá sạch sẽ và bày cung trướng ở ngoài châu thành để đón.

Bà mẹ già của Tần cũng chống gậy đi ra đường xem, hai em trai, chị dâu và vợ Tần đều nghiêng mắt không dám trông lên, phủ phục cả ở ngoài bãi để đón.

Tô Tần ngồi ở trong xe, hỏi chị dâu rằng:

– Trước kia chị không nấu cơm cho tôi ăn, sao ngày nay lại cung kính quá như thế ?

Người chị dâu nói:

– Tôi thấy Quý Tử ngày nay ngôi cao và tiền nhiều, nên tôi kính sợ.

Tô Tần ngậm ngùi than rằng:

– Tình đời xem giá lạnh, giá người thành thấp cao, ta ngày nay mới biết sự giàu sang là cần có lắm !

LẠM BÀN:

1. Qua đoạn trích từ vua chúa đến thứ dân mỗi người có mỗi sở thích khác nhau: mẹ, anh em, vợ của Tô Tần thích Tần học buôn bán cày ruộng, thích giàu có cao sang. Tô Tần thì thích làm nghề du thuyết, làm khanh làm tướng.

Cùng một kế sách của Tô Tần, vua Tần đọc không thích, vua Yên đọc lại thích thú.

2. Mỗi quan hệ cũng khác nhau: Giữa Tô Tần với vợ, chị dâu, anh em không chỉ là ruột thịt mà còn có sự quan hệ của danh vọng tiền bạc.

Vì vậy, Tô Tần mới ngậm ngùi than: Tình đời giá lạnh, giá người thấp cao...

3. Sự liên minh của các nước là do lợi lộc.

Tô Tần đã đánh trúng vào tâm lý hám lợi của các vua chúa. Có người cho rằng hợp tung liên hoành lấy lợi lộc làm đầu. Liên kết với nhau là do lợi lộc. Tan rã cũng do vàng bạc. Thuyết "dĩ lợi vi tiên", chữ lợi làm đầu đời nào cũng có, nhưng có lẽ thời chiến quốc là thịnh hành và náo nhiệt nhất.

Có nước vừa uống máu ăn thề liên minh với nhau, nhưng máu chưa khô thì đã bội ước. Đám mưu sĩ hợp bàn với nhau để chống liên minh của nước khác chẳng qua là kiếm danh vọng lợi lộc. Khi bị vàng bạc chi phối, "há miệng mắc quai", thì ai đi đường nấy.

4. Xét cho cùng, sở thích của con người tạo sức mạnh. Biết đánh trúng vào sở thích của một cá nhân cũng là một mưu kế.

B. LƯỖI CÒN LÀ ĐỦ

Trương Nghi du thuyết bị tướng nước Sở nghi ăn cắp ngọc đánh cho gần chết.

Về được nhà, vợ nhiếc mắng:

– Hừ ! Không đọc sách, không du thuyết thì đâu có cái nhục này !

Trương Nghi bảo vợ:

– Thử xem lưỡi ta còn hay mất ?

Người vợ cười đáp:

– Còn đây !

Trương Nghi nói:

– Thế là đủ !

LẠM BÀN:

Xét Tô Tần và Trương Nghi chí hướng, sở thích đọc sách, làm nghề du thuyết giống nhau.

Xét về hai bà vợ, thì vợ Trương Nghi có vẻ vui tính, xởi lởi hơn vợ Tô Tần.

Tiết 4:SÁCH LƯỢC TÌM KẼ HỖ (Hư khích chi sách)

Hư khích là vết nứt, khe hở, kẽ hở. Là sách lược tìm ra vết nứt, khe hở, kẽ hở, hoặc tạo ra sự rạn nứt, chia rẽ trong nội bộ hàng ngũ đối phương. Kẽ hở càng to, sự rạn nứt, chia rẽ càng lớn thì đối phương càng suy yếu, nhân đó mà thôn tính.

Nói cách khác là tìm cách ly gián nội bộ đối phương, được áp dụng trong ngoại giao và quân sự.

1. Theo qui luật vạn vật sinh rồi diệt, con người có hợp thì có tan. Trong quá trình sinh diệt, hợp tan tất nhiên sẽ sinh ra vết rạn, vết nứt. Nếu không quan sát, nghiên cứu thì khó phát hiện được vết rạn và vết nứt.

2. Thông thường sự rạn nứt, chia rẽ được biểu hiện: Thiên hạ không có minh chủ, đạo đức của các chư hầu suy đồi. Những bậc thánh nhân, những người trung lương lui về thoái ẩn, bọn tiểu nhân đắc chí ngênh ngang.

Kỷ cương đất nước tan rã. Người trong nước kết bè, kết đảng, công kích sát phạt lẫn nhau, chém giết nhau, nhiều người không chôn xương thân. Gia đình cha con ly tán, vợ chồng bất hòa.

3. Vì thế trong việc trị nước luôn luôn quan sát, nghiên cứu, nếu có vết rạn nứt, hiện tượng chia rẽ manh nha thì phải tìm cách ngăn chặn, đề kháng, nếu cần phải trấn áp và tiêu diệt, không để sự nứt rạn chia rẽ ngày càng phát triển.

4. Sách lược này có các kế:

1) Làm cho đối phương nghi ngờ nhau (Công bố nghi vấn).

2) Khoảng giữa hư và thực (Hư thực chi gian).

3) Sắc đẹp phụ nữ nguy hiểm như dao kiếm (Nữ sắc như dao).

4) Thấy trước sự việc (Kiến ngự tri trước).

Kế thứ nhất : làm cho đối phương nghi ngờ nhau (Công bố nghi vấn)

Công bố nghi vấn là làm cho đối phương nghi ngờ lẫn nhau, nghi kỵ và chia rẽ. Là phân quyền để chuyên quyền. Phá vỡ sự liên kết, liên minh của đối phương và củng cố thêm lực lượng liên minh, liên kết của mình để đánh bại đối phương.

Trong gia đình vợ chồng nghi ngờ nhau thì tan rã. Trong một nước, vua nghi ngờ thần tử, thì không còn sức mạnh.

A. SỨC MẠNH CỦA VÀNG

Hán, Sở tranh hùng ; Sở tấn công gấp, phá đường vận lương của Hán, vây Hán Vương ở Vinh Dương.

Đôi bên giằng co mãi, Hán Vương lấy làm lo, xin cắt đất từ Vinh Dương trở về Tây để cầu hòa. Hạng Vương không nghe.

Hán Vương nói với Trần Bình:

– Thiên hạ rối bời, bao giờ mới yên ?

Trần Bình nói:

– Hạng Vương là người lễ độ và yêu người, những kẻ sĩ tiết tháo và hiếu lễ về với ông ta thì nhiều. Nhưng khi luận công phong tước thì ông ta lại tỏ ra hẹp hòi, cho nên nhiều người không tán thành.

Đại vương đây thì khinh mạn, sòng sượng, những kẻ sĩ tiết tháo không tới giúp, nhưng Đại vương phong thưởng rộng rãi, chính vì vậy mà những kẻ sĩ ngoan động, ham lợi, vô sỉ phần nhiều xu phụ Đại vương.

Nếu Đại vương bỏ được cả hai sở đoản mà thái thủ được cả hai sở trường thì việc bình định thiên hạ cũng dễ và lẹ.

Nhưng Đại vương khinh người quá đỗi, không thu dụng được những kẻ sĩ tiết tháo.

Về phía Sở, vẫn có thể có mầm loạn; đám bầy tôi trung trực của Hạng Vương bất quá chỉ có mấy người, đại khái như Á Phụ, Chung Li Muội, Long Thụ, Chu Ân.

Nếu Đại vương chịu bỏ ra vài vạn cân vàng để thi hành kế phản gián, ly khai vua tôi họ với nhau, làm cho họ ngờ vực lẫn nhau, thì Hạng Vương vốn là người đa nghi và tin lời gièm pha, trong nội bộ họ tất sẽ xảy ra cái việc chém giết lẫn nhau.

Thừa dịp, Hán sẽ cất quân tấn công, và việc phá tan Sở là việc chắc chắn.

□

Hán Vương cho là phải, bỏ ra bốn vạn cân vàng, giao cho Trần Bình tùy ý sử dụng, muốn làm gì thì làm, không cần tính toán.

Tung vàng ra phản gián quân Sở rồi, Trần Bình công khai tuyên bố rằng những tướng lĩnh của Sở như bọn Chung Li Muội lập được nhiều công trạng mà vẫn không được chia đất, phong vương, cho nên họ muốn hợp lực với nhà Hán, diệt họ Hạng để được phong vương, cùng chia đất Sở.

Quả nhiên, Hạng vương sinh nghi, không tin bọn Chung Li Muội nữa.

Hạng Vương sai sứ sang Hán.

Hán Vương đãi sứ bằng cỗ thái lao.

Lúc tiếp kiến sứ giả, Hán Vương giả vờ kinh ngạc, nói:

– Ta ngỡ là sứ giả của Á Phụ (tức Phạm Tăng), hóa ra sứ giả của Hạng Vương.

Rồi cho bung mâm cỗ thái lao đi mà chỉ thết sứ giả của Sở một bữa cơm rau tồ tộ.

Sứ giả về báo cáo hết với Sở Vương.

Quả nhiên Sở Vương ngờ vực Á Phụ.

Á Phụ muốn tấn công, hạ gấp thành Vinh Dương, Hạng Vương không tin, không chịu nghe.

Biết bị Hạng Vương ngờ, Á Phụ giận nói:

– Việc thiên hạ êm đẹp lắm rồi, xin Đại Vương tự lo liệu lấy, cho phép năm xương tàn này được rút lui.

Á Phụ ra đi, chưa tới Bành Thành thì lên hậu bối, chết.

Trần Bình cho 2000 đàn bà con gái đang đêm theo cửa Đông thành Vinh Dương kéo ra. Quân Sở được dịp vây đánh.

Trần Bình bèn cùng Hán Vương đang đêm theo cửa Tây ra thoát thành Vinh Dương; vào Hàm Cốc thu thập tàn quân, Hán Vương lại tiến sang Đông.

Theo kỳ kế của Trần Bình, rốt cuộc Hán diệt xong Sở.

LẠM BÀN:

1. Tình hình của Hán, Lưu Bang, rất nguy ngập, bị bao vây, bị cắt đường vận lương, giảng hòa Sở lại không chịu. Nhưng Lưu Bang thoát hiểm, tranh được thiên hạ là nhờ kế của Trần Bình.

2. Trần Bình phân tích ưu khuyết về cá tính, sở trường sở đoản của Lưu Bang và Hạng Vũ, vừa phân tích về liên minh của hai bên, và đưa ra kế ly gián.

Một khuyết điểm nghiêm trọng nhất của Hạng Vũ là keo kiệt và đa nghi, đã làm cho Hạng Vũ mất Chung Li Muội và Phạm Tăng, bỏ lỡ cơ hội bắt Lưu Bang. Rơi vào thế thả hổ về rừng, thả rồng ra bể, dẫn đến bi kịch trận Cai Hạ.

3. Có người cho rằng Lưu Bang là tên vô lại, lưu manh, nhưng ưu điểm của Lưu Bang là biết nghe lời mưu sĩ, kể cả những lời nói thẳng về sở đoản và khuyết điểm của mình như lời Trần Bình.

Lưu Bang hơn người là biết kềm chế cá tính của mình. Ví dụ, khi nghe Hàn Tín không đem quân cứu viện còn đòi xưng Vương, Lưu Bang tức giận chửi toáng lên. Trần Bình đá nhẹ vào chân. Thế là Lưu Bang đổi giận làm vui phong Hàn Tín làm vua.

Sau khi lấy được thiên hạ lừa cơ hội bắt và lược Hàn Tín. Tín chỉ có việc than trời trách đất.

4. Kế này còn gọi là kế phản gián. Binh pháp chia ra nhiều loại: nhân gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián.

a. Nhân gián là dùng người bản xứ làm gián điệp.

b. Nội gián là mua chuộc quan chức nước đối phương cung cấp tình hình.

c. Phản gián thu phục gián điệp của địch để làm việc cho mình.

d. Tử gián là cố tạo nguồn tin, tiết lộ bí mật của mình cho địch biết. Khi địch phát hiện không phải là tin thật có thể giết kẻ đưa tin.

e. Sinh gián là lợi dụng một số người có thể tự do ra vào đất địch để nắm tin tức.

Trong mối liên kết của con người có nhiều hình thức vì nhân nghĩa, vì cùng mục đích, nhưng cũng không ít người liên kết với nhau vì quyền lợi.

Căn bản của thuật phản gián hoặc công bố nghi vấn là đánh vào lòng hám lợi của con người. Lợi lóa mắt sẽ quên hết nghĩa.

Bốn vạn cân vàng làm chia rẽ vua tôi của Hạng Vũ không phải là đắt, để sau này nuốt chửng cả đất của Sở Vương.

Trong lịch sử không ai coi thường và khinh bỉ lòng hám lợi, tham vàng của bọn mưu sĩ bằng Phạm Tuy, ông so sánh họ với đàn chó và miếng xương.

B. ĐÀN CHÓ VÀ MIÉNG XƯƠNG

Mưu sĩ các chư hầu tụ tập ở nước Triệu, bàn việc hợp tung muốn liên kết nhau để đánh nước Tần.

Vua Tần có ý sợ. Tướng Tần là Ứng Hầu Phạm nói:

– Đại vương hà tất phải lo, để thần đi làm tan rã bọn họ. Nước Tần không có oán thù gì với các mưu sĩ chư hầu. Họ tụ tập nhau để đối phó với Tần chẳng qua hòng kiếm chút vinh hoa phú quý mà thôi. Đại Vương có thấy đàn chó của Đại vương không?

Con nằm, con đứng, con ngồi im một chỗ, chúng không hề tranh giành nhau.

Nhưng nếu Đại Vương vắt miếng xương, chúng sẽ tranh giành, cắn xé nhau chí tử.

Thế là, vua Tần sai Đường Miêu dẫn đội nhạc đem theo 5000 lạng vàng, đóng quân ở Võ An ngày ngày đãi bọn mưu sĩ.

Đường Miêu chưa tiêu hết 3000 lạng vàng mưu sĩ các chư hầu đã cãi cọ tranh giành nhau, không còn ai bàn đến chuyện hợp tung đánh Tần.

Kẻ thứ hai : kẻ hỡ giữa hư và thực (Hư thực chi gian)

Hư thực chi gian tức là kẻ hỡ giữa hư và thực. Trong khoảnh khắc làm cho đối phương không phân biệt đâu là thực đâu là hư, đâm ra lúng túng, hoang mang.

Khi đối phương hoang mang, lúng túng thì bộc lộ yếu điểm, thừa cơ đánh vào yếu điểm thì địch thất bại.

Kẻ này dựa trên nguyên tắc vận động sinh diệt, hợp ly của vạn vật. Trong quá trình vận động thì sẽ sinh ra kẻ hỡ.

TÊN KHÔNG RỜI DÂY CUNG MÀ CHẾT NGƯỜI

Đấu Việt Tiêu và Dưỡng Do Cơ, hai người bắn cung rất giỏi, thách đấu ở bên bờ sông, mỗi người bắn ba phát, ai may thì sống ai chết thì chịu.

Đấu Việt Tiêu đứng ở nhịp cầu bên kia, giương cung bắn ngay một phát, tưởng rằng Dưỡng Do Cơ sẽ lộn cổ xuống sông mà chết. Không ngờ Dưỡng Do Cơ tay cầm đốc cung gạt cái, mũi tên rơi xuống sông.

Dưỡng Do Cơ lại quát to:

– Bắn nữa đi! Bắn nữa đi!

Đấu Việt Tiêu giương cung nhằm thẳng vào Dưỡng Do Cơ bắn luôn một phát nữa.

Dưỡng Do Cơ ngồi sụp xuống, mũi tên vút qua đầu bay thẳng.

Đấu Việt Tiêu nói:

– Nhà người nói tránh là không giỏi, sao còn ngồi sụp xuống, không phải là trượng phu!

Dưỡng Do Cơ nói:

– Quan lệnh doãn bắn một phát nữa, đến phát này thì tôi không dám tránh.

Đấu Việt Tiêu nghĩ thầm: Phát này chắc trúng.

Dưỡng Do Cơ đứng vững hai chân, không cựa quậy. Chờ mũi tên đến há mồm cắn chặt mũi tên.

Đấu Việt Tiêu bắn hết ba mũi tên không giết được Dưỡng Do Cơ nên rất sợ hãi, nhưng trót đã giao ước phải đứng chờ cho Dưỡng Do Cơ bắn trả.

Dưỡng Do Cơ giả cách giương cung bắn nhưng tay vẫn giữ nguyên lấy tên.

Đấu Việt Tiêu nghe tiếng dây cung nghiêng mình né tránh về phía trái.

Dưỡng Do Cơ lại giương cung, Đấu Việt Tiêu lại né tránh về phía phải.

Thừa cơ Đấu Việt Tiêu né tránh Dưỡng Do Cơ buông tên, mũi tên xuyên qua sọ.

Đấu Việt Tiêu chết tại trận.

LẠM BÀN:

1. Về nghề bắn tên bách phát bách trúng, chưa chắc Dưỡng Do Cơ đã hơn Đấu Việt Tiêu.

Đấu Việt Tiêu tổn hết ba mũi tên không hạ được Dưỡng Do Cơ vì Đấu Việt Tiêu chỉ y vào tài bắn, không áp dụng mưu kế.

Dưỡng Do Cơ vừa có nghề bắn tên vừa ứng dụng mưu kế thực hư, hư thực, thực thực, hư hư... làm cho đối phương hoang mang, lúng túng, không biết đâu mà né tránh.

Chỉ cần một mũi tên để kết liễu Đấu Việt Tiêu.

Mưu kế gắn liền với sở trường thì sức mạnh tăng lên gấp bội.

2. Mưu kế làm cho đối phương không phân biệt đâu là thật, đâu là giả quả là lợi hại. Khi đã không phân biệt được thực giả thì có kẻ hở, nhằm vào kẻ hở ấy mà đánh thì giành được thắng lợi. Ai trúng mũi tên độc hiểm này cũng phải chuộc lấy thất bại không chỉ một mình Đấu Việt Tiêu.

3. Dùng quân không thể không yểm trá, lừa dối, trong cuộc đấu sinh tử cũng không thể trách Dưỡng Do Cơ là không phải kẻ trượng phu. Đấu Việt Tiêu có tài năng nhưng không có mưu kế cũng phải chịu chết.

4. Con người có kẻ thích yên tĩnh, có kẻ thích hành động, có người hám danh, có kẻ hám lợi, có người chính trực, có kẻ xiêm ninh, có người thích nơi sáng láng, có kẻ thích u tối.

Muốn thắng đối phương phải biết yếu điểm của đối phương và đánh vào yếu điểm của đối phương.

Kẻ thứ ba: sắc đẹp phụ nữ như đao kiếm (Nữ sắc như đao)

Sắc đẹp của người phụ nữ nguy hiểm như đao kiếm, có thể giết chết người ta.

Kẻ này dựa vào nguyên tắc từ những vết nứt rạn. Mỗi ngày rạn nứt một chút, ngày qua ngày vết rạn lớn hơn, và cứ thế đến một lúc nào đó sẽ vỡ nát.

Con người có sự cố kết bên trong, có thể dùng sắc đẹp hoặc tiền tài để phá vỡ sự cố kết ấy.

A. NẾU LÀ VỢ NGƯỜI, NGƯỜI CÓ ĐEM CHO NGƯỜI KHÁC KHÔNG?

Vương Doãn quỳ xuống trước mặt Điều Thuyền nói:

– Hiện nay trăm họ như treo ngược, vua tôi ngất ngưỡng như trứng chồng, thật nguy cấp, phi con không ai cứu được.

Tặc thần Đồng Trác sắp cướp ngôi vua. Văn võ trong triều không ai nghĩ được kế gì.

Đồng Trác có một thằng con nuôi là Lã Bố, sức khỏe lạ thường. Ta xem hai đứa cùng là tuồng hiếu sắc.

Nay ta dùng một kế liên hoàn: Trước đem con gả cho Lã Bố, sau đem dâng cho Đồng Trác. Con ở trong, tùy cơ lập kế li gián hại bố con nó, xui khiến thế nào cho Lã Bố giết Đồng Trác để trừ kẻ đại ác, giữ yên xã tắc, dựng lại giang sơn. Đó là sức con, con nghĩ thế nào?

Thuyền thưa:

– Con xin thưa, dầu chết con cũng không từ. Xin đem ngay con dâng cho nó, con sẽ lập mưu ở trong.

Doãn nói:

– Việc này nếu tiết lộ họ nhà ta sẽ chết hết!

Thuyền thưa rằng:

– Xin cha chớ lo. Nếu con không báo đền được nghĩa lớn, con sẽ chết dưới muôn ngàn ngọn giáo.

Doãn lay tạ.

Hôm sau, Doãn sai người đem ngọc minh châu xưa nay vẫn cất kỹ một nơi, gọi thợ khéo làm một cỗ mũ vàng, mật sai người đem biếu Lã Bố.

Bố mừng rỡ, thân đến nhà Doãn tạ ơn.

Doãn làm sẵn của ngon vật lạ đợi Bố đến. Doãn ra đón rước vào hậu đường, mời ngồi lên trên.

Bố nói:

– Tôi là một tiểu tướng ở trong phủ, Tư Đồ là đại thần trong triều, sao lại quá tôn kính như vậy?

Doãn nói:

– Nay thiên hạ không có ai là anh hùng. Tôi chỉ thấy duy tướng quân mà thôi. Tôi tỏ lòng tôn kính không phải là tôn kính cái chức tước của tướng quân, mà là tôn kính cái tài của tướng quân đó.

Bố mừng lắm.

Doãn khẩn khoản mời rượu khen lấy khen để mãi cái đức của Đồng thái sư và cái tài Lã Bố.

Bố cười vang và uống rượu thỏa thích.

Bấy giờ Doãn mới đuôi đuôi tứ lui ra, chỉ để vài người tý thiếp đứng hầu rượu.

Khi Bố đã ngà ngà say, Doãn mới truyền rằng:

– Gọi con em nó ra đây!

Một lát hai thị tỳ diu Diêu Thuyền thật lộng lẫy bước ra. Lã Bố trông thấy giật mình hỏi:

– Người nào vậy?

Doãn nói:

– Đó là con gái nhỏ của lão, tên Diêu Thuyền. Lão nay được ơn tướng quân có lòng hạ cố mà coi như chỗ chí thân, nên lão sai nó ra để chào tướng quân.

Nói xong, liền sai Diêu Thuyền bưng chén rượu mời.

Thuyền nâng rượu mời Lã Bố.

Hai bên nhìn nhau đầu mày cuối mắt.

Vương Doãn giả say, nói:

– Con mời tướng quân uống vài chén con nhé! Cả nhà ta đều trông nhờ vào tướng quân đấy!

Bố mời Thuyền ngồi, Thuyền giả cách thẹn thùng, muốn lui vào.

Doãn nói:

– Tướng quân là bạn chí thân với ta, con cứ ngồi đừng ngại.

Thuyền khép nép, ngồi bên cạnh Doãn.

Lã Bố nhìn Thuyền chòng chọc, không chớp mắt, lại uống thêm vài vài chén.

Doãn mới trở tay vào Thuyền mà bảo Lã Bố rằng:

– Lão vẫn có ý cho nó hầu hạ tướng quân làm tỳ thiếp, chưa biết tướng quân có bụng hạ cố thương đến không?

Bố nghe nói vội vàng đứng dậy, ra ngoài chiếu, tạ mà nói rằng:

– Nếu được như thế, tôi xin một đời làm khuyển mã để báo đáp ơn sâu.

Doãn nói:

– Nay mai xin chọn ngày lành tháng tốt, đưa nó đến phủ tướng quân.

Lã Bố mừng hớn hở, đưa mắt nhìn Điêu Thuyền.

Điêu Thuyền cũng liếc mắt đưa tình đáp lại.

Một chốc tiệc tan, Doãn nói:

– Lão phu muốn mời tướng quân nghỉ lại đây chơi, nhưng sợ thái sư sinh nghi.

Bố hai ba lần tạ đi tạ lại, rồi lui về.

Được vài hôm, Vương Doãn ở trong triều gặp Đồng Trác, nhân không có Lã Bố ở đây bèn thụp xuống đất lạy, nói rằng:

– Tôi muốn rước Thái sư quá bước lại nhà tôi xơi chén rượu, nhưng không biết Thái sư có lòng hạ cố chăng?

Trác nói:

– Được quan Tư Đồ mời, tôi xin đến ngay.

Doãn lạy tạ, về nhà trang hoàng nhà cửa lịch sự, bày đủ các sơn hào hải vị; giữa gian sảnh, kê một cái sập; gấm, vóc rải cả xuống đất; trong ngoài trướng rủ màn che.

Buổi trưa hôm sau, Đồng Trác đến. Doãn mặc áo đại bào ra đón, lạy hai lạy rồi mới vào.

Trác xuống xe, tả hữu hơn một trăm người vác kích đi thẳng vào nhà, đứng xếp thành hai hàng.

Doãn xuống dưới thềm lạy hai lạy. Trác sai người dắt Doãn lên ngồi bên cạnh.

Doãn nói:

– Công đức Thái sư to lắm! Y Doãn, Chu Công ngày xưa cũng không bằng!

Trác mừng lắm. Doãn sai tấu nhạc và dâng rượu, rất là cung kính.

Đến chiều, Trác uống rượu đã say, Doãn mời Trác vào nhà trong.

Trác quát giáp sĩ lui ra. Doãn bưng một chén rượu, mừng Trác rằng:

– Chúng tôi thuở nhỏ có học thiên văn, đêm xem tượng trời, thấy khí số nhà Hán đã hết. Thái sư công đức đã vang lừng cả thiên hạ.

Ngày xưa, vua Thuấn nối ngôi Nghiêu, vua Vũ nối ngôi cho vua Thuấn.

Thế là hợp lòng trời và lòng người lắm.

Trác nói:

– Ta có đâu dám mong như thế!

Doãn nói:

– Xưa nay người có đạo thay người vô đạo, người không có đức nhường người có đức, có gì là không đúng.

Trác cười và nói rằng:

– Nếu mệnh trời về ta, Tư Đồ phải làm nguyên huân.

Doãn lạy tạ.

Bấy giờ đèn nến đốt sáng choang, chỉ có mấy đĩa hàu gái đứng hàu rượu và dâng thức ăn.

Doãn nói:

– Phường nhạc không đáng đem ra cung phụng Thái sư. Nay có một con hát của nhà, xin Thái sư cho phép được gọi ra hầu.

Trác nói:

– Hay lắm !

Doãn mới sai kéo bức màn ra, đàn sáo vang lừng, Điêu Thuyền đứng ở ngoài màn lượn múa dịu dàng, ở ngoài trông vào thực là ngoạn mục.

Điêu Thuyền múa xong, Trác gọi lại gần.

Điêu Thuyền ở ngoài thêm đi vào, lạy hai lạy.

Trác thấy Điêu Thuyền dung nhan xinh đẹp bèn hỏi Doãn:

– Con bé này là thế nào?

Vương Doãn thưa:

– Bẩm, nó là con hát ở phủ, tên là Điêu Thuyền.

Trác hỏi:

– Biết hát không?

Doãn sai Điêu Thuyền gõ nhịp hát một bài.

Đồng Trác khen nức nở.

Doãn sai Thuyền dâng rượu. Trác hỏi:

– Xuân xanh năm nay bao nhiêu?

Thuyền thưa:

– Tuổi tiện thiếp vừa đôi tám.

Trác cười nói rằng:

– Thật là người chốn thần tiên.

Doãn đứng dậy thưa rằng:

– Chúng tôi có ý muốn đem dâng lên Thái sư, không biết Thái sư có nhận cho không?

Đồng Trác nói:

– Ôn ấy ta biết lấy gì báo lại.

Doãn nói:

– Nếu nó được hầu hạ Thái sư thì thực phúc to cho tôi lắm.

Trác cảm ơn hai ba lần. Doãn lập tức sai đưa Điêu Thuyền đến tướng phủ.

Trác đứng dậy cáo từ. Doãn đi tiễn Trác đến tận phủ rồi mới về.

□

Doãn cười ngựa về đến nửa đường, trông thấy hai bên đường có đèn đỏ, ở giữa là Lã Bố, cười ngựa cầm kích đi lại. Lúc Vương Doãn đến. Bố dừng ngựa, một tay lấy áo Vương Doãn rồi hỏi to rằng:

–Tur Đồ đã gả Điêu Thuyền cho ta, nay lại đem Điêu Thuyền dâng cho Thái sư, sao lại đùa như thế?

Doãn vội vàng ngăn Lã Bố lại, nói rằng:

– Nói chuyện ở đây không tiện, xin ngài hãy quá bước lại nhà lão phu.

Bố theo Doãn về. Hai người dắt nhau vào nhà trong.

Chào hỏi xong Doãn nói:

– Sao tướng quân lại trách lão?

Bố nói:

– Có người nói với ta rằng Tur Đồ dùng xe đưa Điêu Thuyền vào tận tướng phủ, là có làm sao?

Doãn thưa:

– Rõ khở, tướng quân không biết! Hôm qua ở triều, Thái sư bảo tôi rằng: "Ta có một việc phải đến nhà ngươi".

Vậy tôi có sửa soạn tiệc nhỏ đón tiếp.

Trong khi uống rượu, thái sư hỏi: "Ta nghe người có con gái tên là Điêu Thuyền, đã gả cho con ta là Lã Phụng Tiên. Có thực không? Đem con lão ra đây cho ta coi!"

Tôi không dám không vâng lệnh, phải gọi Điêu Thuyền ra lạy bố chồng, Thái sư lại truyền rằng: "Hôm nay tốt ngày, để ta đem Điêu Thuyền về cho Phụng Tiên."

Tướng quân nghĩ xem thái sư thân hành đến nơi truyền bảo, lão phu sao dám cản trở!

Lã Bố nói:

– Quan tư đồ không có lỗi gì, tôi trót nghĩ lầm. Ngày mai tôi xin mang roi đến chịu tội.

Doãn lại nói:

– Con tôi có ít nữ trang. Khi nào nó về phủ tướng quân, tôi sẽ mang đến.

Lã Bố tạ rồi về.

Sáng hôm sau, Bố về nhà nghe ngóng, chẳng thấy tin tức gì bèn sang tướng phủ vào thẳng nhà trong hỏi tin những người hầu.

Một người thưa:

– Đêm qua Thái sư cùng nghỉ với người hầu mới, bây giờ chưa dậy.

Bố giận lắm, lên vào sau buồng nằm của Đồng Trác để dò xem.

Bấy giờ Diêu Thuyền đã dậy rồi đang ngồi trong cửa sổ chải đầu, chợt trông xuống ao trước cửa sổ thấy bóng người cao lớn, đầu đội mũ bịt tóc, biết ngay là Lã Bố, Diêu Thuyền cố ý chau mày làm ra dáng buồn bã, tay cầm khăn, thi thoảng nâng lên lau nước mắt.

Lã Bố đứng nhìn hồi lâu rồi trở ra, một lát lại vào.

Đồng Trác ngồi ở trung đường, thấy Bố đến, hỏi rằng:

– Ở ngoài có việc gì chứ?

Bố thưa:

– Không!

Rồi đứng hầu một bên. Trác ăn cơm. Bố liếc mắt dòm trộm. Thấy trong rèm có người con gái đi đi lại lại hơi thò nửa mặt ngoảnh ra ngoài liếc mắt đưa tình. Bố biết là Diêu Thuyền tâm thần mê mẩn.

Trác nhìn thấy dáng điệu của Bố như vậy trong lòng nghi hoặc liền bảo rằng:

– Phụng Tiên không có việc gì hãy lui ra!

Lã Bố bực bỏ ra.

Trác từ khi được Điêu Thuyền hơn một tháng trời không coi gì đến việc quan.

Một bữa, Trác hơi khó ở, Điêu Thuyền hết lòng hầu hạ, mặc áo không lúc nào cởi đai, cố ý chiều chuộng. Trác lại càng yêu quý hơn nữa.

Một hôm, Lã Bố vào thăm gặp lúc Đồng Trác đang ngủ, Điêu Thuyền đứng ở sau giường thò nửa người ra, trông thấy Bố, lấy tay trở vào tim mình rồi lại trở vào Đồng Trác và luôn luôn gạt nước mắt.

Bố cảm thấy ruột như nát ra thành từng mảnh.

Trác nằm, hai mắt lim dim, thấy Lã Bố nhìn chòng chọc về phía sau chỗ mình nằm, quay lại thì thấy Điêu Thuyền đứng ở sau giường. Trác nổi giận mắng

Bố rằng:

– Mày dám ghẹo vợ yêu của tao à?

Bèn sai tả hữu đuổi Lã Bố ra và từ nay cấm vào nhà trong.

Lã Bố tức giận trở về, đi đường gặp Lí Nho, kể lại đầu đuôi.

Nho lập tức vào ra mắt Đồng Trác, nói rằng:

– Thái sư muốn lấy thiên hạ, sao lại vì một việc nhỏ mọn mà trách mắng Lã Ôn Hầu. Nếu y thay lòng đổi dạ, việc lớn hỏng mất.

Trác hỏi:

– Bây giờ nên làm thế nào?

Nho nói:

– Sớm mai gọi y vào, cho vàng lụa, dùng lời ngọt ngào an ủi y thì sẽ không có việc gì xảy ra nữa.

Trác nghe lời, hôm sau cho gọi Lã Bố vào nhà trong bảo rằng:

– Hôm qua trong cơn đau yếu, tinh thần hoảng hốt ta có nói mấy câu, nhà ngươi đừng để bụng.

Nói rồi, sai đưa cho Lã Bố mười cân vàng và hai mươi tấm gấm.

Bố lạy tạ rồi ra về, nhưng từ lúc ấy tuy đứng hầu ở bên đông Trác, mà ruột gan lúc nào cũng vờ vẩn xung quanh Điêu Thuyền.

Khi Trác đã khỏi bệnh, vào triều bàn việc, Bố vẫn cầm kích đi theo.

Một bữa, Trác đang ngồi bàn việc với vua Hiến Đế, Bố vác kích lên ra cửa sau, lên ngựa chạy đến tướng phủ, buộc ngựa ở cửa phủ, cầm kích vào thẳng hậu đường để tìm Điêu Thuyền.

Thuyền bảo:

– Hãy ra vườn sau bên đình Phượng Nghi đợi thiếp !

Bố vác kích đi trước, đứng bên bao lơn ở dưới đình chờ một hồi lâu, thấy Điêu Thuyền rẽ hoa gặt liễu đi đến, chẳng khác gì tiên trên cung trăng.

Thuyền sụt sùi khóc bảo Bố rằng:

– Tiệp thiếp tuy không phải Vương tư đồ sinh ra, nhưng tư đồ coi thiếp như con đẻ.

Từ khi gặp tướng quân được nhận cho làm kẻ nâng khăn sửa túi thiếp đã lấy làm mãn nguyện lắm.

Ngờ đâu thái sư đem lòng bất lương, làm ô nhục thiếp, thiếp giận không chết ngay được, chỉ vì chưa gặp được tướng quân để từ giã lần cuối cùng, cho nên còn nhịn nhục sống đến bây giờ.

Nay mai được gặp nhau, thế là hả rồi.

Tấm thân nhơ nhuốc này không xứng đáng thờ người anh hùng, thiếp xin chết ở trước mặt chàng để tỏ rõ tấm lòng thiếp !

Điêu Thuyền nói xong, tay vịn bao lơn, mắt nhìn ra ao sen, định nhảy xuống.

Lã Bố vội vàng ôm ngay lấy Điêu Thuyền, khóc nói rằng:

– Lòng nàng tôi biết đã lâu, chỉ hiềm chưa được nói với nhau đây thôi!

Điêu Thuyền gạt tay Lã Bố ra, nói rằng:

– Kiếp này thiếp không được làm vợ chàng, xin hẹn để kiếp sau!

Lã Bố nói:

– Nếu kiếp này không lấy được nàng, tôi không phải là người anh hùng nữa.

Điêu Thuyền nói:

– Thiếp coi một ngày dài bằng một năm, xin chàng thương mà cứu vớt.

Bố nói:

– Tôi lên đến đây, sợ thằng giặc già nó nghi, tôi phải đi ngay.

Thuyền lôi vạt áo Lã Bố lại nói rằng:

– Chàng còn sợ thằng giặc già như thế, thiếp này không còn mong ngày nào được trông thấy trời và đất nữa!

Bố dừng lại nói rằng:

– Đừng vội vàng, để tôi nghĩ cách đã.

Nói rồi vác kích định đi ra.

Điêu Thuyền nín lại nói rằng:

– Khi tôi ở chôn buông the đã được nghe tiếng tướng quân, lòng danh như sấm rớt vào tai, tưởng rằng ở đời này chỉ có một người như thế chứ không có hai.

Ai ngờ tướng quân lại chịu dưới quyền áp chế của người khác ?

Nói rồi, nước mắt chảy xuống như mưa.

Lã Bố then đỏ cả mặt, dựa kích một chỗ, quay lại ôm lấy Điêu Thuyền, dỗ dành an ủi.

Hai người quần quýt không nỡ buông nhau ra.

Đồng Trác ở trên điện, bỗng ngoảnh lại không thấy Lã Bố trong bụng nghi ngay, vội vàng xin cáo từ lên xe về phủ.

Thấy ngựa của Bố buộc trước sử phủ.

Trác bèn hỏi lính canh cửa. Lính canh nói:

– Ôn Hầu vào nhà sau.

Trác mắng quân canh cửa, đi thẳng ngay vào hậu đường, không thấy Lã Bố, Trác gọi Điêu Thuyền cũng không thấy thừa.

Trác hỏi người hầu gái. Người hầu gái thưa:

– Điêu Thuyền ở trong vườn sau ngắm hoa.

Trác vào vườn sau tìm, thấy Lã Bố và Điêu Thuyền đang nói chuyện với nhau ở bên đình Phượng Nghi, hoạ kích dựng một bên.

Trác giận quát to một tiếng.

Bố thấy Trác đến, cả sợ, quay đầu chạy.

Trác vớ ngay lấy ngọn hoa kích đuổi theo. Bố chạy nhanh, Trác béo phục phịch, đuổi không kịp, bèn cầm kích ném theo Lã Bố. Bố gạt rơi xuống đất.

Trác nhặt kích lại đuổi, nhưng Bố đã chạy xa, Trác đuổi ra tận cửa vườn, thì một người xăm xăm chạy đến, đâm sầm ngay vào Đổng Trác. Trác ngã quay xuống đất.

Người đi va vào Đổng Trác, tức là Lí Nho.

Nho thấy Trác ngã, vội vàng đỡ Trác đứng dậy, dìu vào ngồi trong thư viện.

Trác hỏi Lí Nho:

– Người đến đây làm gì ?

Lí Nho thưa:

– Tôi chợt qua cửa phủ, thấy nói thái sư giận đi vào vườn sau tìm Lã Bố, tôi vội vàng chạy vào, thì gặp Lã Bố chạy ra, kêu lên rằng: "Thái sư giết ta". Bởi thế tôi hấp tấp vào đây để can ngăn Thái sư, chẳng may chạm phải thái sư, thật đáng tội chết !

Trác nói:

– Không thể tha được thằng nghịch tặc đây! Nó dám đùa bỡn ái cơ của ta.

Thế nào ta cũng giết chết nó mới nghe.

Lí Nho can rằng:

– Thái sư không nghĩ cho chín; ngày xưa vua Trang Vương nước Sở, trong bữa tiệc "dứt dải mũ" đã tha tội cho Trương Hùng đã đùa bỡn với người vợ yêu, đến sau bị binh nhà Tần làm khốn, được Trương Hùng cố sức liều chết thoát được.

Nay Điêu Thuyền chẳng qua là một đứa con gái mà Lã Bố là một mãnh tướng tâm phúc của thái sư, nếu thái sư nhân dịp này đem Điêu Thuyền cho Bố, chắc Bố cảm ơn lắm lấy chết báo lại. Thái sư nên suy đi nghĩ lại.

Trác nghĩ ngợi hồi lâu nói rằng:

– Người nói cũng phải, để ta nghĩ kĩ xem.

Lí Nho từ tạ rồi ra.

Trác vào ngay hậu đường gọi Điêu Thuyền ra hỏi rằng:

– Sao mày tư tình với Lã Bố?

Điêu Thuyền khóc thưa rằng:

– Thiếp đang đứng xem hoa, bỗng Lã Bố đột ngột ở đâu đến. Thiếp vội vàng toan tránh ra. Bố nói: "tôi là con thái sư, việc gì phải tránh" Rồi y cầm kích ép thiếp đến đình Phượng Nghi.

Thiếp thấy y có lòng bất lương, sợ xâm phạm tới mình thiếp, định đâm đầu xuống ao sen tự vẫn, nhưng lại bị y ôm chặt lấy. Đang lúc giằng co không biết sống chết thế nào, may có Thái sư chạy lại cứu được tính mệnh.

Trác lại hỏi:

– Nay ta đem mày gả cho nó, mày có thuận không?

Điêu Thuyền giật mình, khóc rằng:

– Thiếp đã được vào hầu quý nhân, nay lại đem gả cho thằng ở, thiếp thà chết chứ không chịu được nhục này!

Bèn rút ngay thanh bảo kiếm treo ở vách, toan tự vẫn.

Trác vội vàng giành lấy thanh gươm, ôm chặt lấy Điêu Thuyền và nói rằng:

– Ta nói bốn đây mà!

Thuyền nằm ngả vào lòng Trác bùng mặt khóc rằng:

– Đây hẳn là mẹo của Lí Nho, Nho với Bố hai đứa là bạn thân với nhau, nên nho mới bày ra mẹo này, không kể gì đến thể diện của thái sư và tính

mệnh của tiện thiếp, thiếp phải xả thịt chúng nó ra.

Trác nói:

– Sao ta nỡ bỏ nàng.

Điêu Thuyền lại nói:

– Thái sư đâu có lòng thương yêu, cũng không nên ở đây lâu, sợ bị Lã Bố hãm hại.

Trác đỡ dành Điêu Thuyền rồi nói rằng:

– Ngày mai chúng ta về Mi Ổ, cùng hưởng sung sướng, đừng lo gì nữa.

Lúc ấy, Thuyền mới lau nước mắt lạy tạ.

Hôm sau, Lí Nho vào ra mắt, nói rằng:

– Hôm nay tốt ngày thái sư nên đem Điêu Thuyền gả cho Lã Bố.

Trác nói:

– Chuyện ấy ta đã nghĩ rồi, Lã Bố với ta là quan hệ cha con, làm thế không tiện.

Ta tha tội cho Bố, người nên truyền đạt cho Bố biết ý ta và tìm lời an ủi Bố, thế là được rồi!

Nho nói:

– Thái sư đừng bị mê hoặc vì một người đàn bà.

Trác nổi giận đỏ mặt mắng rằng:

– Thế thì vợ mày, mày có đem cho nó không ? Việc Điêu Thuyền cấm được nói động đến nữa, còn nói tao sẽ chém đầu.

Lí Nho trở ra, ngẩng mặt lên trời than rằng:

– Lũ chúng ta chết cả về tay người đàn bà!

Ngày hôm ấy Đông Trác hạ lệnh về Mi Ổ, trăm quan đều đi tống tiễn.

Diêu Thuyền ngồi ở trong xe, xa trông thấy Lã Bố đứng ở trong đám đông người, mắt nhìn vào trong xe. Thuyền giả cách che mặt ra dáng đau khổ, bi thảm.

Xe đã đi xa. Lã Bố còn cầm cương ngựa đứng trên gò đất, nhìn đám bụi mù than tiếc bực dọc.

Chợt nghe sau lưng có người hỏi rằng:

– Ôn hầu sao không theo thái sư đi, lại đứng đây nhìn xe mà than thở?

Bố quay đầu lại xem ai, thì ra là Tư Đồ Vương Doãn.

Chào hỏi xong, Doãn nói:

–Tôi mấy bữa nay, hơi khó ở, không đi đâu, cho nên chưa gặp tướng quân. Bữa nay thái sư về Mi Ổ, nên tôi phải gượng ra tiễn, may sao lại gặp tướng quân.

Xin hỏi tướng quân làm sao lại đứng đây thở than ?

Bố nói:

– Chỉ vì con gái ông đây !

Doãn giả cách thất kinh hỏi rằng:

– Từ hôm đấy đến nay con tôi vẫn chưa về với tướng quân à ?

Bố nói:

– Thành giặc già ấy lấy làm thiếp của nó đã lâu rồi !

Doãn lại giả cách thất kinh:

– Không ngờ lại như thế !

Bố bèn đem chuyện kể lại đầu đuôi cho Vương Doãn nghe.

Vương Doãn mặt ngửa lên trời, chằm dằm xuống đất, thù người ra không nói gì.

Mãi hồi lâu, Doãn mới nói rằng:

– Không ngờ thái sư lại làm cái việc cầm thú ấy.

Rồi kéo tay Lã Bố, nói rằng:

– Xin tướng quân hãy đến nhà tôi nói chuyện.

Bố theo Doãn về, Doãn mời Bố vào nhà trong kín đáo, sai làm rượu khoản đãi.

Bố lại đem việc gặp Diêu Thuyền ở đình Phượng Nghi kể hết đầu đuôi cho Doãn Nghe.

Doãn nói:

– Thái sư làm nhục con gái tôi, cướp vợ tướng quân. Thiên hạ người ta sẽ chê cười cho, nhưng người ta không chê cười Thái sư đâu mà chỉ chê cười tướng quân và tôi thôi.

Tôi già yếu chẳng kể làm gì, chỉ tiếc thay tướng quân là bậc anh hùng tiếng tăm lừng lẫy một đời, mà phải chịu cái nhục này.

Bố nghe nói, cơn giận Bốc lên bùng bùng, nắm tay dấm xuống bàn, kêu một tiếng thật to.

Doãn vội vàng nói rằng:

– Lão trót lỡ lời! Xin tướng quân nguôi giận !

Bố nói:

– Ta thề giết chết thằng giặc già ấy để rửa nhục!

Doãn vội vàng lấy tay bưng miệng Bố can rằng:

-Tướng quân chớ nói, nhớ ra có liên lụy đến lão.

Bố nói:

– Đại trượng phu sinh ra trong trời đất, lẽ nào cứ ngậm ngùi chịu làm tôi tớ người khác mãi ru!

Doãn nói thêm một câu rằng:

– Tài như tướng quân thì thái sư làm sao có thể kìm hãm được.

Bố lại nói:

– Tôi muốn giết thằng giặc già ấy, nhưng lại ngại rằng còn vương tình cha con, sợ người sau chê cười chẳng?

Doãn tủm tỉm cười nói rằng:

– Tướng quân họ Lã, mà thái sư thì họ Đông, thử hỏi lúc thái sư cầm kích lao tướng quân ở đình Phượng Nghi, liệu có còn tình cha con không?

Bố hăng hái đứng lên nói rằng:

– Nếu tư đồ không dạy tôi câu ấy, suýt nữa tôi làm.

Doãn thấy Lã Bố quyết tâm giết Trác bèn bảo Bố rằng?

– Giúp nhà Hán, tướng quân mới là trung thần để tiếng trong sử xanh mãi mãi. Nếu tướng quân giúp Đông Trác thì là phản thần, sẽ để tiếng xấu muôn đời.

Bố đứng dậy lạy Vương Doãn nói rằng:

– Ý tôi đã quyết rồi. Tư đồ không nên nghĩ nữa.

Doãn nói:

– Tôi sợ việc không xong thì vạ to. Bố liền rút con dao đeo ở mình, đâm một nhát vào cánh tay, chảy máu ra để thề.

Doãn quỳ xuống lạy tạ, nói rằng:

– Hương hoả nhà Hán, nay không đến nỗi mất, đều là ơn tướng quân giữ kín, đừng để tiết lộ ra. Khi nào việc đến nơi tôi sẽ có mưu kế. Lúc đó tôi sẽ xin báo cho tướng quân biết.

Bố khẳng khái nhận lời rồi trở ra.

Doãn lập tức mời quan bộc xạ là Sĩ Tôn Thụy, quan tư lệnh hiệu úy là Hoàng Uyển đến để bàn việc ấy.

Thụy nói:

– Nay vua mệt mới khỏi, nên sai một người nói khéo đến Mi Ổ mời Trác vào đây để bàn việc nước. Một mặt lấy mật chiếu cầu thiên tử trao cho Lã Bố, sai phục quân trong cửa triều, đợi Trác vào đến nơi sẽ giết đi. Chúc ấy là hơn cả.

Uyển nói:

– Nhưng có ai dám đi mời không?

Thụy nói:

– Có quan kị đô úy Lí Túc là người cùng quận với Lã Bố, vì Trác không thăng chức cho, vẫn mang bụng oán tức, ta sai người ấy đi chắc Trác không nghi ngờ.

Doãn cho là phải bèn mời Lã Bố đến bàn bạc.

Bố nói:

– Ngày xưa, xui ta giết Đình Nguyên cũng là người ấy.

Nay hễ sai mà không đi, ta chém ngay trước.

Các quan mật sai mời Lí Túc đến.

Bố bảo Túc:

– Xưa ông xui tôi giết Định Kiến Dương để về với Đồng Trác. Nay Đồng Trác trên đối thiên tử, dưới hại sinh linh, tội ác nhiều, cả người và thần đều giận.

Vậy ông hãy mang chiếu thiên tử, triệu Trác vào châu, rồi ta phục binh giết nó đi, cố giúp nhà Hán, cùng làm trung thần nghĩa sĩ, ông tính thế nào?

Túc nói:

– Tôi cũng muốn trừ thằng giặc ấy đã lâu, hiềm vì chưa gặp ai cùng lòng.

Nay tướng quân đã có bụng ấy, là trời giúp tôi đó. Tôi sao dám hai lòng?

Nói đoạn Túc bẻ một cái tên ra thề.

Doãn nói:

– Ông làm nổi việc này, lo gì chẳng được quyền cao chức trọng.

Hôm sau Túc dẫn vài mươi tên kỵ mã đến Mi Ổ, sai người báo tin, Lí Túc vào lạy, Trác nói:

– Thiên tử có chiếu gì ?

Túc thưa:

– Thiên tử vừa một khối, muốn hội văn vũ ở cung Vị Ương để bàn nhường ngôi cho Thái sư, nên sai tôi cầm chiếu này đến đây.

Trác hỏi:

– Ý Vương Doãn thế nào?

Túc thưa:

– Vương tư đồ đã sai người đắp đèn thụ thiên, chỉ mong đợi thái sư về.

Trác mừng rỡ nói rằng:

– Thảo nào đêm qua ta nằm mộng thấy một con rồng quấn vào mình.

Hôm nay, quả nhiên có tin mừng. Dịp này không nên bỏ lỡ.

Bèn sai bốn tướng tâm phúc là Lí Thôi, Quách Dĩ, Trương Tế, Phàn Trù lĩnh ba nghìn quân phi hùng giữ Mi Ổ rồi ngay hôm ấy sắp xe về kinh.

Trác ngoảnh lại bảo Lí Túc:

– Hễ ta làm vua thì cho ngươi làm chức chấp kim ngô.

Túc lạy tạ xưng thần.

Trác lên xe về Trường An, quân sĩ đi tiễn tiễn hô hậu ủng.

Khi Đồng Trác đến Trường An, trăm quan đều ra đón rước, duy có Lí Nho cáo bệnh ở nhà không ra đón.

Trác đến tướng phủ, Lã Bố vào mừng.

Trác nói:

– Hễ ta làm vua, Phụng tiên sẽ thống lĩnh cả binh mã trong thiên hạ.

Bố lạy tạ rồi nghỉ ngay ở dưới trướng.

Đêm hôm ấy, có một lũ trẻ đi ngoài đường hát rong gió đưa tiếng vào tận màn.

Tiếng hát nghe thực ai oán.

Trác nghe thấy mới hỏi Lí Túc:

– Trẻ hát như thế, hay dở thế nào?

Túc thưa:

– Thế nghĩa là họ Lưu sắp mất, họ Đồng sắp lên.

Mờ mờ sáng hôm sau Trác sai bày nghi vệ, rồi bắt kẻ hầu người hạ, đi theo vào trong triều.

Bỗng thấy một đạo nhân áo xanh, khăn trắng, tay cầm một cái sào dài trên buộc mảnh vải dài một trượng, hai đầu viết hai chữ khẩu.

Trác lại hỏi Lí Túc:

– Người ấy làm như thế là ý thế nào ?

Túc nói:

– Nó là một thằng rồ.

Rồi bảo tướng sĩ cứ việc đẩy xe đi.

Lúc vào đến triều, các quan đều mặc áo chào, đứng đón cả hai bên đường.

Lí Túc cầm thanh bảo kiếm, vịn xe Đồng Trác đẩy đi.

Đến cửa bắc dịch, Quân sĩ đều bị ngăn cả lại ở ngoài cửa, chỉ có hai mươi người được đẩy xe đi vào.

Trác vào khỏi cửa, thấy bộ Vương Doãn đều cầm gươm đứng ở cửa điện, sợ hỏi Lí Túc:

– Họ cầm gươm là ý gì ?

Lí Túc không trả lời, cứ việc đẩy xe thẳng vào.

Vương Doãn bây giờ mới thét to lên rằng:

– Phản tặc đã đến đây, võ sĩ đâu ?

Hai bên hơn một trăm võ sĩ kéo ra, người cầm gươm kẻ vác đao cùng đổ xô lại đâm Đồng Trác.

Trác mặc áo giáp ở trong, giáo đâm không thủng, chỉ bị thương ở tay, ngã xuống xe, Trác gọi to lên rằng:

– Con ta Phụng Tiên đâu ?

Lã Bố đứng đằng sau, nghe thấy gọi đến tên, bèn thét lên một tiếng rồi chạy ra nói rằng:

– Nay ta vâng chiếu vua giết thẳng giặc này!

Một ngọn kích đâm trúng ngay cổ họng Đồng Trác.

Lí Túc liền cắt đầu Trác, lấy tay xách lên.

LẠM BÀN:

1. Phương Tây có câu: "Lấy lửa thử vàng, lấy vàng thử đàn bà và lấy đàn bà thử đàn ông".

Một tiểu thuyết gia phương đông cho rằng: Đàn ông là đất, đàn bà là nước. Đất gặp nước tất nhão ra. Lại có câu: Anh hùng cũng khó qua ả mỹ nhân. Những câu trên đều nói đến sức mạnh quyến rũ của người phụ nữ.

Những chính trị gia thương lợi dụng sắc đẹp của người phụ nữ để mê hoặc đối phương, gọi là mỹ nhân kế. Kế này thường được phối hợp với các kế khác như phản gián, mua chuộc... nên còn gọi là liên hoàn kế.

Liên hoàn kế tái diễn nhiều lần trong lịch sử: Câu Tiễn dâng Tây Thi cho Ngô Phù Sai. Hoàng hậu của Thái Tông, nhà Thanh dùng mỹ nhân kế thu phục Hồng Thừa Trù là một người cương trực tài sĩ của nhà Minh... nhưng câu chuyện có nhiều tình tiết và nhiều kịch tính vẫn là đoạn trích trên.

2. Người ta thường nói người ngoài cuộc là người sáng suốt, người trong cuộc thường tối tăm. Lã Bố, Đồng Trác là người trong cuộc đã bị Điều Thuyền mê hoặc. Hai người càng ngày càng lọt sâu vào kế liên hoàn của Vương Doãn.

Lí Nho là người ngoài cuộc, đã can ngăn Đồng Trác, bị Trác hỏi dồn một câu chết người, cứng họng: "Thế thì vợ mày, mày có đem cho nó không ?"

Lí Nho chỉ có việc than trời: "Lũ chúng ta chết cả về tay người đàn bà!"

Than thì than, biết chết cũng không tránh khỏi.

Câu Tiễn chịu nhục cúi đầu ném phân thử bệnh cho Phù Sai. Ngũ Viên can gián cho rằng, Câu Tiễn cúi đầu ném phân cho kẻ thù thì cũng có thể ngẩng đầu ăn gan kẻ thù được.

Phù sai trách, hỏi Ngũ Viên: Người có thể ném phân đoán bệnh cho ta được không?

Ngũ Viên không trả lời được.

Những câu hỏi như Đồng Trác, Ngô Phù sai dồn thuộc hạ của mình vào chỗ bí, tưởng như lí sự của mình là đúng, đòn trí tuệ cao siêu. Nhưng thực ra là những câu tự huỷ mình, câu hỏi mất người trung thành dẫn đến mất quyền, mất nước, mất mạng.

3. Mối quan hệ giữa Đồng Trác với Lã Bố gọi là cha con nhưng thực chất dựa trên quyền lực và quyền lợi. Đồng Trác dựa vào sức mạnh của Lã Bố. Lã Bố dựa vào quyền lực của Đồng Trác.

Điêu Thuyền chen vào giữa mối quan hệ này làm cho tình cha con sút mẻ, sự kết hợp giữa quyền lực và sức mạnh ngày càng rạn nứt và cuối cùng thì tan rã.

B. SỨC MẠNH CỦA ĐÀN NGỰA CÁI

Thời chiến quốc, tướng nước Triệu là Lí Mục trấn ở Nhậm Môn Quan để đánh Hung nô. Thế trận dang dài.

Hàng ngày quân Hung nô lừa ngựa ra sông tắm.

Lí Mục thấy vậy, nghĩ ra một kế, đem tất cả ngựa cái buộc ở bên này sông. Nghe tiếng ngựa cái hí đàn ngựa của quân Hung Nô bỏ chạy rào rào qua sông. Lí Mục cho lừa ngựa cái vào thành.

Quân Hung Nô mất ngựa rất tức giận vượt sông đánh Lí Mục.

Lí Mục cho phục binh đánh tan tác quân Hung Nô.

Kể thứ tư:BIẾT TRƯỚC THỜI THẾ (Kiến ngự tri trước)

Kiến ngự tri trước là dự đoán thời thế, suy việc lợi hại, quyền biến.

Nguyên tắc của kiến này là dựa vào sự hợp li, quy luật tự nhiên của vạn vật. Sự li hợp người bình thường có thể gần mà không thấy xa mà không biết. Chỉ người nhìn xa trông rộng, lo xa, mới thấy và biết được.

Trong đấu tranh phải thấy được thế, lực của ta và địch. Ta yếu thì hoà hoãn, làm cho mình mạnh lên và chờ cho địch suy yếu.

Là lặng lẽ hành động khi chưa ai chú ý và nhìn thấy nhưng khi thời cơ chín muồi là lập tức hành động làm nên chuyện lớn.

ĐỜI THỜI CƠ CHÍN MUÔI

Thái Công nói với Võ Vương:

—Trước kia, nhà Thương còn mạnh, lão thần từng nói với Văn Vương (cha của Võ Vương): Một vị minh quân trước lo tu dưỡng đạo đức, phải chiêu hiền đãi sĩ, phải thi ân với nhân dân, làm cho đất nước cường thịnh.

Mặt khác, phải quan sát sự xấu tốt của đạo trời, chờ thiên tai xảy ra, nhân hoạ xảy ra đối với nhà Thương, thì mới chinh phạt nhà Thương được.

Nay, Trụ Vương đã cho xây Nhục lâm tử tri (rừng thịt, ao rượu) để hưởng lạc, đắm say tử sắc. Tạo những cục hình như bào lạc (cột lửa để đốt tội nhân), Sãi bồn (bồn đựng bọ cạp để trừng trị tội nhân). Mổ tim trung thần là Tử Can, đuổi anh là Vi Tử.

Trong triều bọn đua nịnh áp đảo người trung lương. Quan lại các nơi tùy tiện giết người, coi thường luật pháp. Đồng ruộng bỏ hoang. Lòng dân oán giận.

Các nước lân bang cùng đứng lên chống lại, nhà Thương phải điều động quân đi đánh dẹp. Tức là kinh thành trống rỗng. Ngày diệt vong của nhà Thương đã đến, chúng ta nên cùng với các nước chư hầu cất quân đi để phạt Trụ.

Võ Vương nghe theo.

Cuối cùng Võ Vương thắng, giết Trụ Vương, lập nên nhà Chu.

Làm bàn :

1.Thời Văn Vương, triều Thương còn mạnh, đất đai rộng lớn, quân đội còn hùng hậu. Lúc ấy, Võ Vương đất hẹp, quân ít. So về thực lực, một trời một vực, Võ Vương chưa thể tranh hùng với vua Trụ.

Võ Vương nghe lời Thái Công, một mặt chiêu hiền đãi sĩ, làm cho dân giàu nước mạnh, quân đội hùng mạnh, liên kết với chư hầu. Một mặt, đờn nhà Thương suy yếu, Võ Vương mới ra quân.

2.Thái Công cho rằng: Một đất nước muốn trường tồn là khi sống trong cảnh yên vui phải nghĩ đến lúc nguy cấp. Một nhà vua có thể hưởng được phúc lâu dài là khi vui vẻ phải nghĩ đến lúc phải buồn lo.

Sở dĩ Trụ Vương mất nước là chỉ biết sự trường tồn không nghĩ đến họa diệt vong. Nhà vua chỉ biết vui chơi thoả thích không nghĩ đến lúc tai họa giáng xuống.

Tiết 5 :TỰ DO VÀ KIỂM CHẾ (Phi kiểm chi thuật)

1. Phi là tự do. Kiểm là kiểm chế, khống chế. Nghĩa chung là tự do và kiểm chế, khống chế.

Đối phương có cảm giác tự do nhưng thực sự bị kiểm chế. Mục đích của sách phi kiểm là trói buộc chi phối đối phương. Nói về hình tượng như dùng lưỡi câu để kiểm chế con cá.

2.Muốn thực hiện kế sách phi kiểm phải lập thế và tạo thế. Còn gọi là độ quyền, lượng năng (đo lường quyền lực và lượng năng lực) của mình cũng như của đối phương, từ đó mới định kế an nguy.

Muốn lập thế để chi phối trời buộc một quốc gia phải quan sát thiên thời thịnh hay suy; đất đai rộng hay hẹp; địa hình sông núi hiểm trở hay thuận lợi; tài sản của dân chúng giàu hay nghèo, nhiều hay ít ?

Mối quan hệ của nước đó với các chư hầu lân bang, nước nào thân, nước nào không thân, nước nào xa, nước nào gần ?

Muốn chi phối trời buộc một người thì phải quan sát tài năng sức vóc, khí thế: ai là thù ai là bạn của người đó. Đối với người này cần dung nạp hay không dung nạp, cần thổ lộ hay giấu giếm ý định tình cảm của mình ?

3. Muốn trời buộc kiềm chế một cá nhân, một nhóm, một nước, trước hết quan sát đông tây; ngó nam ngó bắc; nhìn ngang nhìn dọc; trông ngược trông xuôi. Sau đó tìm cách trời buộc và chi phối.

4. Sách này được vận dụng vào trong việc chiêu nạp, thử thách phân loại và trọng dụng nhân tài trong thiên hạ.

Theo người xưa, có sáu cách thử thách nhân tài là nhân, nghĩa, trung, tín, dũng, trí.

1) Tạo điều kiện cho họ trở nên giàu có. Khi giàu có họ vẫn tuân thủ lễ giáo, luật pháp. Là người nhân.

2) Ban cho họ địa vị. Có địa vị mà không kiêu ngạo vênh vang. Là người có nghĩa.

3) Giao cho họ nhiệm vụ trọng đại. Khi thực hiện kiên quyết hoàn thành, không thay đổi ý chí. Là người trung.

4) Giao cho họ xử lý vấn đề. Khi xử lý không dối trên lừa dưới. Là người tín.

5) Giao cho họ việc nguy hiểm nhưng họ vẫn không tỏ ra e ngại, sợ sệt. Là người dũng.

6) Giao cho họ xử lý những việc có sự chuyển biến bất ngờ. Nếu họ ứng phó một cách bình tĩnh. Đó là người trí.

Kế thứ nhất: KÍN KẼ, CHU ĐÁO (Xuyết nhi bất thất)

Xuyết nhi bất thất là chu đoá, kín kẽ, không có kẽ hở khi thực hiện một chuỗi mưu kế liên tiếp vào nhau. Ví như những đường liên tiếp vào nhau.

Muốn thực hiện kế này phải đo lường trí tuệ, tài năng, tài lực, khí thế của đối phương làm then chốt từ đó tìm cách kiềm chế đối phương.

A. CHƯA CÓ MỜI ĐÃ NÓI CŨ.

Vua Tần muốn chia rẽ Tề, Sở bèn triệu Trương Nghi hỏi kế. Nghi tâu rằng:

– Tôi xin đem ba tác lược, đi sang Sở, thừa cơ tiến lời, khiến cho vua Sở phải tuyệt Tề mà thân với Tần.

Vua Tần liền cho Nghi đi.

Nghi biết vua Sở có một người bày tôi yêu là Ngân Thượng, hầu luôn bên mình, nói gì vua Sở cũng nghe, bèn đem nhiều vàng bạc kết giao với Thượng rồi mới vào yết kiến Hoài vương.

Hoài vương vốn trọng tiếng Trương Nghi, thân ra đón vào, mời ngồi mà hỏi rằng:

– Tiên sinh hạ cố đến nước tôi chẳng hay có gì dạy bảo?

Nghi nói:

– Tôi lại đây, chỉ muốn nói giao tình hai nước Tần, Sở mà thôi.

Hoài vương nói:

– Quả nhân nào phải không muốn kết giao với Tần, chỉ vì Tần cứ lần đánh mãi không thôi, nên không dám cầu thân vậy.

Trương Nghi nói:

– Trong thiên hạ ngày nay tuy có bảy nước, nhưng gọi là nước lớn chỉ có Sở, Tề, và Tần thôi. Tần đông hợp với Tề thì Tề mạnh, nam hợp với Sở mà không phải ở Tề. Ấy là cơ làm sao?

Chỉ vì Tề là nước hôn quân mà lại phụ Tần quá lắm. Vua Tần muốn thờ đại vương, mà chính Nghi này cũng muốn làm kẻ tôi đòi hèn hạ của Đại vương, thế mà đại vương lại giao hiếu với Tề, thực là trái ý muốn chúa công tôi.

Nếu Đại vương có thể đóng cửa quan mà tuyệt giao với Tề, thì Chúa công tôi đem sáu trăm dặm đất Thương Ô mà Thương quân đã lấy của Sở trước kia, trả lại cho Sở, đem con gái làm tì thiếp để hầu hạ Đại vương. Tần, Sở đòi đòi làm thông gia, để cùng chống chọi với chư hầu. Có mấy lời xin Đại vương thu nạp cho.

Hoài vương vui mừng lắm, nói rằng:

– Nếu Tần chịu đem đất cũ mà trả cho Sở, thì quả nhân tiếc gì Tề?

Quần thần đều cho là nước Sở sẽ lấy lại được đất cũ đồng thanh chúc mừng, chỉ có một người đứng ra tâu rằng:

– Không nên! Không nên! Cứ như ý tôi việc ấy đáng buồn chứ không đáng vui

– Quả nhân không phí một mũi tên, chỉ ngồi yên mà được sáu trăm dặm đất, làm sao nhà người lại bảo là đáng buồn?

Trần Chân nói:

– Đại vương cho là có thể tin được Trương Nghi chăng?

Hoài Vương cười nói:

– Sao lại không tin ?

Chân nói:

– Tần phải trọng Sở là vì có Tề, nay nếu tuyệt giao với Tề, thì Sở chỉ còn đứng một mình; Tần còn trọng gì cái nước đứng một mình ấy mà cắt sáu trăm dặm đất đem cho nữa.

Đó là quỷ kế của Trương Nghi.

Đại vương tuyệt giao với Tề rồi Trương Nghi sẽ phụ đại vương mà không cho đất, bây giờ Tề lại oán đại vương mà quay theo Tần.

Tề, Tần hợp lại đánh Sở, thì Sở tất mất, vì thế nên tôi nói là đáng buồn.

Chi bằng đại vương trước hãy sai sứ sang Tần nhận lấy đất, được đất rồi bây giờ sẽ tuyệt giao với Tề cũng chưa muộn.

Khuất Bình cũng nói rằng:

– Trần Chấn nói phải đạo đấy. Trương Nghi là một đứa tiểu nhân phản phúc, quyết không nên tin.

Ngân Thượng nói:

– Không tuyệt giao với Tề đi thì khi nào Tần lại chịu trả đất lại cho ta.

Hoài Vương lắc đầu mà nói:

– Chắc không khi nào Trương Nghi lại phụ quả nhân, Trần tử đừng mở mồm nói nữa, chờ xem quả nhân nhận đất !

Bèn giao tướng ấn cho Trương Nghi, ban cho trăm dật hoàng kim, mười con ngựa tốt, hạ lệnh cho tướng giữ Bắc Quan không được thông với Tề, một mặt sai Hầu Sữu theo Trương Nghi vào Tần nhận đất.

Trương Nghi dọc đường cùng Hầu Sữu uống rượu nói chuyện, vui như anh em.

Khi gần đến Hàm Dương, Trương Nghi giả làm say rượu, lỡ chân ngã xuống dưới xe. Tả hữu vội đỡ dậy.

Nghi nói:

– Ta bị thương ống chân, phải kịp chữa ngay!

Rồi sang cái xe khác đi vào thành trước, tâu với vua Tần, lưu Hầu Sữu ở quán dịch, còn Nghi thì đóng cửa dưỡng bệnh không vào triều.

Hầu Sứ xin vào yết kiến vua Tần không được, cứ như thế đến ba tháng, Sứ bèn dâng thư lên vua Tần, thuật lời Trương Nghi hứa cho đất.

Vua Tần viết thư đáp rằng nếu Nghi đã có ước, thì vua Tần tất phải làm theo như lời, nhưng nghe nói và Tề vẫn chưa tuyệt giao với nhau mà Tần sợ bị Sở lừa, tất phải đợi Trương Nghi hỏi rõ đầu đuôi, mới có thể tin được.

Hầu Sứ đi lại mãi nhà Trương Nghi mà Nghi vẫn không ra mặt, bèn sai người đem lời của vua Tần về báo vua Sở.

Vua Sở nói:

– Tần còn bảo Sở chưa tuyệt hảo với Tề ư?

Bèn sai dũng sĩ Tống Di mượn đường nước Tống, lại mượn binh phù của Tống thẳng đến bờ cõi nước Tề, mắng nhiếc.

Mân vương cả giận, bèn sai sứ sang Tần xin cùng Tần hợp binh đánh Sở.

Trương Nghi nghe sứ Tề đến, cho là kế đã thành, bèn nói là đã khỏi bệnh vào triều, gặp Hầu Sứ ở cửa triều, cố ý lấy làm lạ hỏi:

– Tướng quân sao chưa nhận được đất mà lần quân ở đây?

Sứ nói:

– Vua Tần chỉ đợi tướng quốc khỏi bệnh mới quyết định, nay may tướng quốc đã khỏi, xin vào nói với đại vương, sớm định địa giới, cho tôi được về phúc mệnh chúa công tôi.

Trương Nghi nói:

– Việc ấy cần gì phải nói với vua Tần! Nghi này đã nói là có sáu dặm đất là đất ăn lộc riêng của Nghi này, xin tình nguyện đem dâng vua Sở đó thôi !

Sứ nói:

– Tôi vâng mệnh Chúa công tôi, nói là sáu trăm dặm đất Thương Ô kia, chứ chưa nghe nói đến sáu dặm đất ấy.

Nghi nói:

– Có lẽ vua Sở nghe làm chẳng? Đất của Tần là nhờ có trăm trận đánh mới được, một thước một tấc chưa dễ đã đem cho người, phương chi những sáu trăm dặm.

Sử lập tức về báo vua Sở. Vua Sở cả giận nói rằng:

– Trương Nghi quả là đứa tiểu nhân phản phúc, ta bắt được, tất phải giết chết, ăn thịt nó mới hả lòng!

Bèn truyền chỉ đem quân đánh Tần.

Khách khanh là Trần Chấn nói:

– Ngày nay tôi có thể mở mồm mà nói được không?

Hoài vương nói:

– Quả nhân không nghe lời nói của tiên sinh, nên bị tên giáo giặc đánh lừa, vậy ngày nay tiên sinh còn có diệu kế gì ?

Trần Chấn nói:

– Nay đại vương đã không được nước Tề giúp sức nữa, mà lại đánh Tần, thì e không lợi, chỉ bằng cắt hai thành để đút cho Tần, hợp binh đánh Tề thì dù có mất đất với Tần, còn có thể lấy đất ở Tề được.

Hoài vương nói:

– Lừa dối Sở là Tần, chứ Tề có tội gì! Nếu ta hợp quân với Tần mà đánh Tề, thì người sẽ cười ta!

Rồi lập tức cử Khuất Cái làm đại tướng. Bàng Hưu làm phó, đem mười vạn quân đi đánh Tần.

Vua Tần sai Ngụy làm tướng, Cam Mậu làm phó, đem mười vạn quân chống đánh, lại sai người sang Tề trung binh, tướng Tề là Khuông cũng đem quân trợ chiến.

Khuất Cái đầu khỏe, nhưng không địch lại được quân hai nước, đánh luôn mấy trận đều thua.

Quân Tần, Tề đuổi theo đến Đan Dương, Khuất Cái họp toàn quân lại đánh, bị Cam Mậu chém chết; quân lính bị giết hơn tám vạn người, bọn danh tướng như Bàng Hưu Sữu chết trận hơn bảy mươi người, sáu trăm dặm đất Hán Trung đều mất.

Nghe tin ấy, cả nước Sở đều chấn động. Hàn, Ngụy nghe Sở thua, cũng mưu đánh Sở, vua Sở cả sợ, bèn sai Khuất Bình sang Tề tạ tội, sai Trần Chấn sang Tần dâng hai thành để cầu hoà.

Ngụy sai người về thỉnh mệnh vua Tần, vua Tần nói:

–Quả nhân muốn được đất Kiềm Trung, vậy xin đem đất Thương Ô để đổi, nếu Sở bằng lòng thì có thể bãi binh được!

Ngụy đem lời vua Tần nói cho vua Sở biết, vua Sở nói:

– Quả nhân không muốn được đất, chỉ muốn được Trương Nghi để ăn thịt mới hả lòng.

Nếu thượng quốc đem Trương Nghi giao cho Sở, thì quả nhân tình nguyện dâng đất Kiềm Trung để tạ ơn.

B. NƯỚC MẤT TRỊNH TỰ

Các cận thần vốn ghen ghét Trương Nghi đều nói đem một người mà đổi được vài trăm dặm đất còn gì lợi bằng. Vua Tần nói:

– Trương Nghi là người bề tôi chân tay của ta, ta thà chẳng được đất chứ không chịu bỏ Trương Nghi.

Nghi tự xin vua Tần cho mình đi. Vua Tần nói:

– Vua Sở đang căm giận đợi tiên sinh đến, nếu tiên sinh sang đó tất bị giết, quả nhân không nỡ để tiên sinh đi.

Nghi nói:

– Giết một tôi mà Tần được cả đất Kiềm Trung thì tôi đi chết cũng vẻ vang rồi! Mà chưa các tôi đã chết đâu.

Vua Tần nói:

– Tiên sinh có kế gì thoát nói cho trẫm nghe nào?

Nghi nói:

– Vua Sở có một vị phu nhân vừa đẹp vừa khôn ngoan được vua yêu quý, nói gì cũng nghe theo.

Vua Sở lại có một bề tôi được sủng ái tên là Ngận Thượng, biết chiều Trịnh Tụ, trong ngoài thông đồng với nhau. Hạ thần quen thân với Ngận Thượng, chắc hẳn có thể che chở cho, không đến nỗi chết.

Đại vương chỉ hạ lệnh cho Ngụy đóng quân ở Hán Trung làm thế tiến thủ, vua Sở tất không dám giết hại thần.

Vua Tần cho Nghi đi.

□

Nghi đến nước Sở, Hoài vương sai bắt giam rồi sau sẽ giết.

Trương Nghi ngầm sai người đem lễ đến lót với Ngận Thượng.

Ngận Thượng nói với Trịnh Tụ rằng:

– Hồng rồi, phu nhân không còn một mình giữ được tình yêu của đại vương nữa rồi. Làm thế nào bây giờ?

Trịnh Tụ hỏi có gì. Ngận Thượng nói:

– Tần không biết vua Sở căm thù Trương Nghi cho nên sai sứ sang Sở nay nghe vua Sở muốn giết Nghi, Tần sẽ trả đất và gả con gái cho vua Sở, dùng gái đẹp hát hay làm kẻ theo hầu để chuộc tội cho Trương nghi.

Con gái Tần đến thì vua Sở tất yêu quý. Phu nhân dẫu chuyên giữ lòng yêu còn được chăng ?

Trịnh Tụ cả sợ hỏi rằng:

– Nhà ngươi có kế gì có thể ngăn việc ấy ?

Ngận Thượng nói:

– Phu nhân cứ làm như không biết chuyện ấy, đem các điều lợi hại nói với đại vương tha cho Trương Nghi về Tần. Trịnh Tụ theo lời, nửa đêm khóc lóc với vua Sở và nói rằng:

– Đại vương muốn đem đất đổi lấy Trương Nghi. Đất chưa cắt mà Nghi đã đến đó là Tần có lễ với đại vương. Quân Tần chỉ đánh có một trận mà lấy được cả đất Hán Trung có cái thể nuốt nước Sở.

Nếu giết Trương Nghi để chộc tức Tần tất Tần sẽ đem quân đánh Sở vợ chồng ta sẽ không còn ở với nhau được nữa. Thiếp nghĩ vậy nên lòng đau như cắt đã không ăn uống gì mấy ngày liền.

Vả lại, làm bề tôi phải vì chủ mình, Trương Nghi là kẻ trí sĩ trong thiên hạ làm tướng nước Tần đã lâu thì phải mưu ích lợi cho Tần, đó là lẽ tất nhiên không có gì lạ!

Nếu đại vương hậu đãi Trương Nghi, Nghi cũng sẽ thờ Sở như thờ Tần vậy.

Hoài Vương nói:

– Phu nhân chớ lo, việc đó để quả nhân định liệu.

Ngận Thượng lại nhân dịp nói rằng:

– Giết một Trương Nghi không có hại cho Tần mà lại mất vài trăm dặm đất Kiến Trung, chỉ bằng tha cho Trương Nghi để làm chỗ hoà hảo với Tần sau này.

Ý Hoài vương cũng tiếc đất không muốn đem cho Tần bèn tha Trương Nghi và đãi đằng rất hậu.

Trương Nghi đem cái lợi theo Tần nói với Hoài vương.

Hoài vương bèn sai Trương Nghi về Tần để nối tình giao hảo giữa hai nước.

LÀM BÀN:

1. Trương Nghi nhờ dứt lốt thân quen và nắm vững Ngận Thượng. Ngận Thượng lại biết chiều chuộng Trịnh Tụ mà Trịnh Tụ là người sùng ái của Hoài Vương.

Ngận Thượng và Trịnh Tụ, trong ngoài thông đồng nên đã chi phối, trói buộc, khống chế được Hoài Vương, theo sự giật dây của Trương Nghi.

Hoài vương như con rối dưới sự điều khiển của Trương Nghi, dẫn đến chỗ vừa mất nước liền minh là Tề; lại bại trận, mất đất. Muốn ăn thịt Trương Nghi cho hả giận nhưng con mồi Trương Nghi cũng vượt mất.

2. Mưu kế của Trương Nghi trong ngoài, trước sau, ngược xuôi, tiến thoái, từ việc lớn đến việc nhỏ sắp đặt lớp lang kín kẽ và chu đáo làm cho đối phương không lường được, Vì thế đi vào chỗ chết nhưng vẫn tìm ra được đường sống.

Kế thứ hai: BIẾN KHÔNG THÀNH CÓ (Vô trung sinh hữu)

Vô trung sinh hữu là biến không thành có. Mặt nước không có gió nhưng vẫn gợn sóng, nổi sóng.

Khéo bịa đặt, dựng chuyện, nguy tạo mê hoặc đối phương tin là thật.

Nguyên lí của kế này là dựa vào sự biến hoá của sự vật từ âm sang dương, âm cực thì dương sinh. Là giai đoạn chuyển tiếp từ giả sang thật.

Muốn thực hiện kế vô trung sinh hữu thì gợi ý đối phương nói lên ý hướng, hi vọng, ham muốn của mình, sau đó tìm cách kiềm chế khống chế đối phương.

A. TRƯƠNG NGHI TRỞ TÀI LÀM TIỀN

Trương Nghi tới nước Sở, phải chịu nghèo khổ, kẻ tả hữu giận, đòi về.
Trương Nghi bảo họ:

– Anh em thấy áo mao rách cả mà đòi về chứ gì. Hãy đợi đó, vì anh em tôi vào yết kiến vua Sở (Hoài vương) đã.

Lúc đó bà Nam Hậu (hoàng hậu) và nàng Trịnh Tụ (ái phi) đều được vua sủng ái. Trương Nghi vào yết kiến vua Sở, vua Sở không vui. Trương Nghi nói:

– Đại vương không dùng tôi, tôi lên phương bắc yết kiến vua Tấn.

Vua Sở đáp:

– Được!

– Đại vương có cần món gì ở Tấn không?

– Hoàng kim, châu ngọc, sừng tê, ngà voi đều sản xuất ở Sở, quả nhân không cần món gì ở Tấn cả.

– Thì ra đại vương không hiểu sắc nhỉ?

– Sao vậy?

Trương Nghi đáp:

– Bọn con gái nước Trịnh, nước Chu, thoa phấn tô mày rồi đứng bên đường, ai không biết mà thấy họ thì tưởng là tiên nữ.

Vua Sở nói:

– Sở là nước hẻo lánh, thô lậu, chưa từng trông thấy con gái Trung Nguyên đẹp tới vậy; sao chỉ có quả nhân là không hiểu sắc ?

Nói rồi tặng Trương Nghi châu ngọc.

Bà Nam Hậu và Trịnh Tụ nghe tin đó, đâm hoảng.

Nam Hậu sai người nói với Trương Nghi:

– Thiếp nghe nói tướng quân qua Tấn. Vừa may có được ngàn cân vàng đây, xin tặng bọn tả hữu của tướng quân để họ chi tiêu vào việc mua cỏ, lúa cho ngựa.

Trịnh Tụ cũng tặng năm trăm cân vàng.

□

Trương Nghi vào từ biệt vua Sở:

– Quan san cách trở, giao thông bất tiện, không biết bao giờ mới được tái ngộ, xin đại vương cho tôi một chén rượu.

Vua nói:

– Được.

Rồi bày rượu đãi Trương Nghi, Trương Nghi lại xin được gặp mặt Trịnh Tụ. Vừa thấy Trịnh Tụ, Trương Nghi vội vàng quỳ xuống tạ lỗi vua Sở. Cho rằng, vì chưa gặp mặt Trịnh Tụ nên nói gái nước Tấn đẹp, nay gặp được rồi quả là Trịnh Tụ đẹp nhất trần đời, không gái nước nào sánh kịp. Vua Sở rất hài lòng.

LÀM BÀN:

1. Trương Nghi dựa vào tâm lí háo sắc, ưa nịnh bợ của Sở Hoài Vương và tâm lí ghen tuông của Trịnh Tụ để bịa chuyện bày kế, làm cho Hoài vương và Trịnh Tụ tưởng thật.

2. Trương Nghi xoay tiền cả hai bên vua Sở và Trịnh Tụ thật khéo. Bõn cợt Sở Hoài Vương nhưng vua Sở không giận. Vì ai cũng muốn được người khen, người yêu của mình đẹp nhất thế gian. Xoay tiền Trịnh Tụ nhưng Trịnh Tụ chấp nhận vì mình muốn được khen và được sủng ái.

3. Xét về phương diện nào đó Trương Nghi không phải là kẻ tốt lành. Đói ăn vụng túng làm liều nhưng làm liều và lừa gạt như Trương Nghi cũng rất độc đáo.

B. THẦY PHÙ THUYẾT GIÚP THẦY LANG.

Đời Thanh, có thầy lang tên là Diệp Thiên Sĩ, tay nghề khá giỏi, đạo đức không đến nỗi nào, nhưng con bệnh vắng tanh trông thật thảm hại.

Trong tình cảnh khốn khó, Diệp Thiên Sĩ nảy ra một kế, đến cầu cứu Trương Thiên Sư, vốn làm nghề phù thủy có tiếng tăm.

Không biết hai người trao đổi những gì.

Một hôm, trên phố đông, người ta thấy Trương Thiên Sư bước xuống kiệu, cung kính vái chào Diệp Thiên Sĩ.

Mọi người rất ngạc nhiên hỏi Trương Thiên Sư.

Trương trả lời:

– Đó là vị thầy thuốc tài giỏi của trời sai xuống, cho nên ta phải xuống kiệu cung kính vái chào.

Từ đó, một đồn mười, mười đồn trăm, con bệnh khắp nơi nườm nượp tìm đến thầy lang Diệp Thiên Sĩ để chữa bệnh.

LẠM BÀN:

Diệp Thiên Sĩ dựa vào tiếng tăm của Trương Thiên Sư để kiếm sống. Trương Thiên Sư muốn cho Diệp Thiên Sĩ nổi tiếng bằng mẹo nhỏ biến không thành có. Người này dựng chuyện, nguy tạo tâng bốc người kia để đánh vào tâm lý dễ tin của người đời.

Trong đời sống hoặc trên thương trường chuyện này không phải là hiếm.

C. QUAN CÔNG ĂN NHÂM MÔNG NGỰA:

Ăn mông ngựa, ám chỉ người thích nịnh bợ. Dân gian lưu truyền câu chuyện

hài hước thú vị:

Một hôm, trời đang hội họp. Quan Công uy nghi đứng canh cửa. Đột nhiên có một anh chàng xin vào chốn thiên đình.

Quan Công hỏi người ấy làm nghề gì và lên thiên đình để làm gì?

Người ấy trả lời chuyên bán mộng ngựa và lên thiên đình để gạ bán cho các thiên binh thiên tướng.

Quan Công giận dữ cho rằng thiên đình không ai cần thứ đó. Ông dọa dẫm nếu không nhanh chóng rút xéo thì sẽ cho một nhát thanh long đao.

Anh chàng bán mộng ngựa nhỏ nhẹ:

– Ngài là bậc thánh nhân, tất nhiên không thích món mộng ngựa nhưng chắc rằng sẽ có thiên binh thiên tướng thích.

Ngài là người có lòng độ lượng, thương người. Tào Tháo là kẻ thù mà ngài còn tha chết ở Hoa Dung lộ. Huống gì tôi chỉ là con sâu cái kiến, sao ngài không mở lòng cho tôi vào trong đó một phen.

Quan Công thấy thế mũi lòng bèn cho người bán mộng ngựa vào cửa.

Một lát, người ấy trở ra. Quan Công hỏi:

– Người có gạ bán được cho ai không?

Người kia đáp:

– Trên cõi đời này tôi chỉ gạ được một người.

Quan Công tò mò hỏi:

– Ai vậy?

Người kia nhỏ nhẹ đáp:

– Thưa, người đó chính là ngài.

Lúc đấy Quan Công hiểu ra nhưng không làm gì được anh chàng bán mộng ngựa.

LẠM BÀN:

Rõ ràng nghề nịnh bợ, khéo bịa chuyện có thể lừa được cả bậc thánh và lọt qua cả cửa thiên đình.

Kẻ khéo nịnh bợ có thể luồn lách qua nhiều cửa, thậm chí luồn thật sâu và leo lên cao.

Kể thứ ba: NỤ CƯỜI DẤU ĐAO KIẾM (Tiểu lí tàng đao)

Tiểu lí tàng đao là trong nụ cười ẩn dấu đao kiếm. Theo cách nói thông thường thì: Bên ngoài nói cười nhưng bên trong nham hiểm giết người không dao.

Người sử dụng kẻ này bên ngoài đối xử tốt với đối phương, làm ra vẻ rộng lượng, tha thứ nhưng bên trong âm mưu dùng nhân vật thứ ba hoặc lực lượng thứ ba không chế, tiêu diệt đối phương.

A. CHÊ VUA HÔI HÁM

Vua Sở có vị phu nhân tên Trịnh Tụ, vừa đẹp vừa khôn ngoan, được vua yêu quý.

Vua Sở lại mới yêu một mỹ nhân khác. Trịnh Tụ bảo mỹ nhân ấy rằng:

– Đại vương rất ghét người nào thở hơi vào mình, vậy khi hầu vua phải giữ ý bịt mũi lại. Mỹ nhân ấy làm theo lời Trịnh Tụ.

Vua Sở hỏi Trịnh Tụ rằng:

– Mỹ nhân hề trông thấy quả nhân là bịt mũi lại là có làm sao?

Trịnh Tụ nói:

– Đó là nó hiềm đại vương thân thể hôi hám, cho nên phải bịt mũi để không hít phải!

Vua Sở giận quá, sai xẻo mũi mũi nhân đi. Từ đó Trịnh Tụ lại càng được vua Sở yêu quý.

LẠM BÀN:

1. Trịnh Tụ che dấu sự ghen tức của mình thật khéo và áp dụng kế tiểu lí tàng đao thật tinh vi.

Mưu kế bản chất là cây dao hai lưỡi, nếu được ứng dụng vào việc trừ gian diệt ác thì rất tốt.

Nếu gặp bọn bàng môn tà đạo ứng dụng vào việc trả thù cá nhân thì rất nguy hiểm.

2. Kế tiểu lí tàng đao tương tự như kế mượn dao giết người được các nhà chính trị thời xưa áp dụng khá phổ biến: Thời chiến quốc, Phí Vô Cực mượn tay Nang Ngoả giết Khước Uyển. Thời Tam quốc Tào Tháo mượn tay Lưu Biểu giết Nễ Hành. Lí do Nễ Hành dám cời truồng chửi Tào Tháo. Tháo nén giận không giết vì sợ chốc lấy tiếng không chiêu hiền đãi sĩ, sợ thiên hạ chê không có lượng dung người.

B. DANH SĨ THIÊN HẠ CỞI TRUÔNG ĐÁNH TRỐNG

Nễ Hành đến, lễ xong, Tháo không mời ngồi. Hành ngửa mặt lên trời than rằng:

– Trời rộng thế này, sao không có một người nào!

Tháo nói:

– Thủ hạ ta vài mươi người đều là anh hùng đời nay, sao bảo là không có người?

Hành nói:

– Xin cho biết?

Tháo đáp:

– Tuân Úc, Tuân Du, Quách Gia, Trình Dục có nhiều mưu trí, dẫu có Tiêu Hà, Trần Bình ngày xưa vị tất đã bằng. Trương Liêu, Hứa Chử, Lí Điển, Nhạc Tiến sức khoẻ không ai địch nổi, dù Xầm Bành, Mã Vũ ngày xưa chưa thâm vào đâu. Lã Kiên, Mẫn Sùng làm từng sự; Vu Cầm, Từ Hoảng làm tiên phong; Hạ Hầu Đôn là bậc kì tài trong thiên hạ; Tào Hồng là phúc tướng trên đời. Sao dám bảo là không có người?

Hành cười đáp:

– Ông làm rồi! Những nhân vật ấy tôi biết cả: Tuân Úc nên sai đi viếng tang thăm bệnh; Tuân Du nên sai đi giữ mã coi mồ; Trình Dục nên cho đứng gác cửa ngõ; Quách Gia nên để bình phú ngâm thơ. Trương Liêu cho đi đánh trống khua chiêng; Hứa Chử cho đi chặn trâu dắt ngựa; Nhạc Tiến cho đi nhận thư đọc chiếu; Lã Kiên nên để mài dao đúc gươm; Mẫn Sùng nên để uống rượu ăn dấm; Vu Cầm thì được việc khiêng ván đắp tường; Từ Hoảng thì giỏi về mổ lợn giết chó; Hạ Hầu Đôn thì gọi là tướng quân có đủ chân đủ tay; Tào Hồng thì gọi là thái thú vùi tiền: còn những đồ kia là đồ giá áo túi cơm, thùng rượu bị thịt cả !

Tháo giận hỏi:

– Mày có tài gì?

Hành đáp:

– Thiên văn, địa lí thứ gì không biết; tam giáo, cửu lưu không thứ gì không hiểu; trên có thể giúp nhà vua làm được bậc Nghiêu, Thuấn; dưới có thể sánh đạo đức với bậc Không, Nhan. Ta nào thêm bàn chuyện với hạng người tầm thường đâu!

Bấy giờ Trương Liêu đứng bên cạnh, tuốt gươm toan chém Nễ Hành, Tào Tháo nói:

– Ta đang thiếu một cỗ lại, người đánh trống, nay mai trong triều có việc yến hạ nên sai Hành sung vào chức ấy.

Hôm sau, Tháo mở yến tiệc trên sảnh đường thết các tân khách. Hành mặc áo cũ đi vào đánh ba hồi trống, theo khúc Ngư Dương (khúc nhạc bi

thương, bi đát), âm điệu tiêu tao lảm, trầm bổng nhịp nhàng như tiếng thạch. Những người ăn cảm thương chảy nước mắt.

Tả hữu quát rằng:

– Sao không thay áo?

Hành cởi tuột quần áo, khoả thân đứng dậy, khách ngồi ai cũng che mặt. Hành lại khoan thai mặc quần áo, sắc mặt không thay đổi. Tháo mắng:

– Trên chỗ miếu đường sao được vô lễ?

Hành nói:

– Dối vua lừa trên mới gọi là vô lễ. Ta lộ cái hình hài của cha mẹ sinh ra là để tỏ cái thân thể thanh bạch của ta đây!

Tháo hỏi:

– Mày thanh bạch thì ai dơ ai đục?

Hành đáp:

– Mày không biết người hiền, người ngu là mắt đục; không học thi thư, là mồm đục; không nghe lời trung là tai đục; không hiểu chuyện xưa nay là thân đục; không dung các chư hầu là bụng đục; thường muốn cướp ngôi là ruột đục.

Tao là danh sĩ thiên hạ, mày dùng làm cỏ lại khác gì Dương Hoá khinh đức Khổng Tử, Tang Thương chê thầy Mạnh Tử. Mày muốn dựng nghiệp vương bá mà khinh người thế à?

Bấy giờ Khổng Dung cũng ngồi ở đó, sợ Tháo giết Nễ Hành, khoan thai tiến lên nói:

– Nay cho người sang Kinh Châu, nếu dụ được Lưu Biểu quy hàng ta sẽ dùng người vào chức công khanh.

Nễ Hành đến Kinh Châu vào yết kiến Lưu Biểu, miệng tuy khen ngợi đức tốt nhưng vẫn có ý trào phúng. Biểu không bằng lòng, sai đến Giang Hạ gặp Hoàng Tổ.

Có người hỏi Biểu rằng:

– Nễ Hành dám xác đùa cột chúa công, sao chúa công không giết đi?

Biểu nói:

– Nễ Hành nhiều lần làm nhục Tào Tháo. Tháo không giết sợ mất lòng thiên hạ cho nên mới sai hấn đến đây có ý mượn tay ta giết hấn để cho ta mang tiếng hại người hiền. Bởi vậy ta sai Hành đến gặp Hoàng Tổ, cho Tháo biết ta chẳng đại gì đâu!

□

Hoàng Tổ và Nễ Hành cùng uống rượu, hai người đều say, Tổ hỏi Hành:

– Người ở Hứa Đô có biết ai là người khá?

Hành đáp:

– Có bé nhón là Không Văn Cử, thằng bé con là Dương Đức Tổ, ngoài hai đứa ấy không còn đứa nào nữa!

Tổ hỏi:

– Như ta đây thì thế nào?

Hành đáp:

– Người như tượng thần trong miếu tuy được người ta cúng tế nhưng chẳng thiêng liêng gì!

Tổ giận nói:

– Mà bảo tao là tượng gỗ à?

Rồi sai đem chém Nễ Hành.

Khi Nễ Hành chết, Lưu Biểu thương hại sai mai táng trên bãi Anh Võ.

LỜI BÀN CỦA TÀO THÁO VÀ NGƯỜI ĐỜI SAU:

Tào Tháo nghe tin cười nói: "Gươm lưỡi kẻ hủ nho, mình lại giết mình".

Người đời sau chê Hoàng Tô bụng đại hẹp hòi và ngậm ngùi:

Đến nay qua viếng Châu Anh Võ. Chỉ thấy vô tình nước chảy xuôi!

Tiết 6 :THEO HAY BỎ (Phản hợp chi thuật)

1. Phản là bỏ, là đi. Hợp là hợp thể, là theo, là dùng. Đại ý phản hợp là bỏ hay theo, dùng hay bỏ, xoay xử chuyển hóa.

Thuật phản hợp dựa vào quan sát hành động của con người:

Một người đánh xe bánh bằng sắt, trên đường gập ghềnh, do phản ứng cọ xát với mặt đường bánh xe bị nứt vỡ, buộc người kéo xe phải xử lý. Bỏ bánh xe cũ thay bánh xe mới, thì về đến đích.

Ví dụ trong lịch sử: Y Doãn mấy lần theo vua Kiệt cuối cùng bỏ vua Kiệt mới theo vua Thang. Lã Vọng mấy lần gặp Văn Vương, sau cùng mới một lòng một dạ phò tá Văn Vương.

Người xưa cho rằng sự gắn bó, ràng buộc của Y Doãn đối với vua Thang. Lã Vọng với Văn Vương là do mệnh trời.

Việc đi hay ở, xoay sở của những người tài trong thiên hạ thường tạo nên những biến động dữ dội trong lịch sử: Y Doãn theo vua Thang thì nhà Ân bị diệt. Văn Vương bỏ vua Trụ hợp Y Doãn thì nhà Thương tiêu vong.

2. Nguyên nhân bỏ là mưu kế không hợp nhau, theo là mưu kế hợp với nhau. Lẽ thường mưu kế hợp nhau thì sự việc mới thành, mưu kế không hợp nhau thì sự việc không thành. Theo hay bỏ cũng tùy thuộc vào hoàn cảnh thích hợp hay không thích hợp.

3. Những người làm nên sự nghiệp, giúp được bốn biển, thường là những người biết bỏ, biết theo, biết xoay xử thích hợp với hoàn cảnh.

Không những vậy họ còn biết áp dụng mưu kế biến hóa, thích hợp với từng hoàn cảnh, đối tượng, khác nhau:

Đối với thiên hạ có mưu kế này. Đối với một nước có mưu kế khác. Đối với một phe phái có mưu kế này nọ. Đối với mỗi người cũng áp dụng mỗi kế riêng. Lớn nhỏ tiến thoái đều phải có cách thích hợp.

4. Tất nhiên, một mưu kế không thể mưu tính cho hai vị quân chủ cùng một lúc: cho hai người đang thù địch nhau. Gọi là kế bất lưỡng trung.

5. Thuật này có những mưu kế:

1) Không tiến thì thôi (Bất tiến nhi thôi).

2) Một mũi tên giết năm con chim (Nhất tiễn ngũ điêu).

3) Mệnh trời ràng buộc (Thiên mệnh chi kiềm)

4) Kế không thể lơ lửng (Kế bất lưỡng trung)

Kế thứ nhất: KHÔNG TIẾN THÌ THÔI (Bất tiến nhi thôi)

Bất tiến nhi thôi là trong hoàn cảnh không tiến được thì thôi.

Y Doãn bỏ (thôi) vua Trụ tàn ác, không nghe mưu kế của Y Doãn.

Y Doãn theo (tiến) vua Thang vì vua Thang yêu dân, biết dùng kế sách của Y Doãn.

Trường hợp Văn Vương, Lã Vọng có lẽ không có con đường nào khác là chống lại vua Trụ, chỉ có đường tiến không có đường thôi.

Vấn đề là nên tiến lúc nào thì thích hợp nhất.

A. THÁNH NHÂN THUA NGƯỜI ĐẸP

Tề Cảnh Công hội ở Giáp Cốc về, Án Anh ốm chết. Tề Cảnh công thương khóc mấy ngày, đang lo trong triều không có người hiền tài, lại nghe tin nước Lỗ dùng Khổng Tử mà được cường thịnh, mới lo sợ mà nói rằng:

– Nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu chắc nên nghiệp bá, mà nên nghiệp bá thì tất phải tranh đất. Nước ta tiếp giáp với nước Lỗ thì cái họa ấy đến với nước ta trước biết làm thế nào?

Quan đại phu Lê Di tâu rằng:

– Chúa công lo nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu, sao không tìm cách ngăn trở đi ?

Tề Cảnh công nói:

Nước Lỗ đang giao quyền cho Khổng Khâu, ta dùng cách gì mà ngăn trở được ?

Lê Di nói:

– Tính con người ta hễ được cường thịnh thì tất sinh lòng kiêu giật, xin Chúa công lập một bộ nữ nhạc đưa cho vua Lỗ.

Vua Lỗ đã nhận nữ nhạc thì tất sinh lòng biếng mà chán Khổng Khâu. Bảy giờ Khổng Khâu tất phải bỏ Lỗ mà đi, Chúa Công mới ngồi yên được.

Tề cảnh công bằng lòng, sai Lê Di xem trong đám nữ lưu chọn những người xinh đẹp, độ trong 20 tuổi, cả thảy tám mươi người, đều cho ăn mặc gấm vóc và dạy múa hát.

Khúc hát ấy gọi là Khang Lạc, âm thanh và điệu bộ đều mới lạ, đủ mọi chiều phong vận, ở đời chưa có bao giờ!

Khi luyện tập đã thành rồi, lại dùng 7 cỗ ngựa cương vàng, yên nạm, mỗi con một sắc, trông đẹp như gấm, sai sứ giả đem dâng Lỗ Định Công.

Sứ giả làm hai rạp bằng gấm ở ngoài cửa Cao Môn nước Lỗ, rạp phía đông bày đàn ngựa, rạp phía tây bày nữ nhạc, rồi đệ quốc thư vào Lỗ Định Công.

Lỗ Định Công mở thư ra xem.

Thư rằng:

"Tôi là Chử Cữu, cúi đầu dâng Lỗ quân hầu mấy lời. Khi trước hội ở Giáp Cốc, tôi có thất lễ với quân hầu: trong lòng vẫn lấy làm hổ thẹn: may mà quân hầu cò lòng dung thứ, cho tôi được giao hảo như xưa.

Từ ngày ấy tới giờ, trong nước nhiều việc không sang sinh vẫn được, nay có mấy đội ca vũ để khuây lòng điện hạ, bày cỗ ngựa hay để êm xe điện hạ, xin đem dâng quân hầu, gọi là chút lòng kính mến. Xin quân hầu nhận cho".

Quý Tôn Tư thấy nước Lỗ được thái bình cũng đã sinh lòng kiêu căng trở nài. Bỗng nghe nói gái nước Tề mỹ miều thánh thót, trong lòng vui vẻ, liền đổi y phục cùng mấy người tâm phúc, đi xe lên ra Cao Môn để xem.

Bấy giờ người nhạc trưởng đang diễn tập, tiếng hát lạnh lạnh lên đến mây xanh, điệu múa nhẹ nhàng như làn gió dịu, khi tiến khi thoái, vẻ sang làm quáng cả mắt người xem. Quý Tôn Tư đứng xem một lúc lâu, trông thấy nhan sắc và phục sức, lòng như ngây dại.

Lỗ Định Công một ngày ba lần cho triệu, mà Quý Tôn Tư chỉ vì ham mê nữ nhạc mà không vào triều.

Đến ngày hôm sau, Quý Tôn Tư mới vào yết kiến Lỗ Định công, đưa quốc thư nước Tề cho xem. Quý tôn tư tâu rằng:

– Đó là nhã ý của vua Tề, ta không nên từ chối.

Lỗ Định công cũng có lòng tương mộ liền hỏi:

– Nữ nhạc ở đâu, ta thử đi xem thế nào.

Quý Tôn Tư nói:

– Hiện ở ngoài Cao Môn, Chúa công ra xem, tôi xin đi theo. Nhưng sợ náo động trăm họ chỉ bằng ta đôi y phục là hơn.

Bấy giờ vua tôi cũng bỏ phẩm phục, lên một cái xe nhỏ, đi ra Cao Môn. Có kẻ báo tin cho người nhạc trưởng, người nhạc trưởng truyền cho bọn nữ nhạc phải ra sức múa hát. Bấy giờ véo von đủ giọng, uốn éo trăm chiều, mười đội vũ nữ, dập dìu thay đổi, thật là đầy tai một mắt, nghe nhìn không kịp, làm cho hai vua tôi nước Lỗ cùng tay múa chân nhảy.

Thị vệ lại khoe Lỗ Định công rằng:

– Ở phía Đông, có nhiều ngựa đẹp.

Lỗ Định công nói:

– Xem chỗ này cũng tuyệt rồi, bắt tất phải hỏi đến ngựa nữa!

Đêm hôm ấy, Lỗ Định công về cung suốt đêm không ngủ. Bên tai văng vẳng vẫn nghe tiếng nhạc như phảng phất như mỹ nhân nằm ở cạnh mình.

Ngày hôm sau, sợ hỏi triều thần thì mỗi người nói một cách, Lỗ Định Công cho triệu Quý Tôn Tư vào cung để viết thư đáp lại Tề Cảnh công. Trong thư giải lòng cảm kích, ở đây không nói xiết được!

Lại lấy trăm nén vàng để tặng sứ giả nước Tề, rồi đem nữ nhạc vào Cung. Chia cho quý Tôn Tư ba mươi người. Còn ngựa thì giao cho ngự chân chăn nuôi.

Lỗ Định Công và Quý Tôn Tư mới được nữ nhạc, chỉ lo hưởng dụng cho thỏa, ngày thì hát múa, đêm thì chiếu chầu, suốt trong ba hôm, chẳng nghĩ gì đến chính sự trong nước.

Khổng Tử nghe biết việc ấy, chán mà thở dài. Học trò Khổng Tử là Trọng Do đứng hầu bên cạnh, nói rằng:

– Chúa công lười biếng, chẳng nghĩ gì đến chính sự Thầy nên đi nước khác.

Khổng Tử nói:

– Nay mai sắp tế giao, nếu nhà vua còn giữ được đại lễ thì cũng chưa đến nỗi nào!

Đến lúc tế giao, Lỗ Định công vừa làm lễ xong, tức khắc về cung, chẳng ra coi triều, cũng chẳng nghĩ gì đến phần tế.

Người coi việc chia phần tế đến hỏi thì Lỗ Định phó thác cho quý Tôn Tư, Quý Tôn Tư phó thác cho kẻ gia thân. Khổng Tử đi tế về cho mãi chiều tối, cũng chẳng thấy thịt phần đưa đến, mới bảo Trọng Do rằng:

– Nếu vậy thì cũng tại lòng trời!

Khổng Tử lại ngồi gảy một khúc đàn cầm. Gảy xong khúc đàn, sắp sửa hành trang rời nước Lỗ.

Trọng Do và Nhiễm Cầu cũng bỏ quan đi theo Khổng Tử.

LẠM BÀN:

1. Tề sợ Lỗ mạnh nên tìm cách li gián vua Lỗ với Khổng Tử và vua Lỗ đã trúng kế. Biết mưu kế của mình sẽ không được vua Lỗ dùng nữa, Khổng Tử đành phải rời nước Lỗ. Kế của Tề gọi là rút củi đáy nồi. Diệt nguy cơ tận gốc.

2. Người xưa, cho rằng những bậc được tôn làm thánh, là người lập thân, muốn cho danh phận mình được hiển dương, danh dự của mình được rộng mở và đạo lí trị quốc, bình thiên hạ của mình được thi hành (tiến). Nhưng không gặp được vua chúa hiền minh, họ thường quy ẩn (thối) để bảo toàn thân danh và đạo lý.

3. Kế này tương tự với kế tẩu vi thượng sách, chạy là thượng sách.

Lúc đối phương hoặc địch mạnh, thắng cả thế và lực, thì rút lui để bảo toàn mạng sống hoặc lực lượng.

Có hai loại chạy, văn chạy và võ chạy. Văn chạy là kế thoát thân không dùng võ lực, không đổ máu.

Võ chạy là quyết chiến, mở đường máu để thoát thân. Trong lịch sử Trung Quốc kẻ chạy được áp dụng phổ biến và nhiều lần nhất.

Có một tác giả nhận xét dí dỏm cho rằng dân tộc Trung Quốc do điều kiện sống, thiên tai, dịch họa nên phải chạy. Dần dần hình thành ra thói hằng chạy và chạy rất giỏi.

Những ông vua vĩ đại nhất lịch sử cũng đã từng bỏ chạy Văn vương, Hán vương, Lưu Bị.

Bậc được tôn thành thánh nhân như Khổng Tử cũng từng chạy.

Ông quan võ chạy qua sáu cửa ải, chém sáu tướng để trở về với an hem, đồng đội là Quan Vân Trường.

Mưu sĩ chạy chộn rộn nhiều nhất: Trương Nghi, Tô Tần, Tô Tán, Trần Bình, Ngũ Viên.

Kẻ khéo chạy, chạy đúng thì sống như Phạm Lãi. Không chạy mà như chạy là Trương Lương.

Không chạy đúng lúc, dùng dằng bị lộ: Văn Chủng, Hàn Tín.

B. NGƯỜI ĐỜI KHÔNG DUNG NẠP CŨNG CHẲNG QUAN HỆ GÌ

Lúc Khổng Tử bị đại phu Trần, Thái vây ở rừng. Khổng Tử muốn thoát mà không có lối; lương thực lại hết sạch, các đệ tử đi theo thầy đều ngã bệnh vì đói không dạy được.

Khổng Tử biết đám học trò có ý oán trách nên mới gọi Tử Lộ lại hỏi:

– Kinh Thi có câu: "Tê chẳng phải hổ chẳng phải rùng hoang một đàn quanh quất mãi". Đạo ta sai chăng? Làm sao mà ta đến nỗi này ?

Tử Lộ thưa:

– Có lẽ đức nhân ta chưa đủ nên người chẳng tin ta. Có lẽ mưu trí ta chưa đủ nên người chẳng để cho công việc ta trót lọt.

Khổng Tử nói:

– Thật à? Này anh Do! Nếu cứ có đức nhân người ta tin thì sao Bá Di, thúc Tề lại chết đói ở Thử Dương? Nếu có đủ mưu trí thì công việc trót lọt tại sao

– Thật à này anh Do! Nếu cứ có đức nhân người ta tin thì tại sao Bá Di, thúc Tề lại chết đói ở Thử Dương? Nếu cứ đủ mưu trí thì công việc chót lọt thì tại sao vương tử Tỉ Can bị moi tim?

Tử Lộ ra. Tử Cống vào. Không Tử hỏi:

– Anh Tử, kinh thi có câu: "Tê chẳng phải hổ chẳng phải rừng hoang một đàn quanh quất mãi". Đạo ta sai chăng? Làm sao mà ta đến nông nỗi này?

Tử Cống thưa:

– Đạo của thầy cực kì lớn, cho nên người đời chẳng dung nạp được. Có lẽ thầy nên thu hẹp, rút nhỏ đạo của Thầy đi một chút.

Không Tử nói:

– Này anh Tử! Người làm ruộng lành nghề, giỏi cày cấy cấy mà vị tất đã thu hoạch; người thợ lành nghề đủ ngón khéo léo cấy cấy mà vị tất đã làm vừa ý người; người quân tử tu đạo biết giữ cho kỉ cương đạo lý mà vị tất đã khiến nổi người đời dung nạp mình. Nay anh chẳng tu đạo của anh mà chỉ muốn người đời dung nạp? Anh Tử chỉ anh không được cao cả!

Tử Cống ra Nhan Hồi vào Không Tử nói:

– Anh Hồi! Kinh thi có câu: "Tê chẳng phải hổ chẳng phải rừng hoang một đàn quanh quất mãi". Đạo ta sai chăng? Làm sao ta phải đến nỗi này?

Nhan Hồi thưa:

– Đạo của thầy cực kì rộng lớn cho nên người đời chẳng dung nạp được thầy. tuy nhiên thầy cứ theo đạo ấy mà khuếch sung nó. Người đời chẳng dung nạp thầy điều đó có quan hệ gì?

Người đời chẳng dung nạp thầy, đủ thấy thầy là bậc quân tử.

Đạo chẳng sửa thì thầy trò ta xấu. Đạo ấy sửa rồi mà chẳng được dung thì bọn vương hầu xấu.

Không Tử cười vui vẻ bảo:

– Thế à! Trò họ Nhan ta ơi! Giá anh mà giàu thì ta tình nguyện làm kinh tài cho anh.

Kế thứ hai :MỘT MŨI TÊN BẮN NĂM CON CHIM (Nhất tiễn ngũ điêu)

1. Nhất tiễn ngũ điêu là bắn một mũi tên chết năm con chim. Đại ý là một mưu kế có hiệu quả cao.

Theo cách nói thông thường là một công hai việc, nhất cử lưỡng tiện, nhất tiễn song điêu, có lợi cho mình, có lợi cho người.

2. Kế này dựa trên nguyên tắc là tích tiểu thành đại, biến không thành có, lấy yếu đánh mạnh, lấy mềm thắng cứng. đồng thời dựa vào quy luật tâm lí, người ngu dễ bị lừa; kẻ bất tiểu, tức là kẻ làm việc không lương thiện thường sở hãi; người bắn cùng thì dễ dẫn dụ.

3. Chủ yếu của kế này làm cho các thế lực công phá lẫn nhau, tiêu diệt lẫn nhau vì lợi lộc, vì danh dự

A. MỘT CHUYẾN ĐI CỦA TỬ CỐNG

Điền Thường muốn làm loạn ở nước Tề, nhưng còn e bọn Cao Chiêu tử, Quốc Hệu tử, Bào Mục, Án Ngữ, cho nên muốn chuyển quân đi một nơi, định đánh nước Lỗ đã. Không Tử được tin, bảo các học trò rằng:

– Nước Lỗ là nơi có mồ mả tổ tiên ta, là nước cha mẹ ta chôn nhau cắt rốn.Nay nước ấy lâm nguy, tại sao các anh không đi cứu?

Tử Lộ bèn xin đi.Không Tử bèn ngăn lại không cho. Tử Trương, Tử Thạch cũng xin đi. Không Tử vẫn không chịu, Tử Cống tình nguyện thì Không Tử bằng lòng.

Tử Cống đi thẳng đến nước Tề, nói với Điền Thường:

– Ông muốn đánh nước Lỗ là ông làm. Nước Lỗ rất khó đánh, là vì thành quách nước Lỗ nhỏ và thấp; đất đai nước Lỗ rất hẹp, không có bề sâu; vua chúa đần độn, không có lòng nhân, các quan đại thần dối trá, vô dụng, dân chúng lại ghét chiến tranh.

Vì những lẽ đó không thể đánh nhau với nước ấy được. Ông nên đánh nước Ngô hơn.

Nước Ngô thành quách cao và dày; đất đai rộng và có bề sâu; binh khí tốt, lại mới; binh sĩ cũng trẻ trung; binh khí tốt, quân đội tinh thực tập trung cả ở đó; các quan đại phu được cử giữ thành lại là người sang suốt. Như thế dễ đánh.

Diên Thương nổi giận biến sắc, nói:

– Cái người ta cho là dễ thì ông bảo là khó, cái người ta cho là khó thì ông bảo là dễ; ông dung lời lẽ ỡm ờ ấy dạy khôn tên Thường này, là có ý gì ?

– Tôi nghe nói: Bị chèn ép ở triều đình thì phải đem quân đi đánh nước mạnh, bị dân chúng không ưa thì đem quân đi đánh nước yếu.

Nay tôi biết ông đang bị chèn ép ở triều đình, nghe nói: ba lần ông sắp được phong mà cả ba lần đều hụt. Như vậy, tất là trong đám quan đại thần có người chống đối ông.

Bây giờ ông định đánh phá nước Lỗ, để mở rộng đất đai cho nước Tề, (nếu thành công thì chiến thắng để vua mình thêm kiêu, diệt địch để các vị đại thần khác thêm quý), chứ công lênh đâu đến phần ông. Trái lại, tình quân thần giữa đáng nhân chủ và ông ngày một thêm sơ.

Thế là: trên, ông làm cho vua sinh lòng kiêu ngạo, dưới, ông làm cho quần thần lòng hành.

Như vậy mà mong thành việc lớn thì khó lắm. Vua chúa mà kiêu ngạo thì cần rờ. Bây tôi kiêu ngạo thì tranh hành. Thế là trên, ông làm cho đáng nhân chủ xích mích với ông, dưới ông làm cho các vị đại thần hục hặc, tranh chấp với ông, cái thế đứng của ông ở nước Tề bấp bênh nguy hiểm lắm.

Cho nên, tôi mới nói là: đánh nước Ngô hơn.

Ông đánh nước Ngô không thắng thì dân chúng ở ngoài hết oán ông, các vị đại thần cũng sẽ hết hần học ông (vì nước lâm nguy, họ đều trông cả vào ông).

Trên không có bọn cường thần thù nghịch, dưới không có đám dân chúng mè nheo.

Ông sẽ “một mình một chợ”, nắm giữ vị nhân quân, chế ngự nước Tề; nước Tề cũng chỉ biết có mỗi mình ông.

Diên Thường nói:

– Phải lắm! Khôn một nỗi là tôi đã đưa quân đến nước Lỗ mất rồi, bây giờ mà rời Lỗ kéo đi đánh Ngô thì thế tất bọn đại thần sẽ ngờ tôi. Vậy, làm thế nào?

Tử Công nói:

– Ông chỉ việc án binh bất động. Tôi xin đi sứ Ngô, yêu cầu Ngô Vương cứu Lỗ mà đánh Tề. Nhân cơ đó, ông sẽ đưa quân nghinh chiến quân Ngô.

Diên Thường bằng lòng để Tử Công đi về Nam yết kiến Ngô vương.

Tử Công đến nước Ngô, yết kiến Ngô vương, tâu rằng:

– Tôi nghe: đấng vương giả không tuyệt diệt nước yếu, đấng bá giả không dung kẻ địch mạnh. Nặng cả ngàn cân thêm và một đồng, đủ gây chênh lệch.

Nay một nước lớn có vạn cỗ xe là nước Tề, đang toan tính chiếm riêng lấy nước Lỗ nhỏ yếu để tranh hùng với nước Ngô. Tôi trộm nghĩ đó là mối nguy cho Đại vương vậy.

Vả lại cứu Lỗ, Đại vương sẽ hiển danh, đánh Tề, Đại vương sẽ được lợi; một mặt trấn an các nước chư hầu ở lưu vực sông Tứ, mặt khác, diệt xong bạo Tề là khắc phục được cường Tấn. Còn có cái lợi nào lớn hơn!

Trên danh nghĩa được tiếng là cứu nước Lỗ sắp mất; trong thực tế là cho Tề bị nguy khốn. Dù bậc tri giả cũng không nghi ngờ Đại vương làm.

Ngô vương nói:

– Hay lắm! Quả nhân đã từng giao chiến với nước Việt, Việt vương rút về nấu ở Côi Kê, chịu đựng gian khổ, chăm nuôi sĩ tốt, định báo thù quả nhân. Xin ông để quả nhân đánh xong Việt đã, rồi xin theo kế hoạch của ông.

Tử Công nói:

– Nước Việt mạnh không hơn nước Lỗ, nước Ngô mạnh không hơn nước Tề. Đại vương để nước Tề đẩy, đi đánh nước Việt, thì trong đó nước Tề đã lấy xong nước Lỗ rồi.

Vả lại Đại vương đang cần bảo vệ nước yếu, phục hưng nước mất để nêu cao chính nghĩa. Đánh nước Việt nhỏ, sợ nước Tề mạnh, như thế e không phải dung. Kẻ dung mãnh tránh việc khó, kẻ nhân chẳng ở cảnh cùng, kẻ trí chẳng lỡ thời cơ. Đáng vương giả chẳng để cho một dòng vua bị diệt, nhờ vậy mà được tiếng trọng nghĩa.

Nay Đại vương không diệt nước Việt là cho chư hầu rõ lòng nhân của Đại vương; cứu nước Lỗ, đánh nước Tề uy dung của Đại vương chấn động cả nước Tấn, thì chư hầu tất sẽ dắt nhau về thần phục nước Ngô, nghiệp bá của Đại vương thế là thành tựu vậy.

Vả lại nếu Đại vương ghét nước Việt thì tôi xin đi về Đông, đến nước Việt, làm cho vua Việt đem quân giúp sức Đại vương, sự thực là cho nước Việt suy kiệt mà trên danh nghĩa vẫn là cùng chư hầu làm việc thảo phạt.

Ngô vương bằng lòng, nhờ Tử Công sang nước Việt.

Tử Công đến nước Việt, Việt vương ra tận ngoài thành tiếp rước, đích thân đưa về khách xá, hỏi rằng:

– Tề quốc là nước man di, Tiên sinh chẳng sợ mất thể diện, đến thăm một cách trang trọng thế này, có điều gì dạy bảo?

Tử Công nói:

– Hiên nay tôi yêu cầu Ngô vương giải cứu nước Lỗ, thảo phạt nước Tề, nhưng còn sợ nước Việt, bảo: Đợi quả nhân đánh xong nước Việt đã, rồi sẽ làm theo ý ông. Như vậy thì nước Việt sẽ bị tan tành mất. Không ráp tâm báo thù người mà để người ngờ, là vụng. Ráp tâm báo thù người để cho người biết thì mệt. Việc chưa phát hiện mà lọt ra ngoài thì nguy. Ba điều đó, người cử sự tối kị.

Việt vương Câu Tiễn cúi đầu sát đất, lạy hai lạy, nói:

– Kẻ thất đức này đã từng không biết tự lượng sức mà giao chiến với nước Ngô, đến nỗi bị nguy khốn ở đất Cối Kê này. Nỗi đau khổ thật thấm đến xương thủy. Ngày ngày kẻ bất đức này thường nói với sĩ tốt nhắc nhở điều đó đến rất lười, se môi chỉ muốn cùng Ngô vương một trận sống mái. Đó là ước nguyện của kẻ bất đức này.

Rồi hỏi Tử Cống (về con người Ngô vương).

Tử Cống nói:

– Ngô vương là người hung bạo, bầy tôi không ai chịu nổi; vì chinh chiến luôn, nhà nước hao tổn, quân lính chán nản. Dân chúng oán hờn người trên, bọn đại thần ngấm ngầm chống đối.

Ngũ Tử Tư vì can thẳng mà bị giết. Quan Thái tử Phỉ cầm quyền thì chiều cả lỗi vua để được yên thân, đúng là cái lỗi làm lụn bại quốc gia.

Nay nếu quả thật Đại vương gửi quân đội giúp Ngô vương, để khích động ý chí ông ta, đưa đồ quý cống nhường để đẹp lòng ông ta dung lời lẽ nhún nhường mà tang bốc ông ta thì ông ta tất phải đánh Tề. Ông ta tất thắng xua quân đánh Tấn.

Tôi xin lên phương Bắc yết kiến vua Tấn, yêu cầu cùng đánh Ngô. Như vậy nước Ngô suy yếu là điều chắc chắn. Binh ròng của quân Ngô đem cả sang Tề, giáp nặng của Ngô kẹt cả ở Tấn, Đại vương sẽ thừa cái thế Ngô đang mệt mỏi mà đánh Ngô tất sẽ bị diệt vong.

Việt vương nghe Tử Cống nói vậy thì vui vẻ nhận lời, tặng Tử Cống tram dát vàng, một thanh kiếm, hai cây mâu tốt. Tử Cống không chịu nhận cáo từ

đi ngay.

Tử Công về tâu với Ngô vương rằng:

– Tôi đã kính cẩn nói lời Đại vương cho Việt vương nghe. Việt vương sợ lắm bảo: Kẻ bất đức này chẳng may mất cha từ nhỏ, không tự lượng sức mình đã xúc phạm đến nước Ngô, để đến nỗi quân bị phá, thân bị nhục, phải nương náu ở cái đất Côi Kê này, đất nước hoang tàn, kho tàng trống rỗng; may mà được Ngô vương còn ban ơn để có đồ cúng tế mà phụng thờ tổ tiên, ơn ấy để đời, chẳng bao giờ kẻ bất đức này quên, đâu còn dám tính đến chuyện trả thù báo oán.

Sau năm hôm, quả nhiên Việt vương sai đại phu Chung đến, cúi rạp đầu tận đất, tâu với Ngô vương rằng:

– Nước Tề không tốt, làm cho chúa tôi Câu Tiễn cảm hờn. Vì tình hình Đông hải (tức Tề), chúa tôi sai tôi là Chung đến đây làm thân với các quan cấp dưới để dò hỏi các vị cận thần của Đại vương, thì trộm hay tin rằng Đại vương sắp vì đại nghĩa dấy quân diệt trừ nước mạnh để cứu giúp nước yếu, vậy hãm nước Tề bạo ngược để ủng hộ nhà Chu cho vương thất được yên lòng.

Chúa tôi đem hết ba ngàn quân trong nước, đến giúp Đại vương và nguyện tự mặc áo giáp, cầm đồ nhọn, tiến lên trước mà hứng lấy mũi tên hòn đạn.

Nhân dịp, nước Việt có cho Chung tôi mang đến đây mười hai tấm giáp của tiên nhân đã giữ gìn để lại, cùng với búa, mâu Khuất Lư và kiếm Bộ Quang để mừng bộ độ quý quốc.

Ngô vương bằng lòng lắm, đem chuyện nói lại với Tử Công:

– Vua Việt muốn đích thân theo quả nhân đi đánh Tề, có nên cho theo không?

Tử Công đáp:

– Không nên! Dùng hết quan dân của người ta, là cho nước người ta rỗng không, không còn bộ đội, lại còn bắt luôn vua người ta theo mình thì bất

nghĩa lắm. Xin Đại vương nhận lấy đồ biểu, cho phép quân lính của họ được theo ta, nhưng khước từ đừng để họ cho vua đi cùng.

Ngô vương bằng lòng theo lời Tử Công, sai người từ tạ Việt vương. Rồi đốc hết quân chín quận đi đánh Tề.

Tử Công thừa dịp sang nước Tấn, nói với vua Tấn rằng:

– Tôi nghe kế hoạch chẳng định trước, đợi nước đến chân mới nhảy thì nguy; binh sĩ không sắp đặt trước thì không đánh bại được quân địch.

Hiện nay hai nước Tề và Ngô sắp sửa đánh nhau, Ngô mà không thắng Tề thì Việt tất sẽ ngậy vào làm cho Ngô rối loạn. Ngô mà thắng Tề thì tất đem quân xâm lăng Tấn.

Vua Tấn nghe nói, sợ quá, hỏi:

– Thế thì phải làm sao bây giờ?

Tử Công đáp:

– Xin Đại vương nên luyện quân rồi nghỉ ngơi đợi họ.

Vua Tấn bằng lòng làm theo lời Tử Công, Tử Công rời nước Tề trở về nước Lỗ.

Quả nhiên Ngô vương đánh nhau với Tề ở Ngãi Lăng; quân Ngô đại thắng, bắt sạch binh sĩ của bảy tướng Tề rồi mà chẳng chịu thoái triệt, cứ thế tiến sang đất Tấn thật.

Quân Ngô quân Tấn gặp nhau ở Hoàng Trì. Đôi bên giành nhau ưu thế, rồi quân Tấn đại phá quân Ngô.

Việt vương nghe tin, kéo quân vượt sông Tiền Đường đánh úp nước Ngô, đóng quân cách kinh đô Ngô có bảy dặm. Hay tin đó, Ngô vuyong vội vã rời đất Tấn trở về, giao chiến với quân Việt ở Ngũ Hồ luôn ba trận mà không thắng. Công thành Ngô bị chọc thủng, quân Việt ồ vào vây cung Ngô, giết chết Ngô vương Phù Sai cùng với tiên tể tướng.

Ba năm sau phá xong nước Ngô, nước Việt hướng về đông mà xưng bá.

LỜI BÌNH CỦA TƯ MÃ THIÊN:

Cho hay, Tử Cống chỉ một lần ra đi mà nước Lỗ được bảo tồn, nước Tề bị rối loạn, nước Ngô bị đánh phá, nước Tấn được cường thịnh, nước Việt dựng nên nghiệp bá.

Tử Cống một phen đi sứ làm cho các thế lực công phá lẫn nhau, trong vòng mười năm, cả năm nước Lỗ, Tề, Ngô, Tấn, Việt đều thay đổi cục diện.

B. BA NGƯỜI CHẾT VÌ MỘT QUẢ ĐÀO

Một hôm, Lỗ Chiêu công vì cố không phục nước Tấn, muốn kết giao với Tề, thân hành sang triều kiến Tề Cảnh công.

Tề Cảnh công bày tiệc để thết đãi. Nước Lỗ thì Thúc Tôn Nhược (con của Thúc Báo) làm tể tướng. Nước Tề thì Án Anh làm tướng lễ.

Bọn tam kiệt (Điền Khai Cương, Cổ Giả Tử và Công Tôn Tiếp, được vua tề rất sủng ái) chống gươm đứng ở dưới thềm; kiêu căng ngạo mạn, không coi ai ra gì!

Lỗ Chiêu công và Tề Cảnh công rượu đã ngà ngà say. Án Anh râu rắng:

– Trong vườn quả kim đào đã chín, xin sai người ra摘 để chúc thọ hai vua.

Tề Cảnh công nghe lời, truyền cho người giữ vườn đem kim đào vào dâng. Án Anh râu rắng:

– Kim đào là một của báu, tôi thân hành đi coi xét việc摘 quả.

Án Anh bèn lĩnh chìa khoá cửa vườn đi ngay:

Tề Cảnh công nói với Lỗ Chiêu công rằng:

Đời Tiên công tôi ngày xưa, có người Đông Hải đem cái hạt đào đến dâng, nói là giống Vạn thọ kim đào, nguyên trồng ở Độ Sách sơn ngoài bể,

cũng gọi tên là Ban đào nữa.

Nước tôi đã trồng hơn bai mươi năm, cành lá rất tốt, nhưng chỉ khai hoa mà không có kết quả.

Mãi đến năm nay, mới bói được mấy quả, tôi lấy làm quý lắm, nên phải khoá cửa vườn lại, nay nhân có nhà vua tới đây, tôi xin đem ra để dâng nhà vua.

Lỗ Chiêu công chấp tay cảm ơn.

Lát sau, Án Anh đưa người giữ vườn bưng mâm đào vào dâng.

Trong mâm có sáu quả đào, quả nào cũng to bằng cái bát, sắc đỏ như viên than hồng, mùi hương bay ngào ngạt, thật là một thứ của quý.

Tề Cảnh công hỏi rằng:

– Chỉ có bấy nhiêu quả đào thôi à?

Án Anh thưa:

– Còn ba, bốn quả nữa chưa chín, bởi vậy chỉ thấy có sáu quả.

Tề Cảnh công sai Án Anh mời rượu, Án Anh tay bưng chén ngọc, đến dâng trước mặt Lỗ Chiêu công.

Thị vệ bưng mâm đào đến.

Án Anh chúc một câu rằng:

– Đào ta bằng đầu, thiên hạ ít có. Hai vua cùng ngự. Nghìn năm hưởng thọ!

Lỗ Chiêu công uống xong chén rượu, cầm ăn một quả đào, thấy ngon ngọt khác thường, nên ngợi khen mãi không ngớt miệng.

Đến lượt Tề Cảnh công, cũng uống một chén rượu, cầm ăn một quả đào, ăn xong, lại bảo quan đại phu nước Lỗ là Thúc Tôn Nhược rằng:

– Thứ đào này quý lắm! Quan đại phu có tiếng là người giỏi, nay lại làm tướng lễ ở đây, cũng nên xơi một quả.

Thúc Tôn Nhược quỳ xuống mà tâu rằng:

– Hiền đức của tôi, còn kém quan tướng quốc (chỉ Án Anh) muôn phần. Quan tướng quốc trong thi sửa sang chính trị, ngoài thì khiến cho chư hầu phải phục, có công to lắm, vậy thứ đào này nên nhường để quan tướng quốc, tôi không dám!

Tề Cảnh công nói:

– Đã như vậy thì ban cho cả hai người, mỗi người một chén rượu và một quả đào.

Án Anh và Thúc Tôn Nhược lạy tạ rồi lĩnh đào.

Án Anh tâu với Tề Cảnh công rằng:

– Trong mâm còn hai quả đào, chúa công nên truyền lệnh cho các quan, người nào có công lao nhiều thì ra mà lĩnh lấy quả đào ấy.

Tề Cảnh công khen phải, rồi sai thị vệ truyền dụ cho các quan rằng:

– Trong hàng các quan ai cũng có công lao nhiều, đáng ăn quả đào này thì cho được phép đứng ra mà tâu. Đã có quan tướng quốc xét công lao mà cho đào.

Công Tôn Tiếp đứng ra tâu rằng:

– Ngày xưa tôi theo Chúa công đi săn ở Đông Sơn, ra sức giết được hổ thì công ấy thế nào?

Án Anh nói:

– Cái công bảo giá to ngất trời ấy, còn gì hơn nữa!

Án Anh nói xong, đưa cho một chén rượu và một quả đào.

Công Tôn Tiệp lĩnh lấy rồi lui xuống.

Cổ Giả Tử đứng ra mà tâu rằng:

– Giết hổ chưa lấy gì làm lạ! Khi trước tôi giết được con giải yêu quái ở sông Hoàng Hà, khiến Chúa công nguy mà lại yên, công ấy thế nào?

Tề Cảnh công nói:

– Ta còn nhớ lúc bấy giờ song gió dữ dội, nếu không có tướng quân chém được con giải ấy thì thuyền ta tất phải đắm, đó thật là một kì công trên đời, đáng uống rượu và ăn đào lắm!

Án Anh vội đưa rượu và đào cho Cổ Giả Tử.

Bồng thấy Điền Khai Cương bước lên mà nói rằng:

– Tôi phụng mệnh Chúa công đi đánh Từ, chém được tướng Từ, bắt sống được hơn năm trăm quân Từ, vua Từ cùng vua Đan, vua Cử đều sợ hãi mà phải xin hoà, tôn Chúa công lên làm chủ, cái công ấy có đáng ăn đào không?

Án Anh tâu với Tề Cảnh công rằng:

– Cái công của Điền Khai Cương, ví với hai tướng trước, lại còn gấp mười, nhưng nay hết đào rồi hãy tạm thưởng cho một chén rượu, đợi đến năm khác sẽ hay.

Tề Cảnh công bảo Điền Khai Cương rằng:

– Công nhà ngươi to lắm, chỉ tiếc thay nói chậm, thành ra hết cả đào.

Điền Khai Cương chông gươm nói rằng:

– Giết hổ và chém giải, chẳng qua là những việc nhỏ mà thôi. Ta đây xông pha tên đạn ở ngoài nghìn dặm, biết bao công lao khó nhọc, lại không được ăn đào, chịu nhục ở trước mặt hai vua, để tiếng cười về sau, còn mặt mũi nào mà đứng ở trong triều đình nữa!

Nói xong, đâm cổ chết ngay.

Công Tôn Tiệp giật mình, cũng rút gươm mà nói rằng:

– Chúng ta công nhỏ mà được ăn đào, họ Điền công to mà không được ăn. Ta ăn đào mà không biết nhường, sao gọi là liêm; thấy người ta chết mà không theo, sao gọi là dũng !

Nói xong, cũng đâm cổ chết.

Cổ Giả Tử kêu rầm lên rằng:

– Ba chúng ta kết nghĩa với nhau, thề cùng nhau sống chết, nay hai người đã chết, ta còn ham sống làm gì ?

Nói xong, lại cũng lấy gươm đâm cổ mà chết.

Tề Cảnh công vội sai người ngăn lại, nhưng không kịp.

Lỗ Chiêu công đứng dậy nói:

– Tôi nghe ba tướng ấy đều là những bậc tài giỏi nhất thiên hạ, tiếc thay trong một buổi sớm mà chết mất cả ba người.

Tề Cảnh công nghe nói, thì biến sắc, chỉ làm thinh không đáp.

Án Anh thông dong đáp rằng:

– Đó chẳng qua là mất kẻ vũ dũng ở nước tôi mà thôi, đâu có chút công nhỏ nọn, cũng không đáng tiếc.

Lỗ Chiêu công nói:

– Ở bên quý quốc, những kẻ vũ dung như thế phỏng được mất người.

Án Anh đáp rằng:

– Những kẻ bày mưu lập kế ở chốn miếu đường, có tài làm tướng quốc hoặc làm nguyên soái thì đến vài ba mươi người, còn những kẻ vũ dung ấy

thì chẳng qua chỉ để Chúa công tôi sai khiến mà thôi, dầu sống hay chết, nước Tề tôi cũng không hơn thiệt gì cả!

LẠM BÀN:

Ba dung sĩ tài giỏi nhất thiên hạ, kết làm anh em, lui tới với bọn nịnh thần, lại được vua yêu mến. Thế lực đã mạnh càng thêm mạnh. Ở thế mạnh, bọn tam kiệt chẳng xem ai ra gì kể cả vua nước lân bang. Nhưng chỉ một buổi sang thì bị tiêu diệt bởi mưu kế Án Anh, một người cao không đầy sáu thước.

Chứng tỏ yếu có thể thắng mạnh, mềm có thể thắng cứng. Mưu kế thích hợp có thể thắng cả sức mạnh vô địch trong thiên hạ.

Án Anh tiêu diệt tam kiệt là vì sự an nguy của đất nước. Chỉ có lợi cho nước.

Tiết 7: THIÊN MỆNH RÀNG BUỘC (Thiên mệnh chi kiềm)

1. Thiên mệnh chi kiềm là sự ràng buộc của thiên mệnh. Đại ý nói về sự ràng buộc, quan hệ, kết hợp giữa minh quân và hiền tài.

Nêu vị trí quan trọng của việc thu nạp, trọng dụng hiền tài, người trên với thuộc hạ.

2. Thiên mệnh cũng có thể hiểu là những quy luật của tự nhiên. Các bậc hiền sĩ, mưu sĩ trong bốn biển thường mong muốn tìm được vị minh quân để phò tá, thực hiện mưu kế, sách lược của mình.

Những anh hùng hào kiệt, những ông vua có chí lớn, nhất là khi mới nhen nhóm thế lực, hoặc lúc rơi vào cảnh khốn cùng thì lại rất cần các mưu sĩ.

Chính vì vậy họ tìm cách gặp nhau.

Khi gặp được mưu sĩ hiền những kẻ sách lược giúp anh hùng hào kiệt hoặc vua chúa có thể tranh giành được thiên hạ, họ thường cho rằng đây là người trời ban cho mình, như "cá gặp nước", "hạn gặp mưa", "hổ mọc cánh".

3. Xết kết hợp, kết cho thật bền chặt cũng là một mưu kế làm tang thêm sức mạnh.

Quyền lực và mưu kế kết chặt với nhau thì trở thành vô địch, có thể giành được thiên hạ.

Ví dụ: Vua Thang kết với Y Doãn, Khương Tử Nha với Văn Vương. Lưu Bang với Trương Lương. Lưu Bị với Khổng Minh...

A. CÂU CÁ BẰNG CÂY KIM

Theo truyện kể, Khương Tử Nha sinh trong thời loạn. Lớn lên làm nghề gì cũng chẳng nên, không gặp thời: Buôn bột, bột sứt giá. Buôn lợn, lợn bị dịch. Nghề lâu năm là đồ tể, giết heo mổ bò, nhờ có sức khỏe phi thường.

Lúc tuổi đã 80, già lụ khụ, ngày ngày ngồi câu cá ở Bàn Khê, Tây Kỳ, bằng một lưỡi câu thẳng như cây kim.

Một người trông thấy vậy, thương tình nói:

– Ông không biết câu cá. Tôi sẽ bày cho ông cách làm lưỡi câu. Ông bỏ kim này vào trong lửa đỏ, uốn cong, móc mồi vào mới câu được cá.

Khương Tử Nha đáp:

– Tôi chỉ thích những gì ngay thẳng, không thích quanh co.

Lão không chú ý đến câu cá mà chỉ nhằm câu vương, câu hầu.

Người ấy cười, nói:

– Ông có ngồi cả đời cũng không câu được con tép đừng nói đến vương với hầu !

Văn Vương nghe Tử Nha là hiền tài bèn đích thân đem xe đến mời, cho ngồi bên trái, ý nghĩa là tôn trọng và phong làm quân sư.

Khương Tử Nha muốn báo đáp ơn tri ngộ và hậu đãi của Văn Vương, tận tụy phò tá Văn Vương, sáng lập ra nhà Chu.

Sau khi Văn Vương mất, Khương Tử Nha hết lòng phò tá Võ Vương đánh bại và tiêu diệt nhà Thương.

Kế sách của Tử Nha căn bản là:

1. Chiêu nạp hiền tài, đừng để những kẻ tài năng sống trong mai một, những người tâm huyết bị dồn vào chỗ chết vì bè đảng của bọn bất tài, xu nịnh.
2. Làm cho đất nước hưng thịnh; gọi là tam bảo, tức là chú trọng đến nông, công, thương.
3. Đặc biệt là chính trị phải thuận lòng dân, tương tự như trời đất tuy không công bố chính lệnh nhưng vạn vật sinh trưởng đúng theo quy luật của nó.

LẠM BÀN:

Cách chiêu hiền đãi sĩ của Văn Vương rất đặc biệt, không xét về quá khứ, xuất thân, nghề nghiệp.

Đưa một người làm đồ tể lên làm quân sư quả là hiếm có.

Chính chỗ tri ngộ đó làm cho Tử Nha đem quăng đời còn lại cục cung, tận tụy phụng sự cho Văn Vương.

B. TAY KHÔNG MÌNH TRẦN KHÔNG NHẬN VÀNG THÌ NHẬN GÌ ?

Hán Vương thu dụng Trần Bình, Quán Anh gièm rằng:

– Bình tuy đẹp trai, tốt mã, như ngọc giát mũ kì thực chưa chắc đã ra gì !
Thần nghe nói Bình lúc còn nhỏ ở nhà thì ăn trộm của chị dâu, thờ Ngụy thì Ngụy chẳng dùng phải bỏ chạy về với Sở. Về với Sở cũng chẳng hợp lại bỏ chạy về với Hán.

Nay Đại vương cho Bình làm lớn, giám hộ quân quan. Bọn hạ thần chúng tôi nghe nói Bình nhận vàng của các tướng, ai đút lót nhiều thì được chỗ tốt, ít thì bị chỗ xấu. Bình là kẻ loạn thần phản phúc.

Xin Đại vương xét cho.

Hán Vương sinh nghi, cho đòi Ngụy Vô Tri lại trách cứ. Vô Tri tâu:

– Thần nói là nói về tài năng. Bệ hạ nói về phẩm hạnh. Có phẩm hạnh cao như Vũ Sinh, Hiếu Kì mà chẳng đủ tài năng để giúp ích cho việc quyết thắng thì Đại vương dùng để làm gì?

Sở, Hán đang chống nhau, thần tiến cử kẻ sĩ có kì mưu là chỉ xét: liệu kế hoạch kẻ sĩ đó có đủ sức giúp quốc gia hay không thế thôi. Còn cái chuyện ăn trộm của chị dâu và nhận vàng của các tướng thì ngờ làm gì ?

Hán Vương lại đòi Trần Bình trách:

– Tiên sinh thờ Ngụy chẳng hợp, bỏ đi thờ Sở. Nay lại đến với ta. Người trọng tín nghĩa mà tráo trở đến thế ư ?

Bình đáp:

– Thần thờ Ngụy, Ngụy vương không dùng được thuyết của thần, cho nên thần bỏ đi thờ Hạng vương, Hạng vương không tin người, người được tin nhiệm thì chẳng phải thuộc dòng họ Hạng thì cũng là anh em đồng nhà vợ. Dù có sẵn kẻ kì sĩ, Hạng vương cũng không dùng nổi. Vì thế mà thần bỏ Sở.

Nghe nói Hán vương biết dùng người nên mới về với Đại vương. Thần tay không mình trần đến đây, không nhận vàng thì lấy gì làm gia tư tài sản ?

Nêu kế hoạch của thần có chỗ nào khả thủ thì xin Đại vương dùng, bằng không dùng được thì vàng còn nguyên đó, thần xin gói trả để sung công và xin toàn vẹn năm xương mà rút lui.

Hán vương xin lỗi, hậu tặng và cho làm hộ trung quân úy giám sát tất cả các tướng lĩnh.

Các tướng bấy giờ thôi, không dám nói gì nữa.

LỜI BÌNH CỦA TƯ MÃ THIÊN:

Quân thừa tướng Trần Bình thuở trẻ vốn thích đạo thuật của Hoàng Đế, Lão Tử. Từ lúc chia phần thịch đám, vốn đã có chí lớn rồi.

Loanh quanh nghiêng ngửa giữa khoảng trời Sở, Ngụy, rớt cuộc theo thờ Hán Cao Tổ.

Thường đưa ra nhiều mưu lạ, giải cứu được những tai nạn khó gỡ, làm cho quốc gia vượt khỏi nhiều mối lo âu.

Đến thời Lữ Hậu biết bao nhiêu việc xảy ra mà Trần Bình chung quy vẫn thoát, còn làm cho tôn miếu vững vàng, trọn đời giữa được vinh doanh, xưng là hiền tướng, há chẳng phải thiện thủy thiện chung đấy ư ? Không có trí mưu làm sao được thế ?

Kế thứ tư: MUU KẾ KHÔNG THỂ LỪNG LỖ (Kế bất lưỡng trung)

Kế bất lưỡng trung, đại ý là một kế không thể mưu cầu cho hai người cùng một lúc, tức là lơ lửng làm cho người được hiền kế không quyết đoán được.

Tính mưu kế toàn vẹn cho một người cũng là một mưu kế. Vì vậy, bày mưu kế phải tùy theo đối tượng và hoàn cảnh cụ thể. Người này phải dùng kế này, người khác dùng kế khác, hoàn cảnh này thì dùng kế nọ, hoàn cảnh kia phải dùng kế khác nữa. Tức là linh hoạt, quyền biến, tùy lúc mà hành động.

A. TÔI KHÔNG DÁM CAM ĐOAN

Tần đánh Triệu ở Trường Bình, đại thắng, kéo binh về rồi sai người qua Triệu đòi dâng đất sáu thành để giảng hòa.

Vua Triệu, Hiếu Thành Vương, còn do dự, thì Lâu Hoãn vừa ở Tần qua.

Vua Triệu bàn tính với Lâu Hoãn:

– Cho Tần sáu thành sẽ ra sao? Mà không cho thì sẽ ra sao?

Lâu Hoãn nhún nhường đáp:

– Điều đó tôi không thể biết được.

– Nhưng ông cứ thử cho ý kiến đi.

– Nhà vua có biết chuyện mẹ của Công Tôn Phủ Văn Bá không ?

Công Tôn Phủ Văn Bá làm quan ở nước Lỗ, đau rồi chết, mười sáu người đàn bà tự sát trong phòng để chết theo.

Bà mẹ hay chuyện đó, không hề khóc. Người vú nuôi bảo: "Người đâu con chết mà không khóc ?"

Bà mẹ đáp: "Khổng Tử là người hiền, bị đuổi khỏi nước Lỗ, thằng đó không đi theo Khổng Tử, nay nó chết mười sáu người đàn bà chết theo nó, thế là nó bạc bẽo với bề trên mà hậu hĩnh với đàn bà".

Vậy lời đó xuất từ miệng mẹ thì người mẹ là hiền, nếu xuất từ miệng người vợ không khỏi mang tiếng ghen tuông. Cũng là một lời, người nói khác thì lời cũng khác.

Nay tôi ở nước Tần qua mà bảo là nên cắt đất thì sợ nhà vua ngờ tôi là vị Tần, cho nên tôi không dám đáp. Tôi mà vì nhà vua mưu tính, thì không gì bằng cho đi.

– Phải.

Ngũ Khanh hay tin, vô ý kiến vua.

Vua kể lại lời của Lâu Hoãn.

Ngũ Khanh bảo:

– Đó là mượn cớ mà nói.

Vua hỏi:

– Sao vậy ?

– Tần đánh Triệu, nhà vua cho rằng vì mệt mỏi mà rút quân về, hay là còn sức để tiến nhưng vì quý mến nhà vua mà không tiếp tục đánh ?

- Tần đánh ta không còn dư sức, tức là mệt mỏi, phải rút quân về.

Ngũ Khanh nói :

- Tần dùng sức công phá mà không chiếm được, mệt mỏi, phải rút quân về.

Nay, nhà vua lại đem cái thành họ không chiếm được mà tặng cho họ, thế là giúp cho Tần thêm mạnh, để đánh lại mình.

Sang năm, Tần lại tấn công nữa, thì lúc đó vô phương cứu chữa.

Vua lại kể lời Ngu Khanh cho Lâu Hoãn nghe.

Lâu Hoãn nói :

- Ngu Khanh biết rõ lực lượng Tần không đủ (sức đánh tiếp); nếu quả thực biết lực lượng Tần không đủ thì một hòn đất cũng không cho.

Sang năm, Tần lại tấn công, liệu lúc đó nhà vua không cắt đất để cầu hòa, phỏng có được không ?

Vua nói :

- Nghe lời ông mà cắt đất cho Tần, ông có thể cam đoan rằng, sang năm Tần không tấn công ta nữa không ?

Lâu Hoãn đáp:

-Điều đó tôi không dám cam đoan. Xưa kia, Tam Tấn giao thiệp với Tần, hai bên rất thân thiện.

Nay Tần phóng thích Hàn, Ngụy, mà chỉ đánh nhà vua, thì nhất định nhà vua không thờ Tần như Hàn và Ngụy. Muốn giải trừ cái họa vì trái ý Tần mà bị đánh, thì mở cửa ải, lưu thông hóa tệ, cùng thân thiện với Tần như Hàn và Ngụy. Sang năm, nếu nhà vua không thờ Tần bằng Hàn, Ngụy, thì tôi không dám cam đoan.

Vua đem lời Lâu Hoãn kể cho Ngu Khanh

Ngu Khanh nói:

- Lâu Hoãn nói, không cắt đất cầu hòa thì sang năm Tần lại đánh, lúc đó không cắt đất cầu hòa cũng không được. Nay, cắt đất cầu hòa, Lâu Hoãn lại

không cam đoan sang năm Tần không đánh.

Như vậy, thì ta được lợi gì ? Nay, cắt đất cầu hòa, sang năm còn bị đánh, thì tự tử còn hơn là cầu hòa.

Tần tuy giỏi đánh, nhưng không chiếm được 6 thành. Triệu không giữ được, nhưng cũng không đến nỗi mất cả 6 thành. Nếu Tần mệt mỏi rút quân về, ta dùng 5 thành còn lại thu lòng thiên hạ để mưu tính chống Tần. Còn hơn là cắt đất, tự làm cho mình yếu đi, làm cho Tần mạnh hơn..v.v .

Đem đất có hạn của Triệu, để cung cấp lòng yêu sách vô hạn của Tần, thì Triệu sẽ bị diệt vong. Nhà vua đừng nghe lời Lâu Hoãn mà cắt đất cho Tần.

Vua Triệu nói :

-Phải !

Vua Triệu lại đem lời Ngụ Khanh nói với Lâu Hoãn.Lâu Hoãn nói:

- Ngụ Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Nay, quân Triệu bị khốn vì quân Tần, thì những nước trong thiên hạ đều đứng về phe thắng là Tần.

Cho nên, không gì bằng cắt đất cầu hòa với Tần, cũng là cách li gián lòng các nước trong thiên hạ. Nếu không Tần sẽ giận dữ, các nước nhân đó xúm nhau mà xâm xé, cắt xẻ, nước Triệu. Triệu đã mất rồi, thì còn mưu tính đánh Tần sao được? Xin nhà vua quyết đoán, đừng bàn thêm nữa.

Ngụ Khanh lại vào yết kiến vua Triệu và nói :

- Nguy rồi ! Lâu tử (Lâu Hoãn) làm tay sai cho Tần rồi ! Quân Triệu bị khốn vì Tần, nay lại cắt đất cầu hòa thì cũng không làm cho Tần vừa lòng, mà còn như muốn tuyên bố với thiên hạ là nước Triệu yếu quá rồi. Chỉ bằng, Tần đòi 6 thành, nhà vua đem thành hồi lộ cho nước Tề.

Tề - Tần vốn thâm thù với nhau, nghe tin nhà vua hồi lộ đất, thế nào Tề cũng dốc toàn lực đánh Tần.

Tuy mất đất cho Tề nhưng bù lại ta có nước liên minh đánh Tần, khiến cho cục diện thay đổi.

Vua Triệu nói :

- Phải !

Rồi sai Ngu Khanh qua phía Đông yết kiến vua Tề bàn mưu đánh Tần. Lâu Hoãn nghe tin, vội bỏ trốn.

LẠM BÀN :

Lâu Hoãn bày mưu cho vua Triệu cắt đất cho Tần, nhưng không bảo đảm là Tần còn đánh Triệu hay không ? Nên vua Triệu không tin và Ngu Khanh kết án Lâu Hoãn làm tay sai cho Tần là có lý.

Nói cách khác, mưu kế của Lâu Hoãn thuộc loại lừng lơ, khó dùng được.

B. CHIẾN TRANH KHÁC ĐUA NGỰA

Thời Xuân thu, Tề vây Ngụy để cứu Triệu. Quân Ngụy bỏ việc đánh Triệu, chia làm 3 ngã : Tả (trái), trung (giữa), hữu (phải), quay về bảo vệ thành Đại Lương.

Quân Ngụy sẽ đi ngang Quê Lăng, tướng Tề là Điền Kỵ biết được lực lượng cánh trái là mạnh nhất, đến cánh giữa, cánh phải là yếu nhất.

Điền Kỵ nhớ đến kế đua ngựa của Tôn Tẫn từng thắng cá cược trước đây. Cách đua ngựa của Tôn Tẫn là :

1. Đem con ngựa hạng ba, thi với con ngựa hạng nhất của đối phương; là thua.
2. Đem con ngựa hạng nhất, thi với con ngựa hạng nhì của đối phương; là thắng.
3. Đem con ngựa hạng nhì thi với con ngựa hạng ba của đối phương; là thắng.

Kết quả, thua một thắng hai; là thắng.

Tương tự, Điền Kỵ chia quân làm đạo:

1. Dùng cánh quân yếu nhất của mình, đánh đội quân mạnh nhất của Ngụy.
2. Dùng cánh quân mạnh thứ nhất để đánh đội quân mạnh thứ hai của Ngụy.
3. Dùng cánh quân mạnh thứ nhì, để đánh đội quân yếu nhất của Ngụy.

Điền Kỵ tính thua quân Ngụy một trận, thắng hai trận.

Tôn Tẫn can rằng : Chiến tranh không phải như đua ngựa. Chiến tranh phải ra sức tiêu diệt địch, bằng các phương án sau :

1. Đưa cánh quân yếu đánh với cánh quân bên trái của địch; cánh quân trung bình, đánh với cánh quân mạnh của địch. Trận trước, địch mạnh ta yếu; trận sau cân bằng nhau.

Hai trận này có thể dựa vào lợi thế của địa hình, cố gắng kìm chân địch, không nên quyết chiến.

2. Lúc này mới dùng cánh quân mạnh nhất của mình, nhanh chóng đánh cánh quân yếu nhất của địch.

Sau khi thắng, thì hợp lực với cánh quân trung bình, đánh cánh quân trung bình của địch.

Cuối cùng, đánh cánh quân mạnh nhất của địch.

Như thế, tương quan mỗi trận, quân Tề có ưu thế tuyệt đối.

Điền Kỵ nghe theo Tôn Tẫn, điều quân Tề đánh tan tác quân Ngụy.

LẠM BÀN :

Thủ đắc mưu kế nhưng không phải lúc nào cũng áp dụng một cách máy móc; mà phải ứng dụng theo từng sự việc mới có kết quả. Kế bất lưỡng trung còn có nghĩa, là không rập khuôn, không nên lơ lửng và thiếu thực tế.

Tiết 8: PHÁN ĐOÁN CÂN NHẮC (Suỷ tình chi thuật)

1. Suỷ tình hoặc suy ma (cọ sát) có nghĩa là đo lường, cân nhắc phán đoán.

Đại ý là quan sát, phán đoán, cân nhắc, thấy sự mạnh yếu, tương quan lợi hại trước khi thực hiện kế sách.

Sách này dựa vào phương pháp hoành lượng quyền thế, đo lường quyền và thế, biết sự mạnh yếu của đối phương, biến hoá trong toàn cục thiên hạ. Từ đó mới có kế sách thích hợp để chế ngự và thống trị được đối phương và thiên hạ.

2. Hoành lượng quyền thế: là xem thiên thời, địa lợi hay phúc? Tốt hay xấu?

Xem địa hình thuận lợi hay khó khăn? Đâu là hiểm trở, chỗ nào không hiểm trở?

Lòng dân như thế nào? Nhân dân đang sống trong an bình hay đang gặp nguy hiểm? Giàu hay nghèo?

Giữa vua và quần thần ai là kẻ hèn gối, ai là kẻ như xa lạ?

Thần tử hiền, sang suốt hay là những kẻ không sợ cười chê?

Mưu sĩ. Mưu kế đối phương nhiều hay ít? Vật chất, tiền tài có hay không?

Binh sĩ trí huệ cao hay thấp? Tinh thần thế nào?

Mưu sĩ, mưu kế đối phương nhiều hay ít? Tiền tài vật chất có hay không?

Xem sự việc, sự vật cái nào dùng được cái nào không dùng được?

Mọi vật, mọi việc đo lường lớn nhỏ xác định nhiều ít thì mới thành công.

3. Áp dụng tốt phương pháp hoành lượng quyền thế thì có thể thống trị được chư hầu, trị quốc và trị nhà.

4. Sách này có các kế:

1) Thẩm định thời cơ và đo lường thế lực (Thẩm thời, độ thế).

2) Lộ nguyên hình (Chân nhân lộ tướng).

3) Liệu địch như thần (Liệu tướng như thần).

4) Quan co, sâu xa (Khúc kinh thông u).

Kế thứ nhất: THÂM ĐỊNH THỜI CƠ, ĐO LƯỜNG THỂ LỰC (Thâm thời, độ thế)

Thâm định thời cơ, đo lường thể lực là so sánh thế và lực của ta và đối phương, tận dụng thời cơ để đưa ra kế sách làm cho đối phương suy yếu, tan rã và làm cho thế, lực của mình càng ngày càng mạnh lên.

Theo phương pháp hoành lượng quyền thế và nguyên tắc đo lường lớn, nhỏ, xác định nhiều ít.

MÙA ĐỒ ĐẠI NGHIỆP

Đến Bành Thành, quân Hán thua, phải quay trở lại.

Tới Hạ ấp, Hán Vương xuống ngựa, ngồi xoạc trên chiếc yên vừa tháo, hỏi Trương Lương:

- Ta muốn bỏ tất cả đất đai từ Hàm Cốc trở về đông, ai có thể cùng ta mưu đồ đại nghiệp? Lương tiến lên thưa:

- Có Cửu Giang vương Kinh Bồ, một mãnh tướng đang xích mích với Hạng vương và Bành Việt đã cùng Tề vương Điền Vinh làm phản Sở ở đất Lương. Hai người đó nên dùng gấp. Còn trong đám tướng lĩnh của Hán vương thì chỉ có mỗi Hàn Tín là có thể phó thác cho đại sự, một mình có thể đảm đương được một phía. Nếu muốn bỏ (đất từ Hàm Cốc trở về đông) thì bỏ cho ba người ấy, như thế thì có thể phá Sở được.

Hán vương bèn sai Tiêu Hà đi thuyết Cửu Giang vương Kinh Bồ và cử người đi kết ước với Bành Việt.

Kịp khi Ngụy vương Báo làm phản thì Hán vương sai Hàn Tín đem quân đi đánh Báo, nhân đó lấy được cả mấy nước Yên, Đại, Tề và Triệu. Nhưng sau cùng phá được nốt Sở thì nhờ công của ba người.

LẠM BÀN:

Hán vương đang ở trong thế yếu phải lo chạy về đông. Sở Vương đang ở thế mạnh.

Trương Lương so sánh lực lượng của Hán vương và Sở vương. Một mặt, lợi dụng sự xích mích giữa Sở vương Kinh Bô và Bành Việt làm cho Sở vương mất đi hai liên minh. Mặt khác, thấy được tài năng của Hàn Tín phó thác cho đại sự. Biết người biết ta, biết thời cơ Trương Lương đã giúp Hán vương chuyển yếu thành mạnh, chuyển nguy thành an.

Kế thứ hai: XUẤT ĐẦU LỘ DIỆN (Chân nhân lộ tướng)

Kế này còn có tên gọi là xuất đầu lộ diện, là nắm bắt cơ hội thi thố tài năng, chứng minh giá trị của mình.

Có nhiều người tài năng nhưng chưa chắc đã gặp thời cơ để thi thố chứng minh giá trị tài năng của mình. Nhưng ở thời điểm thích hợp thì nắm bắt thời cơ xuất đầu lộ diện để tiến thân lập nghiệp.

A. XIN ĐƯỢC CHẾT THEO VUA

Giang Ất nói với An Lăng:

- Ông không có một thước đất, không có tình cốt nhục với vua mà được hưởng địa vị tôn quý, bổng lộc hậu hĩnh, người trong nước thấy ông cũng xóc áo mà chào là nhờ đâu?

Đáp:

- Nhờ vua quá đề cử đẩy thôi, nếu không thì đâu được vậy.

Giang Ất bảo:

- Dùng tiền bạc mà kết giao, hết tiền thì hết tình; dung nhan sắc mà kết hợp, dung nhan không còn, tình đổi. Cho nên người ái thiếp thì chưa nát mà đã bị chồng đuổi; kẻ sủng thần chưa hư xe mà đã bị vua bỏ. Nay ông riêng được quyền lớn ở Sở mà chưa có gì thân thiết giao kết với vua, tôi trộm lấy làm nguy cho ông!

An Lăng hỏi:

- Làm sao bây giờ?

Giang Ất đáp:

- Ông nên xin được chết với vua, đem thân mà tuần tang với vua, như vậy thì được trọng dụng hoài ở nước Sở.

- Xin tuân lời dạy bảo.

□

Ba năm sau, An Lăng không hề nói gì với vua, Giang Ất lại tới thăm, bảo:

- Lời tôi nói với ông trước kia nay vẫn chưa làm, ông không dung kế của tôi, từ nay không dám yết kiến ông nữa.

An Lăng đáp:

- Không dám quên lời dạy của tiên sinh, chỉ vì chưa có cơ hội đẩy thôi.

Sau khi đi săn ở Vân Mông, nghè cỗ xe bốn ngựa nối tiếp nhau, cò xí rọp trời, lửa đốt nổi lên, như mây rang, hổ rống cộp gầm vang như sấm động. Có một con hổ cuồng nộ chạy theo xe vua, muốn đâm càn vào xe, vua giương cung tên bắn một phát chết. Vua rút ra một khúc cán cò, đề lên đầu con hổ rồi ngửa mặt lên trời, cười:

- Cuộc săn hôm nay vui quá! Quả nhân khi vạn tuổi rồi còn vui với ai được như vậy nữa?

An Lăng nước mắt rùng rùng tiến lên tâu:

- Thần ở trong cung thì ngồi gần chiếu Đại vương, ra ngoài thì ngồi hầu cùng xe với Đại vương, Đại vương vạn tuổi rồi, thần xin được tự đem thân xuống chốn suối vàng thử làm cái nệm che cho Đại vương khỏi bị sâu kiến, cái vui đó so với cái vui này mới ra sao!

Vua Sở mừng, phong cho làm An Lăng quân.

LỜI BÌNH CỦA TƯ MÃ THIÊN:

Giang Át giỏi bày mưu thật, mà An Lăng quân giỏi lựa cơ hội thật.

B.MŨI NHỌN TRONG TÚI LỘ RA.

Thời Chiến quốc, vua Triệu nghe Tần đem quân đến đánh, sợ quá sai sứ chia đường đi cầu cứu chư hầu. Bình Nguyên quân nói:

- Ngụy là chỗ thông gia với tôi thế nào cũng đem quân tới cứu. Còn Sở là nước lớn mà xa cần phải đem thuyết hợp tung ra mà thuyết mới được. Vậy tôi phải đi.

Rồi hỏi các môn khách, muốn chọn 20 người đủ tài văn võ. Trong hơn ba ngàn người kẻ có văn thì không võ, kẻ có võ thì không văn, chọn đi chọn lại chỉ được mười chín người, không đủ số. Bình Nguyên quân than rằng:

- Thằng này nuôi kẻ sĩ mấy năm nay, ngờ đâu tìm người đủ tài khó đến thế!

Trong đám hạ khách có người chạy ra nói rằng:

- Như tôi đây không biết có thể bổ sung vào cho đủ số người được không ?

Bình Nguyên quân hỏi họ tên, người ấy thưa rằng:

- Tôi họ Mao, tên Toại người ở Đại Lương làm khách ở nhà người đã ba năm nay.

Bình Nguyên quân cười nói rằng:

- Phàm ở đời kẻ sĩ có tài năng cũng ví như cái diu trong một cái túi, mũi nhọn tất phải lộ ran gay. Nay tiên sinh ở nhà Thằng ba năm mà Thằng chưa nghe điều gì ở tiên sinh, thế là tiên sinh văn hoặc võ chẳng có môn gì giỏi cả.

Mao Toại nói:

- Tôi đến ngày hôm nay mới xin ngài được vào ở trong túi đấy! Nếu tôi được ở trong cái túi từ trước thì đã đâm hết ra ngoài rồi, há chỉ lộ cái mũi nhọn thôi ư ?

Bình Nguyên quân nghe nói lấy làm lạ, bèn cho Mao Toại sung vào hai mươi người, rồi từ biệt vua Triệu sang Sở.

Vua Sở và Bình Nguyên quân ngồi trên điện, Mao Toại cùng mười chín người đều đứng dưới. Bình Nguyên quân nói thuật 1 hợp tung chống Tần. Vua Sở nói:

- Xương ra thuyết hợp tung đầu tiên là Triệu sau khi nghe lời Trương Nghi du thuyết tung ước bè giải. Đầu tiên Hoài vương là tung ước trưởng thì đánh Tần không được; rồi đến Tề Mân vương lại làm tung ước trưởng thì chư hầu đều bỏ; đến nay các nước đều lấy hợp tung làm kiêng. Việc như là đóng cát để hợp mà tan.

Bình Nguyên quân nói:

- Từ Tô Tần xương nghị hợp tung sáu nước kết làm anh em, trong mười lăm năm trước nước Tần không dám ra khỏi Hàm Cốc.

Về sau Tề, Ngụy bị Công Tôn Diễn lừa muốn cùng đánh Triệu, Hoài vương bị Trương Nghi lừa cùng muốn đánh Tề, cho nên tung ước mới tan dần.

Nếu ba nước ấy cứ giữ chặt lời thề ở Hằng Thủy không để cho Tần lừa thì Tần làm gì được ?

Tề Mân vương tiếng là hợp tung thực ra muốn kiêm tính cho nên chư hầu mới bỏ nào phải hợp tung hay không?

Vua Sở nói:

- Cái thế ngày nay mà các nước đều yên, chỉ có thể nước nào lo giữ nước ấy, còn giúp nhau sao được ?

Bình Nguyên quân nói:

- Tần dẫu mạnh như chia sức mà đánh sáu nước thì không đủ, sáu nước dẫu yếu nhưng hợp sức mà chống lại Tần thì có thừa.

Nếu nước nào giữ nước ấy không cứu nhau thì một mạnh một yếu, e rằng quân Tần sẽ lần lượt mà đánh dần vậy.

Vua Sở nói:

- Quân Tần mới đánh nhau một trận mà lấy được mười bảy thành Thượng Đảng, chôn hơn mười vạn quân Triệu. Hợp cả hai nước Hàn, Triệu không địch được một Võ An quân.

Nay lại tiến bức Hàm Đan nước Sở xa xôi hẻo lánh thì làm thế nào ?

Bình Nguyên quân nói:

- Vua chúng tôi dùng làm tướng bất tài nên mới thua trận ở Trường Bình.

Nay hai mươi vạn quân Tần đóng ở dưới thành Hàm Đan, trước sau một năm mà không làm gì được Triệu. Vậy nếu có quân cứu viện thì quân Tần phải tan ngay.

Vua Sở nói:

- Vua Tần thông hiếu với Sở, nay ngài muốn hợp tung cứu Triệu, Tần giận lây tới Sở, như vậy Sở phải thay Triệu mà chịu oán.

Bình Nguyên quân nói:

- Tần thông hiếu với Sở là muốn chuyên đánh Hàn, Ngụy, Triệu. Ba nước ấy mất thì Sở còn đứng được sao?

Vua Sở vẫn có lòng sợ Tần dung dằng chưa quyết.

Mao Toại đứng dưới thềm xem bóng mặt trời đã trưa, bèn cắp gươm từng bước từng bước lên điện, bảo Bình Nguyên quân rằng:

- Việc hợp tung lợi hay hại, chỉ hai tiếng là xong.

Hôm nay vào triều từ sang sớm, nói đi nói lại đã nửa ngày chưa xong là có làm sao ?

Vua Sở giận hỏi:

- Kẻ kia là người nào?

Bình Nguyên quân nói:

- Đó là người khách của tôi tên là Mao Toại.

Vua Sở nói:

- Quả nhân cùng chủ người bàn bạc sao người nói chen vào ?

Nói rồi thét bảo xuống nhưng Mao Toại đi lên mấy bước nữa, vỗ gươm nói:

- Hợp tung là việc lớn thiên hạ, ai nấy đều được bàn. Chủ tôi ngồi đây, sao lại mắng tôi ?

Vua Sở dịu giọng, nói:

- Khanh có điều cho muốn nói ?

Mao Toại nói:

- Đất Sở có hơn năm nghìn dặm, từ Vũ, Văn xưng vương đến nay vẫn hung cứ trong thiên hạ làm chủ các nước đồng minh.

Người Tần bỗng quật khởi nhiều lần đánh quân Sở, Hoài vương bị tù mà chết. Bạch Khởi là đứa trẻ con chỉ đánh vài trận mà Sở mất hai thành Yên, Sính bị bức phải thiên đô.

Đó là cái thù trăm đời, đứa trẻ còn biết xấu hổ. Vậy mà Đại vương lại không nghĩ đến? Cái nghị hợp tung hôm nay vì Sở hơn là vì Triệu !

Vua Sở nghe nói liền vâng dạ luôn mấy tiếng.

Mao Toại hỏi:

- Thế ý Đại vương đã quyết chưa?

Vua Sở nói:

- Ý quả nhân đã quyết!

Mao Toại liền gọi tả hữu bưng huyết đến quỳ trước mặt vua Sở nói rằng:

- Đại vương làm tung ước trưởng nên quệt trước, thứ đến là chủ tôi, thứ nữa là Toại này!

Thế là tung ước định xong, Mao Toại tay trái cầm chậu máu, tay phải vẩy mười chín người đến bảo rằng:

- Các ông cũng nên quệt máu xuống thêm.

Vua Sở sai Xuân Quân Thân đem tám vạn quân cứu Triệu.

LỜI BẠN CỦA BÌNH NGUYỄN QUÂN:

Bình Nguyễn quân về nước, nói với Mao Toại:

Ba tác lỗi của tiên sinh mạnh hơn tám vạn quân. Thắng này xem xét người đã nhiều. Chỉ riêng có Mao tiên sinh suýt nữa Thắng này không biết đến. Từ nay Thắng này không dám xem tướng kẻ sĩ trong thiên hạ nữa.

Từ đó, Mao Toại là thượng khách của Bình Nguyễn quân.

C. CHUNG VÔ DIỆM KÉN CHỒNG

Một hôm Tuyên vương ăn yến ở Tuyết Cung, bày nhiều nữ nhạc. Bỗng có một người đàn bà trán rộng, mắt sâu, mũi cao, hầu lộ, lưng cong, cổ to, ngón tay dài, bàn chân to, da đen như sơn, tóc bù như cỏ mùa thu, mình mặc áo rách, từ ngoài đi vào, nói xin vào yết kiến Tề vương:

Vũ sĩ ngăn lại nói rằng:

- Mụ đàn bà xấu xí này ở đâu mà dám xin yết kiến Đại vương?

Người đàn bà xấu xí nói:

- Ta là người ở huyện Vô Diễm nước Tề, họ là Chung Li, tên là Xuân, năm nay đã bốn mươi tuổi, kén chồng chưa được người nào, nay nghe Đại vương mở yến ở Li cung, ta đến yết kiến để xin được vào hậu cung làm việc rầy quét.

Ai nấy đều bung miệng cười, cho là một người con gái tro tráo vô sỉ, bèn vào tâu Tuyên vương.

Tuyên vương cho đòi vào. Các quan ngồi hầu yến, thấy người đàn bà ấy xấu xí quá đều bung miệng cười. Tuyên vương nói:

- Trong cung ta phi tần đã đủ ngạch cả rồi; mụ kia mặt mộc người thô, ế ẩm ở trong làng xóm, thân phận dân hèn, mà lại muốn vào nơi cung cấm, phải chăng có tài năng gì lạ thường ư?

Chung Li Xuân tâu rằng:

- Thiếp chẳng có tài gì lạ, chỉ có thuật ấn ngữ (cách ra hiệu) mà thôi.

Tuyên vương nói:

- Hãy thử dung cái thuật của mụ để đoán việc cho ta xem, nếu nói sai, ta sẽ chém đầu.

Chung Li Xuân liền giương mắt, kék rang, cất tay hai ba lần, rồi vỗ đầu gối mà kêu to lên rằng:

- Nguy lắm! Nguy lắm!

Tuyên vương không hiểu ý thế nào, hỏi quần thần, cũng chẳng ai biết. Tuyên vương nói:

- Mụ kia lại đây nói rõ cho ta nghe nào!

Xuân gật đầu nói:

- Đại vương tha tội chết cho thiếp, thiếp mới dám nói.

Tuyên vương nói:

- Cho mày vô tội.

Xuân nói:

- Thiếp giương mắt là thay vua mà nhìn cái nạn binh lửa, hếch răng là thay vua để nhận cái miệng cự gián, cắt tay là thay vua đuổi xa những kẻ sàm nịnh, vỗ đầu gối là thay vua đập đổ cái đài yến ẩm chơi bời.

Tuyên vương cả giận mắng rằng:

- Quả nhân khi nào có bốn điều lỗi ấy, con mẹ nhà quê này dám nói càn. Quân đâu, đem chém cổ nó đi!

Xuân nói:

- Xin cho thiếp được nói rõ bốn điều lỗi ấy của Đại vương rồi sẽ chịu chết. Thiếp nghe Tần dung Thương Ưởng mà nước được giàu mạnh, không bao lâu sẽ đem quân ra Hàm quan để giành hơn thua với Tề, thì chắc Tề bị tổn hại ngay từ đầu, vì Đại vương trong thì không có tướng giỏi, mà ngoài thì việc biên phòng bỏ trễ, cho nên thiếp vì Đại vương giương mắt mà nhìn.

Đại vương say mê nữ sắc, bỏ trễ việc nước, những người trung trực can ngăn, thì đại vương cự mà không nghe, cho nên thiếp hếch răng để vì vua nhận lời can vậy.

Và bọn Vương Hoan a dua nịnh hót, bọn Trâu Diễn bàn nói viễn vông, Đại vương tin dùng bọn ấy thiếp sợ có hại cho xã tắc, cho nên thiếp giơ tay để vì đại vương xua đuổi họ đi.

Đại vương xây cung mở vườn, dùng hết sức dân làm cạn kho nước, cho nên thiếp vỗ đầu gối muốn vì Đại vương đập đổ những nơi ấy đi.

Đại vương có bốn điều lỗi ấy, nguy như trứng để đầu đài, mà còn vui chơi, không hề lo nghĩ.

Cho nên thiếp phải liều chết cũng không hối hận.

Tuyên vương than rằng:

- Nếu không có lời nói của họ Chung này, thì quả nhân không bao giờ được biết những điều lầm lỗi của mình.

Lập tức bãi yến, dùng xe chở nàng Chung Li Xuân về cung, lập làm chính hậu.

Chung Li Xuân nói:

- Nếu đại vương không nghe lời thiếp thì dung làm gì các thân thiếp này, xin Đại vương phải xem việc trị nước và việc dùng người hiền là cần cấp hơn cả mọi việc.

Tuyên vương nghe lời, lập tức đuổi bọn đua nịnh, tin dung hiền sĩ, lại đuổi hết bọn du thuyết đi, dùng Điền Anh làm tướng quốc, đãi người nước Trâu là Mạnh Kha làm bực thượng tâu.

Từ đó, nước Tề được yên ổn và thịnh vượng, lại lấy ấp Vô Diệm phong cho nhà Chung Li Xuân, gọi nàng là Vô Diệm quân.

Kể thứ ba: LIỆU ĐỊCH NHƯ THẦN (Liệu tướng như thần)

Người ta thường nói: Ngồi một chỗ mà biết mọi chuyện trong thiên hạ, ngồi trong trướng mà quyết định thắng bại chiến trường ngoài ngàn dặm.

Qua hiện tượng diễn biến phức tạp mà tìm ra được kế sách thích hợp đôi phó để giành thắng lợi.

Thật sự muốn đạt được trình độ này phải dày công quan sát, lao tâm khổ trí, tìm hiểu tình hình đối phương, hoành lượng quyền thế thật chu đáo, kế sách vẹn toàn mới có thể quyết thắng.

A. VÂY NGUY CỨU TRIỆU

Mùa thu năm 356 trước Công nguyên, Bàng Quyên cho rằng Tôn Tần đã chết, trong thiên hạ không còn ai là đối thủ. Bàng Quyên muốn biểu lộ tài năng xuất chúng của mình bèn thuyết phục Huệ vương mở rộng bờ cõi bằng cách tiến quân đánh Tề và Triệu.

Kinh đô của nước Triệu là Hàm Đan bị bao vây.

Triệu phải đi cầu cứu nước Tề.

Tề Uy vương quyết định cử Tôn Tần làm soái, xua quân đi cứu Triệu. Tôn Tần từ chối, nói:

- Thần là người tàn phế, nếu cử thần làm soái thì chứng tỏ nước Tề không còn nhân tài, kẻ thù sẽ cười chê.

Hơn nữa nếu Bàng Quyên biết thần chưa chết, thì sẽ đề phòng kĩ hơn. Như vậy, đối với cá nhân thần cũng như đối với nước Tề đều có hại. Vậy xin Đại vương cử Điền Kị tướng quân làm soái là hơn.

Uy vương bằng lòng, cử Điền Kị làm soái, cử Tôn Tần là quân sư, ra quân đi cứu Triệu.

Hôm ngày ra quân, Điền Kị hạ lệnh cho quân Tề kéo thẳng đến Hàm Đan. Tôn Tần nói:

- Không được! Không được!

Điền Kị cảm thấy bất ngờ, hỏi:

- Chúng ta không phải mang quân đi cứu Triệu hay sao ? Việc cứu Triệu gấp rút như cứu hoả, nếu đến chậm, e rằng Hàm Đan không còn giữ được nữa!

Tôn Tần nói:

- Quân Triệu không phải đối thủ của Bàng Quyên. Khi quân ta chưa kéo tới nơi thì Hàm Đan đã mất từ lâu rồi. Như vậy, chẳng phải sau cơn mưa, ta mới đưa dù tới sao?

Điền Kị bèn hỏi:

- Nếu vậy thì ngài có biện pháp gì ?

Tôn Tần nói:

- Ta phải tránh chỗ quân địch mạnh mà đánh vào chỗ quân địch yếu, phải đánh Đông kích Tây, phải xua đại quân đánh thẳng vào kinh đô của nước Ngụy là Đại Lương.

Khi Bàng Quyên hay tin, tất nhiên sẽ rút quân trở về cứu nguy cho nước Ngụy.

Đến chừng đó, chúng ta sẽ chặn đường Ngụy, rồi dung quân đội được nghỉ ngơi, đánh mạnh vào toán quân đang mệt nhọc, thì nhất định sẽ thắng lợi !

Diên Kị nghe qua, nói:

- Đây là diệu kế! Như vậy sẽ chiếu theo cao kiến của quân sư mà thi hành.

Quả nhiên, Bàng Quyên đã dốc hết binh lực hạ được thành Hàm Đan và đang chuẩn bị tiếp tục truy kích tàn quân của Triệu, để bình định và chiếm lĩnh cả nước Triệu trong vài ngày tới.

Nhưng Bàng Quyên nhận được thánh chỉ của vua Ngụy Huệ vương, xuống lệnh bảo ông ta cấp tốc rút quân trở về để giải vây Đại Lương.

Bàng Quyên không dám chệnh mảng, ra lệnh cấp tốc hành quân để trở về kinh.

Quân tề sau khi tiến vào nước Ngụy, không gặp một cuộc phản kháng nào quan trọng, nên đã xua quân tiếng trống đến dưới chân thành Đại Lương.

Quân Tề bao vây mà không đánh, lại rút quân về Quế Lăng.

Tôn Tẫn biết Quế Lăng là một địa phương, mà quân Ngụy khi rút trở về tất phải đi ngang, bèn chọn nơi có địa hình tốt, bố trí tinh binh mai phục, chờ cá cắn câu.

Bàng Quyên kéo binh trở về, một ngày đi một trăm dặm đường.

Họ đi suốt gần mười hôm, tướng sĩ đều hết sức mệt mỏi.

Khi còn cách Quế Lăng hơn hai chục dặm nữa, bỗng nghe tiếng chiêng đánh vang lên, rồi có một cánh quân ủa ra chặn đường tấn công.

Người chỉ huy cánh quân này là nha tướng Diên Đạc của nước Tề.

Bàng Quyên thấy quân Tề ít, nên sai cháu là Bàng Thông chỉ huy một cánh quân ứng chiến.

Hai bên đánh nhau được hơn hai chục hiệp, Điền Đạc giả vờ thua bỏ chạy.

Bàng Quyên xua quân truy đuổi theo, khi đến gần Quê Lãng, phía trước có toán quân Tề dàn trận chờ sẵn.

Bàng Quyên đứng từ trên cao nhìn xuống, thấy đây đúng là "Điền đảo bát môn trận" mà khi Tôn Tẫn vừa đến Ngụy quốc đã dàn ra tại giáo trường cho vua Ngụy Huệ vương xem.

Bàng Quyên không khỏi lấy làm lạ, tự nhủ: "Tại sao Điền Kì lại biết trận pháp này ? Chẳng lẽ ông ta đi tìm học nơi Quỷ Cốc Tử hay sao?"

Trong khi Bàng Quyên còn suy nghĩ, thì bỗng nghe một hồi trống đánh lên vang dội.

Từ trong quân Tề có một viên chủ tướng mình mặc khôi giáp, tay cầm giáo dài, trên lá quân kì theo sau có thêu một chữ "Điền" to lớn.

Điền Kì dưới sự bảo vệ của tiên phong Điền Anh, cất tiếng nói to:

- Bớ Bàng Quyên, hãy mau ra đây chịu chết !

Bàng Quyên giận dữ, trợn to đôi mắt, nói:

- Điền Kì ông có tài cán gì, mà lại dám đối trận với đại nguyên soái Bàng Quyên ta?

Điền Kì cười nhạt, nói:

- Bớ Bàng Quyên, nhà người đừng có ỷ tài. Nhà người biết đây là trận pháp gì không?

Bàng Quyên đáp:

- Đây là "Điền đảo bát môn trận".

Điền Kị lại hỏi:

- Nhà ngươi có dám đánh vào trận pháp này không?

Bàng Quyên tỏ ra do dự, nghĩ bụng: "Nếu ta bảo dám thì chưa chắc đánh thắng, còn bảo không dám chẳng hóa ra mất mặt hay sao?". Do vậy, Bàng Quyên bèn liều mạng nói:

- Ta sẽ đánh!

Điền Kị thán vui mừng, nói:

- Tốt! Vậy chúng ta hãy thử xem nào!

Điền Kị dẫn Điền Anh trở vào trong trận.

Bàng Quyên bèn nói với Bàng Thông, Bàng Mao và Bàng Anh đang đứng bên cạnh:

- Ba người mỗi người dẫn một toán quân chờ lệnh xuất kích. Riêng ta thì sẽ cùng một toán quân dẫn đầu đánh vào trận địa. Nếu các người thấy trận địa chuyển biến thì cả ba đội cùng tiến, để giữ cho đầu và đuôi của địch không thể tiếp ứng với nhau được.

- Tuân lệnh!

Ba gia tướng họ Bàng đều mạnh dạn tuân lệnh, rồi chia quân nhau mỗi người một cánh để sẵn sàng chiến đấu.

Bàng Quyên dẫn năm trăm tinh binh xông tới phá trận.

Ông ta vừa xâm nhập vào trận địa, thì thấy tám hướng cờ xí dày đặc, chuyển đổi liên tục, khi xông vào hướng Đông khi chuyển sang hướng Tây, không sao tìm được lối ra.

Giữa lúc đó bỗng nghe tiếng trống đồng của quân Tề nổi lên vang rền. Từ trong trận của quân tề có một cỗ xe đẩy ra.

Trên xe là người rậm, mắt to, đánh điệu oai hùng, tay cầm cờ lệnh chủ tướng, ở sau lưng cũng có một cây đại kì thêu chữ "Tôn" lớn.

Bàng Quyên buột miệng kêu lớn:

- Hãy đánh ma! Hãy đánh ma!

Tôn Tần cũng to tiếng nói:

- Bớ Bàng Quyên, ngươi là kẻ mặt người dạ thú, là phường tiểu nhân, hám lợi, ta không phải ma, mà chính là nghĩa huynh Tôn Tần bị ngươi hại nhưng không chết đây.

Trời cao có mặt, oan gia thường gặp nhau trên đường hẹp. Hôm nay nếu ngươi dám phá "Điên đảo bát môn trận" của ta, thì ta sẽ cho ngươi thành ma !

Bàng Quyên nghe nói, hết sức kinh hoàng, vội vàng ra lệnh rút quân.

Tôn Tần vội mạnh lệnh kì, tức thì mấy đội quân Tề ủa tới sát phạt, khiến Ngụy quân chết nằm chật đất, hoặc đua nhau cởi bỏ khôi giáp mà chạy.

Đôi bên lại tiếp tục ác chiến. Bàng Mao bị Điền Anh đâm một giáo chết tốt.

Bàng Anh, Bàng Thông cố liều chết chiến đấu, hao binh tổn tướng quá nửa mới cứu được Bàng Quyên, thoát ra khỏi trận pháp.

Bàng Quyên sau khi thoát chết, không còn dám tiếp tục đánh nữa, vội vàng dẫn bại tướng tàn binh chạy về kinh thành Đại Lương rồi đóng kín cửa thành lại tử thủ, không dám ra ứng chiến nữa !

LẠM BÀN:

Mưu kế của Tôn Tần đã sinh ra kế vây Ngụy cứu Triệu. Khi quân địch tập trung lực lượng thì tìm cách phân tán lực lượng của đối phương, làm cho quân địch mỗi mét. Trước tập trung quân mạnh tiến đánh, sau đó không chế đối phương và giành thắng lợi.

Phân tán được lực lượng của đối phương tức là đối phương suy yếu lúc đó ta tập trung lực lượng thì quân ta mạnh như vũ bão.

B. KẾ SÁCH TRÊN ĐÔI ĐŨA

Năm thứ ba đời Hán, Hạng Vũ vây Hán vương rất gấp ở Vinh Dương.

Hán vương lo sợ cùng với Lịch Tự Cơ tính kế làm suy nhược lực lượng của Sở vương.

Tự Cơ nói:

- Xưa vua Thang đánh vua Kiệt xong rồi thì phong cho con cháu vua Kiệt ở nước Kỉ; vua Vũ đánh vua Trụ xong rồi sẽ phong cho con cháu vua Trụ ở nước Tống.

Nay nhà Tần bắt nhân bất nghĩa, xâm chiếm xã tắc chư hầu, diệt hết kẻ thừa kế của sáu nước làm cho họ không có tác đất cắm dùi. Nếu Bệ hạ có thể tái lập dòng dõi của sáu nước cho họ đều lại được phong đất, nhận ấp thì vua tôi, dân chúng của họ tất nhiên thấy đều đội ơn Bệ hạ, chẳng ai là không cảm cái công đức ấy mà hướng về với Bệ hạ, xin làm bầy tôi.

Ân nghĩa có hiệu lực rồi bệ hạ sẽ ngoảnh mặt về phương Nam mà xưng bá và dân nước Sở sẽ khép áo ngay ngắn mà về châu.

Hán Vương nói:

- Hay! Hãy cho khác ngay quốc ấn của sáu nước, luôn thể tiên sinh sẽ mang theo, khi đi chia đất phong cho họ.

Tự cơ chưa kịp đi thì Trương Lương vào yết kiến Hán Vương. Hán Vương đang ăn, bảo:

- Tử Phòng vào đây. Có người bày kế cho ta làm suy giảm lực lượng nước Sở.

Rồi kể hết lời Tự Cơ khuyên, Hán Vương hỏi:

- Theo ý Tử Phòng thì thế nào?

Lương hỏi:

- Ai bày mưu ấy cho Bệ hạ? Việc của Bệ hạ hỏng mất rồi!

Hán vương hỏi:

- Sao kia?

Lương đáp:

- Thần xin mượn đôi đũa Đại vương đang dùng để trình bày cùng Đại vương.

Rồi Lương nói tiếp:

- Xưa kia vua Thang đánh vua Kiệt mà phong cho con cháu vua Kiệt ở nước Kỉ là đã cầm chắc trong tay sinh mạng của vua Kiệt rồi. Nay bệ hạ đã cầm chắc trong tay sinh mạng của Hạng Tịch chưa?

- Chưa!

- Đó là một lẽ không nên.

Vũ vương đánh vua Trụ mà phong cho con cháu vua Trụ ở nước Tống là vì nắm trong tay cái đầu của vua Trụ rồi. Nay Bệ hạ nắm chắc cái đầu của Hạng Tịch chưa?

- Chưa!

- Đó là hai lẽ không nên.

Vũ vương khi mới vào nước Ân cho trang hoàng cái cổng xóm nơi Thương Dung ở, phóng thích Cơ Tử đang bị giam và bắt sửa sang đắp cao ngôi mộ của Tỉ Can. Nay Bệ hạ đã có thể đắp cao phần mộ của bậc thánh nhân, tranh hoàng cổng xóm của các bậc hiền tài và tỏ lòng kính mộ đối với bậc trí giả chưa?

- Chưa!

- Đó là ba lễ không nên.

Vũ vương phát thóc cho Cự Kiều, chia đụn tiền Lộc đãi cho đám dân nghèo đói.

Nay Bệ hạ có thể phát thóc kho, chia tiền đụn cho đám nghèo đói chưa ?

- Chưa!

- Đó là ba lễ không nên.

Đẹp xong nhà Ân. Vũ vương cho sửa đổi quân xa thành xe vận tải, xếp giáo mác phủ da hổ lên trên để tỏ cho thiên hạ biết rằng thôi không dùng binh đao nữa.

Nay Bệ hạ đã có thể xếp vụ công dùng văn trị không cần đến binh đao chưa ?

- Chưa!

- Đó là năm lễ không nên.

Vũ vương thả ngựa trận ở phía nam Hoa Sơn để tỏ rằng không cần đến thứ ấy nữa.

Nay Bệ hạ có thể thả ngựa, không cần dùng đến nữa chưa?

- Chưa!

- Đó là sáu lễ không nên. Vũ vương thả bò ở phía bắc Đào Lâm để tỏ rằng không cần vận chuyển tích trữ quân lương nữa.

Nay Bệ hạ đã có thể thả bò không cần chuyển vận tích trữ quân lương chưa?

- Chưa!

- Đó là bảy lễ không nên.

Vả chẳng các kẻ sĩ trong thiên hạ đi du thuyết vỏ cá thân thích, mộ phần, thân bằng cố hữu để theo bệ hạ là ngày đêm chờ được chút đất đai.

Nay lập sáu nước phong cho con cháu Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Sở, thì các du sĩ kia người nào người ấy họ sẽ về nước họ, thờ chủ họ, theo họ hàng họ, tìm bạn bè cũ, thăm lại mồ mả xưa, hỏi còn có ai mưu đồ thiên hạ với bệ hạ ?

Đó là tám lẽ không nên.

Hơn nữa, cốt nhất là đừng để Sở mạnh.

Sở mạnh thì sáu nước một khi đã được tái lập sẽ theo Sở. Hỏi bệ hạ còn làm cách nào mà bắt được họ làm bầy tôi ?

Nếu Bệ hạ dùng cái mưu kế của kẻ vừa vạch ra cho bệ hạ đó thì việc của Bệ hạ hỏng mất rồi!

Hán vương đang ăn ngừng lại, nhả miếng cơm mắng:

- Cáo thẳng nho sinh nhãi nhép! Tí nữa làm hỏng việc của bố nó! Rồi kíp cho lệnh hủy các con ấn.

LẠM BÀN:

1. Võ vương đánh Trụ, Hán vương tranh hùng với Sở thuộc hai thời đại khác nhau, thế lực khác nhau không thể áp dụng kế sách giống nhau.

Trương Lương đã phân tích tám lẽ khác biệt trong kế sách của Võ vương và kế sách của Hán vương sắp đem ra dùng.

2. Cách lập luận của Trương Lương dựa trên phương pháp hoành lượng quyền thế, lo liệu tính toán chu đáo. Ngồi trong màn trướng mà quyết định thắng bại là vậy.

Kế thứ tư:QUANH CO, KHUẤT LẬP(Khúc kinh thông u)

Khúc kinh thông u đại ý là quanh co, sâu xa, khuất lấp, làm cho đối phương không biết đâu mà lần. Muốn chiếm đoạt mà giả bộ như không muốn chiếm

đoạt, che bai để địch nhả miếng mồi, sau đó âm thầm, xuất kì bất ý chiếm lấy.

Kiểu như muốn bắt thì thả ra.

KHÔNG CÓ NGƯỜI ĐÀN BÀ NÀO MẠNG XẤU NHƯ BÀ NÀY!

Nước Sở đẹp loạn nước Trần, Sở Trang vương có ý giữ Hạ Cơ lại, Khuất VU nói:

- Không thể là như vậy. Chúa Công kêu gọi chư hầu đánh kẻ có tội là Hạ Trung Thư, bây giờ muốn giữ Hạ Cơ vì ham muốn sắc đẹp của Hạ Cơ. Ham muốn sắc đẹp có thể coi là dâm dăng mà dâm dăng thì sẽ bị đại pháp trừng phạt.

Chu thư nói: Minh đức thận phạt. Minh đức có nghĩa là cố gắng tu tích đức hạnh, thận phạt là cố gắng để loại bỏ hình phạt. Nếu như làm thế, tạo cho chư hầu dấy binh để trừng phạt nước Sở, điều này không hợp với đạo thận phạt. Chúa công cần phải suy nghĩ kĩ.

Thế là Sở Trang vương đành dẹp ý nghĩ thu giữ Hạ Cơ.

Đại phu nước Sở cũng muốn lấy Hạ Cơ làm vợ. Khuất Vu nói:

- Hạ Cơ là người có mạng xấu. Anh của bà ta là Trịnh Linh công bị giết. Không có ai nổi đời đành tuyệt hậu. Chồng bà ta là Ngự Thúc cũng bị chết sớm. Trần Linh công có liên quan đến bà ta mà bị giết, con của bà ta là Ngụy Trung Thư cũng bị giết chết. Công Tôn Ninh và Nghi Hàng Phủ cũng vì bà ta mà trốn chạy ra nước ngoài. Nước Trần cũng vì bà ta mà diệt vong. Có người đàn bà nào mạng xấu hơn bà ta không? Con người cầu mong được sống trên thế giới này là việc không dễ dàng, lẽ nào lại tìm đường chết? Đàn bà trong thiên hạ nhiều vô kể, tại sao nhất định lấy Hạ Cơ.

Thế là Tử Phản cũng không còn nghĩ đến việc lấy Hạ Cơ nữa. Sở Trang vương bèn gả Hạ Cơ cho Liên Doãn Tương Lão.

Lỗ Tuyên công năm thứ mười hai (597 TCN) Tương Lão chết trong trận đánh nhau giữa Sở và nước Tấn ở vùng tất. Không tìm thấy thi thể của ông

ta.

Con của Trương Lão cũng thông dâm với bà ta. Khuất Vu cậy người báo với Hạ Cơ rằng: "Bà về nước Trịnh trước, sau đó tôi sẽ sắm sính lễ, chính thức cưới bà làm vợ". rồi liên lạc với nước Trịnh, yêu cầu nước Trịnh triệu hồi Hạ Cơ đồng thời nói với Hạ Cơ:

- Thi thể của Trương lão có thể nhận được, nhưng bà phải thân chinh đi nhận mới được.

Hạ Cơ đem việc này nói lại với Sở Trang vương. Sở Trang vương đem việc này đi hỏi Khuất Vu, Khuất Vu đáp rằng:

- Việc này có thể tin được. Cha của Thuần Diêu là Tuần Thủ là người mà Tấn Thành công yêu mến, lại là em út của Tuân Lâm Phụ, tướng trung quân.

Gần đây Tuần Thủ đã thay Sĩ Loan làm trung quân tả. Tuần Thủ và Trịnh đại phu Hoàng Tuất có quan hệ bạn bè, ông ta rất yêu quý Tuân Diêu.

Người Tấn nhất định sẽ đi tìm người Trịnh để giao lại công tử Cốc Thần và thi thể Liên Doãn

Trương Lão đề yêu cầu chúng ta trả lại Tuân Diêu bị bắt làm tù binh trong trận giao tranh ở đất Tất.

Cuộc giao tranh ở Tất là vì chúng ta bao vây nước Trịnh. Người Tất vì người Trịnh mà đánh nhau với chúng ta.

Kết quả người Tấn chiến bại, nước Trịnh rất khổ não về việc này, sợ có tội với nước Tấn, đang tìm cơ hội để lấy lòng nước Tấn. Nếu nước Tấn tìm họ làm việc, nước Trịnh nhất định sẽ đồng ý làm người trung gian.

Sở Trang vương phái Hạ Cơ trở về nước Trịnh. Khi Hạ Cơ rời nước Sở, bà ta nói với người đưa tiễn rằng:

- Nếu như tôi không nhận được thi thể của Trương Lão thì tôi sẽ không bao giờ trở về đây nữa.

Khuất Vu bí mật đưa sính lễ xin cưới Hạ Cơ đến nước Trịnh. Trịnh Tương Công đồng ý với Khuất Vu.

Đợi đến khi Sở Cộng Vương kế vị (năm Sở Cộng Vương kế vị là Lỗ Thành Công nguyên niên, tức năm 590 TCN) chuẩn bị chiến tranh với nước Lỗ tại Dương Kiều, cử Khuất Vu đi sứ sang nước Tề biết ngày xuất quân. Khuất Vu lên đường, mang theo toàn bộ gia sản. Thân Thúc Quy cùng cha là Thân Thúc Thời đi về hướng Sính Đô.

Trên đường đi gặp Khuất Vu, Thân Thúc Quy nói:

- Lạ thật, tại sao ông ta có vẻ mặt căng thẳng, nặng nề như đang gánh vác một nhiệm vụ quân sự gì rất quan trọng, nhưng mặt khác lại có vẻ tươi cười hớn hở như đi gặp bạn gái vậy? Hay là chuẩn bị bí mật đem vợ chạy trốn?

Khuất Vu đến nước Trịnh, sau khi làm lễ dâng sính lễ xong, giao cho phó sứ của ông ta thay ông đem lễ vật của nước Trịnh tặng cho nước Sở về nước còn ông ta đưa Hạ Cơ rời khỏi nước Trịnh.

Khuất Vu vốn định chạy sang nước Tề, nhưng bởi vì nước Tề vừa bại trận ở Yên khi đánh nhau với nước Tấn, nên bèn nói: "Ta không cư trú ở một nước mà đánh trận không giành được thắng lợi".

Thế là, Khuất Vu chạy sang nước Tấn, dựa vào quan hệ với Khước Chí để làm quan ở nước Tấn. Nước Tấn cử ông làm đại phu.

Tử Phản nghe được tin này vô cùng tức giận thỉnh cầu Sở Cộng Vương sửa lễ vật thật hậu đem đến nước Tấn để ngăn chặn con đường Khuất Vũ làm quan. Cộng Vương nói:

- Không được làm như vậy. Nếu như ông ta chỉ lo nghĩ cho mình thì thật là không phải. Nếu như ông ta lo nghĩ cho tiên quân chúng ta thì còn là trung thành với đất nước chúng ta. Nếu ông ta còn giữ chữ Trung thì đất nước chúng ta được bình an, công lao của ông ta sẽ bù đắp lại rất nhiều sai sót của ông ta.

Huống chi, nếu như ông ta còn có lợi cho nước Tấn, thì chung ta tuy có tặng lễ vật hậu hĩ thì nước Tấn có chịu nghe theo ta mà chặn đứng con

đường làm qua của ông ta?

Nếu như ông ta không có ích gì cho nước Tấn, nước Tấn tất sẽ vứt bỏ ông ta. Chúng ta hà tất phải làm một việc thừa thãi là ngăn chặn con đường làm quan của ông ta?

LAM BÀN:

Khuất Vu muốn lấy Hạ Cơ nhưng bên ngoài giả bộ che bai để gạt hai tình địch của mình là Trang Vương và Tử Phản ra ngoài vòng chiến. Khi cơ hội đến, ông ta bí mật cưới hạ Cơ và trốn sang nước Tấn. Kể ra yêu và muốn sống với người phụ nữ cũng rất lặn lội.

Tiết 9 :XUNG KÍCH (Ma ý chi thuật)

1. Ma là cạ sát, xung kích. Ý là ý hướng. Đại ý là quan sát bốn phương tám hướng, xem phản ứng của đối phương, phán đoán ý hướng và lực lượng của đối phương để chuẩn bị xuất kích, quyết chiến.

Thuật sủy ma rút từ quy luật của sự vật và kinh nghiệm thực tế: Củi khô để gần lửa thì bốc cháy. Nước thường chảy xuống chỗ trũng. Thả mồi sâu thì câu được cá lớn.

2. Thuật ma ý còn được gọi là thuật sủy ma hoặc thuật nội phù.

Sủy ma là phán đoán đo lường quyền thuật (mưu mô, lực lượng, quyền thế) của đối phương. Nội là dực vọng tình cảm bên trong, phù là dấu hiện biểu lộ hành động bên ngoài. Nội phù là phán đoán, đo lường dực vọng, ý hướng của chủ thể, chính con người đối phương.

Phán đoán, đo lường quyền thuật và chủ thể, con người đối phương, chính là căn cứ, cơ sở, theo luật hô ứng mà hành động.

3. Cốt lõi của thuật ma ý là tìm mưu kế thích hợp, sâu xa, thần diệu, làm thế nào ít tốn công sức, tiết kiệm vật chất, xương máu mà vẫn giành được thắng lợi.

4. Thuật này có những kẻ:

1) Không đánh mà thắng (Bất chiến nhi thắng)

2) Không cự mà tuyệt (Không cự mà tuyệt)

3) Thả mồi sâu câu cá lớn (Lâm uyên điều câu)

4) Kêu gió, gọi mưa (Hô phong hoán vũ).

Kể thứ nhất:KHÔNG ĐÁNH MÀ THẮNG (Bất chiến nhi thắng)

Bất chiến nhi thắng là không đánh mà thắng. không hao tổn hoặc kiệt sức lực, vật chất và xương máu nhưng vẫn giành được thắng lợi.

Kế này thực hiện theo phương pháp nội phù, hiểu được dự vọng, ý hướng của đối phương biểu lộ ra hành động bên ngoài.

Ví dụ: Đối phương tiến đánh ta vì bất đắc dĩ, nhằm điệu võ dương oai, phô trương thanh thế, không phải quyết tâm một mất một còn, sống mái với ta.

Lúc đó thực hiện một chuỗi kế sách; một mặt nhằm thỏa mãn dự vọng, ý hướng của đối phương; mặt khác buộc đối phương lui binh không thể dấn sâu vào cuộc chiến. Dấn sâu chỉ thất bại.

A. THẮNG MỘT TRẬN CŨNG ĐỦ OAI

Năm nước hội thề với nhau, tôn Tống Tương Công làm minh chủ, cử Thạch Hạo làm tiên phong còn Chu Hu đi sau tiếp ứng.

Năm nước cùng kéo quân đến vây cửa đông nước Trịnh.

Trịnh Trang Công họp các quan lại thương nghị.

Các quan mỗi người bàn một cách, người nói nên đánh người nói nên hòa, rối rít cả lên.

Trịnh Trang công vừa cười vừa nói:

- Ta nghe lời bàn của các quan chưa thấy kể gì hay cả. Nay Chu Hu mới nổi loạn cướp ngôi, dân chúng chưa quy phục, vậy nên nhân ân oán cũ, mượn

quân bốn nước sang đánh nước ta là định ra oai khiến cho nhân dân nước Vệ phải sợ mà thôi.

Công tử Huy nước Lỗ tham lễ của nước Vệ mà cất quân đi cũng không do Lỗ An quân.

Trần, Sái, Trịnh không thù oán gì, tất không có lòng muốn đánh, chỉ có nước Tống thấy công tử Phùng ở nước Trịnh ta, mới đem lòng ghét giận, thực bụng giúp nước Vệ.

Nay ta đưa công tử Phùng lại sai công tử Lã đem quân ra cửa đông đánh nhau với nước Vệ, rồi giả cách thua chạy, khiến cho Chu hu được tiếng thắng trận, đắc chí mà kéo quân về, vì trong nước chưa yên không dám ở lại.

Ta nghe nói quan đại phu nước Vệ tên gọi là Thạch Thác là người trung thần, chẳng bao lâu nước Vệ có nội chiến. Chu Hu giữ mình không nổi, còn hại ta thế nào được!

Nói xong, liền sai đại phu là Hà Thúc Doanh đem một đạo quân đưa công tử Phùng ra ở đất Trường Cát.

Trịnh Trang công sai người nói với Tống Tương công rằng:

- Công tử Phùng trốn sang nước tôi, nước tôi không nỡ giết, nay đã đem an trí ở đất Trường Cát, xin chúa công tự xử lấy.

Tống Tương công quả nhiên đem quân ra vây đất Trường Cát.

Trần, Sái, Lỗ thấy Tống đem quân đi chỗ khác, cũng đều có ý rút quân về, nên thấy công tử Lã đem quân ra cửa đông đánh nhau với quân nước Vệ cũng mặc không ra tiếp ứng.

Thạch Hậu đánh nhau với công tử Lã được vài hiệp, công tử Lã giả thua chạy. Thạch Hậu thúc quân đuổi theo. Công tử Lã vào thành, đóng chặt cửa lại. Thạch Hậu cho quân gặt hết lúa ngoài cửa thành, rồi hạ lệnh rút quân về nước.

Chu Hu hỏi Thạch Hậu rằng:

- Quân ta chưa được đại thắng, có sao đã vội rút về.

Thạch hậu đuổi hết người chung quanh rồi nói với Chu Hu rằng:

- Quân Trịnh vốn hùng cường, nay ta được một trận cũng đủ oai rồi. Chúa công mới lên ngôi, tình thế trong nước chưa được yên ổn, nếu ở ngoài mãi thì sợ có nội biến.

Chu Hu nói:

- Nếu nhà người không nói thì thực ta chưa nghĩ đến điều ấy.

LẠM BÀN:

Trịnh Trang công thấy rõ ý đồ của Chu Hu và liên minh chí cốt với nước Vệ là nước Tống.

Chu Hu mong đánh thắng một trận để ra oai với nhân dân. Nước Tống chỉ muốn trừng trị công tử Phùng. Còn các nước khác thì không mặn mà gì với cuộc chiến này.

Trịnh Tranh công đã thỏa mãn ý đồ của Chu Hu và nước Tống, nên họ đã rút quân về.

Trang Công không hao tổn binh lực mà vẫn đẩy lui được quân địch quả là tài trí.

B. DỪNG CẢ BA KẾ

Lúc Sở Trang vương còn là thái tử, phải làm con tin ở nước Tề.

Khi Sở Hoài vương, là cha, mất; thái tử từ biệt vua Tề về nước.

Vua Tề làm khó bảo:

- Tặng ta năm trăm dặm ở miền Đông của nước Tề thì ta mới cho về, nếu không thì không được về.

Thái tử đáp:

- Tôi có quan sư phó là Thận Tử, để tôi hỏi ý kiến của ông ta.

Thận Tử khuyên:

- Cứ tặng đi! Đất đai để giúp ích cho người. Vì tiếc đất mà không về tống táng cha là bất nghĩa.

Thái tử vào yết kiến vua Tề nói:

- Tôi xin kính dâng năm trăm dặm đất.

Vua Tề bèn cho thái tử về nước.

Thái tử lên ngôi, vua Tề sai người đem năm chục chiến xa tới Sở để tiếp thu đất đai.

Vua Sở hỏi Thận Tử:

- Tề sai người đến đòi đất miền Đông làm sao bây giờ ?

Thận Tử đáp:

- Ngày mai nhà vua triệu tập quần thần và hỏi kế hoạch của mọi người ra sao ?

Hôm sau, quan thượng trụ quốc là Tử Lương vào yết kiến.

Vua hỏi:

- Quả nhân được về nước tống táng Tiên vương, gập lại quần thần và làm chủ xã tắc là nhờ đã hứa tặng vua Tề năm trăm dặm đất ở miền Đông. Nay Tề qua đòi đất làm sao bây giờ ?

Tử Lương đáp:

- Nhà vua không thể không tặng đất được. Lời nói của nhà vua tôn quý như tiếng ngọc. Đã hứa với một nước có vạn cỗ xe như nước tề mà rồi không giữ lời nói là bất tín, sau này làm sao kết ước với chư hầu được. Tặng đất là để giữ lời hứa; tấn công là dùng vũ lực. Vì vậy nên tôi bảo nên tặng đất.

Tư Lương lui ra. Chiêu Thường vào.

Vua hỏi:

- Tề sai người sang đòi đất ở miền Đông làm sao bây giờ ?

Chiêu Thường đáp:

- Không cho! Một nước vạn cỗ xe là nhờ có đất đai rộng lớn mới có được vạn cỗ xe. Nay bỏ năm trăm dặm đất ở miền Đông tức là mất đi nửa sức chiến đấu của một quốc gia thành thử chỉ còn cái danh là một nước vạn cỗ xe mà thực sự không bằng một nước ngàn cỗ xe. Điều đó không nên, cho nên tôi bảo đừng cho đất. Thường tôi xin bảo vệ đất đó.

Chiêu Thường ra. Cảnh Lí vào. Vua hỏi:

- Tề sai người qua đòi đất. Làm sao bây giờ?

Cảnh Lí đáp:

Không nên cho. Tuy nhiên nước Sở ta không thể một mình bảo vệ đất đó được. Lời nhà vua nói quý như tiếng ngọc đã hứa với một nước mạnh vạn cỗ xe là Tề rồi không giữ lời thì mang tiếng bất nghĩa trong thiên hạ. Mà Sở không thể một mình bảo vệ đất đó được. Tôi xin sang cầu cứu Tần.

Cảnh Lí ra. Thận Tử vào.

Vua Sở kể lại mưu kế của ba vị đại phu cho Thận Tử nghe:

- Tử Lương vào yết kiến bảo quả nhân: Không thể không cho được, nhưng cho rồi sẽ tấn công.

Thường vào yết kiến bảo quả nhân: Không nên cho. Thường quyết bảo vệ đất đai.

Lí yết kiến quả nhân, nói: Không nên cho nhưng Sở không thể giữ đất đó một mình và xin qua Tần cầu cứu.

Ba kế đó, quả nhân dùng kế nào?

Thận Tử đáp:

- Dùng cả ba.

Vua Sở bức mình hỏi:

- Thế là nghĩa làm sao ?

Thận Tử đáp:

- Tôi xin giảng giải, nhà vua sẽ thấy lời của tôi là rất thành thực.

Nhà vua sai Thượng trụ quốc Tử Lương đem năm mươi cỗ xe lên phương Bắc dâng năm trăm dặm đất cho vua Tề.

Hôm sau, sẽ sai Chiêu Thường là Đại tư mã tới bảo vệ miền Đông.

Chiêu Thường, đi xong nhà vua sai Cảnh Lí đem năm mươi cỗ xe đi sang phí tây để cầu cứu Tần.

Nhà vua nói:

- Phải đấy!

Rồi sai Tử Lương lên phía bắc dâng đất cho vua Tề.

Tử Lương đi hôm trước thì hôm sau phong Chiêu Thường làm Đại tư mã sai bảo vệ miền Đông.

Lại sai Cảnh Lí sang phía tây cầu cứu với Tần.

Tử Lương đến Tề. Nước Tề sai người đem quân lính tới nhận đất miền Đông.

Chiêu Thường nói với sứ giả Tề:

- Tôi có nhiệm vụ quản thủ đất miền Đông, cùng sống chết với miền này.

Dùng hết những binh lính trẻ đến già gồm trên ba mươi vạn người mặc áo giáp rách cầm binh khí nhụt mà quyết chiến với quý nhân đây.

Vua Tề hay tin đó hỏi Tử Lương:

- Ông tới dâng đất mà Thường thì cố thủ là nghĩa làm sao ?

Tử Lương đáp:

- Tôi đích thân nhận lệnh của vua tề quốc. Thường giả mạo tề quốc đấy. Xin đại vương cứ tấn công đi.

Vua Tề bèn cử hùng binh đi đánh miền Đông nước Sở thảo phạt Chiêu Thường, chưa kịp vượt biên thì quân Tần đã đem năm mươi vạn quân xâm lăng miền đất ở phía hữu nước Tề và nói:

- Làm khó thái tử nước Sở mà không cho về nước là bất nhân; lại muốn cướp năm trăm dặm đất ở miền Đông của Sở là bất nghĩa. Thu binh về thì được. Nếu không thì đợi đó mà giao chiến với ta.

Vua Tề sợ hãi, xin Tử Lương trở về phía Nam với vua Sở cho tề giảng hòa rồi qua phía tây nói giùm với vua Tần.

LẠM BÀN:

Thế là Sở giải được nạn Tề, không phải dụng binh mà bảo toàn được miền Đông.

Kế thứ hai:KHÔNG CỰ MÀ TUYỆT (Bất cự nhi tuyệt)

Cự là chống cự. Bất cự nhi tuyệt là không chống cự nhưng lại trừ được hậu hoạn. Kế này còn gọi là mượn dùng, mượn và dùng thế lực của đối phương để làm cho đối phương tự tan rã đi đến diệt vong.

Dựa theo nguyên tắc việc thành mà người ta không biết, binh thắng mà không làm cho người ta sợ.

Khi thực hiện mưu kế là âm, gọi là thần. Lúc mưu kế thành công là dương, gọi là minh.

Mục đích của kế sách là tích đức và làm cho nhân dân an lạc mà theo ta.

LÀM DÂN ĐẾN VỚI TA NHƯ TRỞ VỀ NHÀ

Thúc Cung vây đánh Phí Ấp, nước Lỗ, do họ Nam cầm đầu.

Thúc Cung không đánh được còn bị bại trận, ông ta nổi giận, ra lệnh hễ thấy dân Phí Ấp thì bắt giữ.

Dã Khu Phu can rằng:

- Không nên! Nếu thấy người dân Phí Ấp ai bị lạnh thì cho họ áo. Ai đói cho họ ăn. Cung cấp cho họ những gì mà họ thiếu. Ta phải là người chủ tốt của họ, dân thành Phí. Làm sao cho họ theo mình như trở về nhà vậy.

Nhân dân sẽ phản bội lại họ Nam, không ai ở lại với ông ta, tất nhiên ông ta sẽ bị diệt vong.

Nếu như ta dùng võ lực khiến cho dân sợ hãi, dùng phần nô làm cho dân khiếp sợ, thì nhân dân sẽ tức giận, khác gì tập trung lực lượng để giúp cho ông ta.

Thúc Cung nghe lời Dã Khu Phu. Quả nhiên, nhân dân Phí Ấp đều theo Thúc Cung và họ Nam bị diệt.

LẠM BÀN:

Mưu kế của Thúc Cung là thu phục nhân tâm. Được lòng dân là được tất cả. Thay vì đánh địch thì đánh vào lòng dân. Lấy sức mạnh của dân để cô lập, tiêu diệt địch. Tách cá ra khỏi nước.

Kế thứ ba: THẢ MỒI SÂU CÂU CÁ LỚN (Lâm uyên điều câu)

Thả mồi sâu câu cá lớn ám chỉ mưu kế càng sâu xa, kín đáo càng gặp hái kết quả lớn. Biết khơi gợi những mâu thuẫn của đối phương để giành ưu thế cho mình.

A. CÁO ĐI VỚI HỒ

Tuyên Vương hỏi quần thần:

- Ta nghe nói các nước phương bắc sợ Chiêu Hề Tuất (Tể tướng nước Sở) thực sự là vì đâu?

Không ai trả lời, Giang Ất thưa:

- Con hồ tìm các con thú để ăn thịt, gặp con cáo. Con cáo bảo:

- Mày không dám ăn thịt tao đâu! Thượng Đế sai tao làm thủ lĩnh các loài thú, mày mà ăn thịt tao là trái lệnh Thượng Đế. Mày không tin tao thì tao đi trước, mày theo sau, xem các loài thú thấy tao có chạy trốn không.

Con hồ cho là phải, rồi cùng đi với con cáo. Các loài thú thấy đều chạy, hồ tưởng rằng chúng sợ con cáo.

Nay đất của Đại vương vuông ngàn dặm, binh sĩ có trăm vạn mà riêng ủy thác cho Chiêu Hề Tuất thực sự là sợ quan của Đại vương cũng như các loài thú sợ hồ vậy.

B. CHÓ ĐÁI GIẾNG

Giang Ất ghét Chiêu Hề Tuất, bảo vua Sở:

- Một người có một con chó khéo giữ nhà nên cưng nó lắm. Con chó có lần đái vào giếng. Ngụo72i hàng xóm thấy nó đái vào giếng muốn vào mách chủ nhà. Con chó ghét người hàng xóm, đứng ở cạnh cửa nhà sủa, người hàng xóm sợ không vào được.

Trong trận Hàm Đan, Sở tiến quân mà chiến được Đại Lương. Chiêu Hề Tuất chiếm được những bảo khí của Ngụy.

Hồi đó ở Ngụy nên biết được việc đó, vì vậy Chiêu Hề Tuất không muốn cho thần yết kiến Đại vương.

C. TAI HỌA CỦA NGƯỜI THÍCH NGHE NÓI TỐT

Giang Ất muốn dèm pha Chiêu hề Tuất, nói với vua Sở:

- Người dưới kết đảng thì người trên nguy, người dưới mà chia rẽ tranh nhau thì người trên yên, Đại vương biết điều đó chứ? Xin Đại vương đừng quên.

Có người khen cái hay của người khác thì Đại vương xét người đó ra sao?

Vua đáp:

- Người đó là hạng quân tử, nên cẩn thận

Giang Ất hỏi:

- Có người ưa vạch cái xấu của người khác thì Đại vương xét người đó ra sao?

- Người đó là tiểu nhân nên tránh xa ra.

Giang Ất bảo:

- Như vậy, nếu có đứa con giết cha, kẻ bề tôi giết vua, thì rốt cuộc Đại vương cũng không biết.

Là tại sao? Tại Đại vương chỉ thích nghe cái tốt không thích nghe cái xấu của người.

Vua đáp:

- Phải! Quả nhân xin nghe cả hai.

Rốt cuộc, Tuyên vương tước bỏ binh quyền của Chiêu Hề Tuất.

LẠM BÀN:

1. Giang ất biết Tuyên vương có ý nghi ngờ Chiêu Hề Tuất, nhân cơ hội vạch lỗi Chiêu Hề Tuất: Mượn oai của Tuyên Vương để khống chế các nước phương bắc. Biễn lận và bùng bít, che mắt nhà vua. Có ý phản loạn.

2. Biết là Tuyên Vương còn do dự chưa chịu tước bỏ binh quyền của Chiêu Hề Tuất, Giang Ất dần sâu một bước, nhẹ nhàng phê phán Tuyên Vương chỉ

thích nghe lời người nói điều tốt, không nghe lời kẻ nói xấu người khác, có thể sinh ra họa sát thân.

3. Từ từ, bí mật, thủ thi, mắc mưu trong những câu chuyện kể làm cho Tuyên Vương thẩm thía; Giang Ất đã loại trừ được đối thủ lớn nhất của mình là Chiêu Hề Tuất ra khỏi chính trường.

Kể thứ tư: KÊU MƯA GỌI GIÓ (Hô phong hoán vũ)

Hô phong hoán vũ là kêu mưa gọi gió, dựa vào quy luật tương ứng, nước hãy về chỗ trũng, củi khôn gần lửa thì dễ bốc cháy, mưa có gió, có gió thì có thể mưa. Vật nào quy về vật ấy.

Người sử dụng xảo diệu mưu kế tượng như kêu mưa, có mưa; gọi gió có gió.

Mục tiêu kế này là đánh vào tâm lí con người. Dù trăm phương ngàn kế cuối cùng không ngoài tâm lí con người. Nói và nghe hợp với tình. Tình hợp thì nghe.

A. CƯỚI CÔ NÀO?

Trần Chấn ở Sở về Tần, Trương Nghi tâu với vua Tần:

- Trần Chấn là bề tôi của Đại vương mà đem tình hình trong nước bày tỏ với Sở, Nghi tôi không thể cộng sự với hấn được, xin Đại vương đuổi hấn đi. Đuổi hấn mà hấn lại qua Sở thì xin Đại vương giết hấn đi.

Vua Tần đáp:

- Đuổi hấn làm sao hấn dám qua Sở nữa?

Rồi gọi Trần Chấn vào bảo:

- Tôi có thể chiều ý ông. Ông muốn đi đâu? Ta cho sửa soạn xe đưa ông.

Thần Chấn đáp:

- Thần xin qua Sở.

Vua Tần bảo:

- Trương Nghi cho rằng ông sẽ qua Sở. Tôi cũng biết rằng ông sẽ qua Sở. Ông không qua Sở còn đi đâu nữa.

Chân đáp:

- Thần mà ra khỏi nước Tần thì tất là đi qua Sở để cho phù hợp với sự mưu tính của Đại vương và của Nghi và làm cho thiên hạ thấy rõ thần qua Sở có phải để giúp Sở hay không?

Nước Sở có một người nọ có hai vợ. Có kẻ ghẹo người vợ lớn tuổi, bị người này mắng cho; rồi ghẹo người vợ nhỏ tuổi, người này tỏ ý thuận. không bao lâu người chồng có hai vợ mất. Có người hỏi người ghẹo:

- Anh cưới cô lớn hay cưới cô nhỏ tuổi ?

Đáp:

- Cưới cô lớn tuổi.

Hỏi:

- Cô lớn tuổi đã mắng anh, còn cô nhỏ tuổi đã thuận anh, thì vì sao lại cưới cô lớn tuổi.

Đáp:

- Trước kia ghẹo người ta thì muốn người ta thuận mình; nay muốn cưới vợ thì được người ta trung thành với mình mà mắng lại những kẻ sàm sỡ.

Nay vua Sở Hoài Vương là bậc minh quân, mà Chiêu Dương là bậc tướng quốc hiền tài. Chân là bề tôi Tần mà nếu thường đem tình hình của Tần bày tỏ cho Sở biết thì vua Sở tất sẽ không chịu cộng sự với tôi

Như vậy đuổi tôi đi mà thiên hạ sẽ thấy rõ tôi qua Sở không phải để giúp Sở.

Chân ra, Trương Nghi vào hỏi vua Tần:

- Trần Chấn sẽ đi đâu?

Vua Tần đáp:

- Cái ông Chấn đó, quả là bậc biện sĩ trong thiên hạ. Ông ta chăm chăm nhìn quả nhân mà bảo: Chấn tôi tất qua Sở. Quả nhân không biết nói làm sao nữa.

Rồi quả nhân hỏi: Ông mà qua Sở thì lời Nghi đáng tin quá. Chấn đáp: Không phải chỉ có Nghi nói như vậy, kẻ đi đường ai cũng nói như vậy. Xưa kia có Tử Tư trung thành với vua, trong thiên hạ vua nào cũng muốn có Tử Tư là bề tôi; Hiếu Kỉ có hiếu với cha mẹ, ai cũng muốn có con với Hiếu Kỉ.

Cho nên nô bộc tì thiếp mà bán ở trong làng trong xóm được là nô bộc tì thiếp tốt, thiếu nữ mà gả bán ở trong làng trong xóm được là thiếu nữ ngoan.

Tôi mà không trung với Đại vương thì làm sao Sở vương tin được rằng Chấn sẽ trung với Sở.

Trung với Đại vương mà còn bị Đại vương bỏ. Bây giờ Chấn tôi không qua Sở thì qua đâu ?

Vua Tần cho lời đó phải nên trọng đãi Chấn.

LẠM BÀN:

Nghe lời gièm của Trương Nghi, vua Tần muốn đuổi Trần Chấn. Trần Chấn tương kế tựu kế nêu lòng trung thành với vua Tần, có qua Sở cũng để tỏ lòng trung thành với Tần.

Vua Tần đẹp lòng, trọng đãi Trần Chấn. là một đòn tâm lí phá vỡ mưu Trương Nghi xóa tan nghi hoặc của vua Tần.

Vua Tần khen: quả là bậc biện sĩ trong thiên hạ.

Tiết 10 :CÂN NHẮC NẶNG NHẸ (Quyền hành chi thuật)

1. Quyền như hành lượng hoặc là sùng tuy có nghĩa là cái cân, cân để biết nặng nhẹ sự biến động của một vật thể, từ đó tìm phương pháp xử lí.

Là phương pháp xác định tài năng, tư tưởng, ưu điểm, khuyết điểm của đối phương. Xác định sự lợi hại, ưu liệt của sự vật.

Thuật cân nhắc nặng nghe được áp dụng vào trong việc dùng người và ngoại giao du thuyết.

2. Đã là con người thì có người trí kẻ ngu, có sở trường và sở đoản. Người khéo dùng người là biết sử dụng sở trường của người ta. Không biết dùng người tức là sử dụng sở đoản của người.

Có trường hợp phải dùng sở đoản của người ngu mà không dùng được sở trường của người trí.

Vì không phải người cho trí có thể hành xử được mọi sự, mọi tình huống.

3. Về ngoại giao du thuyết mục đích tối thượng là phải thuyết phục được đối phương. Phải biết cách nói; biết nghe, phân biệt lời nói, thái độ, tâm lí và cá tính của đối phương.

Miệng là khí dùng để biểu đạt ý tưởng và tình cảm của mình. Nhưng có người cho rằng miệng là dùng để ăn không phải để nói. Miệng là cửa của bệnh hoạn và tai họa. ý là muốn khuyên người ta thận trọng trong lời nói, lựa lời nói.

Tâm lí người đời khá lạ, là nghe mãi phải tin. Gọi là "chúng khẩu luyện kim". Có khi nói thẳng không ngần ngại nhưng cũng có lúc phải nói quanh co.

Có ba khí quan khác phò tá, hô ứng, với miệng là tâm, mắt và tai. Khi nghe khi nói, tranh luận bình tĩnh, đừng để các khí quan này hỗn loạn. Nếu hỗn loạn sẽ rơi vào mê lộ của đối phương.

Xét về nội dung lời nói có các loại sau:

1) Nan ngôn là dùng lí luận phản đối, mục đích làm cho người đối thoại bộ lộ chân ý.

2) Nịnh ngôn là xu nịnh nhằm biểu diễn sự trung nghĩa của mình cho người ta biết.

3) Xảo ngôn là tự cho mình trí tuệ hơn người, uyên bác hơn người.

4) Bình ngôn là tự cho mình dũng cảm, quyết đoán của mình.

5) Oai ngôn làm cho người đối thoại tin mình đang quan tâm đến thần thái của họ.

6) Tĩnh ngôn là ầu bị người đối thoại dùng lí luận, kích bác đến thất bại vẫn bình tĩnh ôn hòa.

Xét về ngôn từ, tâm lí, thái độ thì có:

1) Bệnh ngôn là không có phách lực, hư nhược.

2) Oán ngôn là tự hỗn loạn, vô điều kiện vô lí.

3) Ưu ngôn là buồn rầu không vui, không có sức.

4) Nộ ngôn là vọng động, như bị khống chế.

5) Hỉ ngôn là đắc ý quên hình, tản mạn.

Xét về đối tượng, cá tính để vận dụng các nguyên tắc đối thoại:

1) Đối người ngu thì vận dụng thuật hùng biện.

2) Gặp người hùng biện thì nên im lặng lắng nghe.

3) Đối với người cao quý thì vận dụng uy thế.

4) Gặp người giàu có thì vận dụng địa vị.

5) Gặp người thất bại thì vận dụng sự giàu có.

6) Đối người dũng cảm thì vận dụng điều nói về hành vi quả cảm.

7) Gặp người cường mạnh thì vận dụng về lời binh, giáp cứng.

Mỗi người một cá tính, hiểu được cá tính của đối phương và tìm cách đối thoại thích hợp thì giành được ưu thế và thuyết phục được đối phương.

Trăm vạn ngàn kế cũng không qua tâm lý con người. Quan trọng là tùy cơ ứng biến, vận dụng thông minh.

Nghề quý ở thông, trí quý ở minh, từ quý ở kì.

Người trí là vận dụng các nguyên tắc một cách xảo diệu thông minh.

4. Thuật này có các mưu kế.

1) Lấy ngu thắng trí (Dĩ như thắng trí)

2) Không ngại nói thẳng (Chính ngôn bất hủy).

3) Nói mãi phải tin (Chứng khẩu luyện kim).

Kế thứ nhất: LẤY NGU THẮNG TRÍ (Dĩ như thắng trí)

Mỗi người có trí tuệ khác nhau, năng lực khác nhau, có sở trường sở đoản khác nhau. Người giỏi dùng người là biết khai thác sở trường, sở đoản của người trong từng hoàn cảnh, trong từng công việc.

Có những lúc, những việc người trí tuệ không làm được mà người kém trí lực làm được. Ngược lại cũng có những việc người kém trí lực tài năng không bao giờ làm được.

Dĩ ngu thắng trí hàm ý có những việc người trí tuệ không làm được nhưng những người kém trí tuệ có thể làm được. Đại ý nói về biết khai thác khả năng của con người thì hữu dụng, không có ý kinh miệt người kém trí tuệ.

A. LÀM CHÓ, LÀM GÀ

Mạnh Thường Quân, Điền Văn, cùng hơn một ngàn tân khách, hơn trăm cỗ xe theo phía tây đi đến Hàm Dương vào yết kiến vua Tần.

Vua Tần xuống thêm đón, cầm tay chào hỏi giải bày lòng yêu mến bấy lâu.

Mạnh Thường Quân dân vua Tần cái áo cầu, lông chồn, lông dài hai thước, sắc trắng như tuyết, giá đáng ngàn vàng, thực là của quý hiếm có một không hai.

Vua Tần mặc áo vào cung khoe với nàng Yên Cơ. Yên Cơ nói:

- Áo ấy người ta cũng thường có, quý hiếm gì đâu!

Vua Tần giải thích:

- Cũng chồn không sống vài ngàn năm thì sắc không trắng. cái áo này lấy những miếng da rách giống chồn ghép lại mà thành. Tề là nước ở Sơn Đông mới có được áo quý này.

Bấy giờ khí trời còn ẩm áp vua Tần giao cho kẻ giữ kho dặn phải giữ cẩn thận để dùng trong mùa rét. Định chọn ngày lành lập Mạnh Thường Quân làm thừa tướng.

Vu Lí Tật sợ rằng nếu Mạnh Thường Quân được dùng sẽ cướp mất quyền mình, bèn sai gia khách là Công Tôn Thích bảo vua Tần rằng:

- Điền Văn là người nước tề nay làm tướng Tần, tất hẳn nghĩ đến Tề trước rồi mới nghĩ đến Tần. Cứ lí mà suy Mạnh Thường Quân có tài trù liệu mọi việc, không việc nào sai, lại thêm có nhiều tân khách giúp. Nếu mượn quyền Tần mưu ngàn cho tề thì Tần nguy mất.

Vua Tần đem lời ấy hỏi Vu Lí Tật. Tật nói:

- Thích nói phải đấy!

Vua Tần hỏi:

- Thế thì cho hắn về hay sao?

Tật nói:

- Mạnh Thường Quân ở Tần đã hơn tháng, khách theo hơn nghìn người, đều biết việc lớn nhỏ của Tần, nay cho về là có hại cho Tần, chi bằng giết đi. Vua Tần nghe lời, cho Mạnh Thường Quân ra ngoài quán xá.

Kinh Dương Quân khi ở Tề được Mạnh Thường Quân đối đãi rất hậu, ngày cùng ăn uống, khi về lại tặng mấy thứ đồ quý, Kinh Dương Quân vẫn lấy làm cảm kích. Kinh Dương biết được âm mưu vua Tần liền đến cho Mạnh Thường Quân biết. Mạnh Thường Quân lo sợ hỏi kế. Dương Quân nói:

- Trong cung có nàng Yên Cơ rất được vua yêu mến, nói gì nhà vua cũng nghe. Ngài có thứ gì quý nhất, tôi sẽ vì ngài đem dâng Yên Cơ mong nàng ấy nói một lời thì có thể thoát được.

Mạnh Thường Quân liền đem đôi ngọc trắng nhờ Kinh Dương đem dâng cho Yên Cơ.

Yên Cơ nói:

- Thiếp rất thích thứ áo lông chồn trắng. Nghe nói nước tề vẫn có thứ áo ấy, nếu có áo ấy thiếp sẽ nói cho, chứ ngọc bích này dùng vào việc gì ?

Kinh Dương về báo với Mạnh Thường Quân. Mạnh Thường Quân nói:

- Chỉ có một cái đã đem dâng cho vua Tần rồi, bây giờ làm sao?

Rồi hỏi các tân khách xem ai có thể kiếm cái áo ấy không. Ai nấy im lặng.

Cuối cùng có một tân khách nói là có thể kiếm được.

Mạnh Thường Quân hỏi:

- Người có kế gì kiếm được cái áo ấy?

Người ấy nói:

- Tôi có thể giả làm chó đi ăn trộm được. Mạnh Thường Quân cười và cho đi.

Đêm đến người ấy mặc áo quần giống như con chó, chui qua cổng nhỏ lên vào kho, làm tiếng chó sủa. Người giữ kho tưởng là chó thật không nghi ngờ gì cả.

Đợi lúc người giữ kho ngủ say, lấy khóa mở lấy áo lông chồn trắng về cho Mạnh Thường Quân.

Yên Cơ được áo, nhân đêm vua Tần uống rượu vui vẻ bèn nói rằng:

- Thiếp có nghe nước Tề có Mạnh Thường Quân là bậc đại hiền.

Mạnh Thường Quân đang làm tướng nước Tề không muốn sang nước Tần nhưng Tần mời thì phải đến.

Tần không dùng lại giết đi vừa mang tiếng hãm hại hiền tài và sau này kẻ sĩ thiên hạ ai dám đến Tần nữa ?

Vua Tần cho là phải, sáng ra sai sắp xe ngựa cấp giấy thả Mạnh Thường Quân về Tề.

Khi đến Hàm Cốc, theo lệ cửa quan chỉ mở khi gà gáy sáng, nhưng lúc này còn quá sớm.

Mạnh Thường Quân lo vua Tần cho người đuổi theo lòng dạ bồn chồn không yên, các tân khách ùn lại.

Bỗng nhiên có tiếng gà gáy, thì ra một người trong đám tân khách kéo bắt được tiếng gà gáy.

Cửa quan mở.

LỜI BÀN CỦA MẠNH THƯỜNG QUÂN:

Mạnh Thường Quân thoát khỏi đất Tần nói:

- Ta nay khỏi miệng hùm là nhờ tiếng chó sủa và gà gáy.

Từ đó trong đám khách không dám xem thường những người khách thường, hạ khách nữa.

B. GIỎI CẦM QUÂN KHÔNG GIỎI CẦM TƯỚNG

Hán vương hỏi Hàn Tín:

- Như tài ta thì chỉ huy được bao nhiêu quân ?

Tín đáp:

- Bệ hạ bắt quá chỉ huy được mười vạn là cùng.

Lại hỏi:

- Còn ông ?

Đáp:

- Thần càng nhiều càng hay.

Cao đế cười bảo:

- Càng nhiều càng hay mà sao lại bị bắt ?

Tín thưa:

- Bệ hạ không giỏi cầm quân nhưng giỏi cầm tướng cho nên Tín tôi mới bị bệ hạ bắt.

Vả lại trường hợp Bệ hạ là cái tài thiên bẩm chứ không phải do sức người.

C. MỖI NGƯỜI MỘT VIỆC

Phương pháp xử lí chính sự của Tử Sản là ở chỗ tiến cử người hiền và biết dùng người:

Phùng Giản Tử giỏi phán đoán có thể đoán được quốc gia đại sự.

Dư Cát chứng chạc đàn ông giỏi về văn.

Công Tôn Huy hiểu biết tình hình cận kề của các nước. Ông ta biết rõ từng gia tộc, chức tước bổng lộc đại phu các nước, lại giỏi ăn nói.

Tì Thâm thì có lưu lược thường suy nghĩ công việc ở những nơi dã ngoại, yên tĩnh mới tìm ra biện pháp để giải quyết.

Mỗi lần nước Trịnh nảy sinh vấn đề hoặc tranh chấp với các nước chư hầu Tử Sản bèn hỏi Công Tôn Huy về tình hình các nước chư hầu đó, đồng thời yêu cầu ông ta chuẩn bị lời lẽ đối đáp khác nhau.

Sau đó nhờ Tì Thâm đánh xe ra ngoài thôn quê chuẩn bị các chiến lược để đối phó.

Tiếp, báo cáo với Phùng Giản Tử yêu cầu Giản Tử chọn và quyết đoán.

Tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng thì giao cho Du Cát thi hành.

Cứ như vậy mà đối đáp với tân khách.

LẠM BÀN:

Do vậy công việc ngoại giao của Tử Sản ít khi thất bại.

D. NGƯỜI THỢ MỘC GIỎI:

Lí Thế Dân viết trong sách "Đế nham" về thuật dùng người như sau:

Bậc minh chủ biết dùng người cũng giống như người thợ mộc dùng gỗ vậy.

Đoạn thẳng có thể dùng làm cang xe, đoạn cong có thể dùng làm bánh xe. Đoạn dài có thể dùng làm cột kèo, đoạn ngắn có thể dùng làm thanh đỡ.

Bất kể là cong, thẳng, dài, ngắn đều có tác dụng của nó.

Bậc minh chúa dùng người còn có một điều nữa là khai thác mưu lược của bậc trí giả, khai thác sức lực ở kẻ ngu đần.

Khai thác cái uy ở kẻ dũng cảm, khai thác sự cẩn thận ở kẻ nhút nhát. Kẻ không có những cái đó thì dùng tất cả.

Vì thế có thể nói, với người thợ mộc giỏi không có gỗ bỏ đi, với bậc minh chúa không có người bỏ đi.

Không thể vì một điểm xấu mà quên đi cái điểm tốt của anh ta, không thể vì một lỗi lầm nhỏ mà che lấp mất công lao của anh ta, tách bạch công và tội, tận dụng hết những gì mà họ có.

Mỗi người đều có sự mạnh yếu về trí tuệ, năng lực nhiều ít, không hề giao nhiệm vụ nặng nề cho người tài năng kém cỏi, không thể giao chức vụ quan trọng cho ít người có năng lực.

Nếu như giao cho anh ta trách nhiệm nặng nề mà anh ta có thể ung dung và thừa sức làm nổi thì chức vụ sắp xếp cho anh ta là phù hợp.

Kể thứ hai:KHÔNG NGẠI NÓI THẰNG (Chính ngôn bất hủy)

Hai nước giao tranh, giữ tuyệt đối bí mật binh tình, yểm trá giả dối, nghi binh là quý. Nhưng nhiều khi cũng không ngại nói thẳng tình hình của nhau để cùng chấm dứt chiến tranh dằng dai bất lợi.

Như hai bên cùng ăn phải gân gà nuốt không trôi, nhổ ra thì không được.

Trường hợp này khá hi hữu nhưng lại là một mưu kế.

NƯỚC TÔI CÙNG KHỐN LẮM RỒI

Hoa Nguyên nghe thấy Giải Dương nói là quân Tấn sắp sửa sang cứu, lại cố sức chống cự với quân Sở. Công tử Trắc, tướng nước Sở, sai quân sĩ làm một cái chòi cao ở phía ngoài thành nước Tống mà ở, để đứng trên nhìn vào trong thành, xem tình hình nước Tống.

Hoa Nguyên cũng làm cái chòi phía trong thành nhìn ra.

Hai bên giữ nhau từ tháng chín năm trước đến tháng năm năm sau.

Trong thành nước Tống lương thực hết sạch, người bị chết đói. Hoa Nguyên đem những lời trung nghĩa khuyên bảo kẻ dưới. Người nước Tống đều cảm động mà khóc, đổi con cho nhau mà ăn, lượm xương người chết mà nấu.

Sở Trang vương không biết làm thế nào.

Quân sĩ lại tâu rằng:

- Lương thực trong dinh, chỉ còn bảy ngày nữa là hết.

Trang vương nói:

- Ta không ngờ nước Tống khó đánh đến như thế!

Nói xong, liền đứng lên trên xe để xem xét tình hình quân sĩ nước Tống, thì thấy quân sĩ giữ thành rất nghiêm chỉnh.

Trang vương bèn thở dài, rồi triệu Công tử Trắc để bàn việc rút quân về.

Thân Tề con của Vô Úy sụp lạy trước xe Sở Trang vương, khóc mà nói rằng:

- Cha tôi liệu chết để phụng mệnh Đại vương, nay Đại vương lại thất tín với cha tôi hay sao ?

Sở Trang vương có ý hồ thẹn.

Thân Thúc Thời bấy giờ đang cầm cương trên xe Sở Trang vương, mới hiện kể rằng:

- Nước Tống không chịu hàng là vì biết chừng quân ta không ở lâu được, nếu ta truyền cho quân sĩ làm nhà ở và cày ruộng để lấy thóc ăn, tỏ cho nước Tống biết là quân ta còn ở đây lâu, thế thì nước Tống tất sợ mà phải đầu hàng.

Sở Trang vương khen phải, truyền cho quân sĩ đốn gỗ làm nhà ở xung quanh thành.

Trong mười người thì cứ để năm người vây thành còn năm người cày ruộng, cứ mười ngày đổi nhau một lần.

Hoa Nguyên nghe tin ấy, nói với Tấn Văn công rằng:

- Quân Sở không có ý rút quân về mà quân Tần cũng không thấy đến cứu, biết làm thế nào.

Âu là tôi xin lên vào dinh quân Sở để hiệp công tử Trắc, bắt phải cho gián hòa, họa chẳng mới được. Tống Văn công nói:

- Nước ta còn hay mất, quan hệ ở việc này lắm, tướng quốc phải cẩn thận mới được !

Hoa Nguyên dò biết là công tử Trắc vẫn ngủ trên chòi cao, lại dò biết cả họ tên những người thị vệ của Sở Trang vương.

Đêm hôm bảy, Hoa Nguyên thay hình đổi dạng làm người thị vệ, dòng dây xuống thành, lên đến dinh quân Sở.

Gặp quân Sở đang đi tuần, Hoa Nguyên hỏi rằng:

- Quan nguyên soái có ở trên chòi không ?

Quân Sở nói:

- Có!

Hoa Nguyên lại hỏi:

- Ngài ngủ chưa?

Quân Sở nói:

- Mấy ngày hôm nay, ngài khó nhọc quá. Hôm nay Đại vương ban cho một thầu rượu, ngài uống xong đã đi nghỉ rồi!

Hoa Nguyên vội vàng trèo thẳng lên chòi. Quân Sở ngăn lại. Hoa Nguyên nói:

- Hôm nay Đại vương có việc cơ mật, cần phải dặn bảo nguyên soái. Mới rồi lại có cho quan nguyên soái uống rượu. Đại vương sợ quan nguyên soái say rượu mà ngủ quên mất, nên phải sai tôi đến đây để dặn lại thật cận kề rồi về nói cho Đại vương hay.

Quân Sở tưởng thật, để cho Hoa Nguyên trèo lên.

Trên chòi đèn thấp còn sáng, công tử Trắc cởi áo nằm ngủ đã say. Hoa Nguyên trèo ngay lên giường nằm se sẽ lấy tay lay lay công tử Trắc. Công tử Trắc tỉnh dậy, bị Hoa Nguyên lăm lăm hai cánh tay. Công tử Trắc vội vàng hỏi:

- Ai thế này?

Hoa Nguyên đáp sẽ rằng:

- Nguyên soái chớ sợ! Tôi là Hoa Nguyên nước Tống đây! Tôi phụng mệnh chúa công tôi lên sang đây để xin giảng hòa với quan nguyên soái.

Nếu quan nguyên soái nghe lời thì hai nước cùng nhau đời đời giao hiếu; ngược bằng quan nguyên soái không nghe lời thì tôi và nguyên soái cùng chết đêm nay.

Hoa Nguyên tay trái giữ lấy công tử Trắc, tay phải rút một con dao nhọn ở trong mình ra.

Dưới bóng đèn lưỡi dao sáng quắc.

Công tử Trắc vội vàng đáp rằng:

- Có việc thương lượng với nhau thì việc gì phải thô lỗ.

Hoa Nguyên thu lưỡi dao lại mà xin lỗi rằng:

- Nguyên soái chớ thấy làm lạ! Vì sự thế gấp quá, cho nên tôi phải làm như vậy.

Công tử Trắc hỏi:

- Tình hình nước Tống bây giờ thế nào?

Hoa Nguyên nói:

- Chẳng giấu gì nguyên soái, nước tôi đói con cho nhau mà ăn, nhặt xương người mà nấu, cùng khốn lắm rồi!

- Tình hình nước Tống đã đến nỗi cùng khốn quá như vậy lia à? Sao nhà ngươi đem thực tình mà báo cho ta biết?

Hoa Nguyên nói:

- Người quân tử thấy người ta khốn thì có lòng thương, tôi chắc quan nguyên soái là người quân tử, vậy nên tôi không dám giấu.

Công tử Trắc hỏi:

- Thế vì cớ gì mà nước Tống còn không chịu đầu hàng?

Hoa Nguyên nói:

- Tình hình nước tôi dầu cùng khốn nhưng chí khí dân nước tôi vẫn chưa sờn, cho nên vua nước tôi cố sức chống giữ, thà rằng cùng chết với nhau còn hơn chịu cái nhục đầu hàng dưới chân thành.

Nếu quan nguyên soái có lòng thương dân mà rút quân ra ngoài ba mươi dặm thì chúa công tôi cũng xin một lòng thần phục quý quốc không bao giờ làm trái lời.

Công tử Trắc nói:

- Ta cũng chẳng dấu gì nhà ngươi. Quân Sở ta cũng chỉ còn có lương ăn trong bảy ngày, nếu qua bảy ngày mà nước ngươi không đầu hàng, thì quân Sở cũng phải rút về thôi.

Mới rồi, ta sai quân sĩ làm nhà ở và cày ruộng là lập kế cho ngươi sợ mà thôi.

Sáng mai ta tâu với vua Sở lui quân ba mươi dặm, vua tôi nhà ngươi chớ có thất tín.

Hoa Nguyên nói:

- Tôi cùng nguyên soái ăn thề, hai bên cùng không sai lời !

Công tử Trắc cùng Hoa Nguyên ăn thề xong lại kết nghĩa anh em.

Công tử Trắc lấy một chiếc lệnh tiễn trao cho Hoa Nguyên, dặn phải đi mau.

Hoa Nguyên có chiếc lệnh tiễn ấy cứ công nhiên đi thẳng đến dưới thành, làm ám hiệu cho trên thành thả dây xuống rồi kéo lên, đưa thẳng vào cung, đem lời công tử Trắc tâu với Tống Văn công.

Sáng hôm sau, công tử Trắc cũng đem lời Hoa Nguyên thuật lại cho Sở Trang vương nghe và tâu rằng:

- Suýt nữa thì mệnh tôi chết dưới lưỡi dao của Hoa Nguyên đêm hôm qua rồi, may mà Hoa Nguyên có lòng nhân từ, đem tình hình trong nước báo thực với tôi và xin tôi rút quân; tôi đã nhận lời rồi, xin Đại vương xuống chỉ.

Sở Trang vương nói:

- Nước Tống cùng khôn như thế, ta nên cố đánh cho kì được!

Công tử Trắc sụp lạy mà tâu rằng:

- Quân ta chỉ còn lương ăn trong bảy ngày, tôi đã trót báo thực với Hoa Nguyên rồi!

Trang vương nổi giận mà rằng:

- Sao ngươi lại nói thực với quân giặc?

Công tử Trắc nói:

- Một nước Tống nhỏ mọn như vậy, còn có một bề tôi không chịu nói dối, hướng chỉ đường đường nước Sở ta mà lại không có được người bề tôi như thế hay sao?

Trang vương nguôi cơn giận mà bảo rằng:

- Quan tư mã nói phải lắm!

Trang vương bèn hạ lệnh rút quân ra đóng ngoài ba mươi dặm.

Hoa Nguyên phụng mệnh Tống Văn công đến dinh quân Sở làm tõe giao ước.

LẠM BÀN:

Hai bên kiệt quệ như nhau, ai cũng muốn chấm dứt chiến tranh, nhưng bên này lo sợ bên kia. Nhờ kế nói thẳng hai bên giảng hòa trong danh dự.

Kế thứ ba: NÓI MÃI PHẢI TIN (Chúng khẩu luyện kim)

Kế này đánh vào tâm lí con người, nghe nói mãi phải tin, kể cả chuyện vô lí nhất.

Một người nói chưa tin, hai người nói nửa tin nửa ngờ. Ba người nói, nhiều người nói thì ắt tin. Kế này thường được áp dụng trong chiến tranh tâm lí.

CHỢ CÓ HỔ

Bàng Thông sắp cùng với Thái tử nước Ngụy qua Hàm Đan làm con tin, nói với vua Ngụy là Huệ Vương:

- Nay có một người nói rằng ở chợ có hổ xuất hiện. Đại vương có tin không?

- Quả nhân còn ngờ!

Ba người nói ở chợ có hổ xuất hiện. Đại vương có tin không?

- Quả nhân tin chứ!

Bàng Thông nói:

- Ở chợ làm gì có hổ, lẽ đó hiển nhiên. Nhưng có ba người nói thì thành ra có hổ.

Nay Hàm Đan cách Đại vương xa hơn từ chợ tới đây mà những bẻ tôi hay bàn xằng bậy thì không phải là ba người mà thôi, xin Đại vương xét kĩ điều đó cho!

Nhà vua đáp:

- Quả nhân tự biết điều đó rồi.

Như vậy Bàng Thông và tái tử mới tới Hàm Đan thì lời sàm báng đã tới tai vua Ngụy trước rồi.

Quả nhiên về sau khi thái tử khỏi phải làm con tin, Bàng Thông cũng không được gặp vua Ngụy nữa.

LẠM BÀN:

Mặc dù Bàng Thông biết sẽ có người nói xấu mình nên rào đón trước nhưng cũng không tránh khỏi miệng thế gian.

Ngụy vương cũng dù biết nhưng vẫn không thoát được kể nói mãi phải tin.

Cho nên, biết là một chuyện, làm lại là chuyện khác.

Tiết 10 :MƯU LƯỢC (Mưu lược chi đạo)

1. Mưu lược hay còn gọi là quyền mưu.

Quyền (lượng tài, đo lường khả năng) và mưu (kế hoạch, phương pháp, thủ đoạn) bao giờ cũng quan hệ, liên quan với nhau.

Người xưa thường lên núi tìm ngọc, muốn khỏi lạc đường người ta mang theo la bàn để định phương hướng. nghĩa là trước khi đi tìm ngọc, người ta đã có sự chuẩn bị kế hoạch, phương pháp, phương hướng tôn chỉ, mục đích...

Vậy, quyền mưu là đo lường tài, lượng khả năng... làm việc có sự chuẩn bị, có phương pháp, kế hoạch, có tôn chỉ để đạt được mục đích.

Về tổng quan có thể chia ra làm ba hạng người: thượng trí, trí tuệ cao; trung tài, tài năng bình thường và hạ như, người trí tuệ thấp.

Cho nên mưu kế hoặc kế hoạch cũng chia làm ba loại: Thượng kế hoặc thượng sách, trung kế hoặc trung sách và hạ kế hoặc hạ sách.

2. Mưu thường phát sinh từ sự cố, biến cố

Ví dụ: Bức tường đổ là do vết nứt rạn càng ngày, càng sâu. Cây gãy là do sâu đục khoét.

Tường đổ, cây gãy là biến cố.

Có biến cố thì phát sinh sự việc. Có sự việc thì phát sinh mưu. Có mưu phát sinh kế hoạch. Có kế hoạch thì phát sinh giảng luận. Có giảng luận thì phát sinh du thuyết. Có du thuyết thì phát sinh ra tiến. Có tiến thì phát sinh sự thoái lui. Có thoái lui thì phát sinh sự khống chế. Nhân đó mà khống chế lại sự việc.

3. Muốn áp dụng mưu kế trước phải xét người, xét sự vật, sự việc:

Người nhân đức xem thường tiền tài, vật chất. không dùng được tiền tài, vật chất mà dẫn dụ, mua chuộc. Chỉ hao tổn vô ích.

Kẻ tráng sĩ, dũng khí hay xem thường gian nan, nguy hiểm. Không thể lấy sự hoạn nạn, hiểm nguy mà dọa dẫm, uy hiếp. Chỉ dùng họ trấn thủ ở vùng đất hiểm.

Người trí huệ thông minh, thông đạt lí sự. Không thể dùng sự chân thực mà thuyết phục.

Chỉ dùng đạo lí thuyết phục. Người nhân đức, kẻ tráng sĩ, người trí huệ thông minh gọi là tam tài; ba hạng người tài.

Người ngu si thì dễ bị dối lừa. người bất hiểu thì sợ uy hiếp. kẻ bần cùng thì dễ bị mê hoặc.

Bọn người ác tâm thân mật, câu kết với nhau là hại; không thân nhau, thiên kiến với nhau, cũng là hại. Chúng cùng có lợi thì thân nhau. Chúng cùng có

hại thì xa nhau.

Về sự vậy, sự việc phải thấy tích tiểu thành đại:

Mạnh tích lũy từ yếu. giàu tích lũy từ sự bần cùng.

Thắng (có năng lực), tích tụ từ cong (ít năng lực). Sự no đủ tích tụ từ sự thiếu thốn.

Vì vậy không nên xem thường cái yếu, cái bần cùng, cái ít năng lực, cái thiếu thốn.

4. Dùng kế mưu:

Công không bằng tư. Tư không bằng kết, kết thật chặt. Chính không bằng kì, kì trôi chảy không ngừng.

Quý là không chế người, không để bị người không chế. Không chế người thống trị được người. Bị người không chế là bị thống trị.

5. Thuật này có các kế:

1) Chính không bằng kì (Chính bất như kì)

2) Không chế địch trước (Tiên phát chế nhân)

3) Mục độ thân sơ (Thân sơ hữu độ)

4). Xa bang giao, gần tiến đánh (Viễn giao, cận công).

Kế thứ nhất: CHÍNH KHÔNG BẰNG KÌ (Chính bất như kì)

Chính bất như kì là dùng chính binh không bằng kì binh.

Chính là dùng binh lực đánh trực diện, kì là dùng kì kế, xuất kì bất ý, địch không kịp trở tay.

Làm ra vẻ nhu nhược, chịu đựng, địch không thêm đề ý. Lúc gặp thời thì nhanh nhẹn, dũng mãnh phi thường.

Chính với kì tương hỗ nhau như một vòng xoáy bất tận làm cho đối phương rơi vào mê lộ, không tìm được lối ra.

A. KHI BÒ ĐÁNH GIẶC

Điền Đan là một bà con xa của vua Tề. Thời Mẫn vương, Đan là chủ chợ vùng Lâm tri, ít ai biết đến tên tuổi.

Kịp đến khi nước tên sai Nhạc Nghị đánh phá nước tề, tề Mẫn vương chạy ra nước ngoài, rồi rút về cố thủ thành Cử, quân Yên xông xáo đánh hạ bảy mươi thành của tề (sắp sửa vào thành Lâm Tri) thì Đan chạy trốn về An Bình, bảo bà con hãy cưa cụt hai đầu trục xe trời quá ra ngoài và dùng vành sắt bít lại.

Quân Yên đánh thành An Bình, thành vỡ, dân Tề chạy, tranh nhau đường, đầu trục xe (trời quá ra ngoài) bị gãy, xa bị hư, thành ra bị quân Yên bắt làm tù binh cả.

Duy có họ hàng Điền Đan nhờ có vành sắt bít đầu trục xe (đã cưa) mà chạy thoát được, rút về phía đông, giữ thành Tức Mặc.

Quân Yên đã hạ được các thành của tề rồi mà chỉ có hai thành Cử và Tức Mặc là không hạ nổi.

Quân yên hay tin Tề vương trong thành Cử thì đồn quân hãm thành này.

Sau khi giết chết Mẫn vương, Náo Xi cố thủ thành Cử cầm cự với quân Yên mấy năm, quân Yên không làm gì nổi. Quân Yên kéo sang đông vây Tức Mặc.

Quan đại phu coi Tức mặc xuất quân nghênh chiến thua và tử trận. Mọi người trong thành đều đồng ý suy tôn Điền Đan, nói rằng trong trận An Bình bà con ông Điền Đan nhờ có vành sắt bít đầu trục xe mà được an toàn, ông ấy là am tường quân sự. Bèn lập Điền Đan làm tướng quân chỉ huy thành Tức Mặc chống với quân Yên.

Ít lâu sau, Yên Chiêu vương mất, huệ vương lên ngôi. Giữa huệ vương và Nhạc Nghị có hiềm khích.

Biết vậy, Đan Điền bèn cho người sang Yên phản gián, tung tin ra, nói rằng: Vua Tề chết rồi, còn hai thành mà quân Yên không hạ nổi. Nhạc Nghị sợ bị giết không dám về, bề ngoài lấy cớ đánh Tề mà ở lại, sự thật bên trong là muốn kết hợp binh lực để ngánh mặt về phương nam mà cai trị nước Tề, lòng dân Tề chưa về với cho nên mới chùn chình không dám đánh Tức Mặc để đợi xem sao.

Điều duy nhất người Tề sợ là có vị tướng khác đến thì thành Tức Mặc sẽ tan tành.

Yêu vương cho lời đồn ấy đúng và sau Kị Kiếp thay Nhạc Nghị.

Vì có việc này mà Nhạc Nghị về với Triệu.

Quân lính người Yên bất bình về việc thay thế Nhạc Nghị.

Điền Đan bèn ra lệnh cho dân thành đến bữa ăn đều phải cúng tổ tiên ở ngoài sân; chim chóc trên thành sà xuống ăn.

Người Yên thấy vậy lấy làm lạ. Điền Đan nhân nói phao lên rằng: Thần xuống dạy ta. Và cho mọi người trong thành biết: Chắc có thần là thầy cho ta.

Có một người lính hỏi:

- Tôi có thể làm thầy được không?

Nói xong ù té chạy, Điền Đan đứng dậy (thấy người đó đã chạy), sai dẫn về, mời ngồi ngánh mặt về phương đông và thờ như thầy:

Người lính nói:

Tôi nói dối ông đấy, thật ra tôi không có tài năng gì cả.

Điền Đan nói:

- Thôi ông chớ nói nữa!

Rồi Điền Đan thờ người lính làm thầy.

Mỗi khi ban hành một hiệu lệnh là lại nói rằng đó là ý kiến của thần nhân. Rồi phao lên rằng: Ta chỉ sợ một điều là quân Yên cho những tù binh người tề bị xẻo mũi đi lên hàng đầu đánh nhau với ta; nếu họ làm vậy thì Thức Mặc thua.

Người Yên nghe tin đồn ấy thì làm đúng như lời Điền Đan, cho tù binh tề đều bị xẻo mũi, quân dân bị bắt thì cũng sẽ bị xẻo mũi nốt.

Đan lại tung tin: ta sợ người yên đào mồ mả ngoài vòng thành và đốt hết hài cốt. Người Túc Mặc đứng trên mặt thành trông thấy cảnh tượng ấy đều rơi lệ, muốn xông ra đánh, lòng căn thù giặc tăng lên gấp mười lần.

Điền Đan biết sĩ tốt của mình có thể sử dụng được rồi, bèn đích thân cầm những dụng cụ đào đắp tường và phân công với quân lính, đàn bà con gái thì lên hết mặt thành.

Đoạn sai sứ đi điều đình với quân Yên, xin đầu hàng. Quân yên đều reo mừng.

Điền Đan lại thu thập của dân chúng được ngàn dật vàng, sai các phú hào Túc Mặc mang đi biểu tướng Yên, nói:

- Túc mặc đầu hàng thì xin đường có bắt bớ cướp bắt đàn bà trong gia đình chúng tôi, để cho họ được yên ổn.

Tướng Yên cả mừng, ưng thuận. Vì thế, quân Yên thêm biếng nhác.

Điền Đan bèn góp nhặt số bò trong thành được hơn ngàn con, cho trùn nhiều đỏ, có vẽ lột rồng năm màu sắc sỡ, gươm giáo buột chặt vào sừng, lau sậy phơi khô tẩm dầu mỡ, chập thành bó, buộc vào đuôi rồi châm lửa đốt.

Khoét sẵn mấy chục lỗ lớn qua chân thành, đợi đêm đến thả hết bò ra, theo sau là năm ngàn tráng sĩ. Đuôi bị nóng, lũ bò nổi khùng chạy bỏ đêm vào quân Yên.

Đang đêm thấy vậy, quân Yên kinh hoàng; đuôi bò lửa cháy như đuôi, ánh sáng lập lòe; quân Yên nom thấy đều cho là rắn rồng và đều bị húc trọng thương hết.

Năm ngàn chiến sĩ ngậm tằm thừa thế tiến đánh, trong thành tiếng trống nổi theo, những người già yếu cũng khua chày, gõ nổi, tiếng vang dậy đất.

Quân Yên chết khiếp và thua to. Người Tề bèn giết Kị Kiếp.

Quân Yên chạy tán loạn, người Tề truy kích đến đâu dân chúng cũng nổi dậy đánh quân Yên, trở về tiếp tay với quân Tề.

Quân Điền Đan ngày càng thêm đông, thừa thắng đánh tới, quân Yên thua hoài, rốt cuộc triệt thoái về tận bờ Hoàng Hà và hơn bảy mươi thành của Tề được giải phóng. Bèn đến đón Tương vương ở thành Cử trở về Lâm Tri trị vì.

Tương vương phong Điền Anh là An Bình quân.

LỜI BÀN CỦA TƯ MÃ THIÊN:

Tác chiến phải dùng chính binh, quân đánh đúng lẽ lời mà chống địch; dùng kị binh, quân đánh bằng mưu mẹo mà thắng địch. Người giỏi quân sự dùng kị binh biến hóa vô vùng.

Chính binh và kị binh hỗ tương chuyển biến, kị biến thành chính, chính biến thành kị, không đầu, không đuôi.

Thoạt đầu như cô xử nữ nhu mì đến độ địch chẳng buồn đề phòng; về sau đắc thế rồi thì nhanh như con thỏ sống, khiến địch có muốn chống đỡ cũng chẳng kịp.

Ấy là Điền Đan là người dùng kị binh như thế đó.

B. KHÔNG CÓ VIỆC LÀM

Vương Tiễn, tướng nhà Tần, đi đánh Sở. Quân Tần quân Sở đối đầu nhau.

Vương Tiễn cho xây dựng trại kiên cố để quân núp vào đó, cho ăn ngon, nghỉ ngơi dưỡng sức. Quân Sở khiêu chiến thế nào cũng không ra đánh.

Một hôm, Vương Tiễn hỏi phó tướng:

- Quân sĩ đang làm gì?

- Binh lính họ không có việc gì làm cả!

Năm ngày sau, Vương Tiễn lại hỏi:

- Quân sĩ đang làm gì?

- Họ đang ném đá, thi nhảy cao, ngảy xa

Vương Tiễn phát lệnh cho toàn xuất xuất kích.

Quân Sở không kịp trở tay, bị đánh bại.

LÀM BẠN:

Quân Sở thấy quân Tần xây dựng doanh trại kiên cố làm quân Tần tính kế lâu dài nên chủ quan.

Vương Tiễn thấy quân mình sức lực tràn trề, tinh thần hăng hái xuất kì bất ý tiêu quân và giành thắng lợi.

Kế thứ hai:KHÔNG CHẾ ĐỊNH TRƯỚC (Tiên phát chế nhân)

Tiên phát chế nhân là ra tay trước, không chế định trước, đi trước một bước.

Không chế được người thì thắng. Bị người không chế thì bại.

Thông thường, người ta gọi là "tiên hạ thủ vi cường", ra tay trước là mạnh, là thượng sách.

a. Đang nông hậu trở nên lạnh nhạt

Hán Hiến Tông cử Ban Siêu làm Tư mã và Quách Tuân làm sứ giả đến nước Thiện tiếp giáp với Hung Nô. Nước Thiện là vùng tranh chấp giữa Hán và Hung Nô.

Vua nước Thiện tên là Tư lúng túng không biết ngã theo nước nào.

Khi Ban Siêu đến, nước Thiện tiếp đãi rất kính trọng và nồng hậu.

Nhưng chỉ mấy hôm sau thì trở nên thờ ơ và lạnh nhạt.

Ban Siêu đoán biết là sứ Hung Nô mới vừa đến, nếu tình hình như thế này thì việc ngoại giao không thành và còn gặp nguy hiểm.

Đêm hôm ấy, Ban Siêu cùng tùy tùng, cởi trần để khỏi chém nhăm nhau, đột nhập vào chỗ sứ thần của Hung Nô giết chết hết cả sứ thần và tùy tùng.

Sáng hôm sau, Ban Siêu xách đầu sứ thần Hung Nô vào trình vua nước Thiện. Vua nước Thiện hoảng hốt, không có cách chọn nào khác là phải theo Hán, cử con trai của mình làm con tin.

B. AI TA TAY TRƯỚC?

Đời tần nhị thế, năm đầu tháng bảy, bọn Trần Thiệp dấy lên ở làng Đại Trạch. Tháng chín năm đó, quan quận thú Cối Kê là Ân Thông vời Hạng Lương đến bảo:

- Khắp vùng Giang tây đều làm phản âu đó cũng là lúc Trời dứt nhà Tần. Tôi nghe ra tay trước thì thắng người, ra tay sau thì người thắng.

Tôi muốn tiến quân để ông và ông Hoàn Sở thống lãnh. Lúc đó Hoàn Sở trốn tôi đang phiêu bạt. Lương nói:

- Hoàn Sở đang tại đào, không biết ở đâu, chỉ có một mình Tịch rõ.

Lương lui ra, đặc Tích cầm gươm đợi sẵn ở ngoài, rồi trở vào nói với viên quận thú, bảo viên này:

- Xin cho vời Tịch vào.

Lát sau, Lương đưa mắt, có ý ngầm bảo: Hạ thủ đi!

Tịch tuốt gươm, chặt đầu viên quận thú. Hạng Lương tay xách đầu quận thú, đẹp ngủ ấn quận thú vào mình. Bọn môn hạ trong quận đều hoảng sợ, rồi loạn bị Tịch giết chết cả trăm tên. Thế là cả quận đều khiếp đảm, chẳng

còn ai chống đối. Lương bèn mời bọn hào lại quen biết cũ, tuyên bố lí do tại sao phải khởi đại sự.

LẠM BÀN:

Độc đáo của câu chuyện là viên quận thú Ân Thông rất thuộc thành ngữ và kể: "Ra tay trước thì thắng người, ra tay sau thì người thắng. nhưng rốt cuộc thì ông ta bị chết với mưu kế này của Hạng vương.

Kể thứ ba:MỨC ĐỘ THÂN SỞ (Thân sơ hữu độ)

Thông thường bọn ác tâm thân mật câu kết nhau thì hại cho thiên hạ; chúng thù ghét nhau, đấu đá nhau, tìm cách diệt trừ nhau cũng có hại cho đại cuộc.

Bọn ác tâm thân nhau bởi lợi lộc, chúng xa nhau cũng vì lợi lộc.

Kể này áp dụng cho những bậc vua chúa, những người lãnh đạo, phải sáng suốt khi quyết định mối quan hệ với thần tử và thuộc cấp.

Nói chung là nên gần gũi với người trung tín, xa bọn nịnh hót. Không để bọn xu nịnh hám lợi câu kết với nhau hoặc đấu đá nhau có hại cho đại cuộc.

A. GÂY MÌNH MÀ BÉO THIÊN HẠ

Đường Huyền Tông giữ ngôi; các tể tướng phò tá mở nghiệp cho ông ta là Diêu Sùng, Tông Cảnh và hàn Hưu đều lập công lớn.

Hàn huu là một người cương trực chỉ cần Đường Huyền Tông mắc sai lầm gì đó dù cho là nhỏ cũng không bỏ qua, chỉ cần biết là thẳng thắn can gián.

Một hôm trong tiệc rượu, Đường Huyền Tông có thái độ không đúng mực, ông nhớ ra và hỏi tả hữu:

- Hàn Hưu có biết việc này không ?

Đường Huyền Tông hỏi chưa dứt thì tấu văn của Hàn Hưu đã tới.

Một nịnh thần nói với Đường Huyền Tông:

- Từ khi Hàn Hưu giữ chức Tể tướng đến nay bệ hạ tâm sức mệt mỏi, gầy đi nhiều, long thể của bệ hạ khiến cho bề tôi lo ngại. Lẽ ra phải cách chức Hàn Hưu mới phải!

Đường Huyền Tông nói:

- Thật thiệt thòi cho Hàn Hưu, tuy trăm có gầy đi nhưng vì có Hàn Hưu phò tá nên trăm họ đều được béo lên.

B. CHẾT ĐUỐI MỚI TÌM HIỂU SÔNG NƯỚC

Thời Xuân thu, Lỗ Chiêu công bị truy đuổi chạy đến nước tề. Tề Cảnh công nói với ông ta:

- Ông còn trẻ lại có nhiều công trạng sao để đánh mất địa vị của một ông vua ?

Lỗ Chiêu Công đáp:

Trước đây mọi người đối với tôi rất tốt, có nhiều người thường kích lệ tôi nhưng tôi không thân thiết với họ. Cũng có nhiều người khuyên răn tôi nhưng tôi không tin họ.

Do vậy, tôi trong cũng như ngoài không có người thân. Một người thực sự yêu quý tôi cũng không có. Những kẻ nịnh hót, lừa bịp tôi lại quá nhiều.

Tề Cảnh công nghe thấy rất có lí, bèn nói với Án Tử:

- Nếu bây giờ cho Lỗ Chiêu công về nước liệu ông ta có thể trở thành một ông vua sáng suốt và tài giỏi không ?

Án Tử nói:

- Không thể được! Người qua sông mà chết đuối thường là vì không hiểu rõ đường đi. Người khi chết đuối mới tìm hiểu sông nước, lạc đường mới hỏi đường thì chẳng phải quá muộn rồi ư!

Cũng như giống lúc lâm nạn mới đúc bình khí, khi bị khát khô cả cổ mới đào giếng, tuy rất gấp nhưng chắc là không thể kịp.

C. GIẾT CON ĐỂ NẤU CANH

Thời Xuân thu Tề tướng Quản Trọng lâm bệnh nặng.

Tề Hoàn Công đến thăm và hỏi:

- Thụ Điêu có thể thay ông được không ?

Quản Trọng đáp:

- Không được! Thụ Điêu muốn vào cung để hầu hạ bên hoàng thượng, ông ta đã không ngần ngại tự hiến mình. Một người tự hi sinh bản thân để leo cao thì làm sao có thể mưu tính lợi ích cho thiên hạ được !

Tề Hoàn Công lại hỏi:

- Dịch Nha được không ?

Quản Trọng đáp:

- Để được hoàng thượng sung ái, ông ta giết con đẻ của mình nấu canh cho hoàng thượng ăn.

Ngay cả con đẻ cũng giết thì còn trung thành với ai được?

Tề Hoàn Công không nghe lời Quản Trọng.

Sau khi Quản Trọng mất, Tề Hoàn Công trọng dụng Thụ Điêu và Dịch Nha.

Tề Hoàn Công vừa mất thì Thụ Điêu và Dịch Nha làm phản.

LẠM BÀN:

Thụ Điêu tự hiến để phụng sự vua. Dịch Nha giết con nấu canh cho vua ăn. Nịnh kiêu này ít ai làm được, chẳng trách gì tề Hoàn công không nghe Quản Trọng.

Người ta cho rằng dò lòng người thật khó không phải là không có lí!

Kể thứ tư :XA BANG GIAO, GẦN TIỀN ĐÁNH (Viễn giao, cận công)

Viễn là nước ở xa, cận là những nước gần. Viễn giao cận công là bang giao, liên minh với nước xa, cô lập nước gần và tiến đánh nước gần.

ĐƯA DAO CHO GIẶC, CẤP LƯƠNG THỰC CHO TRỘM

Phạm Tuy nói với Tần Chiêu vương:

- Nước của Đại vương phía bắc có Cam Tuyền, Cốc khẩu, phía nam có sông Kinh, sông Vị, phía hữu có Lũng, Thục phía tả có Quan bản; chiến xa có ngàn cỗ, quân lính hăng hái có trăm vạn.

Dùng số quân lính dũng cảm, số xe ngựa chiến xa đông đảo của Tần mà đánh chư hầu thì không khác gì xua chó nước Hàn mà săn bày thỏ quẻ, có thể dựng nghiệp bá vương được.

Nay trái lại, tần đóng cửa ải mà không dám đem binh ra Sơn Đông, đó là tại Nhượng Hầu mưu tính việc nước mà không trung, mà kế của Đại vương hỏng rồi.

Vua Tần nói:

- Xin được nghe kế nào hỏng?

Tuy đáp:

Đại vương vượt Hàn, Ngụy để đánh nước tề, kế đó là hỏng. nếu ra quân ít thì không đủ để đánh bại Tề, nếu ra quân nhiều thì có hại cho Tần.

Thần đoán ý Đại vương là muốn ra quân ít mà dùng hết quân Hàn, Ngụy như vậy là bất nghĩa.

Lại thêm ngay như những nước liên hiệp với mình cũng không thể thân được vậy thì vượt qua nước người ta để đánh nước khác đó là điều có nên không ? Như vậy là mưu tính không kĩ.

Xưa Tề thắng Sở, quân Sở tan, tướng Sở chết, mở rộng cả ngàn dặm, nhưng kết quả là chút đất nhỏ hẹp ở lớp ngoài cũng không được:

Có phải là Tề không muốn được đất đâu, vì hình thế mà không thể chiếm được đấy.

Chư hầu thấy Tề có vẻ mệt mỏi, vua tôi không thân với nhau, thiên hạ cười cho: sở dĩ vậy là vì đánh Sở để cho Hàn, Ngụy béo bở. Thế là đưa đao cho giặc, cấp lương cho trộm vậy.

Tốt hơn là Đại vương liên kết với nước ở xa mà đánh nước ở gần, được tác đất nào thì tác đất ấy là của Đại vương, được thước đất nào thì thước đất ấy cũng là của Đại vương.

Nay không dùng chính sách đó, mà đi đánh nước ở xa, chẳng phải là làm ư ?

Vả lại, xưa kia, đất Trung Sơn rộng năm trăm dặm, Triệu riêng chiếm cứ, công thành anh toại, lại thêm lợi, thiên hạ không nước nào hại Triệu được.

Nay Hàn, Ngụy là những nơi ở khoảng giữa, là cái rốn của thiên hạ; nếu Đại vương muốn dựng nghiệp bá, thì phải thân thiện với miền trung gian, coi đó là cái rốn của thiên hạ, để uy hiếp Triệu, Sở.

Triệu mà mạnh thì Sở dựa vào Triệu; Sở, Triệu dựa vào nhau thì Tề tất sợ; sợ thì tất nhún lờ và tặng Tần nhiều tiền của để thờ Tần.

Tề mà dựa vào Tần thì Hàn, Ngụy có thể diệt được.

Vua Tần bảo:

- Quả nhân muốn thân với Ngụy, nhưng Ngụy là nước đa trá, quả nhân không thân với Ngụy được.

Xin hỏi muốn thân với Ngụy thì phải làm sao ?

Phạm tuy đáp:

- Nhún lờ và tặng nhiều tiền của để thờ; không được thì cắt đất mà dâng, không được nữa thì đem binh đánh.

(Vua Tần sau đem binh đánh đất Hình Khâu, hạ được Hình Khâu và Ngụy xin quy phục).

Phạm Tuy bảo:

- Địa thế của Tần, Hàn xen lẫn nhau như bức thêu, Tần mà có đất của Hàn, như gỗ mà có sâu mọt, người mà có bệnh ở tim, bụng.

Thiên hạ có biến, thì làm hại cho Tần không gì bằng Hàn. Đại vương thu phục Hàn là hơn cả.

Vua Tần hỏi:

- Quả nhân muốn thu phục Hàn, Hàn không nghe thì phải làm sao ?

Phạm Tuy đáp:

- Đem binh đánh Huỳnh Dương thì đường Thành Dịch bị nghẽn, phía Bắc cắt đường Thái Hàng thì binh Thượng Đảng không xuống được, một lần đánh Huỳnh Dương mà nước đó bị cắt làm ba, Hàn thấy nước mình tắt mất, sao lại không nghe ? Hàn chịu quy phục thì nghiệp bá thành được.

Vua Tần khen phải.

Phạm Tuy bảo:

- Thần ở Sơn Đông, chỉ nghe nói Tề có Điền Đan chứ không nghe nói có vua.

Chỉ nghe nói Tần có Thái hậu, Nhương Hầu, Kinh Dương, Hoa Dương chứ không nghe nói có vua.

Thông trị trong nước thì gọi là vua, có uy quyền cho sống hay chết thì gọi là vua.

Nay Thái hậu chuyên quyền không đoái hoài gì tới Đại vương, Nhương hầu đi sứ ra ngoài mà không báo cho Đại vương hay, Kinh Dương dùng hình phạt mà không kiêng kị gì cả.

Có đủ bốn vị quý nhân đó mà nước không thì là việc chưa từng thấy.

Vua ở dưới bốn vị đó, cho nên bảo là không có vua; như vậy thì quyền làm sao không nghiêng mà lệnh làm sao xuất phát từ vua được?

Thần nghe noi người khéo trị nước ở trong thì củng cố cái uy, ở ngoài thì làm cho quyền mình được tôn trọng.

Nhương Hầu tự ý chia xẻ chư hầu, cắt hợp thiên hạ, đánh dẹp các nước, không ai dám không nghe.

Đánh mà thắng, tấn công mà chiếm được thì lợi về đất Đào; mà Tần sẽ mệt mỏi, bị chư hầu chế phục. Đánh mà thua, thì gây oán với trăm họ mà họa quy về xã tắc.

Kinh Thi có câu: "Trái mà sai quá thì cành tất gãy toác ra, cành gãy toác ra thì ruột cây bị thương".

Kinh đô mà lớn quá thì nguy cho nước, bề tôi mà uy quyền quá thì vua bị khinh rẻ.

Náo Xỉ nắm quyền của Tề, rút gân của Mẫn vương, treo lên cái rường nhà tôn miếu, rồi Mẫn vương chết; Lí Đaoí chuyên quyền ở Triệu, bắt vua ăn bớt đi, trăm ngày rồi chết vì đói.

Nay Thái hậu, Nhương Hầu chuyên quyền. Cao Lăng, Kinh Dương phụ lực, rốt cuộc rồi không còn vua Tần nữa; như vậy có khác gì hạng Náo Xỉ, Lí Đaoí ?

Nay thần thấy Đại vương lẻ loi trong triều miếu và thần cho rằng đời sau, người làm vua nước Tần, không phải là con cháu Đại vương đâu ?

Vua Tần sợ, bèn phế truất Thái hậu, đuổi Nhương Hầu, đầy Cao Lăng, Kinh Dương ra ngoài cửa ải.

Chiêu vương bảo Phạm Tuy:

- Xưa vua Tề được Quản Trọng, gọi Quản Trọng là Trọng phụ, nay tôi được tiên sinh, cũng xin gọi là phụ.

Tiết 11 :QUYẾT ĐỊNH (Quyết sách chi thuật)

I.Quyết là quyết định, quyết sách, giải quyết. Nói chung là giải quyết sự mê hoặc, nghi ngờ hoặc một tình thế khó khăn phức tạp.

Quyết định là một vấn đề rất trọng yếu quyết định họa phúc, thành bại, thái bình hay loạn lạc.

Là một trong những phương pháp tìm cái tốt, hạnh phúc và tránh cái xấu, tai họa.

II.Người xưa, khi gặp những tình thế khó xử: như đất nước gặp thiên tai, địch họa hoặc sắp giao chiến với nước khác, người ta thường dùng cỏ thi, mai rùa để bói, rồi dự đoán tốt xấu, họa phúc và đi đến quyết định, quyết sách để đối phó.

III. Cái ác luôn chứa mầm tai họa, hoạn nạn. Để ngăn chặn cái ác, tai họa, hoạn nạn; người cai trị đất nước không chỉ biết năm phương pháp trị dân mà còn phải biết những trường hợp phải quyết định.

Năm phương pháp trị dân là:

- 1.Dùng đạo đức để cảm hóa nhân dân.
- 2.Dùng pháp luật để trừng phạt (những người làm điều ác, trái với pháp luật).
- 3.Dùng tín nghĩa giáo hóa nhân dân.
- 4.Dùng cái tâm để che chở nhân dân.
- 5.Dùng sự liêm khiết để nhân dân trong sạch.

Những trường hợp phải quyết định.

- 1.Có sự hoài nghi, nghi hoặc một người nào đó. Trước là lấy việc đã qua, kiểm chứng với việc mới xảy ra.

Sau đó quan sát hành động, ngôn ngữ của người đó. Thấy việc làm cứ y đúng như điều mình đã nghĩ hoặc, hoài nghi thì quyết định.

2. Đối với thần tử, người nào được tôn sùng đề cao, nhưng chỉ có mỹ danh, thực chất hữu danh vô thực, thì quyết định.

3. Kẻ không bỏ công lao sức lực nhưng thành công một cách dễ thì quyết định.(Ý muốn nói tranh giành, cướp công lao của người khác).

Hoặc, bỏ công lao sức lực, lao khổ mà không thành công, thì quyết định (Ý muốn nói đến người không đảm đương nổi công việc được giao)

4. Những nguyên nhân, mầm mống, có thể sinh ra tai họa, hoạn nạn, phá vỡ hạnh phúc, thì quyết định.

IV. Thuật này có các kế:

1) Giải mối nghi ngờ (Trung tín giải nghi).

2). Đã quyết thì không nên thay đổi (Đương đoán bất đoán).

3). Đương cơ lập đoán (Quyết đoán then chốt)

Kế thứ nhất:GIẢI MỐI NGHI NGỜ (Trung tín giải nghi)

Người được nhiều người khen chưa chắc là người tốt, người bị người khác chê chưa hẳn là người xấu.

Muốn biết được người tốt hoặc xấu phải khách quan, dò xét, quan sát, kiểm chứng mục đích công việc của họ đã làm.

Trung tín giải nghi là giải mối nghi ngờ cho người trung tín. Đề cao người trung tín, cần mẫn, thanh liêm vì dân vì nước. Trừng phạt kẻ lừa dối, xu nịnh, kết bè kể cánh, tâng bốc nhau vì lợi lộc.

Là kế làm trong sạch, vững mạnh bộ máy chính quyền.

A. LUỘC NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU

Bấy giờ trong triều ai cũng khen đại phu đất A mà chê quan đại phu đất Tức Mặc.

Trâu Kị nói về Tề Uy vương rồi sai người đi dò xét xem sự thực thế nào.

Khi dò xét được sự thực rồi, Uy vương cho triệu hai quan đại phu đất A và đất Tức Mặc đến.

Quan đại phu đất Tức Mặc đến trước, Uy vương chẳng nói gì cả, các quan trong triều ngơ ngác không hiểu ra làm sao.

Chưa được bao lâu quan đại phu đất A cũng đến.

Uy vương họp triều thần lại để định thưởng phạt.

Triều thần ai cũng nghĩ rằng: Quan đại phu đất A phen này tất được thưởng mà quan đại phu đất Tức Mặc thì tai vạ sắp đến nơi.

Khi các quan văn vũ vào triều kiến cả rồi, Uy vương gọi quan đại phu đất Tức Mặc đến trước mặt mà nói rằng:

– Từ khi nhà người ra trấn thủ ở đất Tức Mặc ngày nào ta cũng nghe thấy những lời chê bai.

Nay ta cho người dò xét đất Tức Mặc thì thấy ruộng nương mở rộng nhân dân giàu có, việc quan không chậm trễ, cả mặt phương ấy được yên.

Bởi nhà người chuyên lòng trị dân mà không chịu lễ đút những người tả hữu của ta, thành ra họ chê bai. Nhà người thật là một viên quan giỏi.

Nói xong liền gia phong.

Rồi gọi đại phu đất A đến, bảo rằng :

– Từ khi nhà người trấn thủ đất A ngày nào ta cũng nghe thấy những lời khen ngợi. Ta sai người đến dò xét đất A thì thấy ruộng nương bỏ hoang nhân dân đói khát đất A thì thấy ruộng nương bỏ hoang nhân dân đói rét.

Hôm trước quân Triệu đến xâm lấn bờ cõi mà nhà người không biết cứu. Thế là người chỉ đem đứt lót cho những người tả hữu của ta thành ra được họ khen ngợi như vậy.

Nhà người thật là một tên quan dở.

Quan đại phu đất A sụp lạy xin lỗi.

Uy vương không nghe, truyền lực sĩ đem vạc dầu ra nấu lên.

Uy vương sai trói đại phu đất A bỏ vào vạc dầu sôi.

Lại bắt những người xưa nay vẫn khen đại phu A mà chê quan đại phu đất Tức Mặc, hàng mấy chục người, đến mà trách mắng rằng:

– Các ngươi đều đều là người tả hữu gần ta, tức là hai mắt của ta, các ngươi tham của lẽ, phải nói ra trái, trái nói ra phải để lừa dối ta, thế ta còn dùng các ngươi vào việc gì nữa! Nên đem bỏ vào vạc dầu cả!

Chúng đều khóc kêu van. Tề Uy vương vẫn còn hầm hầm nổi giận, chọn lấy hơn mười người xưa nay mình có lòng thương yêu nhất đem bỏ vào vạc dầu. Mọi người đều run sợ.

Từ lúc ấy Uy vương kén chọn người hiền tài cho đi trấn thủ các quận: Đàn Tử trấn thủ Nam Thành để chống cự với Sở, Điền Điện trấn thủ Cao Đường chống cự với Yên.

Các quan tư khẩu và tư mã cũng đều chọn được người giỏi. Vì thế, nước Tề cường thịnh chư hầu đều kiêng nể.

LẠM BÀN :

Có người hỏi: Sự thật và giả dối cách nhau bao xa. Người kia trả lời: Cách nhau gần một gang tay. Tức là khoảng cách từ tai đến mắt.

Muốn biết chân thực hay giả dối không chỉ nghe mà còn phải thấy, quan sát, kiểm chứng đối chiếu.

B. CHÚNG MÙ HẾT RỒI

Thời Hán Chiêu đế, khi ông mười bốn tuổi.

Bọn Thượng Quan Kiệt muốn hãm hại đại tướng Hoắc Quang, sai người tâm phúc giả Yên Vương Lưu Đán viết một bức thư cho vua, đại ý:

Hoắc Quang gần đây khi ra ngoài thị sát vùng Vũ Lâm, ăn mặc đi đứng, lễ nghi đều như hoàng thượng vậy. Ông ta đã điều một viên hiệu úy về trong phủ nhằm tăng thêm lực lượng bên mình. Hoắc Quang bình thường ngang ngược chuyên quyền, không coi hoàng thượng vào đâu, có dã tâm chiếm ngôi.

Ngày hôm sau vào triều vua nói Hoắc Quang:

– Bức thư ngày hôm qua không phải là do Yên Vương Lưu Đán viết đâu, đó là bức thư giả. Nhà ngươi vô tội.

Hoắc Quang cảm động hỏi:

– Hoàng thượng ! Hạ thần quả thực không có lòng phản nghịch. Nhưng tại sao hoàng thượng biết là thư giả.

Chiêu đế nói:

– Ta thị sát vùng Vũ Lâm Quân, thấy nơi đó vùng phía bắc. Yên vương ở bên ngoài, đường xá kinh thành xa xôi, bất kể như thế nào ông ta không thể biết nhanh như vậy. Hơn nữa người nắm đại quyền trong tay, nếu quả thực có ý phản nghịch chẳng lẽ chỉ thiếu một tên thiệu úy thôi sao?

Thấy ta trẻ tuổi, bọn người này muốn lừa dối ta. Chúng mù hết rồi. Các người gấp rút điều tra tìm người viết thư giả cho ta.

Bọn Thượng Quan Kiệt nghe xong toát mồ hôi. Từ đó không dám manh động nữa.

Kể thứ hai :ĐÃ QUYẾT THÌ KHÔNG NÊN THAY ĐỔI (Dương đoán bất đoạn)

Phải thấy rõ thực hư, thật giả, mới quyết đoán, đã quyết đoán thì không nên thay đổi.

Chỉ vì mối lợi nhỏ trước mắt thay đổi quyết định: tiền hậu bất nhất, thì thất bại, ảnh hưởng đến toàn cục. Bất ngờ người ta đem cái lợi đến cho mình thì nên từ chối. Mối lợi ấy sẽ chứa sẵn tai họa, nguy hiểm.

THẢ MỒI BẮT BÓNG

Tần và Hàn đánh nhau ở đất Trọc Thạch.

Hàn ở trong tình thế nguy cấp.

Công Trọng Bằng bảo vua Hàn (Tuyên Huệ vương):

- Không thể tin cậy ở các nước đồng minh. Nay Tần bản tâm muốn đánh Sở. Đại vương nên nhờ Trương Nghi nói giùm để cần hòa với Tần, tặng cho Tần một ấp lớn, rồi cùng Tần đánh Sở, đó là cái kế "đem một mà đổi lấy hai".

Vua Hàn cho là phải, rồi theo lời Công Trọng mà thi hành, sửa soạn quan phía Tây đề cầu hòa với Tần.

Vua Sở (Hoài vương) hay tin hoảng sợ vội Trần Chấn cho hay sự tình.

Trần Chấn bảo:

- Tần đã muốn đánh ta từ lâu, nay được Hàn tặng cho một thành lớn, cung cấp khí giới.

Tần- Hàn cùng tiến đánh Sở, là điều Tần mong muốn hằng ngày, nay Tần có cơ hội rồi.

Xin Đại vương nghe mưu kế của thần: Cảnh giới nhân dân trong bốn cõi, tuyển binh là nói cứu Hàn, bố trí binh xa đầy các đường sá sứ thần sang Hàn cho họ nhiều xe và nhiều tiền làm cho Hàn tin là ta sẽ cứu Hàn.

Ví như Hàn không nghe thì cũng cảm kích Đại vương, tất không cùng tiến quân một lượt với Tần để đánh ta.

Như vậy, Tần - Hàn sẽ bất hòa với nhau, dù kéo binh tới Sở, thì Sở cũng không đến nỗi nào.

Còn như Hàn nghe lời ta thì sẽ tuyệt giao với Tần.

Tần sẽ nổi giận thêm oán Hàn. Hàn được Sở cứu sẽ khinh thị Tần đối đãi với Tần không cung kính nữa. Như vậy làm cho binh của Tần và Hàn bị khốn đốn mà giải cái họa cho Sở.

Vua Sở rất mừng, bèn cảnh giới nhân dân trong bốn cõi, tuyển binh để cứu Hàn.

Phái thêm sứ thần đem nhiều tiền và xa nói với vua Hàn:

- Tệ quốc tuy nhỏ nhưng đem hết binh sang giúp Đại vương, xin đại quốc tự ý sử dụng để đối phó với Tần, Tệ quốc xin chết theo Hàn.

Vua Hàn cả mừng bảo Công Trọng đừng qua Tần nữa.

Công Trọng đáp:

- Không nên! Tần lấy thật tình mà nói, còn Sở nói giúp ta chỉ là hứa hão thôi.

Cậy vào lời hứa hão mà nhẹ dạ cự tuyệt Tần tất bị thiên hạ cười chê !

Vả lại Sở và Hàn không phải là hai nước anh em, cũng không hề có hẹn ước trước với nhau để đánh Tần. Vì Tần muốn đánh Sở, mà Sở mới khởi binh nói là để cứu Hàn.

Nhưng đó chỉ là mưu kế của Trần Chấn.

Lại thêm Đại vương đã sai người báo với Tần nay g thi hành là gạt Tần.

Khinh thị cái họa cường Tần mà tin lời mưu thần nước Sở. Đại vương sau này tất sẽ hối hận.

Vua Hàn không nghe, tuyệt giao với Tần.

Tần quả nhiên giận, khởi binh khai chiến với Hàn ở Ngạn Môn, cứu binh của Sở không tới.

Quân Hàn đại bại.

LẠM BÀN:

Vua Hàn tiền hậu bất nhất trong quyết sách, không theo kế "một đôi hai" của Công Trọng, lợi cho toàn cục; chỉ muốn cái lợi hão huyền nhỏ nhất trước mắt, rơi vào bẫy của Trần Chân, nên quân Hàn đại bại.

Kế thứ ba:QUYẾT ĐOÁN THEN CHỐT(Đương cơ lập đoán)

Ý nói sự quyết đoán có thể thay đổi tình hình sự việc. Vấn đề là quyết định nhanh, ngăn chặn mầm mống, không để tai họa lan tràn.

Trong chiến tranh bộc lộ cho địch biết là âm mưu của chúng đã bại lộ, ta đã có kế hoạch phòng bị chu đáo, mục đích không cho chúng đem quân vào bờ cõi.

ĐEM TRÂU BÉO KHAO QUÂN ĐỊCH.

Từ khi vương tử Đái nước Chu thích chơi trâu, các lái trâu ở nước Trịnh và nước Vệ đem trâu bán được lãi to lắm.

Huyền Cao, người nước Trịnh, buôn được mấy con trâu béo đằm sang nhà Chu để bán.

Khi đến gần bến Lê Dương gặp bạn cũ tên Kiến Tha ở nước Tần về.

Huyền Cao hỏi:

- Nước Tần độ rày có gì lạ không ?

Kiến Tha nói:

- Trong hồi tháng chạp mới rồi nước Tần có sai ba tướng đem quân đi hình như muốn đánh úp Trịnh, chẳng bao lâu nữa quân Tần sẽ đến nơi.

Huyền Cao giật mình, nói rằng:

- Nước là cha mẹ của ta, nay có tai nạn, không nghe được thì thôi, nếu nghe được mà không cứu thì một mai nước mất ta còn mặt mũi nào trở về!

Huyền Cao nghĩ ra một kế bèn từ biệt Kiến Tha, một mặt sai người báo cho nước Trịnh biết mà phòng bị; một mặt chọn hai mươi con trâu béo sữa soạn làm lễ khao quân. Huyền Cao ngồi trên một cái xe nhỏ đón quân Tần.

Đi dần đất Diên Tân nước Hoạt, gặp tiền đội quân Tần, Huyền Cao đón ngang đường nói với quân Tần:

- Tôi là sứ thần nước Trịnh xin yết kiến quan nguyên soái.

Quân tiền đội báo với Mạnh Minh, Mạnh Minh giật mình, nghĩ rằng:

- Tại sao nước Trịnh biết có quân ta đến mà sai sứ thần ra đón.

Mạnh Minh liền ra tiếp Huyền Cao.

Huyền Cao nói với Mạnh Minh:

- Chúa công tôi nghe tin ba vị tướng quân sắp sửa đem quân đi qua nước tôi. Vậy có sai tôi dâng lễ mọn này để khao các quân sĩ. Nước tôi tiếp giáp các nước lớn, thường hay có việc can thiệp nhờ có quân quý quốc đóng đồn giữ hộ cho nhưng nước tôi vẫn sợ hãi khi bắt trắc lại mắc tội với quý quốc, bởi vậy phải hết lòng ngày đêm phòng giữ không dám trễ, xin ba vị tướng quân xét cho.

Mạnh Minh nói:

- Vua Trịnh sai người khao quân sao không có quốc thư ?

Huyền Cao nói:

- Chúa công tôi nghe tin các vị tướng quân khởi hành thù thắng chạp mà quân đi gấp lắm.

Sợ đợi quốc thư thì không kịp nghinh tiếp, bởi vậy chỉ truyền miệng cho tôi ra đây, xin quý vị tướng quân lượng thứ cho.

Mạnh Minh ghé tai Huyền Cao nói nhỏ:

- Chúa công sai chúng tôi đem quân đi là để đánh nước Hoạt, không phải có ý đến nước Trịnh đâu!

Nói xong, truyền đóng quân tại đất Diên Tân.

Huyền Cao tạ ơn rồi lui ra.

Tây Khuất Tật và Kiền Bính hỏi Mạnh Minh:

- Tướng quân đóng quân tại đây là có ý gì ?

Mạnh Minh nói:

- Quân ta đi xa xôi ngàn dặm chỉ cốt nhân lúc nước Trịnh không phòng bị bất ngờ tiến đánh, nay người nước Trịnh biết mà phòng bị trước ta đánh cũng chẳng được.

Và muốn vây nước Trịnh thì lại không có quân tiếp ứng chi bằng tiện đây ta đánh út nước Hoạt để khỏi mang tiếng là đem quân đi mà không được việc gì.

Đêm hôm ấy, ba tướng nước Tần chia quân làm ba mặt lên vào thành đánh nước Hoạt.

Vua nước Hoạt bỏ chạy sang nước Địch.

Nước Hoạt bị tàn phá và sau đó bị nước Vệ kiêm tính.

Trịnh Mục công nhận được mật báo của Huyền Cao chưa lấy gì làm tin.

Tức thì sai người dò thám bọn Kì Tử.

Bấy giờ là tháng hai, bọn Kì Tử đang chuẩn bị xe cộ và khí giới đợi quân Tần đến thì trong ứng ngoại hợp đánh Trịnh.

Quân sĩ về báo Trịnh Mục công. Mục Công sợ hãi liền sai đại phu là Chúc Vũ đến yết kiến bọn Kì Tử, đưa biểu mỗi người một tấm lụa và bảo:

- Các ngài đóng quân ở nước tôi, nước tôi vì việc khoản đãi mà hưu hai ở chốn Nguyên Phố đã hết sạch.

Nay nghe tin các ngài đang sửa soạn quân mã tất là muốn thu quân về nước.

Hiện nay Mạnh Minh cùng các tướng đã đến đất Hoạt, sao các ngài không đi theo ?

Kỉ Tử giật mình nghĩ thầm:

- Mưu kế ta đã bị tiết lộ rồi, quân đến không công thì ta có tội, chẳng những không ở yên được nước Trịnh mà muốn về Tần cũng không xong.

Kỉ Tử xin lỗi Chúc Vũ rồi bỏ trốn sang nước Tề.

Phùng Tôn và Dương Tôn cũng sợ tội bỏ trốn sang nước Tống.

Quân lưu trú không có chủ tướng họp nhau toan nổi loạn.

Trịnh Mục công sai Dật Chi Hồ đem lương thực cấp phát cho quân Tần để về nước.

Trịnh Mục công ghi công Huyền Cao cử làm quận úy.

LẠM BÀN:

Huyền Cao là người yêu nước, nhờ quyết đoán nhanh đã ngăn chặn được mầm móng chiến tranh của quân Tần đem vào nước Trịnh.

Kế này tương tự kế "tá khách hình chủ", thay khách thành chủ. Từ bị động thành chủ động.

Tiết 12 :LỜI NÓI VÀ SỰ THẬT(Phù ngôn chi thuật)

1. Ngôn là ngôn từ, lời nói. Phù là phù hợp. Ý muốn nói sự phù hợp giữa ngôn từ, lời nói với sự thật, lời nói và việc làm của một bậc quân chủ. Là thuật phòng thân của quân chủ, của người lãnh đạo.

2. Thái độ của bậc quân chủ phải: An (an ổn), từ (chậm rãi), chính (ngay thẳng), tĩnh (tĩnh táo, bình tĩnh).

Là một bậc quân chủ: Mắt phải sáng suốt. Tai phải linh mẫn. Tâm thần phải trí huệ.

Phải lấy mắt của thiên hạ để nhìn. Lấy tai của thiên hạ để nghe. Lấy tâm của thiên hạ để suy nghĩ.

Lấy mắt của thiên hạ để quan sát. Lấy tai của thiên hạ để phán đoán. Lấy tâm của thiên hạ để lo lắng.

Nhìn thiên thời, quan sát địa lí, làm cho nhân hòa.

Định vị hỏa tinh, nhìn bốn phương, trên dưới phải trái, trước sau.

Nếu mắt, tai, tâm được như vậy gọi là thiên lí nhãn, thuận phong nhĩ và vạn linh tâm.

3. Đối với quần thần không nên cố chấp, biết lắng nghe những lời đàm luận. Nếu không lắng nghe khác nào có mắt nhìn núi nhưng không thấy đỉnh. Thấy suối khe nhưng không lường được nông sâu.

4. Đối với thần dân phải giữ chữ tín. Xử phạt phải công chính.

Nếu bậc quân chủ không hiểu những đạo lí vừa nêu thì không khác người mù đánh xe không biết sẽ đi về phương nào ?

5. Có các kế sau

1) Có thưởng, có phạt (Tín thưởng tât phạt).

2) Gương sáng thường soi (Minh kính thường ma)

3) Trời, đất, người hòa thuận (Thiên, địa, nhân hòa)

Kế thứ nhất: CÓ THƯỞNG, CÓ PHẠT (Tín thưởng tât phạt)

Có thưởng tất có phạt, thưởng thì phải giữ chữ tín, phạt thì phải nghiêm minh.

Thưởng kẻ kích thích người tốt. phạt là để ngăn chặn kẻ phạm tội. kỉ luật nghiêm minh thì đội quân mới mạnh, đất nước mới hùng cường.

Muốn thưởng, phạt phải ban bố mệnh lệnh rõ ràng để mọi người hiểu và chấp hành.

BẢO NHẢY VÀO LỬA.

Tôn Tử tên là Vũ, người Tề, nhân dân binh thư được vào yết kiến Ngô vương Hạp Lư.

Hạp Lư nói:

- Mười ba thiên sách của ông ta đã đọc hết. Có thể đem thao diễn thử được chăng?

Tôn Tử đáp:

- Bẩm, được.

- Diễn thử bằng đàn bà được chăng?

- Bẩm, được.

Hạp Lư bèn cho phép đưa những cung nữ đẹp để ra thao diễn tất cả là một trăm tám mươi người.

Tôn Tử chia bọn này ra làm hai đội, cử hai người cung nữ được Ngô vương yêu làm đội trưởng, cho cả hai cầm kích.

Tôn Tử hỏi bọn cung nữ:

- Có biết đâu là ngực, đâu là tay phải, đâu là tay trái, đâu là lưng không?

Bọn cung nữ đáp:

- Biết.

Tôn Tử giao hẹn:

- Hễ nói: trước thì nhìn thẳng ngực; hễ nói: trái, thì nhìn phía tay trái; hễ nói: phải, thì nhìn phía tay phải; hễ nói: sau thì quay về phía lưng.

Bọn cung nữ nói:

- Vâng.

Kỉ luật ban bố rồi mới cho dàn guom, dao, giáo, búa. Kỉ luật còn được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần. Xong rồi, trống lệnh nói lên, truyền nhìn về phía phải, bọn cung nữ cười ồ. Tôn Tử nói:

- Kỉ luật ban bố không rõ ràng, mệnh lệnh truyền phát không thuần thực, tội đó về phần tướng.

Kỉ luật được nhắc lại nhiều lần. Rồi trống lệnh lại nổi, truyền nhìn về phía trái. Bọn cung nữ lại cười ồ. Tôn Tử nói:

- Kỉ luật ban bố không rõ ràng, mệnh lệnh truyền phát không thuần thực, tội đó về phần tướng. Đã rõ kỉ luật mà không theo mệnh lệnh, tội đó về phần quân.

Và ông quyết định đem chém hai viên đội trưởng. Ngô vương ngồi trên đài xem, thấp sấp chém ái cơ của mình thì kinh hoàng, vội sai người truyền lệnh:

- Quả nhân biết Tướng quân cầm quân hay rồi. Quả nhân mà thiếu hai người cung nữ ấy, thì ăn hết ngon, xin Tướng quân đừng chém.

Tôn Tử nói:

- Thần đã thụ mệnh làm tướng. Tướng ở nơi ba quân có trường hợp không theo lệnh vua.

Và ông cho chém đầu hai người đội trưởng đem đi rong cho mọi người thấy.

Rồi, theo thứ tự, cử người khác lên thay.

Lần này, hiệu trống nổi lên, bọn cung nữ hướng về trái, phía phải, phía trước, phía sau, quỳ xuống, đứng lên, đều đúng phép tắc, chừng mực, không còn dám ho he.

Bấy giờ Tôn Tử mới sai sứ giả tâu với Ngô vương:

- Quân đã chinh tề. Đại vương có thể xuống coi thử mà tùy ý sử dụng, muốn bảo nhảy vào nước, vào lửa cũng được.

Ngô vương nói:

- Thôi, tướng quân hãy về nghỉ nơi khách xá, quả nhân không muốn xuống coi.

Tôn Tử nói:

- Đại vương chỉ thích lời nói suông mà không muốn áp dụng.

Hạp Lư biết Tôn Tử có tài dụng binh bèn dùng ông làm tướng.

Hạp Lư tây phá được cường Sở, vào được Dĩnh Đô, bắc uy hiếp được Tề, Tấn, nổi tiếng với chư hầu, phần nào có nhờ sức Tôn Tử.

LẠM BÀN:

Sức mạnh của quân đội là kỉ luật. Kỉ luật sinh ra dũng cảm. Đó là phép dùng quân của Tôn Tử.

Kế thứ hai: **GUƠNG SÁNG THUỜNG SOI** (Minh kính thường soi)

Ngày xưa, các vua chúa thường treo gương lớn nơi làm việc. Ngụ ý là luôn tự soi lại mình để tu thân, tránh những sai lầm, khuyết điểm.

Gương sáng thường soi là luôn luôn nghe những lời bình luận, khuyên can của trung thần, lắng nghe mưu lược của những người tài trí, tự kiểm điểm lại mình, uống nắn những sai sót để trở thành bậc minh quân. Làm cho mắt, tai, tâm sáng rõ hơn.

A. ÔM ĐÀN MÀ KHÔNG GÂY

Tề Uy vương từ khi lên làm vua say đắm tửu sắc lại ham mê âm nhạc, không nghĩ gì đến quốc chính. Trong khoảng chín năm Hàn, Ngụy, Lỗ, Triệu đều đem quân đến đánh, các tướng ngoài bờ cõi thường bị thua luôn.

Một hôm có một thư sinh vào tết kiến tự xưng là họ Trâu tên Kị, nguyên người bản quốc có biết gảy đàn cầm, nghe nói Tề Uy vương thích âm nhạc nên tìm đến.

Tề uy vương cho triệu vào, mời ngồi, sai người đặt cái ghế trước mặt, rồi đưa cây đàn cầm ra.

Trâu Kị ôm cây đàn mà không gảy.

Uy vương hỏi rằng:

- Tiên sinh là người khéo gảy đàn cầm thì nên cho ta nghe một bài.

Nay tiên sinh lên đây mà không gảy, dễ thường cái đàn này không được tốt hay có ý chê ta không biết nghe đàn chăng?

Trâu Kị đặt cây đàn cầm xuống rồi nghiêng nét mặt mà đáp rằng:

- Tôi biết là biết cầm lí còn tiếng chỉ đường tơ là việc của bọn nhạc công tôi đâu biết cũng không đánh gảy hầu đại vương làm gì !

Uy vương nói:

- Cầm lí thế nào? Xin tiên sinh nói cho nghe.

Trâu Kị nói:

- Cầm tức là cầm chỉ nhưng sự dâm tà thì mới giữ gìn được chính đạo.

Vua Phục Hi đời xưa chế ra đàn cầm, đàn cầm có năm dây, dây lớn là vua, dây nhỏ là bề tôi. Đến đời Văn vương và Vũ vương mỗi ngài thêm một dây nữa để hợp cái tình ý của vua tôi.

Xem thế đủ biết rằng vua tôi có tương đắc nhau thì chính lệnh mới được hòa hợp, cái đạo trị nước chẳng qua như thế mà thôi.

Uy vương nói:

- Tiên sinh nói phải lắm! Nhưng tiên sinh đã biết cầm lí, thì tất biết cầm âm, sinh tiên sinh thử gảy một khúc.

Trâu Kị nói:

- Tôi học đàn thì phải biết cái phép chơi đàn; Đại vương lo việc nước há lại không biết cái đạo trị nước hay sao ? Nay Đại vương bỏ nước không trị, có khác gì tôi ôm đàn mà không gảy hay không ?

Tôi ôm đàn mà không gảy thì Đại vương không thỏa lòng, thế thì Đại vương bỏ nước không trị, chắc là muôn dân cũng không được thỏa lòng vậy!

Uy vương ngạc nhiên mà nói rằng:

- Thế là tiên sinh mượn cây đàn để can ta đó! Ta hiểu ý rồi.

Uy vương mời Trâu Kị lưu lại ở hữu thất.

Đến ngày hôm sau, Uy vương tắm gội sạch sẽ, rồi triệu Trâu Kị vào cung bàn việc nước.

Trâu Kị khuyên Tề Uy vương tiết bớt những sự tử sắc, tin dùng người trung lương mà trừ bỏ gian nịnh, lại luyện tập quân sĩ để mưu việc bá vương.

Tề Uy vương bằng lòng lắm tức khắc cho Trâu Kị làm tướng quốc.

Bấy giờ có kẻ biện sĩ là Thuần Vu Khôn, thấy Trâu Kị chỉ nói mấy câu mà làm được tướng quốc có ý không phục mới đem vây cánh sang yết kiến Trâu Kị.

Trâu Kị tiếp đãi rất lễ phép.

Thuần Vu Khôn ý khí kiêu căng, ngẩng nhiên ngồi ghế trên mà bảo Trâu Kị rằng:

- Tôi có thiên nghi mấy điều muốn giải bày để quan tướng quốc nghe chẳng biết có nên chăng ?

Trâu Kị nói:

- Xin cứ nói cho nghe.

Thuần Vu Khôn nói:

- Con không lìa cha mẹ, vợ không lìa chồng.

Trâu Kị nói:

- Xin vâng! Từ nay chúng tôi không dám rời bên cạnh vua.

Thuần Vu Khôn lại nói:

- Dùng gỗ cức làm bánh xe lại bôi thêm mỡ trơn, thế thì trơn lắm rồi, nhưng nếu làm cái lỗ vuông thì cũng không thể nào mà chuyển vận được.

Trâu Kị nói:

- Xin vâng! Tôi không dám điều gì trái nhân tính.

Thuần Vu Khôn lại nói:

- Cán cung dầu cứng đến đâu, cũng có lúc trẽ; các dòng nước chảy ra bể, tự nhiên mà hợp.

Trâu Kị nói:

- Xin vâng! Từ nay tôi sẽ phải yêu mến muôn dân.

Thuần Vu Khôn lại nói:

- Áo cầu lông chồn dầu nát, không nên đem da chó mà vá vào.

Trâu Kị nói:

- Xin vâng! Tôi xin kén chọn người giỏi mà dùng, không dám cho kẻ bất tài lẫn vào đó !

Thuần Vu Khôn lại nói:

- Trục bánh xe không so sánh từng phân từng thốn thì không dùng được; cầm sắt không so sánh dây hoãn dây cập thì không thành luật được.

Trâu Kị nói:

- Xin vâng! Tôi xin sửa soạn pháp luật để giám sát những kẻ gian.

Thuần Vu Khôn nín lặng, sụp lạy hai lạy rồi ra.

Khi đã ra cửa, môn đồ của Thuần Vu Khôn hỏi rằng:

- Lúc tiên sinh mới vào yết kiến quan tướng quốc thì sao tiên sinh đặc ý thế, mà đến lúc lui ra thì sao tiên sinh lại chịu khuất, mà sụp lạy như vậy ?

Thuần Vu Khôn nói:

- Ta mới ngỏ ý thử năm điều quan tướng quốc đều hiểu ý ta mà ứng khẩu trả lời ngay được, thế là một bậc đại tài ta không thể theo kịp.

Trâu Kị giúp Tề Uy vương là bá chủ, các nước Sở, Ngụy, Hàn, Triệu đều bị kém nước Tề.

B. GIÀY DÉP RẼ, NẶNG GỖ ĐẤT

Cảnh Công hỏi Ân Tử:

- Nhà của khanh ở gần chợ thế có biết giá cả không?

Ân Tử đáp:

- Thần đã mua ở chợ nhiều thứ lễ nào không biết giá cả.

Cảnh Công hỏi:

- Thứ nào đắt, thứ nào rẻ ?

Lúc bấy giờ Cảnh Công lạm dụng hình phạt, rất nhiều người bị chặt mất một chân, nên có người chuyên làm nghề bán nạng gỗ.

Nhân dịp này Án Tử có ý nói rằng:

- Giá của nạng gỗ đắt, giá của giày dép rẻ.

Cảnh Công hỏi:

- Vì sao?

Đáp:

- Vì nhiều người bị Chúa công phạt chặt đứt chân nên không cần dùng đến giày dép nữa.

Cảnh Công nghe, từ đó giảm nhẹ hình phạt.

LẠM BÀN:

Người xưa khen Án Tử: Một câu nói của người có lòng nhân hậu tạo phúc cho nhiều người. Và khen Cảnh Công: Người quân tử biết làm việc thiện thì tai họa sẽ chấm dứt.

C. MỘT TỘI THÀNH BA

Tề Cảnh Công rất thích bắt chim và nuôi chim.

Một hôm viên quan hầu cận vô ý để con chim sống mất.

Tề Cảnh Công rất tức giận định giết ông ta.

Án Tử thấy vậy vội bước lên nói với Tề Cảnh Công:

- Tâu Đại vương để thần tuyên bố tội trạng của ông ta rồi cứ theo tội trạng mà giết. Được không?

Tề Cảnh Công mừng và đồng ý.

Án Tử đồng dặc tuyên bố tội trạng người này:

- Người trông coi chim của Đại vương để chim bay. Là tội lớn thứ nhất.

Do người mà Đại vương tức giận giết người, xem chim quý hơn mạng người. Là tội lớn thứ hai.

Nếu vua các chư hầu biết được chuyện này, họ sẽ chê cười, cho rằng Đại vương chúng ta coi trọng chim hơn bộ hạ, tướng sĩ. Là tội lớn thứ ba.

Tề Cảnh Công nghe đến vậy vội nói:

- Thôi, tha cho ông ta.

KẾ THỨ BA:TRỜI, ĐẤT VÀ NGƯỜI (Thiên, địa, nhân hòa)

Người am hiểu thời thế phải biết trên xem thiên văn, dưới thông hiểu địa lí và cốt lõi là phải hiểu lòng người.

Biết thời cơ, biết lợi dụng địa hình địa vật, biết đánh vào lòng người thì thủ thắng.

A. HAI CON CHUỘT TRONG HANG

Nước Tần đánh nước Hàn, đóng quân ở Ốc Dữ. Triệu Vương triệu Liêm Pha hỏi:

-Cứu được không ?

Đáp:

-Đường xa, lại vừa hiểm vừa hẹp khó cứu.

Lại triệu Nhạc Thừa hỏi, Nhạc Thừa cũng trả lời như Liêm Pha.

Hỏi đến Triệu Xa, Triệu Xa đáp:

- Đường xa vừa hiểm vừa hẹp, hai bên đánh nhau có thể ví như hai con chuột chọi nhau trong hang bên nào khỏe thì bên ấy thắng.

Vua bèn cử Triệu Xa làm tướng, cầm quân cứu Hàn.

Quân ra khỏi Hàm Đan được ba mươi dặm, Triệu Xa ra quân lệnh :

-Hễ can gián về quân sự thì tử hình.

Quân Tần đóng ở phía tây thành Vũ An.

Quân Tần nổi trống thúc quân, mái ngói các nhà ở Vũ An rung chuyển.

Có một tuần thám viên nói: phải cấp cứu thành Vũ An. Triệu Xa lập tức đem chém.

Cổ thủ, ngừng lại hai mươi tám ngày không tiến quân, lại đắp thêm thành lũy.

Quân gián điệp của Tần trà trộn vào quân doanh của Triệu. Triệu Xa cho ăn uống tử tế rồi để mặc cho đi thoát, để về mà báo cho tướng Tần.

Tướng Tần được báo cáo mừng lắm, nói :

-Mới ra khỏi quốc đô ba mươi dặm mà đã ngừng quân, lại đắp thêm thành lũy, khiếp nhược như thế, thì Ốc Dữ sẽ chẳng còn là đất của Triệu nữa.

Để cho gián điệp đi thoát, rồi cấp tốc cuốn giáp thẳng tiến nghênh địch, chỉ trong hai ngày một đêm đã tới gần Ốc Dữ, cho lệnh quân thiện xạ đóng đồn cách Ốc Dữ năm mươi dặm.

Thành lũy Triệu đắp xong thì quân Tần hay tin, dốc toàn lực kéo tới.

Một quân sĩ tên là Hứa Lịch xin vào dâng lời can về việc quân.

Triệu Xa truyền :

-Cho vào !

Hứa Lịch nói :

-Quân Tần không ngờ quân Triệu tới đây, họ kéo tới, khí thế tất hung hăng lắm. Tướng quân tất phải tập trung lực lượng mà đối phó, nếu không tất thua.

Triệu Xa nói :

-Đồng ý!

Hứa Lịch nói:

-Bây giờ tôi xin chịu tội chém ngang lưng.

Triệu Xa nói :

-Đợi đã,sẽ có lệnh sau.

Hứa Lịch người Hàm Đan lại xin can, nói :

-Bên nào chiếm được ngọn núi ở phía bắc thành Ốc Dữ trước, bên ấy sẽ thắng, bên nào tới sau bên ấy sẽ thua.

Triệu Xa nghe theo, lập tức phái một vạn quân tiến chiếm ngọn núi ở phía bắc Ốc Dữ.

Quân Tần đến sau, cố tranh ngọn núi mà không lên được, Triệu Xa tung quân đánh, đại phá quân Tần. Quân Tần tan, chạy.

Quân Triệu giải vây thành Ốc Dữ mà trở về.

Triệu Huệ Văn vương phong Xa làm Mã phục quân và cất Hứa Lịch lên làm quốc úy.

Thế là Triệu Xa ngang hàng với Liêm Pha và Lạn Tương Như.

B. THIÊN THỜI, ĐỊA LỢI, NHÂN HÒA VÀ THẾ CHÂN VẠC.

Khổng Minh bàn về thiên thời, địa lợi và nhân hòa.

Khổng Minh nói với Lưu Bị :

- Như Tào Tháo kém thế hơn Viên Thiệu mà đánh được Thiệu đó không những chỉ có thiên thời mà cũng có mưu người nữa.

Nay Tào Tháo đã cầm quân trăm vạn, mượn tiếng thiên tử để không chế chư hầu xem đó không thể tranh giành với hắn được.

Tôn Quyền giữ đất Giang Đông đã được ba đời, đất đai hiểm trở mà lòng dân lại quy phục xem thế Giang Đông chỉ giúp ta chứ không thể thôn tính được.

Duy chỉ còn có Kinh Châu phía bắc có sông Hán, sông Miện kéo dài đến tận Nam Hải; phía đông nối liền với Ngô Hội, phía tây thông vào Ba Thục, chỗ ấy là đất dụng võ, phải có chúa giỏi mới giữ nổi, trời để giành, riêng cho tướng quân đó. Tướng quân nghĩ sao ?

Lại còn Ích Châu hình thế hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu nghìn dặm là một vựa thóc của trời. Cao Tổ ngày xưa cũng do đó mà dựng thành nghiệp đế. Nay Lưu ngu si hèn yếu, dân nhiều nước giàu mà không biết trông coi, những người hiền chỉ mong mỗi được vua sáng mà thờ.

Tướng quân đã là dòng dõi nhà vua, tín nghĩa tỏa ra bốn bể, thu nạp anh hùng, mong người hiền như khát nước, nếu tướng quân gộp được châu Kinh châu Ích giữ vững nơi hiểm trở mặt tây hòa với các tộc, mặt nam phủ dụ các nước Di, Việt ; ngoài thì liên kết với Tôn Quyền trong thì sửa sang chính trị, đợi lúc thiên hạ có biến, sai một thượng tướng đem quân Kinh châu tiến sang Uyển Lạc, còn tướng quân thì đem quân Ích châu tiến ra Tần Xuyên nhất định thiên hạ phải đem giỏ cơm bầu nước đến đón tướng quân. Nếu được như thế nghiệp lớn mới thành, nhà Hán mới phục hưng được.

Nói xong sai tiểu đồng đem bản địa đồ treo giữa nhà, rồi trở bảo Huyền Đức rằng:

-Đây là địa đồ 54 châu ở Tây Xuyên. Tướng quân muốn thành nghiệp bá, thì nhường thiên thời cho Tào Tháo ở phía Bắc nhưng địa lợi cho Tôn

Quyền ở phía nam, còn tướng quân nắm vững lấy nhân hòa.

Trước hãy chiếm Kinh Châu làm nơi căn bản, sau lấy Tây Xuyên để dựng cơ đồ hình thành thế chân vạc rồi sau mới tính đến Trung Nguyên được.

Huyền Đức nghe nói, chấp tay lạy tạ rằng :

-Lời nói của tiên sinh mở sáng chỗ tối tăm cho Bị, làm cho Bị này như gạt đám mây đen trông thấu đến trời xanh.

Tiết 13 : C Ứ U NGUY (Đạo nguy chi sách)

1.Đạo nguy còn gọi là cứu nguy là sách lược giải quyết khẩn cấp lúc gặp nguy hiểm, khốn cùng, chuyển nguy thành an.

2.Muốn phòng nguy và cứu nguy phải biết thi ân bố đức, tạo ân huệ cho những người đang gặp cảnh khốn cùng: Những người dân đói rét, khổ sở vì bị người ta bóc lột lợi dụng . Người thầy thuốc giỏi sinh không gặp thời. Kẻ anh hùng mạt lộ. Người tìm đường tiến thân lập nghiệp thất bại, cùng đường. Người vô cớ bị tù tội. Người muốn giữ trong sạch nhưng lại bị hàm oan.

3 . Muốn phòng hoặc cứu nguy phải không chế địch không để địch không chế. Không chế địch thì thắng lợi. Bị địch không chế là thất bại.

4.Người ta có thể nhìn bên ngoài, hình dung tướng mạo, có thể hiểu được bên trong. Mắt tinh tường có thể nhìn thấy vật không hợp theo điều lẽ. Tai thông suốt có thể nghe phân biệt được ác ngôn.

Nghe thanh và âm xướng họa có thể nhận biết được thanh và khí không tương đồng: Thương và giốc không hợp. Huy và khí không tương hợp. Âm bất hợp tức là bị ai. Âm và khí bất hòa tức bị thừa.

Nói cách khác qua âm nhạc, có thể xét đoán được sự thịnh suy, mất còn của một nước.

* Ghi chú : Thương thuộc kim, giốc hoặc giắc thuộc mộc. Kim, mộc tương khắc nên không hợp. Huy thuộc hỏa, vũ thuộc thủy. Thủy, hỏa tương khắc nên không tương hợp.

5. Hai nước nhỏ bắt hoà với nhau tốt nhất là nên hòa giải.

Hai nước lớn đánh nhau coi chừng sẽ rơi vào thế " cò tra tranh nhau ngư ông đắc lợi " , hoặc " tọa sơn quan hổ đấu " .

Sau khi đánh nhau xong nước thua sẽ thân bại danh liệt. Nước thắng thì khoa trương âm ỉ.

Chiến tranh hai nước có nhiều nhiều nguyên nhân. Nhưng cũng có khi do hiềm khích nhỏ nhặt thành ra thù hận. Biết tiến không biết dừng lại.

Như con rồng bay cao quá, biết hồi hận thì mới kịp.

6. Tục ngữ có câu : Nói nhiều thì thất thố. Tức là nói nhiều sẽ lộ ra khuyết điểm. Thăm dò khuyết điểm của đối phương, làm cho đối phương lộ khuyết điểm là việc cần thiết trong ngôn luận cũng như trong chiến trận.

6. Có các kế sau :

1) Giải sự hiềm khích (Giải cứu đầu khích).

2) Trước lễ sau binh (Tiên lễ hậu binh)

3) Nghe lễ nhạc, biết hưng suy (Lễ nhạc hưng suy).

4) Chết để sống (Tử nhi hậu sinh)

Kế thứ nhất : GIẢI SỰ HIỀM KHÍCH (Giải cứu đầu khích)

Giải cứu sự hiềm khích là mưu kế: Nhân hai nước hiềm khích đánh nhau, làm bộ giải cứu thực sự là để thu vén lợi lộc. Theo kiểu " cò tra tranh nhau ngư ông đắc lợi " . Tương tự kế " thuận thủ khiên dê " , thuận tay dắt dê về, mỗi lợi bất ngờ đưa đến, thừa cơ tóm lấy.

CHỈ VÌ CÔ EM VỢ XINH ĐẸP

Thời Xuân Thu, Sái hầu và Túc hầu cùng lấy hai em gái Trần hầu, nên kết làm anh em.

Sái hầu lấy người chị.

Tức hầu lấy người em là Tức Ngụy, Tức Ngụy rất đẹp, mặt tựa hoa đào nên cũng có tên lá Đào Hoa phu nhân. Sái hầu rất say mê Tức Ngụy.

Dù là anh em kết nghĩa nhưng đường lối của hai người khác nhau: Sái hầu theo nước Tề, Tức hầu theo nước Sở.

Một hôm, Tức phu nhân về nước Trần thăm quê ngoại, phải đi ngang nước Sái.

Sái hầu cho rằng đây là dịp tốt để chinh phục cô em vợ xinh đẹp, hăm hở đi đón muốn đưa về cung. Nhưng Tức phu nhân biết ý đồ của Sái hầu nên hết sức giữ gìn, từ chối và đến thẳng quê ngoại.

Lúc về cũng không dám ghé qua nước Sái.

Khi gặp chồng, Tức phu nhân đem chuyện của Sái hầu kể cho Tức hầu nghe.

Tức hầu căm giận lắm, lập tức sai đặc sứ sang nước Sở mật báo với Sở vương, đại ý : Sái hầu vốn có quan hệ thân thích với nước Tề, không coi đại vương ra gì, còn muốn li gián giữa nước Sở và nước Túc.

Sở vương nói :

-Nếu Sở đem quân đánh Sái thì Tề liên minh của Sái giúp sức thì tính như thế nào ?

Đặc sứ tâu :

-Tức hầu và Sái hầu kết nghĩa anh em. Đại vương giả đem quân đánh nước tôi. Sái hầu vốn hiếu thắng, thế nào cũng đem quân cứu Tức hầu.

Đến lúc ấy quân nước tôi trở giáo bao vây quân Sái lại. Khá nào chúng ta lừa Sái hầu vào trong hủ k í n.

Sở vương Khen phải.

Sở vương rầm rộ cất binh đánh nước Túc.

Sái hầu nghe tin đem quân đến cứu, chưa kịp hạ trại đã bị quân Sở bao vây đánh quân Sái tan tác.

Sái hầu đại bại chạy đến thành Túc hầu . Túc hầu đóng chặt cửa không cho vào, bị quân Sở bắt sống.

Lúc ấy Túc hầu mới mở cửa thành, khao quân Sở và cung kính tiễn Sở vương về nước.

Sái hầu biết bị Túc hầu lừa m ì nh vào rọ, bán đứng cho Sở vương nhưng đã quá muộn.

Sở vương muốn thiêu sống Sái hầu để tế thái miếu, quần thần can gián mãi mới thôi và tha Sái hầu về nước, còn bày tiệc linh đình để tiễn Sái hầu.

Trong bữa tiệc có nhiều gái đẹp đàn ca múa hát.

Sở vương cao hứng chỉ vào cô đẹp nhất trong đội đàn tranh nói :

- Cô gái này rất đẹp và thông minh, đàn lại hay. Sái hầu từng thấy người nào đẹp như thế không ?

Sái hầu nghĩ ngay đến kẻ thù là Túc hầu, bèn nói :

-Theo tôi trên thế gian này không ai xinh đẹp bằng Túc phu nhân, vợ Túc hầu.

Sở vương sáng mắt hỏi :

-Đẹp như thế nào ?

Sái hầu nhân đó tha hồ thêm thắt, tô vẽ làm cho Sở vương càng thêm thèm khát.

Về đến cung, Sở vương càng nôn nóng gặp người đẹp bỗng nghĩ ra một kế, là giả danh đi tuần thú đến nước Túc.

Tức hầu nghe tin vội ra nghinh tiếp Sở vương.

Sở vương nói :

-Quả nhân trước ra quân bắt Sái hầu góp công sức với quý hầu và với quý phu nhân.

Hôm nay , từ xa xôi đến đây thăm, phu nhân tiếc gì không ra mời quả nhân một chén rượu ?

Tức hầu nghe nói mặt biến sắc, nhưng sợ không dám làm trái ý Sở vương, vội truyền cho Tức phu nhân ra mời rượu Sở vương.

Sở vương thấy Tức phu nhân tâm thần càng thêm mê mẩn.

Sáng hôm sau , Sở vương mở tiệc lấy cớ là tạ lễ nhưng cho quân mai phục để bắt Tức hầu.

Tức hầu biết nhưng vẫn phải đến.

Dở tiệc Sở vương giả say nói với Tức hầu :

- Quả nhân từng có công với phu nhân, quân Sở cũng từng bỏ mạng vì nàng.

Tại sao hôm nay phu nhân không đến đây để thăm hỏi đôi lời ?

Tức hầu đáp :

-Nơi đây nhỏ hẹp không đủ để đại vương vui vẻ nhưng tôi cũng xin về hỏi ý kiến của nàng xem sao ?

Sở vương nổi giận đùng đùng, chỉ mặt Tức hầu mắng như tát nước, hô quân bắt trói Tức hầu và cho quân sục sạo lòng bắt Tức Ngự.

Tức Ngự thấy vậy than thở :

-Đúng là công rắn cắn gà nhà ! Tự chuốc họa vào thân !

Nói xong định đâm đầu xuống giếng.

Một tướng Sở thấy vậy khuyên can :

-Phu nhân không giữ lại tính mạng của Túc hầu hay sao ? Tội gì mà phải chết cả hai.

Túc phu nhân nghe nói, chỉ im lặng.

Túc Ngự được đưa đến Trước mặt Sở vương .

Sở vương rất bằng lòng, tha chết cho Túc hầu.

Sở vương lập Túc Ngự làm phu nhân và đưa về nước.

LẠM BÀN :

Túc hầu chỉ vì ghen anh rêu chọc ghẹo vợ mình, một hiềm khích nhỏ, xé ra to, rắp tâm trả thù.

Cống rắn cắn gà nhà. Rốt cuộc mất vợ mất nước. " Cò trai tranh nhau " , người hưởng lợi là vua Sở.

Kể thứ hai: TRƯỚC LỄ SAU BINH (Tiên lễ hậu binh)

Kể này diễn biến thành hai giai đoạn: Trước là đem vàng bạc chiêu dụ, như tướng địch, li gián nội bộ địch, làm cho hàng ngũ địch phân tán, như rắn không đầu. Sau đó thừa cơ cất binh tiến đánh.

ĐEM LỢI RA NHỬ

Bái công muốn mang hai vạn quân đánh quân Tần ở ải Nghiêu Quan, Trương Lương nói với Bái công :Quân Tần còn mạnh, chưa nên coi thường. Thần được biết viên tướng trấn thủ Nghiêu Quan là tên hàng thịt. Cái phùng con buôn đem lợi ra mà nhử dễ lắm.

Xin Bái công hãy cứ cố thủ thành trì ở đây mà chinh đồn thêm trận thế, dự bị sẵn cho năm vạn miệng ăn; ngoài ra còn cấm cờ trên các ngọn núi làm kẻ nghi binh và sai Lịch Dị Cơ đem của báu đút lót tướng Tần.

Tướng Tần quả nhiên muốn làm phản đề nghị liên kết với quân Bái công để cùng tiến về tây đánh úp lấy Hàm Dương. Bái công cũng toan chấp nhận.

Nhưng Trương Lương can :

-Đó là một mình hãn muốn làm phản đó thôi. Chưa chắc sĩ tốt của hãn chịu theo mà đám sĩ tốt không theo thì nguy, chỉ bằng thừa lúc họ chểnh mảng mà đánh đi.

Bái công bèn tung quân đánh và đại phá quân Tần, tiến lên phía bắc tới huyện Lam Điền.

Giao tranh trận nữa, quân Tần lại thua.

Quân Bái công kéo tới Hàm Dương, Tần vương là Tử Anh ra hàng Bái công.

LÀM BÀN :

Xem ra Bái công thật thà hơn Trương Lương. Bái công tưởng đem vàng bạc là mua chuộc hầu hết binh lính Nghiêu Quan. Trương Lương thì không : mua chuộc chỉ là hư chiêu, tiến binh mới là thực chiêu.

Kéthứba: NGHE LỄ NHẠC BIT HÙNG SUY(Lễ nhạc hưng suy)

Nghe, biết nghe, biết phân tích là một mưu kế. Nghe nhạc, thâm âm mà biết sự hưng vong của một nước.

Ý muốn nói những người cầm quyền quan tâm đến lễ nhạc để giáo hóa nhân dân cũng là một kế sách làm cho đất nước hưng thịnh, ngăn ngừa biến loạn.

QUÝ TRÁT THƯỞNG THỨC LỄ NHẠC

Quý Trát xin phép nước Lỗ cho ông ta được thưởng thức lễ nhạc của thiên tử nhà Chu.

Nước Lỗ bèn sai nhạc công biểu diễn cho ông nghe các điệu, nhạc vùng Chu Nam, Triệu Nam.

Quý Trát nghe xong bình luận rằng :

- Hay tuyệt ! Đã biểu hiện được nền móng của cơ sở giáo hóa nhưng chưa đạt đến mức hoàn thiện.

Có chút hơi của nhạc điệu đánh chém nhau; thể hiện được tâm tình của nhân dân lúc bấy giờ là cần cù lao động mà không hề oán hận.

Tiếp đó, biểu diễn các nhạc điệu thuộc ba vùng Bội Dung và Vệ.

Quý Trát bình luận rằng:

– Rất tuyệt ! Du dương sâu lắng vô cùng ! Biểu hiện nhân dân tuy có chút ưu tư nhưng không hề tuyệt vọng. Tôi nghe nói có Vệ Khang Thúc, Vệ Vũ Công phẩm chất đạo đức đều như thế cả. Phong thái nước Vệ chắc cũng là như vậy.

Lại biểu diễn nhạc vùng Vương.

Quý Trát bình luận rằng :

– Hay lắm! Tuy có chút ưu tư nhưng không sợ hãi. Có phải là tác phẩm sáng tác sau khi vương thất nhà Chu dời về phía đông hay không ?

Lại diễn xướng điệu nhạc của vùng Trịnh.

Quý Trát bình luận rằng :

– Hát rất hay, âm tiết bản nhạc rồi rầm vụn vặt. Người dân đất Trịnh không chịu được sự rối rắm của chính quyền vùng họ. Phải chăng nước Trịnh sẽ sớm diệt vong ?

Lại biểu diễn nhạc vùng Tề.

Quý Trát bình luận:

– Tuyệt ! Biểu hiện được âm thanh hùng vĩ như gió lớn. Âm thanh học có thể là gương cho các chư hầu khắp vùng đông hải. Đây chẳng phải là quốc oai do Khương Thái Công xây dựng hay sao ?

Tiền đồ của nước này vô cùng xán lạn.

Lại biểu diễn cho ông ta nghe âm nhạc vùng Mân.

Quý Trát bình luận :

– Hay tuyệt ! Biểu diễn một cách thẳng thắn, không chút che đậy. Tuy rất hoan lạc nhưng có tiết chế, không hoang dâm vô độ. Có phải là những bài thơ lúc Chu Công đông chinh hay không ?

Lại biểu diễn vùng Tàn Tàn.

Quý Trát lại bình luận rằng :

-Đây là giai điệu của người Hạ. Có thể hát được của người Hạ là có thể phát huy được. Phát triển lên đến đỉnh cao là có thể kế thừa sự nghiệp cổ xưa của nhà Chu.

Lại biểu diễn cho Quý Trát, nhạc vùng Ngụy.

Quý Trát bình luận rằng :

-Hay tuyệt ! Tiết tấu du dương bay bổng, biểu hiện được nhân dân vùng Ngụy là việc không theo ý muốn của mình nhưng không đánh mất lễ tiết. Tuy rằng tiết kiệm, thiên kiến nhưng không cố chấp bảo thủ.

Nếu một người quân chủ dùng giáo dục đạo đức để giúp đỡ những người này thì đó là một vị quân chủ anh minh.

Lại biểu diễn nhạc vùng Đường cho Quý Trát nghe.

Quý Trát nói rằng :

-Một nỗi buồn sâu lắng, là di dân của Đào Tường Thị chăng ? Nếu không làm sao có nỗi buồn sâu lắng như vậy. Nếu như không có hậu duệ đức tính tốt thì ai lại có thể có nỗi buồn xé gan, xé ruột như vậy !

Lại biểu diễn cho Quý Trát nghe nhạc vùng Trần.

Quý Trát nói :

– Hoang dân phóng đảng không biết sợ sệt là gì cả, thật giống một đất nước không có người cai trị. Phúc đức của một nước như vậy làm sao có thể lâu dài được.

Lại biểu diễn nhạc tiêu nhã cho Quý Trát xem.

Quý Trát nói :

– Hay lắm! Tuy có sự biểu lộ sự ưu tư nhưng không có sinh lòng phản bội, tuy có tình cảm ai oán nhưng lòng dạ nhân hậu không nhẫn tâm chỉ trích. Chẳng phải công đức của vương đình nhà Chu tuy đã suy thoái rồi nhưng người trung thành với tiên vương vẫn còn tồn tại hay sao ?

Lại biểu diễn xướng cho Quý Trát nghe đại nhã.

Ông tạ nói rằng:

– Thật là mệnh mông bát ngát, hòa quyện cùng với cái đẹp ! Bên ngoài mềm mại bên trong cứng rắn. Đó chẳng phải là đức hạnh của Chu Văn Vương hay sao ?

Lại diễn thơ tụng cho Quý Trát thưởng thức.

Ông t a nói :

– Hay lắm, không còn gì hay hơn nữa, cứng rắn mà không ngạo mạn, mềm mại mà không khuất phục, chặt chẽ mà không bức bách người ta, không làm cho người nghe cảm thấy quá đáng. Bi thương mà không sâu khổ, hoan lạc mà không đi quá xa. Nhạc đi ệ u phong phú, dùng mãi không hết. Nhạc điệu hàm súc có dư vị, nhưng không hoàn toàn biểu lộ ra ngoài. Âm thanh thiên biến vạn hóa, không giảm bớt đi được, lại cũng cảm thấy không dư thừa.

Nghe âm thanh có lúc như lắng đọng nhưng thực ra không bao giờ dứt đoạn. Nghe âm thanh có lúc như dòng nước trôi mãi không ngừng, nhưng không phải là chảy tràn lan, một đi không quay lại. Cung, thương, giác, chủy vũ, cả năm âm hài hòa với nhau.

Tám loại nhạc khí là kim, thạch, trúc, tơ, bào, thổi cách, mộc phối hợp nhịp nhàng. Mỗi một âm điệu có một tiết tấu nhất định, các loại nhạc khí có thứ tự diễn tấu đã được sắp đặt sẵn. Những âm nhạc này như một người có đức trị vì một quốc gia, trị vì thiên hạ. Có tiết tấu, có nhịp điệu. Có thực hiện, có giữ gìn bảo vệ.

Xem qua vũ nhạc của Chu Văn Vương như Tương Tiêu, Nam Thục.

Quý Trát nói :

-Đẹp tuyệt vời. Nhưng vẫn còn thiếu sót. Nghe xong vũ nhạc của Chu Thiên Vương, Quý Trát nói :

-Hay lắm ! Lúc vương đình nhà Chu hưng thịnh nhất, chắc cũng chỉ như vậy!

Sau khi xem xong điệu Thiên Hộ vũ nhạc của Thương Thang .

Ông ta nói :

– Thánh nhân quả là vĩ đại, nhưng vẫn có thiếu sót, điều đó có thể thấy được cái khó khăn khi phải xử lý nhân tình thế thái của thánh nhân.

Sau khi xem xong vũ nhạc Đại Hạ của Hạ Vũ. Quý Trát nói :

– Đẹp lắm ! Vất vả phục vụ nhân dân mà không kể công. Nếu không phải là Đại Vũ thì ai có thể làm được như vậy ?

Xem xong điệu Thiệu của vua Thuấn, ông ta bình phẩm rằng :

- Đức hạnh của vua Thuấn thật là cao cả, thật là vĩ đại ! Như là trời che phủ mọi sự vật, như đất chuyên chở mỗi một thứ hàng mà không bị mất mát một thứ gì. Đức hạnh của vua Thuấn cao cả vĩ đại như trời, đất, mùa và nhạc Thiệu Tiêu toàn thiện toàn mỹ, không còn có gì thêm bớt nữa.

LẠM BÀN :

Trong lãnh vực âm nhạc có ba người mới hội đủ là người sáng tác, người đàn và người nghe. Quý Trát nghe mà biết được tâm tình người sáng tác

quả là người rành thâm âm. Nghe còn phán đoán phân tích được sự hưng vong của một nước thì quả là kì tài trong thiên hạ.

Kể thứ tư:CHẾT ĐỂ SỐNG (Tử nhi hậu sinh)

Tử nhi hậu sinh là trước chết để sau sống.

Có nghĩa là người ta phải hi sinh cái gì đó, hoặc thi ân bố đức tưới ân huệ cho những người đang gặp nguy hiểm, khổn khó.

Xét về nhân ái là lòng nhân từ, độ lượng.

Xét về mưu kế sâu xa là mua đức, nhân nghĩa để phòng lúc khổn cùng, nguy hiểm có người tương trợ.

Trang Tử cho rằng : Sinh tử như nhau. Biến sự vô dụng thời rữa thành sự thần kì.

A. ĂN THỊT NGỰA PHẢI UỐNG RƯỢU.

Năm thứ 15 đời Lỗ Hi công, Tần Mục công giao chiến với Tấn Huệ công, ở Hàn Nguyên. Tấn Huệ công thua bỏ đồ trang bị lại cho quân Tần giành nhau hòng thoát thân nhưng chẳng may ngựa lại sa lầy. Mục công thúc quân đuổi gấp nhưng không bắt được Huệ công, trái lại còn bị quân Tấn vây hãm.

Quân Tấn tấn công, Mục công bị thương.

Ba trăm người ở núi Kì xưa kia đã ăn thịt con ngựa hay nọ, bèn tức tốc xông tới đánh quân Tấn.

Quân Tấn bỏ vòng vây, Mục công thoát nạn trở về rồi phản công bắt sống được vua Tấn.

Nguyên do là xưa kia Mục công mất một con ngựa hay ; bọn thổ dân ở núi Kì bắt ăn thịt con ngựa đó gồm hơn ba trăm người. Quan truy cứu ra toan chiếu luật trị tội thì Mục công bảo :

– Bậc quân tử không vì loài súc vật mà làm hại sinh mạng người. Ta nghe nói ăn thịt ngựa mà không uống rượu thì độc lắm.

Bèn ban thêm rượu và xá tội.

Sau cả bọn ba trăm người ấy hay tin Tần đánh Tấn thì đều tình nguyện tòng quân tham chiến.

Đến lúc thấy Mục công bị vây khốn họ đều xung phong tranh nhau liều chết để báo cái ơn ăn thịt ngựa.

Vì thế Mục công bắt được vua Tấn đem về.

LẠM BÀN :

Người lãnh đạo phải biết ghi công và quên lỗi lầm của người khác thì không lâm vào cảnh tồi tệ.

Người luôn nhắc lỗi người khác để tự cho mình hoàn hảo hơn người : là mối nguy cho bản thân.

B. LÚC CẤP BÁCH CẦN NGƯỜI

Thời Đường Huyền Tông, thừa tướng Trương Thuyết có người tì nữ rất thông minh và xinh đẹp. Trương Thuyết rất sủng ái cô ta.

Một lần ông thấy tì nữ này tư thông với một môn sinh.

Trương Thuyết định nghiêm khắc xử phạt môn sinh nọ.

Nhưng anh chàng này kêu to lên rằng :

– Lẽ nào tướng công lại không có những lúc cấp bách cần người. Hà tất phải tiếc một nữ tì ?

Trương Thuyết thấy anh ta nói cũng phải, bèn tặng người tì thiếp cho anh ta , mời anh ta ra khỏi phủ và bắt vô âm tín.

Về sau, Trương Thuyết bị hãm hại, việc sống chết khá mong manh.

Một buổi tối người môn sinh xuất hiện, đưa cho Trương Thuyết một bức màn dạ minh, bảo ông ta nên tặng cho công chúa.

Trương Thuyết làm theo.

Trước mặt nhà vua, công chúa cầu xin cho Trương Thuyết.

Trương Thuyết thoát được nạn thiệt thân.

AUTHOR : BỐN MƯƠI BẢY QUỲ KẾ

By Đông A Sáng.

Copyring Đông A Sáng.

Smashwords Edition.

